

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo của  
Bộ Giáo dục và Đào tạo**

*Hà Nội, tháng 04/2024*

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

(Kèm theo Quyết định số 5275/QĐ-ĐHSPHN ngày 22 tháng 11 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội).

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Văn Minh	GS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	Nguyễn Đức Sơn	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
3.	Trần Thị Thu Hà	TS, GVC, Trưởng khoa	Phó Chủ tịch HĐ thường trực
4.	Đỗ Việt Hùng	GS.TS, Chủ tịch HDT	Thành viên
5.	Dương Giáng Thiên Hương	PGS.TS, GD TTĐBCL	Thư ký HĐ
6.	Trần Bá Trình	TS, TP Đào tạo	Thành viên
7.	Khuất Tuệ Minh	ThS, P.TP KHTC	Thành viên
8.	Bùi Thị Hà Giang	TS, Bí thư Đoàn TN	Thành viên
9.	Đặng Thị Hải Yến	ThS, GV, P. Trưởng BM phụ trách	Thành viên
10.	Trần Hương Giang	ThS, GV, P. Trưởng BM phụ trách	Thành viên
11.	Vũ Hồng Anh	ThS, GV, Trưởng bộ môn	Thành viên
12.	Bùi Đình Thọ	ThS, GV	Thành viên
13.	Nguyễn Đỗ Hiệp	PGS, TS, GVCC	Thành viên
14.	Trần Bảo Lân	PGS, TS, GVCC	Thành viên
15.	Trần Hiền Anh	Sinh viên, K72A	Thành viên

(Danh sách gồm có 15 người). ✓

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ  
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-DHSPHN ngày..... tháng..... năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội).*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Dương Giáng Thiên Hương	PGS.TS, GD TTĐBCL	Trưởng Ban
2	Tô Thị Thuý Linh	ThS, CV TTĐBCL	P. Trưởng Ban
3	Nguyễn Thị Thuý	ThS, KTV P.KHTC	Thành viên
4	Cao Sỹ Anh Tùng	TS, GV	Thành viên
5	Nguyễn Thị Hồng Thanh	ThS, GV	Thành viên
6	Đào Thị Thu Trang	ThS, GVTH	Thành viên

*(Danh sách gồm có 06 người). ✓*

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH  
CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-DHSPHN ngày..... tháng..... năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội).*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Đặng Thị Hải Yến	ThS, GV, P. Trưởng BM phụ trách	Trưởng nhóm
	Cao Sỹ Anh Tùng	ThS, GV	Thư ký
	Trần Bảo Lâm	PGS, TS, GVCC	Ủy viên
	Tạ Hoàng Mai Anh	TS, GVC	Ủy viên
Nhóm 2 Tiêu chuẩn 4, 5, 11	Trần Hương Giang	ThS, GV, P. Trưởng BM phụ trách	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thị Hồng Thanh	ThS, GV	Thư ký
	Đào Thị Minh Nguyệt	ThS, GV	Ủy viên
	Ngô Văn Tùng	CN, CV	Ủy viên
Nhóm 3 Tiêu chuẩn 6, 7	Vũ Hồng Anh	ThS, GV, Trưởng BM	Trưởng nhóm
	Trần Duy	ThS, GV	Thư ký
	Võ Thị Thu Hoài	ThS, GV	Ủy viên
	Đinh Thu Hà	ThS, GVC	Ủy viên
Nhóm 4 Tiêu chuẩn 8, 9	Bùi Đình Thọ	ThS, GV	Trưởng nhóm
	Đào Thị Thu Trang	ThS, GVTH	Thư ký
	Nguyễn Ngọc Điệp	ThS, GV	Ủy viên
	Lê Hữu Điền	CN, CVC	Ủy viên
Nhóm 5 Tiêu chuẩn 10; Phần khái quát, phần kết l luận chung và phần cơ sở dữ liệu kiểm định CTĐT	Nguyễn Đỗ Hiệp	PGS, TS, GVCC	Trưởng nhóm
	Tạ Hoàng Mai Anh	TS, GVC	Thư ký
	Bùi Tuấn Giang	ThS, GV	Ủy viên
	Nguyễn Thu Trang	ThS, GV	Ủy viên

*(Danh sách gồm có 19 người). ✓*

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>5</b>
DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT .....	1
DANH MỤC BẢNG .....	2
<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT</b> .....	<b>3</b>
1.1. Đặt vấn đề .....	3
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá .....	3
1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá .....	4
1.2. Tổng quan chung .....	6
1.2.1. Thông tin chung về Trường ĐHSPPH .....	6
1.2.2. Thông tin về khoa đào tạo .....	8
<b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ</b> .....	<b>13</b>
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	13
Mở đầu .....	13
Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học .....	13
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. ....	17
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai .....	20
Bảng 1.3.1. Bảng so sánh CĐR năng lực ngành 2020 và CĐR năng lực ngành 2022 .....	21
Kết luận về tiêu chuẩn 1 .....	24
Đánh giá tiêu chuẩn 1: .....	24
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo .....	25
Mở đầu .....	25
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật .....	25
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật .....	30
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận .....	33
Kết luận về Tiêu chuẩn 2 .....	35
Đánh giá tiêu chuẩn 2 .....	36
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học .....	36
Mở đầu .....	36
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra .....	36
Bảng 3.1.1. Học phần trong CTDH tương ứng yêu cầu kiến thức CĐR .....	37
Bảng 3.1.1. Đánh giá của SVTN 2023 về Chương trình đào tạo .....	40
Bảng 3.1.2. Đánh giá của GV về Nội dung và cấu trúc CTĐT .....	41
Bảng 3.1.3: Đánh giá của NSDLLD về kiến thức và năng lực nghiệp vụ của SVTN trường ĐHSPPH .....	43

Bảng 3.1.4. Đánh giá sự phù hợp của CTDH so với yêu cầu vị trí việc làm của đơn vị.....	43
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.....	44
Bảng 3.2.1. Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần LLDH phát triển năng lực môn Âm nhạc .....	45
Bảng 3.2.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập.....	47
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp .....	49
Bảng 3.3.1. So sánh các học phần trong CTĐT năm 2015 và năm 2020 .....	51
Kết luận về Tiêu chuẩn 3 .....	54
Đánh giá tiêu chuẩn 3 .....	54
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học.....	54
Mở đầu .....	54
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan .....	55
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra .....	57
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học .....	59
Kết luận về Tiêu chuẩn 4 .....	61
Đánh giá tiêu chuẩn 4 .....	62
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học .....	62
Mở đầu .....	62
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra. ....	62
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.....	65
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. ....	67
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....	70
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.....	72
Kết luận về tiêu chuẩn 5: .....	73
Đánh giá tiêu chuẩn 5: .....	73
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên .....	74
Mở đầu .....	74
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. ....	74
Bảng 6.1.1. Bảng thống kê số lượng GV với học hàm, học vị đạt được trong Ngành Sư Phạm Âm nhạc (tính tại tháng 3/2024).....	75
Bảng 6.1.2. Quy hoạch tuyển bổ sung đội ngũ GV ngành Sư Phạm Âm nhạc .....	75
Bảng 6.1.3. Độ tuổi của GV Ngành Sư Phạm Âm nhạc năm 2024 .....	76
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên	

được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. ....	78
Bảng 6.2.1. Tỷ lệ GV/SV sau quy đổi ngành CNSP Âm nhạc giai đoạn 2019-2024.....	78
Bảng 6.2.2. Định mức giờ chuẩn của các GV trong một năm .....	78
Bảng 6.2.3. Số lượng đề tài KHCN do GV Ngành SPAN chủ trì và tham gia đã được nghiệm thu, số lượng bài báo và sách xuất bản từ 2019-2024 [H6.06.02.16] .....	80
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	81
Bảng 6.3.1. Danh sách giảng viên được bổ nhiệm giai đoạn 2019 -2024 .....	82
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá. ....	83
Bảng 6.4.1. Thống kê đánh giá, phân loại GV giai đoạn 2019-2024.....	84
Bảng 6.4.2. Bảng thống kê số liệu đánh giá của người học đối với công tác giảng dạy của giảng viên tính đến tháng 6/2023.....	84
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	87
Bảng 6.5.1. Kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ GV giai đoạn 2019-2024.....	88
Bảng 6.5.2. Thống kê số lượng GV đã kết thúc các lớp bồi dưỡng, đào tạo và được cấp bằng, chứng chỉ 2019-2024 .....	89
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng .....	90
Bảng 6.6.1. Thống kê số lượng danh hiệu thi đua hàng năm Đơn vị tính: Người .....	92
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	93
Kết luận về Tiêu chuẩn 6 .....	95
Đánh giá tiêu chuẩn 6: .....	96
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	97
Bảng 7.1.1. Thống kê số lượng đội ngũ nhân viên Trường ĐHSPHN một số bộ phận và Ngành SPAN phục vụ CTĐT(Tính đến tháng 4/2024).....	98
Bảng 7.1.2. Thống kê đội ngũ nhân viên phục vụ CTĐT Khoa Nghệ Thuật từ 2019 – 2024 .....	99
Bảng 7.1.3. Đối sánh thống kê đội ngũ nhân viên Khoa Nghệ thuật và một số khoa khác tại Trường ĐHSPHN năm 2024 .....	99
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	101
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá .....	102
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó .....	104
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	106
Bảng 7.5.1. Phân loại đánh giá đội ngũ nhân viên Khoa Nghệ thuật từ 2019-2023.....	107

Kết luận về tiêu chuẩn 7.....	109
Đánh giá tiêu chuẩn 7: .....	110
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học .....	110
Mở đầu .....	110
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật .....	110
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....	113
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học .....	115
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc .....	118
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....	121
Kết luận về Tiêu chuẩn 8 .....	122
Đánh giá tiêu chuẩn 8: .....	123
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị .....	123
Mở đầu .....	123
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	124
Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....	126
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....	128
Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....	130
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật .....	132
Kết luận về Tiêu chuẩn 9 .....	134
Đánh giá tiêu chuẩn 9: .....	134
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng .....	135
Mở đầu .....	135
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.....	135
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến .....	138
Bảng 10.2.1 So sánh cấu trúc khung CTĐT Ngành Sư phạm Âm nhạc 2015, 2020, 2022... ..	140
Bảng 10.2.2. So sánh quy trình thiết kế và phát triển CTĐT CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc năm 2015 và 2020, 2022 .....	141
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra .....	142
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng và cải tiến việc dạy và học ..	146



Bảng 10.4.1. Học phần trong CTĐT sử dụng công bố NCKH.....	146
của giảng viên ngành Sư phạm âm nhạc (từ 2019-2022) .....	147
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến .....	150
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến.....	154
Bảng 10.6.1. So sánh quy trình thực hiện khảo sát năm 2020 và 2021 .....	157
Kết luận về Tiêu chuẩn 10 .....	161
Đánh giá tiêu chuẩn 10 .....	162
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra .....	162
Mở đầu .....	162
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	162
Bảng 11.1.1. Tình hình sinh viên thôi học CTĐT ngành cử nhân giai đoạn 2019 – 2024 ...	163
Bảng 11.1.2 Tỷ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT ngành sư phạm Âm nhạc giai đoạn 2019 – 2024 .....	165
Bảng 11.1.3. Bảng đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành cử nhân Sư phạm Âm nhạc với các CTĐT trong giai đoạn 2019 – 2024.....	165
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	167
Bảng 11.2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ngành Sư phạm Âm nhạc trong giai đoạn 2019-2024.....	168
Bảng 11.2.2. Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình (tính theo năm) của SV ngành Sư phạm Âm nhạc với các CTĐT khác trong giai đoạn 2019 – 2024.....	169
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. ....	170
Bảng 11.3.1. Thống kê tình hình việc làm của SV tốt nghiệp CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc giai đoạn 2019 – 2024.....	171
Bảng 11.3.2. Bảng đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành Sư phạm Âm nhạc với các CTĐT khác trong giai đoạn 2019- 2024 .....	172
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	174
Bảng 11.4.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc giai đoạn 2019 – 2024.....	174
Bảng 11.4.3. Thống kê tỷ lệ (%) SV ngành CNSP Âm nhạc tham gia NCKH và nhận giải thưởng NCKH các cấp giai đoạn 2019 – 2024.....	175
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	176
Kết luận về Tiêu chuẩn 11 .....	179
Đánh giá tiêu chuẩn 11: .....	180
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	181
3.1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc	181
3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT .....	185
3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT .....	186

3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT .....	188
PHẦN IV. PHỤ LỤC .....	229
1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo .....	229
2. Các tư liệu, tài liệu liên quan: .....	250

## DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

TT	CHỮ CÁI VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
1.	BCN	Ban chủ nhiệm
2.	CĐR	Chuẩn đầu ra
3.	CNSPAN	Cử nhân Sư phạm Âm nhạc
4.	CNTT	Công nghệ thông tin
5.	CTCT&HSSV	Công tác Chính trị và Học sinh - Sinh viên
6.	CTDH	Chương trình dạy học
7.	CTĐT	Chương trình đào tạo
8.	CVHT	Cổ vấn học tập
9.	ĐHSPHN	Đại học Sư phạm Hà Nội
10.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
11.	GS	Giáo sư
12.	GV	Giảng viên
13.	GVTH	Giáo viên thực hành
14.	KHCN	Khoa học Công nghệ
15.	KH-TC	Kê hoạch - Tài chính
16.	KTX	Kí túc xá
17.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
18.	NCS	Nghiên cứu sinh
19.	NCV	Nghiên cứu viên
20.	NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
21.	PGS	Phó Giáo sư
22.	PPGD	Phương pháp giảng dạy
23.	PTH	Phòng thực hành
24.	SV	Sinh viên
25.	TC	Tín chỉ
26.	THPT	Trung học phổ thông
27.	TĐTBCCN	Tổng điểm trung bình chung cả năm
28.	ThS	Thạc sĩ
29.	TS	Tiến sĩ
30.	TT ĐBCL	Trung tâm Đảm bảo chất lượng
31.	TT TT-TV	Trung tâm Thông tin - Thư viện

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1. 1.1. Tham chiếu mục tiêu của CTĐT ngành SPAN với mục tiêu GDĐH được quy định trong Luật GDĐH năm 2019.....	15
Bảng 1. 2. 1. Sự tương thích giữa mục tiêu với CĐR của CTĐT đã được xây dựng.....	19

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1.1. Đặt vấn đề

#### 1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo (CTĐT) đại học ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT). Báo cáo tự đánh giá gồm có ba phần: Phần I. Khái quát; Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và Phần III. Kết luận.

Cụ thể như sau:

#### - Phần I. Khái quát

Phần Khái quát giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc theo các tiêu chuẩn; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá. Phần Khái quát mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan. Phần này cũng nêu mục đích, quy trình, phạm vi, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Trường ĐHSHPN).

#### - Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí trình bày báo cáo tự đánh giá CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc theo 11 tiêu chuẩn (TC), 50 tiêu chí ban hành kèm thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Phần II của báo cáo TĐG được trình bày theo đúng trình tự: Mô tả, Điểm mạnh, Điểm tồn tại, Kế hoạch hành động và Tự đánh giá của từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Cụ thể, đó là nội dung tự đánh giá về: (TC1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; (TC2) Bản mô tả CTĐT; (TC3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (TC4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (TC5) Đánh giá kết quả học tập của người học; (TC6) Đội ngũ GV (GV), nghiên cứu viên (NCV); (TC7) Đội ngũ nhân viên (NV); (TC8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học; (TC9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (TC10) Nâng cao chất lượng; (TC11) Kết quả đầu ra.

#### - Phần III. Kết luận

Phần Kết luận của báo cáo mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT, đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng. Cuối phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSHPN.

#### - Phần IV. Phụ lục

Phần Phụ lục gồm có Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT; Các quyết định và văn bản liên quan khác; Danh mục minh chứng.

#### ***Giải thích cách mã hóa minh chứng trong báo cáo:***

Mã hóa các thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức: Hn.ab.cd.ef. Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15, , vv. )

Ví dụ, H1.01.01.01: là MC thứ nhất tiêu chí 1 của tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.02.04: là MC thứ 4 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

Tự đánh giá CTĐT là một khâu quan trọng trong toàn bộ quá trình phát triển CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT theo mục tiêu và CĐR của ngành đào tạo.

#### ***1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá***

- Mục đích tự đánh giá:

Mục đích của đợt tự đánh giá CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc là nhằm nhìn nhận lại toàn diện các mặt hoạt động của ngành trong 5 năm qua (2019-2023). Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật xác định rõ những điểm mạnh, những điểm còn tồn tại và đề ra kế hoạch hành động để duy trì, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của ngành. Cụ thể:

+ Nâng cao chất lượng của CTĐT đại học ngành Sư phạm Địa lý bằng việc tự rà soát và đánh giá thực trạng của chương trình tại thời điểm tự đánh giá, từ đó có kế hoạch hành động cải tiến và hoàn thiện hơn chất lượng chương trình; đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

+ Tự đánh giá CTĐT là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài, là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), dịch vụ xã hội.

+ Nhà trường, ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật và các cán bộ, viên

chức, giảng viên biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT; từ đó có hướng giải quyết nhằm cải tiến và nâng chất lượng chương trình, để đào tạo ra các giáo viên Trung học phổ thông (THPT), Trung học cơ sở (THCS) dạy môn Âm nhạc đáp ứng nhu cầu của xã hội, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường và Khoa.

- Quy trình tự đánh giá

Khoa Nghệ thuật tổ chức tự đánh giá theo quy trình chuẩn được hướng dẫn trong các văn bản cập nhật về đánh giá chất lượng trường đại học của Bộ GD&ĐT. Cụ thể, để triển khai công tác tự đánh giá, Khoa đã tiến hành xây dựng kế hoạch, thành lập Hội đồng Tự đánh giá, thành lập Ban Thư kí và 5 nhóm công tác chuyên trách. Các nhóm chuyên trách thuộc ngành Sư phạm Âm nhạc được giao nhiệm vụ cụ thể và tiến hành công việc theo lịch trình và kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt.

Khoa đã tổ chức nhiều cuộc họp, thông báo rộng rãi kế hoạch tự đánh giá của Khoa đến toàn thể cán bộ viên chức, SV (SV) và giao nhiệm vụ cụ thể cho hai ngành (SPAN&SPMT) và từng bộ môn, tổ chức đoàn thể, văn phòng, giáo vụ, vv. để cùng phối hợp thực hiện. Chuyên gia tư vấn của Trung tâm đảm bảo chất lượng (TT ĐBCL) đã hướng dẫn kỹ thuật thu thập minh chứng, kỹ thuật viết báo cáo tiêu chí cho tất cả các thành viên tham gia các nhóm chuyên trách. Mười một tiêu chuẩn tự đánh giá được phân công cụ thể cho 5 nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm, dưới sự hỗ trợ trực tiếp của thư ký 2 là chuyên viên của TT ĐBCL. Các nhóm chuyên trách có nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin qua các văn bản lưu trữ, qua khảo sát GV, SV, cán bộ quản lí để có được các minh chứng phù hợp và viết báo cáo tự đánh giá từng tiêu chuẩn, tiêu chí đã được phân công; đồng thời mã hóa tất cả các minh chứng theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Từ báo cáo tiêu chuẩn, tiêu chí của 5 nhóm công tác, Thư ký tiến hành tổng hợp và biên tập thành báo cáo tự đánh giá tổng thể cấp Khoa để trình Hội đồng khoa học Khoa. Hội đồng Khoa học của Khoa Nghệ thuật họp, đánh giá tiến độ công tác tự đánh giá CTĐT của ngành Sư phạm Âm nhạc. Các nhóm chuyên trách báo cáo các kết quả viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn. Ban thư ký và các nhóm công tác họp với nhóm chuyên gia của TT ĐBCL của Trường để hoàn thiện các báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn. Trên cơ sở các ý kiến góp ý của TT ĐBCL, Khoa tiến hành hoàn thiện báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Âm nhạc. Công bố báo cáo cho các bên liên quan trong Trường đọc và góp ý kiến, hoàn thiện lần cuối báo cáo tự đánh giá CTĐT đại học Sư phạm Âm nhạc và đăng ký đánh giá ngoài.

- Phạm vi tự đánh giá

Trường ĐHSHPN thực hiện tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Âm nhạc dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng trong trường, đội ngũ nhân sự, sinh viên đã tốt nghiệp và đang theo học CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc tại Trường, nhà tuyển dụng lao động qua các thông tin và

minh chứng trong 5 năm gần đây từ 2019 - 2023.

- Phương pháp tự đánh giá:

Các phương pháp chính được sử dụng để tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá là thống kê, đối sánh, phân tích và tổng hợp. Cụ thể, các nhóm chuyên trách đã tiến hành các công việc như sau:

(1) Mô tả và phân tích các hoạt động của CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc theo đúng nội hàm tiêu chí; (2) Thống kê và đối sánh với các CTĐT khác của Trường, các CTĐT cùng ngành Sư phạm Âm nhạc của các trường đại học khác; (3) Căn cứ vào kết quả phân tích về thực trạng của CTĐT để chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng của từng tiêu chí.

- Công cụ tự đánh giá:

Hoạt động tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Âm nhạc được dựa theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí và các tài liệu hướng dẫn đánh giá CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH) số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 và Công văn số 285/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý Chất Lượng - Bộ GD&ĐT về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

Mỗi tiêu chí được viết theo trình tự: mô tả thực trạng của CTĐT; phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những tồn tại; lên kế hoạch hành động để phát huy điểm mạnh và khắc phục tồn tại trong thời gian tới.

- Sự tham gia của các bên liên quan:

Tự đánh giá là quá trình phức tạp, liên quan đến nhiều bên. Vì vậy, Hội đồng tự đánh giá CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật được thành lập theo Quyết định số 5275/QĐ-ĐHSPHN ngày 22/11/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN gồm có đầy đủ các bên liên quan: Ban Giám hiệu Nhà trường, giảng viên (GV), nhân viên (NV) của Khoa Nghệ thuật, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường, đại diện sinh viên. Cụ thể: Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, Phòng Đào tạo cung cấp các minh chứng về CTĐT, Phòng Hành chính Đối ngoại cung cấp minh chứng về các quyết định của Trường, các công văn, vv. ; Phòng Kế hoạch Tài chính lo kinh phí cho các hoạt động liên quan đến tự đánh giá; Phòng Tổ chức Cán bộ cung cấp minh chứng các quyết định về cán bộ, TT ĐBCL cung cấp các minh chứng về đảm bảo chất lượng, Khoa Nghệ thuật tiến hành viết báo cáo tự đánh giá và tìm các minh chứng liên quan đến Khoa. Ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, sự phản hồi của SV, các cựu SV cũng là các thông tin rất quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá.

## **1.2. Tổng quan chung**

### **1.2.1. Thông tin chung về Trường ĐHSPHN**



Trường ĐHSPHN được thành lập vào ngày 11 tháng 10 năm 1951 tại Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT). Theo đó, Trường là một trong những cơ sở GDDH đầu tiên của nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Trải qua trên 70 năm xây dựng và phát triển, đi cùng với lịch sử hào hùng của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các thế hệ thầy và trò Nhà trường đã góp phần không nhỏ trong việc hình thành và phát triển ngành sư phạm Việt Nam, phát triển sự nghiệp GD&ĐT đất nước. Lịch sử của Trường ĐHSPHN là lịch sử của tinh thần “Mô phạm - Sáng tạo Công hiến” và được kết tinh thành những giá trị cốt lõi của Nhà trường. Những bước trưởng thành của Nhà trường luôn có sự quan tâm, ủng hộ của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, lãnh đạo Bộ GD&ĐT, lãnh đạo các cấp và nhân dân các địa phương. Nhà trường đã vinh dự được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm nhiều lần. Lời căn dặn của Người (trong bài nói chuyện nhân dịp đón Tổng thống Cộng hòa Mali về thăm Trường năm 1964) “...Làm thế nào để Nhà trường này chẳng những là trường sư phạm mà còn là trường mô phạm của cả nước” đã trở thành niềm tự hào và mục tiêu phấn đấu không biết mệt mỏi của lớp lớp các thế hệ cán bộ và SV Nhà trường trong suốt quá trình xây dựng và phát triển. Ngày 12 tháng 10 năm 1999, Trường ĐHSPHN đã được Chính phủ định hướng xây dựng thành một trong hai trường đại học sư phạm trọng điểm quốc gia (tại Quyết định số 201/1999/QĐ-TTg). Sứ mạng của Trường hiện nay là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học và trên đại học, bồi dưỡng nhân tài cho hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội; NCKH cơ bản, khoa học giáo dục (KHGD) và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ (KHCN) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Trường có vai trò nòng cốt cho hệ thống các trường sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng GV và cán bộ quản lý giáo dục, phát triển các CTĐT, biên soạn chương trình, giáo trình, sách giáo khoa cho các bậc học, tư vấn các cấp quản lý xây dựng chính sách giáo dục. Nhà trường xác định tầm nhìn của mình là: “Đến năm 2030 Trường ĐHSPHN sẽ là trường đại học nghiên cứu có uy tín trong khu vực và trên thế giới. Trường ĐHSPHN là một trong những trung tâm đào tạo và NCKH hàng đầu của quốc gia; là nơi tập trung các chuyên gia, GV trình độ cao; có các CTĐT liên kết quốc tế có uy tín trên thế giới; có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại với các dịch vụ hoàn hảo”. Với mục tiêu từng bước xây dựng Trường ĐHSPHN thực sự trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia, Nhà trường đã và đang tiếp tục triển khai đồng bộ nhiều giải pháp từ xây dựng đội ngũ; đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo và kiểm tra đánh giá cho đến đổi mới tư duy, phương thức quản lý; tổ chức NCKH gắn với thực tiễn của đất nước và tập trung mọi nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất khang trang, hiện đại. Mục tiêu của Nhà trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện đồng bộ: từ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động của Nhà

trường theo nhiệm vụ năm học, nhiệm vụ trung và dài hạn, có sự góp ý rộng rãi và đồng thuận trong tập thể trường. Truyền thống 70 năm “Chuẩn mực – Sáng tạo - Tiên phong” của Nhà trường sẽ tiếp tục được phát huy, song hành mãi cùng với sự nghiệp phát triển đất nước Việt Nam giàu đẹp.

Về chính sách chất lượng và hoạt động ĐBCL, Nhà trường đã từng bước hoàn thiện hệ thống ĐBCL bên trong để xây dựng các kế hoạch và triển khai các hoạt động ĐBCL. TT ĐBCL (trước đây là TT ĐBCL và khảo thí) là đơn vị phụ trách thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (cựu SV, nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động, vv. ) để làm cơ sở tham mưu cho Nhà trường và Khoa trong công tác đảm bảo chất lượng.

### ***1.2.2. Thông tin về khoa đào tạo***

Khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSPhN, tiền thân là Bộ môn Sư phạm Âm nhạc được thành lập vào ngày 27/2/2001 theo Quyết định số 228/QĐ-ĐHSPhN-TCCB, do GS.TS Đinh Quang Báo nguyên Hiệu trưởng Nhà trường kí. Nhà trường đã giao cho Bộ môn quản lý các phòng làm việc và phòng học tại tầng 6 nhà D3 của trường. Từ những năm đầu mới thành lập, Bộ môn đã được Nhà trường trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện, nhạc cụ phục vụ giảng dạy. Từ năm 2001, Bộ môn đã đào tạo song song hai ngành là Sư phạm Âm nhạc và Sư phạm Mỹ thuật. Ngày 05 tháng 03 năm 2003, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 985/QĐ-BGD&ĐT-TCCB về việc thành lập Khoa Sư phạm Âm nhạc - Mỹ thuật trực thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Đến năm 2010, Khoa được đổi tên thành Khoa Nghệ thuật với hai ngành đào tạo là Sư phạm Âm nhạc và Sư phạm Mỹ thuật. Từ những ngày đầu mới thành lập, với đội ngũ giảng viên còn hạn chế về số lượng, đến nay Khoa đã trở thành một khoa vững mạnh, là một Trung tâm đào tạo giáo viên âm nhạc và mỹ thuật lớn của cả nước. Hiện tại, tổng số cán bộ, GV của Khoa là 31 người, 01 giáo viên thực hành và 02 chuyên viên, trong đó, số lượng các GV cơ hữu đang giảng dạy thuộc ngành Sư phạm Âm nhạc là 18 người (02 PGS, 05 TS, 07 Th.S). Các GV của ngành Sư phạm âm nhạc luôn tâm huyết về nghề, được đào tạo bài bản tại các Học viện Âm nhạc, các Viện nghiên cứu, trong đó, có 01 GV được đào tạo tại nước ngoài. Xét về đội ngũ, cán bộ, GV của Khoa Nghệ thuật và ngành Sư phạm Âm nhạc đang ở giai đoạn cơ cấu cán bộ vàng với đa số cán bộ trẻ ở độ tuổi trung bình là 41- 42 tuổi. Đây là lực lượng cán bộ có trình độ năng lực chuyên môn cao, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của GDĐH trong thời kỳ đổi mới.

Ngành Sư phạm Âm nhạc đã và đang đào tạo đến khóa 73 (K73) Cử nhân Sư phạm Âm nhạc. Cùng với công tác đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của ngành Sư phạm Âm nhạc, trong những năm gần đây cũng không ngừng được phát triển và đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Số lượng các bài báo đăng trên các

tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế đã gia tăng. Ngành Sư phạm Âm nhạc cũng đã tổ chức một số Semina, Hội thảo khoa học về đào tạo giáo viên âm nhạc, các sinh hoạt chuyên môn, biểu diễn nghệ thuật nhằm thúc đẩy phong trào NCKH của GV và SV, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

Ngành Sư phạm Âm nhạc xác định thực hiện công cuộc đổi mới đào tạo giáo viên chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình môn Âm nhạc năm 2018 nói riêng. Do đó, chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Sư phạm Âm nhạc cần nêu bật được bản sắc của một Nhà trường sư phạm, đó là phát triển phẩm chất và năng lực của người học, lấy công tác đào tạo giáo viên Âm nhạc chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 làm trọng tâm, tạo tiền đề thuận lợi để những sinh viên học giỏi và đam mê âm nhạc, có điều kiện phát triển, đi sâu vào giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực âm nhạc. Với CTĐT này, sinh viên Sư phạm Âm nhạc có được một nền tảng tri thức vững vàng để khi tốt nghiệp, ngoài khả năng giảng dạy Âm nhạc tại các trường phổ thông, các cơ sở đào tạo Sư phạm Âm nhạc, còn có khả năng thích ứng, thực hiện nhiều công việc khác nhau trong lĩnh vực Âm nhạc như: Biểu diễn thanh nhạc, nhạc cụ, dàn dựng chương trình nghệ thuật. Các học phần tự chọn của CTĐT đại học Sư phạm Âm nhạc giúp sinh viên có nhiều cơ hội hơn trong việc tiếp cận những kiến thức đa chiều, có lợi cho chuyên môn và nghiệp vụ mà sinh viên quan tâm. Sinh viên tốt nghiệp có năng lực và có nhiều cơ hội tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn Âm nhạc ở các bậc học cao hơn. Hiện nay, Khoa Nghệ thuật đã có đầy đủ phòng học chuyên ngành, chuyên biệt cho ngành sư phạm Âm nhạc như phòng học cách âm hiện đại, được trang bị đàn Piano; phòng học múa chuyên dụng theo tiêu chuẩn ngành; sân khấu thực hành biểu diễn; các thiết bị âm thanh phục vụ thực hành và biểu diễn nghệ thuật. Ngoài thư viện lớn của nhà trường, Khoa có phòng đọc với sách, tư liệu chuyên ngành phục vụ học tập và nghiên cứu, các tạp chí chuyên ngành thường kỳ đáp ứng việc cập nhật thông tin mới. Chương trình GDPT năm 2018 đã đưa môn Âm nhạc vào bậc học THPT. Trên cả nước, với khoảng 3000 trường THPT, sẽ có hàng ngàn vị trí việc làm mới. Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Âm nhạc tại Khoa sẽ đáp ứng tốt những vị trí công tác đa dạng như: dạy học môn Âm nhạc từ lớp 1 đến lớp 12; dạy học Âm nhạc ở các trường Cao đẳng, Đại học có ngành nghề liên quan; thực hiện công tác nghiên cứu, quản lý, tổ chức, biểu diễn âm nhạc tại các cơ sở có liên quan đến văn hóa nghệ thuật.

Thực hiện kế hoạch tự đánh giá CTĐT được ban hành kèm theo Quyết định số 5275/QĐ-ĐHSPHN ngày 22/11/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN. Đây là lần đầu tiên ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật thực hiện tự đánh giá CTĐT. Với mục đích xác định mức độ đáp ứng CTĐT đại học ngành Sư phạm âm nhạc so với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình theo bộ tiêu chuẩn ban hành

kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT. Tự đánh giá CTĐT sẽ giúp ngành Sư phạm Âm nhạc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT: thực trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT, làm căn cứ để tiến hành điều chỉnh các nguồn lực, xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn tiến tới đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Từ khi thành lập, CTĐT đại học Sư phạm Âm nhạc bắt đầu đào tạo khóa sinh viên đầu tiên (K50) theo phương thức đào tạo niên chế. Từ năm học 2009 - 2010, CTĐT được điều chỉnh từ phương thức đào tạo niên chế sang phương thức đào tạo tín chỉ. Theo đó, SV tích lũy đủ từ 130 tín chỉ và đảm bảo đủ các điều kiện theo Quyết định số 1111/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 4/4/2013 sẽ được công nhận tốt nghiệp. Năm 2015, Nhà trường và Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT đại học Sư phạm Âm nhạc với hướng giảm thời lượng khối kiến thức chung từ 33 TC xuống 20 TC, tăng thời lượng khối kiến thức chuyên ngành lên 81TC, tăng thời lượng khối kiến thức rèn luyện sư phạm từ 26 TC lên 34 TC; khóa luận tốt nghiệp hoặc các môn tương đương là 10 TC. CTĐT năm 2015 cũng được điều chỉnh theo hướng tích hợp nội dung kiến thức, tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, tổng số TC là 135 TC. CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc năm 2020 được chỉnh sửa theo CĐR chung của Nhà trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên âm nhạc cũng như nhu cầu học văn bằng kép của SV. Theo đó, tổng số TC cho CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc là 136 TC, trong đó khối học văn chung là 35 TC (chiếm tỉ lệ khoảng 26 %), khối học văn chuyên ngành là 66 TC (khoảng 48 %), khối học văn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm là 35 TC (khoảng 26 %, thời lượng cho thực tập sư phạm đã tăng 01 TC so với CTĐT năm 2015). CTĐT năm 2020, 2022 đã thay đổi và bổ sung một số môn học mới như: *Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Tổ chức dạy học môn Âm nhạc, Âm nhạc phương Tây cận - hiện đại, Hòa tấu 1, Hòa tấu 2, Phối ca khúc trên máy tính, Thực hành dạy học Âm nhạc tại trường Sư phạm, Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong nhà trường, Thực tế chuyên môn Âm nhạc*. Các Học phần cuối khóa là 6/66 TC. Việc tăng cường các học phần tự chọn trong CTĐT năm 2020, 2022 nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, mong muốn của SV và cựu người học. Tự đánh giá CTĐT đại học Sư phạm Âm nhạc là cơ sở để Trường ĐHSPHN và Khoa Nghệ thuật cải tiến chất lượng của chương trình đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội; tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực

hiện kế hoạch đồng thời là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài CTĐT của Nhà trường.

Hiện nay, trước sự cạnh tranh của các trường có đào tạo Cử nhân Sư phạm Âm nhạc trong cả nước, Nhà trường phải quyết tâm trong việc nâng cao chất lượng của các ngành đào tạo, đặc biệt là đối với CTĐT đại học Sư phạm Âm nhạc. Hoạt động đảm bảo chất lượng là một hoạt động mang tính quyết định, đã và đang được thực hiện một cách hiệu quả tại Khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSPTN. Khoa đã có những chiến lược và kế hoạch cụ thể để nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế như sau:

*Về công tác tư tưởng, chính trị:* 100% cán bộ, GV, viên chức chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần hợp tác đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, đây sẽ là yếu tố góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn của Trường giao, nhằm tạo môi trường làm việc lành mạnh, hiệu quả.

*Về giảng dạy:* Ngành Sư phạm Âm nhạc nâng cao chất lượng giảng dạy cả về kiến thức, kỹ năng âm nhạc. Hoàn chỉnh và bổ sung các giáo trình theo hướng tăng cường, đa dạng phân bài tập, tài liệu tham khảo, sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học hiện đại để SV có tài liệu học tập và nghiên cứu đáp ứng kịp thời yêu cầu đào tạo TC.

- *Về công tác NCKH:* Tăng cường các hoạt động KH&CN, động viên, khuyến khích GV và SV toàn ngành Sư phạm Âm nhạc tham gia các đề tài NCKH. Các môn học đều phải có đề tài NCKH và hướng dẫn SV tham gia NCKH. GV tăng cường viết giáo trình, sách chuyên khảo, công bố các bài báo khoa học phục vụ giảng dạy các Học phần chuyên môn âm nhạc.

*Về công tác đào tạo đội ngũ cán bộ:* Khuyến khích và tạo điều kiện cho GV không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng tốt hơn nữa các yêu cầu công việc được giao ở từng vị trí việc làm. Khoa và ngành Sư phạm Âm nhạc cũng chủ động trong việc tìm thêm nguồn cán bộ có trình độ tiến sĩ để đáp ứng công việc giảng dạy và NCKH, tránh trường hợp thiếu hụt về cán bộ trong từng giai đoạn. Với việc xây dựng đề án vị trí việc làm, Khoa có kế hoạch quy hoạch cán bộ để có thể đảm nhiệm hai nhiệm vụ chính là giảng dạy và NCKH.

Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài của Trường đã có tác động tích cực đến các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt đến ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật. Trước hết, các hoạt động đều được thực hiện theo đúng qui trình, qui định chuẩn, được ghi lại ở dạng căn bản để tiện đối chiếu, so sánh và đánh giá kết quả thực hiện (cũng là minh chứng cho sau này). Điều này có tác động sâu rộng đến các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường, ngành Sư phạm Âm nhạc và Khoa Nghệ thuật. Cán bộ, GV ý thức được vai trò và trách nhiệm cũng như dẫn dắt cách thực hiện các hoạt động dạy, học, NCKH và các công tác khác. Cơ sở vật chất được đầu tư kịp thời, các phòng

học được trang bị điều hoà, cách âm, máy chiếu giúp nâng cao chất lượng dạy và học. Môi trường cảnh quan thay đổi theo hướng tích cực: Kí túc xá SV được xây dựng lại với chất lượng tốt hơn, SV có nhiều không gian để học tập và vui chơi. Cuối cùng, chế độ lương thưởng được cải tiến rõ nét: thu nhập theo hoạt động, đóng góp của từng người, từng đơn vị nhằm động viên khuyến khích sự đóng góp tương xứng với thành quả và sự cố gắng của mỗi cá nhân và tập thể.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### ***Mở đầu***

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành SPAN của trường Đại học Sư phạm Hà Nội được xây dựng dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT, các quy định và hướng dẫn của trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình bao trùm được các năng lực cần thiết của chuyên ngành, nhóm ngành, được cập nhật, điều chỉnh đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi mới đối với năng lực cử nhân SPAN, trang bị các năng lực cần thiết cho các sinh viên sau khi ra trường để đáp ứng nhu cầu xã hội. Các mục tiêu, CDR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của nhà trường.

***Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học***

#### ***1. Mô tả***

Chương trình đào tạo ngành SPAN được tổ chức đào tạo từ năm 2000, theo quyết định số 442/QĐ/BGD&ĐT-ĐH ngày 27/1/2000. Theo định kì của Trường ĐHSPhN, CTĐT ngành SPAN được rà soát, chỉnh sửa phù hợp với thực tiễn [H1.01.01.01]. Năm 2017, Bộ GDĐT ban hành thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 về “Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học” quy định mã ngành SPAN là 72140221. Đến năm 2019, CTĐT được rà soát, chỉnh sửa dựa trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông 2018, thông tư số: 22/TT-BGDĐT-ngày 26/12/2018 và theo sứ mệnh tầm nhìn của trường Đại học Sư phạm Hà Nội số 10883/QĐ-ĐHSPhN ngày 29/10/2019 [H1.01.01.02], [H1.01.01.03].

Mục tiêu của CTĐT cử nhân SPAN xác định rõ ràng trong chương trình chi tiết Giáo dục đại học ngành SPAN năm 2020 [H1.01.01.01]. Chương trình năm 2022 giữ nguyên mục tiêu của chương trình năm 2020, và tập trung chỉnh sửa các nội dung cụ thể trong đề cương chi tiết các học phần [H1.01.01.01].

Căn cứ vào vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và nhu cầu của xã hội, mục tiêu chung của CTĐT ngành SPAN hướng tới đào tạo cử nhân SPAN đáp ứng tốt các yêu cầu giáo dục âm nhạc ở nhà trường phổ thông và được xác định là rõ ràng cụ thể về phẩm chất và năng lực của người học sau khi tốt nghiệp. Cụ thể là [H1.01.01.01]:

1. Đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc đáp ứng đầy đủ khung chuẩn đầu ra về *phẩm chất và năng lực* của người học.

2. Đào tạo giáo viên môn Âm nhạc đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình môn Âm nhạc 2018 nói riêng;

3. Đáp ứng được vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp, đó là:

- Có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của giáo viên, và chuẩn bị cho việc học ở các bậc học tiếp theo hoặc phát triển nghề nghiệp;

- Có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực (thị trường lao động) và thích ứng với những thay đổi của xã hội hiện đại;

- Có kiến thức, kĩ năng khoa học ngành/liên ngành cần thiết và có khả năng vận dụng hiệu quả vào giảng dạy, nghiên cứu cũng như vào thực tiễn và tự học suốt đời; nhận biết được giá trị văn hoá của khoa học ngành/liên ngành.

- Có khả năng và ham muốn học hỏi, tiếp thu những giá trị phổ quát, tinh hoa của văn hoá nhân loại; biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

Mục tiêu của CTĐT ngành SPAN phù hợp với mục tiêu chung của Chương trình giáo dục phổ thông môn Âm nhạc 2018, như: giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực âm nhạc dựa trên nền tảng kiến thức âm nhạc phổ thông và các hoạt động học tập đa dạng để trải nghiệm và khám phá nghệ thuật âm nhạc; nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ và tình yêu âm nhạc, nhận thức được sự đa dạng của thế giới âm nhạc và mối liên hệ giữa âm nhạc với văn hoá, lịch sử, xã hội cùng các loại hình nghệ thuật khác, hình thành ý thức bảo vệ và phổ biến các giá trị âm nhạc truyền thống; có đời sống tinh thần phong phú với những phẩm chất cao đẹp, có định hướng nghề nghiệp phù hợp, phát huy tiềm năng hoạt động âm nhạc và phát triển các năng lực chung của học sinh. Trong đó, các mục tiêu cụ thể của từng cấp: tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông đã được thể hiện rõ trong chương trình. Sự thay đổi về cách tiếp cận và những mục tiêu mới của Chương trình giáo dục phổ thông môn Âm nhạc 2018 (như đã nêu ở trên) đòi hỏi ngành SPAN phải đổi mới mô hình và CTĐT (kể cả đào tạo lại) nhằm đáp ứng được yêu cầu của đất nước trong giai đoạn mới. Mô hình và chương trình đào tạo của ngành SPAN, vì vậy cũng phải nêu bật được *bản sắc* của Nhà trường sư phạm là phát triển *phẩm chất và năng lực* của người học, *lấy công tác đào tạo giáo viên chất lượng cao* đáp ứng được yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục âm nhạc 2018 làm trọng tâm. Bên cạnh đó, tạo tiền đề thuận lợi để những sinh viên học giỏi và đam mê âm nhạc có điều kiện phát triển, đi sâu vào giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực âm nhạc. Mô hình đào tạo của ngành SPAN tuân thủ mô hình đào tạo chung của trường Đại học Sư phạm Hà Nội; chương trình đào tạo của ngành cũng vì vậy sẽ đáp ứng đầy đủ Khung chuẩn đầu ra của trường Đại học Sư



phạm Hà Nội, cùng với việc thực hiện đổi mới căn bản phương pháp và hình thức dạy học, cũng như hình thức, phương pháp kiểm tra và đánh giá chất lượng sinh viên, đặc biệt là đánh giá năng lực sư phạm của sinh viên, sao cho đánh giá đúng được năng lực người học, và khuyến khích sinh viên biết tự đánh giá [H1.01.01.01].

Mục tiêu của CTĐT Ngành SPAN cũng phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục Đại học 2019 [H1.01.01.04], là: Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo. Có thể thấy mục tiêu giáo dục của CTĐT cử nhân SPAN của khoa đã đáp ứng được các mục tiêu đào tạo trình độ đại học qua bảng so sánh sau:

*Bảng 1. 1.1. Tham chiếu mục tiêu của CTĐT ngành SPAN với mục tiêu GDDH được quy định trong Luật GDDH năm 2019*

<b>Mục tiêu đào tạo trình độ ĐH trong Luật giáo dục năm 2019</b>	<b>Mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành SPAN</b>
Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức, kỹ năng khoa học ngành/liên ngành cần thiết và có khả năng vận dụng hiệu quả vào giảng dạy, nghiên cứu cũng như vào thực tiễn và tự học suốt đời; nhận biết được giá trị văn hoá của khoa học ngành/liên ngành.</li> <li>- Có khả năng và ham muốn học hỏi, tiếp thu những giá trị phổ quát, tinh hoa của văn hoá nhân loại; biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.</li> </ul>
Có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của giáo viên, và chuẩn bị cho việc học ở các bậc học tiếp theo hoặc phát triển nghề nghiệp;</li> <li>- Có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực (thị trường lao động) và thích ứng với những thay đổi của xã hội hiện đại;</li> </ul>

Quá trình rà soát, cập nhật mục tiêu của CTĐT có dựa trên việc khảo sát nhu cầu của thị trường lao động [H1.01.01.05] và lấy ý kiến các bên liên quan [H1.01.01.06]. Các chuyên gia cũng như các nhà tuyển dụng lao động đều hướng đến việc làm rõ những phẩm chất và năng lực mà người học cần phải có sau khi ra trường, dựa vào yêu cầu của vị trí việc làm mà họ sẽ đảm nhận.

Mục tiêu của CTĐT được công khai trên trang thông tin điện tử của khoa Nghệ thuật

[H1.01.01.07] <https://www.facebook.com/khoanghethuatdhsphn/> và trong bản mô tả CTĐT năm 2020 và năm 2022 [H1.01.01.01].

## 2. Điểm mạnh

- Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành SPAN được xác định rõ ràng, được rà soát theo định kỳ, phù hợp với sứ mạng của Trường ĐHSPhn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

- Mục tiêu được cụ thể hóa trên các khía cạnh phẩm chất và năng lực của sinh viên, hướng tới việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai và phát triển toàn diện sinh viên.

## 3. Điểm tồn tại

Một số ý trong mục tiêu chưa thật sát với tầm nhìn của nhà trường.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát để điều chỉnh mục tiêu đào tạo cho phù hợp hơn với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường trong lần điều chỉnh tiếp theo.	Khoa Nghệ thuật	Năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu đào tạo và CDR đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.**

1. Mô tả

CĐR của CTĐT là cam kết của Nhà trường về năng lực và chất lượng đào tạo để xã hội giám sát, công khai để người học biết được các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp một chuyên ngành và tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động. CĐR là cơ sở để xác định vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của người học [H1.01.02.01], [H1.01.01.01]. Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành SPAN năm 2020 và 2022 được xác định rõ ràng gồm 4 tiêu chuẩn (23 tiêu chí). Mỗi CĐR được xác định rõ ràng, cụ thể ở 3 cấp độ: tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo [H1.01.01.01], [H1.01.02.02].

- Tiêu chuẩn 1 gồm 6 tiêu chí (CĐR1, 2, 3, 4, 5, 6) và 20 chỉ báo. Tiêu chuẩn này hướng tới các phẩm chất mà người học cần đạt được, đó là: trung thực, trách nhiệm và tận tâm, đáng tin cậy và có ý thức thực hiện công bằng xã hội, yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh, yêu nghề và tự hào về nghề dạy học, ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

- Tiêu chuẩn 2 gồm 6 tiêu chí (CĐR 7, 8, 9, 10, 11, 12), 28 chỉ báo. Các tiêu chí của tiêu chuẩn này hướng tới hình thành các năng lực chung cho sinh viên, tập trung vào các năng lực như: năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực lãnh đạo, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội và năng lực phản biện.

- Tiêu chuẩn 3 gồm 5 tiêu chí (CĐR 13, 14, 15, 16, 17) với 28 chỉ báo hướng tới các năng lực sư phạm cần thiết của sinh viên, bao gồm: năng lực dạy học, năng lực giáo dục, năng lực định hướng sự phát triển học sinh, năng lực hoạt động xã hội, và năng lực phát triển nghề nghiệp.

- Tiêu chuẩn 4 là tiêu chuẩn về năng lực đặc thù ngành SPAN. Tiêu chuẩn này gồm 6 tiêu chí (CĐR 18, 19, 20, 21, 22, 23) với 17 chỉ báo, 57 biểu hiện, xác định rõ những năng lực mà một sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành SPAN cần có để có thể tham gia vào thị trường lao động. Các năng lực này gồm: năng lực *Âm nhạc*, *năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức âm nhạc để giải thích nội dung dạy học môn Âm nhạc trong Chương trình giáo dục phổ thông*, *năng lực sử dụng các kiến thức giáo dục tổng quát và kiến thức âm nhạc vào thực tiễn*, *năng lực nghiên cứu âm nhạc và khoa học giáo dục âm nhạc*, *năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động*

*chuyên môn, năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn.*

Các tiêu chuẩn trong CĐR được thiết kế theo logic từ những phẩm chất, năng lực chung có tính phổ quát đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại đến các năng lực sư phạm của nhà giáo dục và năng lực chuyên ngành SPAN. Các phẩm chất, năng lực chung như trung thực, trách nhiệm, ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời... các năng lực thuộc nhóm 4Cs của con người mới thế kỷ XXI như giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tư duy phản biện, năng lực tự chủ và thích ứng với sự thay đổi để đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội hiện đại, thay đổi nhanh chóng. Tiêu chuẩn năng lực chuyên ngành đã được thiết kế theo các chỉ báo và cả biểu hiện cụ thể, thể hiện những năng lực phù hợp với những đòi hỏi ngày càng cao của đội ngũ giảng viên, chuyên gia làm việc trong lĩnh vực SPAN [H1.01.01.01].

Với việc xây dựng CĐR với 3 cấp độ, cấp độ nhỏ nhất là các chỉ báo (riêng tiêu chuẩn 4 còn cụ thể thành các biểu hiện) của CĐR và được diễn đạt bằng các động từ chỉ hành vi có thể dễ dàng quan sát và đo lường được. Các chỉ báo đều thể hiện được tất cả 6 mức độ trong thang bậc nhận thức của Bloom. Cụ thể gồm các biểu hiện như: mô tả được, giải thích được, vận dụng được, phân tích được, tổng hợp được, đánh giá được.... Điều này còn được thể hiện cụ thể trong bảng ma trận giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các phương pháp đánh giá thể hiện trong bản mô tả chương trình đào tạo 2020 và 2022, đảm bảo rằng tất cả CĐR được đánh giá trong từng học phần thông qua các phương pháp kiểm tra, đánh giá [H1.01.01.01]. CĐR cũng đã nêu rõ những yêu cầu chung (6 tiêu chí về phẩm chất và 6 tiêu chí về các năng lực chung) cho sinh viên và các yêu cầu chuyên biệt (5 tiêu chí về năng lực sư phạm và 6 tiêu chí về năng lực ngành đặc thù) để họ thể hiện được các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của mình. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển kiến thức cho SV, qua đó khuyến khích họ tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

CĐR được định kỳ rà soát và được lấy ý kiến các chuyên gia, giảng viên, người học và người học tốt nghiệp, CĐR CTĐT ngành SPAN được nhận định đảm bảo khung chuẩn đầu ra của Trường ĐHSPHN và được đánh giá là xác định rõ ràng, cụ thể [H1.01.02.06].

Ngoài ra, CĐR của CTĐT phù hợp với mục tiêu của CTĐT. Các mục tiêu về phẩm chất được cụ thể hoá ở 6 CĐR của tiêu chuẩn 1. Các mục tiêu về năng lực được cụ thể hoá ở các CĐR của các tiêu chuẩn 2, 3, 4. Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN đã ban hành rất rõ ràng, đầy đủ đây cũng một trong những cơ sở để xây dựng, chỉnh lý và hoàn chỉnh lại CĐR của CTĐT ngành SPAN [H1.01.02.03].

Quy định chuẩn về ngoại ngữ trong quyết định về việc ban hành chương trình giáo dục đại học đào tạo theo hệ thống TC của Trường ĐHSPHN [H1.01.02.04] cũng được coi là một trong những cơ sở để xây dựng CDR của CTĐT ngành SPAN đã được thể hiện trong bản mô tả đề cương CTĐT và bản mô tả đề chương môn học/học phần [H1.01.01.01].

*Bảng 1. 2. 1. Sự tương thích giữa mục tiêu với CDR của CTĐT đã được xây dựng*

<b>Mục tiêu của CTĐT ngành SPAN</b>	<b>CDR ngành SPAN</b>
<p><b><i>Mục tiêu về phẩm chất</i></b></p> <p>Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Tâm lý học giáo dục, sinh viên có các phẩm chất cơ bản của người giáo viên trong thời đại mới: thấm nhuần thế giới quan Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, năng động, tích cực, sáng tạo, có phong cách mẫu mực của người giáo viên.</p>	CDR 1, 2, 3, 4, 5, 6
<p><b><i>Mục tiêu về năng lực</i></b></p> <p>Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân SPAN, sinh viên có những năng lực sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi; giao tiếp và hợp tác; năng lực lãnh đạo; giải quyết vấn đề và sáng tạo; nhận thức về văn hóa-xã hội; phản biện;</li> <li>- Năng lực dạy học; giáo dục; định hướng sự phát triển học sinh; hoạt động xã hội; phát triển nghề nghiệp</li> <li>- Năng lực Âm nhạc; sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức âm nhạc để giải thích nội dung dạy học môn Âm nhạc trong Chương trình giáo dục phổ thông; sử dụng các kiến thức giáo dục tổng quát và kiến thức âm nhạc vào thực tiễn; nghiên cứu âm nhạc và khoa học giáo dục âm nhạc; sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CDR 7, 9, 9, 10, 11, 12,</li> <li>- CDR 13, 14, 15, 16, 17</li> <li>- CDR 18, 19, 20, 21, 22, 23</li> </ul>

## *2. Điểm mạnh*

CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được các phẩm chất, năng lực chung của công dân thế kỷ XXI, yêu cầu chung cũng như yêu cầu cụ thể của người làm công tác về Tâm lý học, giáo dục học và phù hợp với xu hướng đổi mới giáo dục hiện nay.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số chuẩn đầu ra được tuyên bố chưa ngắn gọn, súc tích, khó đo lường và đánh giá.

## *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để xem xét, điều chỉnh CDR cho cô đọng, chỉnh sửa các phát biểu cho rõ ràng, súc tích.	Khoa Nghệ thuật	Năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CDR của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.	Khoa Nghệ thuật	Hàng năm và theo quy định của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai***

***1. Mô tả***

CDR của CTĐT ngành SPAN được xây dựng với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ (được ban hành năm 2015). CDR này được rà soát, chỉnh sửa và ban hành vào năm 2017, 2020 theo tiếp cận hướng vào hình thành phẩm chất, năng lực cho người học. Quá trình rà soát, chỉnh sửa CDR có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan như nhà quản lý, các chuyên gia, của các nhà sử dụng lao động, các cựu sinh viên [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], [H1.01.03.03], [H1.01.03.04], [H1.01.03.05].

Kết quả thu thập ý kiến của các bên liên quan này đã được tiếp thu và cập nhật trong CDR của chương trình đào tạo năm 2020 như: những cử nhân tốt nghiệp ra trường phải có phẩm chất, thái độ tích cực và đạo đức nghề nghiệp (6 tiêu chí về phẩm chất); có kiến thức chuyên môn vững chắc, kỹ năng giao tiếp tốt, đặc biệt là cần có ngoại ngữ và kỹ năng ứng dụng CNTT trong công việc, khả năng linh hoạt, sáng tạo trong công việc (6 tiêu chí về năng lực chung và 6 tiêu chí về năng lực chuyên biệt) [H1.01.03.03]

Chương trình SPAN của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được đặt nền móng xây dựng bắt đầu từ năm 2000 dưới sự tham vấn của các chuyên gia ở trên BGD&ĐT và nhiều chuyên gia chuyên sâu về lĩnh vực Âm nhạc cũng như Giáo dục Âm nhạc. Theo sự tìm hiểu của khoa Nghệ thuật, ngành SPAN ở nước ta đã có từ mấy chục năm, nhưng chỉ đào tạo ở trình độ Trung cấp và Cao đẳng, việc đào tạo cử nhân SPAN có trình độ đại học thì khoa nghệ thuật (trước kia là khoa Sư phạm Âm nhạc và Mỹ thuật) là đơn vị đầu tiên ở nước ta thực hiện đào tạo. Sau này, có thêm cơ sở đào tạo cùng ngành này là Trường ĐHSPT TW..

Theo hướng dẫn của trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H1.01.01.07];

[H1.01.01.10] Khoa đã tiến hành nhiều cuộc họp để thống nhất xây dựng nội dung, cũng như các cuộc họp để rà soát và chỉnh sửa để có được CDR hoàn thiện. Đặc biệt, tiêu chuẩn 4 là tiêu chuẩn về năng lực chuyên ngành được xây dựng dựa trên định hướng cụ thể về 6 tiêu chí mà nhà trường đưa ra trong Giấy triệu tập số 250/ĐHSPPHN-ĐT ngày 14/5/2019 [H1.01.01.07]. Tiêu chuẩn này được chỉnh sửa nhiều lần, qua nhiều cuộc họp. Tiêu chuẩn 4 không chỉ mô tả các tiêu chí, các chỉ báo mà còn thể hiện qua các biểu hiện cụ thể. CDR phản ánh được xu hướng đổi mới của nền giáo dục hiện đại cũng như phù hợp với yêu cầu thực tế đổi mới trong giáo dục phổ thông và đại học hiện nay. Đồng thời, CDR đảm bảo người học sau khi hoàn thành CTĐT có khả năng thích ứng nhanh với công việc trong thực tiễn, và đơn vị sử dụng lao động không phải mất quá nhiều thời gian để hướng dẫn cử nhân mới tốt nghiệp bắt nhịp được với công việc.

Ngoài ra, trong quá trình cập nhật, CDR có dựa vào Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H1.01.03.11]. Đáp ứng được CDR, người học ra trường có kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, trách nhiệm đáp ứng được bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia.

Chương trình 2020 và 2022 được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực, do đó đều cấu trúc theo các nhóm phẩm chất, năng lực như: phẩm chất, năng lực chung, năng lực sư phạm, năng lực ngành. Tuy nhiên, phần diễn đạt CDR năng lực ngành của CTĐT 2022 đã được diễn đạt chi tiết hơn so với CTĐT năm 2020.

**Bảng 1.3.1. Bảng so sánh CDR năng lực ngành 2020 và CDR năng lực ngành 2022**

Tiêu chí so sánh	CDR năm 2020	CDR năm 2022
Tiêu chí 1: Năng lực âm nhạc	<p>Gồm 3 chỉ báo (9 biểu hiện):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu được các kiến thức và kỹ năng âm nhạc (3 biểu hiện).</li> <li>- Vận dụng được các học vấn Âm nhạc để sáng tạo nghệ thuật (3 biểu hiện).</li> <li>- Sử dụng được các công cụ, phương tiện biểu hiện nghệ thuật (3 biểu hiện).</li> </ul>	<p>Gồm 4 chỉ báo (13 biểu hiện):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát được kiến thức về lý thuyết, lý luận và kỹ năng âm nhạc cơ bản (2 biểu hiện)</li> <li>- Hiểu và vận dụng được kiến thức, kỹ năng âm nhạc cơ bản trong thực hành âm nhạc (5 biểu hiện)</li> <li>- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng âm nhạc để sáng tạo sản phẩm và trình diễn âm nhạc (3 biểu hiện)</li> <li>- Phân tích/hệ thống hoá/diễn giải được các vấn đề về kiến thức, kỹ năng và sáng tạo âm nhạc thuộc lĩnh vực ngành nghề (3 biểu hiện)</li> </ul>

<p>Tiêu chí 2: Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức âm nhạc để giải thích nội dung dạy học môn Âm nhạc trong Chương trình giáo dục phổ thông</p>	<p>Gồm 4 chỉ báo (17 biểu hiện):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tóm tắt và phân tích được toàn bộ chương trình môn Âm nhạc phổ thông một cách chính xác, đúng bản chất trong một chỉnh thể thống nhất (5 biểu hiện).</li> <li>- Xác định được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn Âm nhạc phổ thông (5 biểu hiện).</li> <li>- Có khả năng phát triển Chương trình môn Âm nhạc phổ thông bằng cách vận dụng học vấn Âm nhạc được trang bị ở bậc đại học (2 biểu hiện).</li> <li>- Xác định được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn Âm nhạc phổ thông (5 biểu hiện).</li> </ul>	<p>Gồm 3 chỉ báo (12 biểu hiện)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tóm tắt và phân tích được toàn bộ chương trình môn Âm nhạc phổ thông một cách chính xác, đúng bản chất trong một chỉnh thể thống nhất (5 biểu hiện).</li> <li>- Xác định được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình môn Âm nhạc phổ thông (5 biểu hiện).</li> <li>- Có khả năng phát triển Chương trình môn Âm nhạc phổ thông bằng cách vận dụng học vấn Âm nhạc được trang bị ở bậc đại học (2 biểu hiện).</li> </ul>
<p>Tiêu chí 3: Năng lực sử dụng các kiến thức giáo dục tổng quát và kiến thức âm nhạc vào thực tiễn</p>	<p>Gồm 3 chỉ báo (8 biểu hiện):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được vai trò của Âm nhạc trong kỉ nguyên của cách mạng 4.0 (3 biểu hiện).</li> <li>- Vận dụng được tiến trình sử dụng kiến thức Âm nhạc để giải quyết các vấn đề thực tiễn (2 biểu hiện).</li> <li>- Vận dụng được học vấn giáo dục tổng quát và học vấn âm nhạc vào việc hình thành và phát triển năng lực chung và năng lực sư phạm, đặc biệt là năng lực dạy học môn Âm nhạc ở nhà trường phổ thông (3 biểu hiện).</li> </ul>	<p>Gồm: 3 chỉ báo (8 biểu hiện):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức được vai trò của Âm nhạc trong đời sống (3 biểu hiện).</li> <li>- Vận dụng được tiến trình sử dụng kiến thức Âm nhạc để giải quyết các vấn đề thực tiễn (2 biểu hiện).</li> <li>- Vận dụng được học vấn giáo dục tổng quát và học vấn âm nhạc vào việc hình thành và phát triển năng lực chung và năng lực sư phạm, đặc biệt là năng lực dạy học môn Âm nhạc ở nhà trường phổ thông (3 biểu hiện).</li> </ul>
<p>Tiêu chí 4: Năng lực nghiên cứu âm nhạc và khoa học giáo dục âm nhạc</p>	<p>Gồm 4 chỉ báo (14 biểu hiện):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo dựng được một nền tảng học vấn âm nhạc vững chắc ở bậc đại học (2 biểu hiện).</li> <li>- Thực hiện được nghiên cứu khoa học cơ bản dưới sự hướng dẫn của giáo viên (5 biểu hiện).</li> <li>- Tạo dựng được một nền tảng học</li> </ul>	<p>Gồm 2 chỉ báo (10 biểu hiện)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được nghiên cứu lí luận và lịch sử Âm nhạc, nghiên cứu sáng tạo sản phẩm, tác phẩm Âm nhạc (5 biểu hiện)</li> <li>- Thực hiện được nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc dưới sự hướng dẫn của giảng viên, nhà khoa học (5 biểu hiện)</li> </ul>



	vấn vững chắc về khoa học giáo dục âm nhạc ở bậc đại học (2 biểu hiện). - Thực hiện được nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc dưới sự hướng dẫn của giáo viên (5 biểu hiện).	
Tiêu chí 5: Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	Gồm 2 chỉ báo (4 biểu hiện) - Có chứng chỉ đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ (1 biểu hiện). - Sử dụng được các tài liệu bằng tiếng nước ngoài nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả học tập (3 biểu hiện).	Gồm 2 chỉ báo (4 biểu hiện) - Sử dụng được ngoại ngữ trong nghiên cứu chuyên ngành Âm nhạc (2 biểu hiện) - Sử dụng được ngoại ngữ trong nghiên cứu, giáo dục Âm nhạc (2 biểu hiện)
Tiêu chí 6: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	Gồm 3 chỉ báo (10 biểu hiện) - Sử dụng và quản lý được các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông (4 biểu hiện). - Khai thác, tra cứu, sử dụng và quản lý được các nguồn tài nguyên thông tin (3 biểu hiện). - Sử dụng được công nghệ thông tin và truyền thông trong thực hành chuyên môn âm nhạc và dạy học – giáo dục (3 biểu hiện).	Gồm 3 (10 biểu hiện): - Sử dụng và quản lý được các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông (4 biểu hiện). - Khai thác, tra cứu, sử dụng và quản lý được các nguồn tài nguyên thông tin (3 biểu hiện). - Sử dụng được công nghệ thông tin và truyền thông trong thực hành chuyên môn âm nhạc và dạy học – giáo dục (3 biểu hiện).

CDR được thể hiện trong các bản mô tả CTĐT, trong khung chương trình do nhà trường ban hành [H1.01.03.01]; được thông tin trên trang web của khoa và trang web của trường <http://daotao.hnue.edu.vn/Uploads/files/CDR-SPAN.pdf> [H1.01.03.06], trong tài liệu quảng bá tuyển sinh [H1.01.03.08] và phổ biến cho sinh viên khi mới vào trường trong tuần sinh hoạt công dân [H1.01.03.09]. Với việc công bố bằng các phương tiện nêu trên, những tập thể, cá nhân quan tâm có thể dễ dàng tiếp cận phục vụ việc tra cứu, tìm hiểu của mình. CDR cũng là cơ sở để đội ngũ cán bộ, giáo viên xây dựng chương trình khung và chương trình chi tiết môn học.

## 2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT cử nhân SPAN đã phản ánh được yêu cầu các bên liên quan trong quá trình đào tạo và đáp ứng của thị trường lao động. CDR được công bố công khai trên các kênh thông tin, giúp sinh viên và các bên liên quan có thể tiếp cận và tìm hiểu về ngành đào tạo.

### 3. Điểm tồn tại

Số lượng các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên tham gia đóng góp ý kiến cho CĐR của CTĐT còn hạn chế, chưa đa dạng cho tất cả các vị trí việc làm.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức định kỳ lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên góp ý cho CĐR của CTĐT và rà soát CĐR với số lượng phong phú hơn.	Khoa Nghệ thuật, Trung tâm ĐBCL	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Lấy ý kiến của các bên liên quan để cập nhật CĐR, đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động và của xã hội	Khoa Nghệ thuật	Theo quy định điều chỉnh CĐR của nhà trường

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 1**

Mục tiêu của CTĐT ngành SPAN đã xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học của Luật giáo dục đại học, phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT ngành SPAN được xác định rõ ràng, cụ thể, phản ánh được mục tiêu của CTĐT; trong đó nêu cụ thể được những năng lực cần có của sinh viên tốt nghiệp bao gồm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm và có thể đo lường, đánh giá được. Với những năng lực này, CĐR cũng cho thấy triển vọng việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong tương lai. Bên cạnh những điểm mạnh trên, đôi chỗ việc diễn đạt mục tiêu còn chưa thực sự sát với tầm nhìn của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đôi chỗ trong CĐR còn chưa được trình bày súc tích. CĐR của CTĐT ngành SPAN được xây dựng với sự tham gia và đóng góp của các bên liên quan bao gồm các giảng viên của khoa, các chuyên gia, nhà tuyển dụng, sinh viên đã tốt nghiệp và sinh viên đang học. CĐR đã được thể hiện công khai để sinh viên và những đối tượng quan tâm được thông tin đầy đủ.

#### **Đánh giá tiêu chuẩn 1:**

Tiêu chuẩn 1	Thang đánh giá	
	Chưa đạt	Đạt

	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
<b>Tiêu chí 1.1</b>					5		
<b>Tiêu chí 1.2</b>					5		
<b>Tiêu chí 1.3</b>					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.0</b>						

## **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

### ***Mở đầu***

Bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Âm nhạc - Khoa Nghệ Thuật được xây dựng trên cơ sở chương trình chi tiết do Trường ĐHSPhN ban hành năm 2015 và 2020. Bản mô tả CTĐT cung cấp các thông tin về mục tiêu, CDR của chương trình, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, cấu trúc CTDH, mô tả các học phần cũng như các thông tin về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.

Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và hướng dẫn của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Khoa và nhà trường đã sử dụng nhiều hình thức khác nhau để công bố một cách công khai các thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết của các học phần trong CTĐT đến các bên liên quan, nhằm giúp người học có thể tiếp cận một cách dễ dàng, hiệu quả. Đồng thời, Khoa cũng quán triệt việc sử dụng bản mô tả CTĐT và đề cương học phần như một kênh thông tin quan trọng giúp cán bộ, GV, SV và xã hội hiểu rõ hơn về CTĐT cử nhân Âm nhạc.

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### ***1. Mô tả***

Bản mô tả CTĐT cử nhân Âm nhạc năm 2020, 2022 [H2.02.01.01], được xây dựng dựa trên Hướng dẫn Quy trình và tổ chức xây dựng CTĐT của trường ĐHSPhN [H2.02.01.06], cũng như theo Kế hoạch của khoa Nghệ thuật [H2.02.01.05] đã thể hiện cụ thể và chi tiết về các thông tin liên quan đến CTĐT. Bản mô tả CTĐT năm 2019 và 2021 có các thông tin cơ bản sau:

#### **Phần 1. Thông tin chung về CTĐT.** Phần này bao gồm:

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp: Cử nhân Sư phạm Âm Nhạc
- Tên CTĐT: Cử nhân Sư phạm Âm nhạc
- Ngành đào tạo: Sư phạm âm nhạc
- Mã ngành: 7140221
- Loại hình đào tạo: Chính quy

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Mục tiêu đào tạo: Gồm có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể như sau:

**\* Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân Âm Nhạc có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giảng dạy Âm Nhạc tại các trường dạy nghề từ sơ cấp đến đại học, đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình môn Âm nhạc 2018 nói riêng; có năng lực nghiên cứu về lĩnh vực Âm nhạc tại các cơ sở nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể học tiếp ở các bậc học cao hơn trong cùng lĩnh vực.

**\* Mục tiêu cụ thể**

*Về phẩm chất*

Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Âm nhạc, sinh viên có các phẩm chất cơ bản của người giáo viên trong thời đại mới: thấm nhuần thế giới quan Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, năng động, tích cực, sáng tạo, có phong cách mẫu mực của người giáo viên.

*Về năng lực*

Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Âm nhạc, sinh viên có những năng lực sau:

- Thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học và giáo dục trong các nhà trường
- Thực hiện nghiên cứu được các vấn đề về Âm nhạc.
- Vận dụng hiệu quả các thành tựu trong lĩnh vực Âm nhạc vào việc giải quyết các vấn đề của xã hội
- Phát triển năng lực tự học và tự hoàn thiện nhân cách.
- Chuẩn đầu ra

Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất gồm 6 tiêu chí và 17 chỉ báo

Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung gồm 6 tiêu chí và 29 chỉ báo

Tiêu chuẩn 3: Năng lực sư phạm gồm 5 tiêu chí và 28 chỉ báo

Tiêu chuẩn 4: Năng Âm nhạc gồm 6 tiêu chí và 17 chỉ báo.

- Vị trí công tác (việc làm) có thể đảm nhận sau khi ra trường
- Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiêu chí tuyển sinh/yêu cầu của CTĐT
- Chương trình đối sánh, tham khảo
- Thời điểm thiết kế/điều chỉnh bản mô tả CTĐT

**Phần 2. Cấu trúc chương trình đào tạo.** Trong phần này, bản mô tả đã chỉ ra:

- Cấu trúc của chương trình đào tạo: khối lượng kiến thức toàn khóa là 136 tín chỉ

- Khung chương trình đào tạo chi tiết toàn bộ các học phần trong CTĐT theo từng học kỳ, từng năm học thể hiện sự liên tục, kết nối từ khối kiến thức chung đến khối kiến thức chung của nhóm ngành và cuối cùng là khối kiến thức chuyên ngành.

**Phần 3: Ma trận đáp ứng giữa các học phần và CDR của CTĐT.** Trong phần này, thông tin của bản mô tả gồm có:

- Ma trận đáp ứng giữa các học phần nghiệp vụ chuyên ngành và các học phần chuyên môn của ngành với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
- Bảng ma trận chuẩn đầu ra CTĐT và phương pháp dạy học
- Bảng ma trận chuẩn đầu ra CTĐT và phương pháp kiểm tra đánh giá

**Phần 4: Tiến trình đào tạo.** Trong phần này bản mô tả đã chỉ ra:

Tiến trình đào tạo theo 8 kỳ học với các học phần đi từ khối kiến thức đại cương đến khối kiến thức của nhóm ngành đến khối kiến thức ngành và cuối cùng là khối kiến thức chuyên ngành và rèn luyện năng lực nghề.

**Phần 5. Mô tả các học phần**

Phần này mô tả vắn tắt nội dung của các học phần thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm chuyên ngành bắt buộc và khối kiến thức chuyên ngành.

Dựa vào bản mô tả CTĐT ngành TLHGD, SV biết được cấu trúc chương trình chung và theo từng kì, lộ trình các môn học, những phẩm chất, năng lực cần đạt được sau khi học xong các học phần, từ đó các em có sự chủ động trong việc chuẩn bị, lên kế hoạch cho việc học tập. Mặt khác, bản mô tả CTĐT giúp giảng viên có một cái nhìn xuyên suốt CTĐT và biết được vị trí của học phần mà mình đảm nhiệm trong toàn bộ tiến trình đào tạo, từ đó có kế hoạch giảng dạy phù hợp để phát huy những kiến thức cũ mà SV đã được học và giúp SV hình thành kiến thức mới.

Đối với các nhà tuyển dụng, bản mô tả CTĐT cung cấp các thông tin cơ bản về phẩm chất, năng lực của người học; giúp họ biết được đối tượng tuyển dụng của họ có những năng lực, phẩm chất gì sau khi ra trường và cần bổ sung thêm năng lực, phẩm chất gì khác [H2.02.01.11], [H2.02.01.11].

Việc tiến hành rà soát và điều chỉnh được thực hiện thông qua các cuộc họp của

Hội đồng khoa học, cuộc họp của khoa, với sự tham gia đóng góp ý kiến của các giảng viên có kinh nghiệm lâu năm đang công tác tại khoa [H2.02.01.04]. Các nội dung được điều chỉnh, cập nhật cụ thể như sau:

Năm 2019, 2020, 2021, bản mô tả CTĐT được ban hành có đề cập đến các thông tin như: *thông tin chung về chương trình đào tạo (mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, vị trí việc làm sau tốt nghiệp, thời gian đào tạo, tiêu chí, đối tượng tuyển sinh...); khung chương trình; cây tín chỉ và mô tả tóm tắt nội dung các học phần*. Trong đó, chuẩn đầu ra được xác định trên 03 tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học [H2.02.03.02].

Bản mô tả CTĐT 2022 tiếp tục kế thừa các nội dung thông tin đã có của bản mô tả 2019, đồng thời điều chỉnh, cập nhật thêm nội dung về chuẩn đầu ra theo hướng chú trọng phát triển các năng lực người học, trong đó, xác định rõ các năng lực cốt lõi mà người học cần đạt được, thể hiện ở 04 tiêu chuẩn với 23 tiêu chí (91 chỉ báo). 04 tiêu chuẩn bao gồm: 1. Phẩm chất; 2. Năng lực chung; 3. Năng lực sư phạm; 4. Năng lực Âm nhạc [H2.02.03.02]. Ngoài ra, so với Bản mô tả CTĐT 2020, Bản mô tả CTĐT năm 2022 được điều chỉnh, bổ sung những thông tin sau:

- Điều chỉnh và cập nhật tên các môn học cũng như điều chỉnh số tín chỉ các môn học trong Khung chương trình đào tạo.
- Thay đổi cây tín chỉ của chương trình 2015.
- Bổ sung ma trận đáp ứng giữa các học phần nghiệp vụ chuyên ngành và học phần môn chuyên ngành với CĐR của CTĐT.
- Bổ sung ma trận tương thích của phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với CĐR của CTĐT.

Năm 2022, bản mô tả tiếp tục được chỉnh sửa một số nội dung so với bản mô tả năm 2020, bao gồm [H2.02.01.03].

- Điều chỉnh để cụ thể hoá hơn ma trận thể hiện sự tương thích của PP giảng dạy, hoạt động học tập đối với CĐR của CTĐT. Bổ sung thêm một số PP giảng dạy.
- Chỉnh sửa lại ma trận tương thích của phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với CĐR của CTĐT để đảm bảo việc đánh giá các CĐR của CTĐT được cụ thể hơn.

## **2. Điểm mạnh**

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT đầy đủ và tường minh, hỗ trợ trong việc thực hiện CTĐT. Bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật theo các quy định về đào tạo của trường ĐHSPhN, các văn bản hướng dẫn của Bộ GD và ĐT. Cấu trúc bản mô tả CTĐT rõ ràng, tuân thủ theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và quy định của Nhà

trường.

### 3. Điểm tồn tại

Hình thức trình bày bản mô tả CTĐT chưa thực sự đa dạng, thu hút người đọc.

### 4. Kế hoạch hành động

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Điều chỉnh hình thức trình bày của bản mô tả sinh động, hấp dẫn và thu hút người đọc hơn.	Khoa Nghệ Thuật	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh bản mô tả chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội.	Khoa Nghệ Thuật	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

## **Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật**

### **1. Mô tả**

Đề cương các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành Âm nhạc được xây dựng với đầy đủ các thông tin cần thiết có liên quan đến nội dung học phần [H2.02.02.01] có những thông tin cơ bản sau: tên học phần, số tín chỉ, trình độ, phân bố thời gian, điều kiện tiên quyết, mục tiêu học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ), mô tả vắn tắt nội dung học phần, nhiệm vụ sinh viên, tài liệu học tập, tiêu chuẩn đánh giá sinh viên, thang điểm đánh giá và nội dung chi tiết học phần. Phần nội dung chi tiết được liệt kê đầy đủ các chương, mục của học phần và số giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành của mỗi chương.

Năm 2019, trường Đại học Sư phạm Hà Nội tiến hành chỉnh sửa CTĐT trong toàn trường. Khoa Nghệ Thuật đã chỉnh sửa lại đề cương học phần theo hướng dẫn và quy định của trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Cấu trúc đề cương năm 2020 có sự thay đổi so với năm 2015, trong đó, bổ sung các thông tin có tính cập nhật và đầy đủ hơn như: bổ sung thông tin về giảng viên phụ trách học phần, ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR học phần, ma trận yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực theo khung CĐR của trường, ma trận liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra học phần, ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần, phương pháp giảng dạy/học tập, phương pháp đánh giá. Cụ thể đề cương học phần năm 2020 bao gồm những thông tin sau đây:

### **Nội dung học phần**

Tên chương	Buổi	Số TC	Phân bố thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có hướng dẫn
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	
Chương 1: Hệ thống những vấn đề về lý thuyết âm nhạc cơ bản	1-4	0.55	4	4	16

### **Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CĐR học phần**

	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4
MT1		x	x	
MT2		x	x	
MT3				x

### **Hình thức, tỷ trọng đánh giá**



Hình thức đánh giá	Tỷ trọng (%)
<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
<i>Đánh giá chuyên cần</i>	10
<i>Bài tập</i>	10
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>20</b>
<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>60</b>

### 1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần (tên tiếng Việt và tiếng Anh)
- Mã học phần
- Loại học phần
- Số tín chỉ của học phần
- Số tiết (Lý thuyết/Bài tập/Thảo luận, thực hành)
- Học phần tiên quyết/học trước/song song
- Các yêu cầu phục vụ đối với học phần
- Đơn vị phụ trách
- Giảng viên giảng dạy

### 2. Mô tả chung về học phần

3. Các thông tin về nguồn học liệu, bao gồm các giáo trình và tài liệu tham khảo đa dạng.

### 4. Mục tiêu của học phần

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần

- Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT, giữa mục tiêu học phần với chuẩn đầu ra của học phần

### 6. Nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Nội dung học phần: Liệt kê đầy đủ các chương trong học phần, phân bổ số buổi giảng dạy, số tín chỉ, số tiết lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học của mỗi chương.

- Nội dung chi tiết, phương pháp giảng dạy: Liệt kê chi tiết, đầy đủ nội dung chính của các mục/bài trong mỗi chương, phân bổ số tiết lý thuyết, thực hành..., phương pháp giảng dạy, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, các yêu cầu dành cho sinh viên ở từng mục/bài.

- Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần.

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá của học phần: Xác định rõ các hình thức, tỷ

trọng đánh giá; ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập, tiêu chí đánh giá.

## 7. Chính sách đối với học phần

Đề cương học phần được các giảng viên cung cấp cho sinh viên ngay khi bắt đầu học phần.

Đề cương học phần được định kỳ rà soát, cập nhật theo quy định của Trường. Việc rà soát được thực hiện với sự tham gia đóng góp ý kiến tích cực của các thành viên thuộc hội đồng khoa học và các giảng viên khoa Nghệ Thuật, của các chuyên gia trong lĩnh vực Âm nhạc, các nhà tuyển dụng [H2.02.01.11]. Việc rà soát đề cương các học phần được thực hiện theo các bước. Khoa xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT; Khoa tổ chức tọa đàm, góp ý và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nội dung các đề cương; Tiếp đó các bộ môn sẽ rà soát đề cương từng học phần do bộ môn phụ trách và chỉ ra các nội dung cần cập nhật, sửa đổi; Tiến hành họp Hội đồng khoa học khoa thông qua ý kiến đề xuất của các các bộ môn; Làm tờ trình gửi lên trường về đề xuất điều chỉnh các nội dung của đề cương.

So với đề cương năm 2020, một số thông tin của đề cương học phần năm 2022 đã được cập nhật, điều chỉnh và bổ sung cụ thể và rõ ràng hơn như: Bổ sung các phương pháp giảng dạy hiện đại cho các học phần để đảm bảo thích ứng hơn với CDR của CTĐT; chỉnh sửa các phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần cho phù hợp và thích ứng với CDR của CTĐT hơn. Chỉnh sửa số chương của học phần *Lịch sử âm nhạc phương Tây* từ 3 tín chỉ xuống 2 tín chỉ; học phần *Hoà âm ứng dụng* từ 2 tín chỉ thành 3 tín chỉ; bỏ các học phần *Thanh nhạc nâng cao* và *Nhạc cụ nâng cao* ở phần tự chọn, thay vào đó là *Thanh nhạc 6* sang học phần bắt buộc... Ngoài ra, hệ thống giáo trình, tài liệu ở một số học phần cũng được bổ sung, cập nhật; bổ sung và điều chỉnh một số giảng viên tham gia giảng dạy ở một số học phần cho phù hợp với điều kiện về nguồn nhân lực hiện tại của khoa.

Các đề cương chi tiết năm 2022 đã làm rõ về chuẩn đầu ra của ngành từ đó các môn học có thể soi để điều chỉnh đề cương môn học, chỉnh sửa thời lượng cho một số môn cho vào các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của các học phần trong chương trình đào tạo. Các phương pháp giảng dạy đa dạng với những phương pháp chính như: thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận nhóm, dạy học tình huống, thực hành làm bài tập, dạy học qua dự án. Trong đó, các phương pháp được sử dụng phổ biến và nhiều nhất là thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống. Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá được thiết kế bao gồm: đánh giá thường xuyên qua quan sát sự chuyên cần, thảo luận và bài tập trên lớp; các hình thức kiểm tra chủ yếu thực hiện dưới các bài thi tự

luận, thi trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành bài tập thông qua sản phẩm và việc trình diễn của sinh viên. Việc trình bày phương pháp giảng dạy/học tập được cụ thể, chi tiết theo nội dung học tập đến từng mục trong các chương. Các phương pháp này đều được xác định dựa trên mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của từng học phần, tương ứng với các nội dung học tập, đảm bảo tính hệ thống chặt chẽ góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR của CTĐT. Các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ cũng góp phần đạt chuẩn đầu ra về phẩm chất, năng lực chung và của ngành cho người học [H2.02.03.06].

Căn cứ vào đề cương chi tiết, giảng viên có thể thấy được mục tiêu chuẩn đầu ra cần đạt của học phần, dễ dàng triển khai việc giảng dạy theo đúng các nội dung chi tiết đã có ở đề cương, đảm bảo số tiết lý thuyết cũng như thực hành, thảo luận. Các phương pháp giảng dạy/học tập và kiểm tra đánh giá cũng được thực hiện nghiêm túc để đạt được CDR của học phần, qua đó góp phần đạt được CDR của CTĐT.

### 2. Điểm mạnh

Đề cương các học phần trong CTĐT cử nhân Âm nhạc có mục tiêu, nội dung rõ ràng và đầy đủ thông tin.

### 3. Điểm tồn tại

Các tài liệu tham khảo trong đề cương của một số học phần còn chưa được bổ sung, cập nhật thường xuyên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch bổ sung các tài liệu tham khảo trong mỗi học phần theo định kỳ hằng năm	Khoa Nghệ Thuật	Năm học 2022 - 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật và điều chỉnh 2 năm/lần đề cương chi tiết.	Giảng viên, tổ bộ môn, Hội đồng Khoa học	Năm học 2023 – 2024

### 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

## Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

### 1. Mô tả

Sau khi CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Âm nhạc được trường Đại học Sư phạm ban hành theo quyết định số 6162/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 11 tháng 12 năm 2020 [H2.02.03.01], Khoa Nghệ Thuật đã công bố công khai cho người học, giảng viên, những người đang làm việc tại các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực Âm nhạc, nội dung về bản mô tả CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên

website Nhà trường [H2.02.03.02], trên trang Website đã niêm yết bản mô tả CTĐT tại các bản thông báo của khoa hay cập nhật các thông tin cần thiết trong sổ tay sinh viên [H1.01.03.02], tại các buổi Hội thảo của khoa.

Tương tự bản mô tả CTĐT, toàn bộ đề cương trong chương trình đào tạo được công bố công khai bằng nhiều hình thức:

- Công bố công khai trong quá trình dạy học: GV khi lên lớp giảng dạy đều cung cấp, giới thiệu cho sinh viên các thông tin trong đề cương học phần như CDR, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của học phần, đánh giá, học liệu, đề cương chi tiết học phần, phương pháp dạy học... để người học nắm bắt, tổ chức, sắp xếp phương pháp học cho phù hợp với học phần nhằm đạt kết quả cao.

- Công khai qua trang web của khoa

Việc công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần thông qua đa dạng các hình thức như trên đã giúp cho sinh viên dễ dàng biết được những thông tin cần thiết về học phần có thể đăng ký trong một học kỳ, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và khóa học; giúp cho các nhà tuyển dụng liên quan đến lĩnh vực Âm nhạc dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu về CTĐT của khoa. [H2.02.03.02]

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công khai thông qua các buổi xemina, nội dung các bản mô tả và đề cương các học phần trong CTĐT cử nhân ngành Âm nhạc cũng được phổ biến tới các bên liên quan.

*Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, người học, người học đã tốt nghiệp... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần dễ dàng và thuận tiện nhất.*

GV và cán bộ quản lý đào tạo đều có thể tiếp cận CTDH, bản mô tả CTĐT, đề cương các học phần Âm nhạc tại phòng Đào tạo và bản lưu tại văn phòng khoa.

Đồng thời, tại các buổi tư vấn tuyển sinh hàng năm, một số thông tin chính của bản mô tả CTĐT như các thông tin về CDR, vị trí công việc có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp, về CTĐT được giới thiệu, cung cấp cho thí sinh, phụ huynh và các đối tác liên quan [H2.02.03.03]

Thông qua sự đa dạng của các kênh thông tin nêu trên, các bên liên quan có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin về CTĐT, đặc biệt các sinh viên đang theo học có thể chủ động xây dựng kế hoạch học tập đáp ứng yêu cầu của chương trình học và tìm kiếm sự hỗ trợ từ GV, cố vấn học tập và các bên liên quan đến đào tạo.

Theo kết quả khảo sát phản hồi của cựu sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và sinh viên đang theo học về tác dụng của đề cương học phần, các giảng viên cho rằng đề cương học phần là căn cứ pháp lý để giảng viên dựa vào đó thiết kế giáo án và triển khai các hoạt động giảng dạy. Còn các sinh viên cho biết các thông tin trong đề cương giúp họ biết được họ sẽ được học những nội dung cụ thể gì trong học phần, các tài liệu

học tập của học phần gồm những tài liệu nào và phân bố thời gian học tập ra sao để họ có thể tìm kiếm các thông tin về học phần phục vụ cho việc học tập và sắp xếp thời gian tự học cho phù hợp [H2.02.03.03].

## 2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai đến các bên liên quan thông qua nhiều hình thức khác nhau (như tờ rơi, trang web) và dễ dàng tiếp cận.

## 3. Điểm tồn tại:

Số lượng lấy ý kiến phản hồi cho bản mô tả CTĐT chưa phong phú.

## 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng, chuyên gia, giảng viên trong và ngoài khoa, cựu SV về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương học phần nói riêng dưới nhiều hình thức để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành Âm nhạc.	Khoa Nghệ thuật	Học kỳ 1, năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục sử dụng nhiều hình thức khác nhau để công bố công khai bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận	Khoa Nghệ thuật	Hàng năm

## 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2***

Bản mô tả CTĐT ngành Âm nhạc năm 2022 cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh. Từ năm 2019 đến 2023, bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc đã được điều chỉnh 01 lần. Năm 2019 là năm xây dựng chương trình mới, sau 1 năm thử nghiệm bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật theo các quy định về đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành Sư phạm Âm nhạc. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính ứng dụng, thực hành của các kiến thức được đào tạo. Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Trường ĐHSPhN; cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của CTĐT. Đề cương của các học phần cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của Đại học Sư phạm Hà Nội. Các đề cương học phần đã

được điều chỉnh, cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Đề cương chi tiết được định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu, phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Âm nhạc được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Tuy nhiên, Website của Khoa Nghệ thuật mới được chỉnh sửa lại năm 2020 nên chưa thống kê được tổng thể số lượt tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết trên website của Khoa Nghệ thuật từ năm 2017 đến 2020.

### **Đánh giá tiêu chuẩn 2**

Tiêu chuẩn 2	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 2.1					5		
Tiêu chí 2.2					5		
Tiêu chí 2.3					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.0</b>						

### **Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### ***Mở đầu***

Chương trình dạy học (CTDH) đại học ngành SPAN được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT ngành SPAN. Mỗi học phần trong CTDH cử nhân SPAN đều thể hiện được các yêu cầu của CĐR rất rõ ràng. CTDH được xây dựng theo cấu trúc nhất quán, hợp lý, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Đồng thời, CTDH cũng đáp ứng các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Trường ĐHSPhN và Bộ GD&ĐT.

#### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

##### ***1. Mô tả***

CTDH trình độ đại học ngành SPAN được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về phẩm chất và các năng lực chung cũng như năng lực nghề nghiệp [H3.03.01.01]. Việc xác định chuẩn đầu ra được căn cứ trên hướng dẫn của ngành [H3.03.01.02], điều này đã thể hiện rõ nét trong bản mô tả CTDH và bản mô tả CTĐT ngành SPAN năm 2020 [H3.03.01.03].

Căn cứ khung trình độ quốc gia [H3.03.01.04], CĐR ngành Sư phạm Âm nhạc trường ĐHSPTN bao gồm 4 nhóm tiêu chuẩn và 23 tiêu chí tương ứng với các yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung, năng lực sư phạm, năng lực ngành mà người học cần đạt được trong quá trình đào tạo.

Phân tích các tiêu chuẩn trong CTDH ngành SPAN có thể thấy rõ, CĐR của Chương trình dạy học cử nhân sư phạm ngành SPAN năm 2020 đã bao quát được yêu cầu chung của ngành học sư phạm của Trường ĐHSPTN Hà Nội nói chung và ngành SPAN nói riêng. Đặc biệt, tiêu chuẩn 4 - Năng lực khoa học ngành SPAN với 06 tiêu chí cụ thể là: Năng lực Âm nhạc; Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức âm nhạc để giải thích nội dung dạy học môn Âm nhạc trong Chương trình giáo dục phổ thông; Năng lực sử dụng các kiến thức giáo dục tổng quát và kiến thức âm nhạc vào thực tiễn; Năng lực nghiên cứu âm nhạc và khoa học giáo dục âm nhạc; Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn; Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn. Có thể khẳng định việc xác định năng lực khoa học ngành SPAN và các chỉ báo cụ thể đã bao quát được yêu cầu chuyên biệt chương trình DH cũng như CTĐT của ngành SPAN [H3.03.01.01].

Căn cứ vào Bản mô tả CTDH và bản mô tả CTĐT ngành SPAN có thể thấy, cấu trúc CTDH được thiết kế bao gồm 3 khối học vấn: Khối học vấn chung; khối học vấn ngành SPAN; Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm.

Các học phần ở các khối kiến thức này đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kiến thức của CĐR, được thể hiện cụ thể ở Bảng 3.1.1. Bảng này cho thấy cấu trúc các học phần trong CTDH có thể hiện tỷ lệ cân đối, logic với cấu phần của CĐR (CĐR chung, CĐR chuyên ngành, kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, thái độ, tự chủ và nghề nghiệp).

**Bảng 3.1.1. Học phần trong CTDH tương ứng yêu cầu kiến thức CĐR**

<b>Học phần trong CTDH</b>	<b>Tương ứng kiến thức của CĐR</b>
<p><b>- Các học phần thuộc khối kiến thức chung (35 TC) chiếm gần 26%.</b></p> <p>+ Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng;...</p> <p>+ Ngoại ngữ</p>	<p>+ Có hiểu biết cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>+ Có hiểu biết cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với tiêu chuẩn đào tạo người giáo viên trong Nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>+ Bước đầu có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên</p>

	cứu các tài liệu tham khảo chuyên ngành
<p><b>- Khối học văn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm gồm 35 tín chỉ chiếm gần 26%.</b> Gồm các học phần như: Giáo dục học; Tâm lí học GD, Thực hành nghề, Giao tiếp sư phạm, Kiểm tra đánh giá giáo dục, Phương pháp dạy học Âm nhạc 1, Phương pháp dạy học Âm nhạc 2, Phương pháp dạy học Âm nhạc 3, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Âm nhạc, Rèn luyện nghiệp vụ SP thường xuyên Thực hành dạy học tại trường sư phạm; Thực tập sư phạm 1; Thực tập sư phạm 2.</p> <p><b>Khối học văn ngành SPAN gồm 66 TC chiếm 48%,</b> gồm khối học vãn chung của ngành, khối học vãn chuyên ngành, khối học vãn bổ trợ của chuyên ngành. Khối học vãn chung của ngành gồm các môn như: Kí xướng âm 1; Lí thuyết âm nhạc 2; Kí xướng âm 2; Lí thuyết âm nhạc 2; Kí xướng âm 3; Phân tích tác phẩm 1; Hoà âm cơ bản, Hát đồng ca hợp xướng, Múa chất liệu, Lịch sử âm nhạc phương Tây, Lịch sử âm nhạc Việt Nam...</p> <p>Khối học vãn chuyên ngành gồm các môn bắt buộc như: Thanh nhạc 1; Nhạc cụ 1; Thanh nhạc 2; Nhạc cụ 2; Thanh nhạc 3; Nhạc cụ 3; Thanh nhạc 4; Nhạc cụ 4; Thanh nhạc 5; Nhạc cụ 5; Kí xướng âm 2; Lí thuyết âm nhạc 2; Kí xướng âm 3; Phân tích tác phẩm 1; Hoà âm cơ bản, Hát đồng ca hợp xướng, Múa chất liệu, Lịch sử âm nhạc phương Tây, Lịch sử âm nhạc Việt Nam; Thực tế chuyên môn,...</p>	<p>- Có đủ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo dạy thành thạo môn Âm nhạc ở bậc phổ thông và có đủ năng lực học tập ở bậc cao hơn.</p> <p>- Có đủ kiến thức để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học, giáo dục bằng con đường tổng kết kinh nghiệm, NCKH. Biết xây dựng các giả thuyết khoa học, soạn đề cương nghiên cứu, triển khai nghiên cứu, viết báo cáo khoa học và triển khai ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Có tiềm lực để tự hoàn thiện trình độ của mình, đáp ứng những yêu cầu mới của giáo dục.</p> <p>- Có khả năng đáp ứng các yêu cầu về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học; kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở phổ thông.</p> <p>- Có năng lực tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục ở trường phổ thông. Có khả năng vận dụng những kiến thức khoa học đã được đào tạo để đáp ứng mục tiêu giáo dục cho học sinh phổ thông.</p>

Việc thiết kế các học phần trong CTDH là chặt chẽ và khoa học, được thể hiện ở việc lựa chọn các học phần đáp ứng CĐR tương ứng và được hiện thực hoá bằng các kế hoạch dạy học cho từng năm học [H3.03.01.05] và được thể hiện chi tiết trong từng kế hoạch bài dạy từng môn học của từng giảng viên [H3.03.01.06]. Điểm mới là cũng



là bước tiến trong quá trình xây dựng CTDH ngành SPAN năm 2020 so với CTDH ngành SPAN năm 2015 là việc toàn bộ CTDH cũng như đề cương mỗi học phần đều hướng đến đạt CĐR cho người học, điều này thể hiện qua Ma trận quan hệ giữa nội dung đào tạo ngành SP Âm nhạc với CĐR [H03.03.03.07].

Mỗi học phần trong CTDH trình độ ĐH ngành SPAN thể hiện đầy đủ điều kiện tiên quyết, mục tiêu, nội dung đào tạo, thời lượng đối ở mỗi nội dung, ma trận tích hợp CĐR, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá, giáo trình, tài liệu tham khảo [H3.03.01.07]. Mục tiêu ở mỗi học phần trong CTDH cử nhân ngành SPAN được trình bày rõ ràng, thể hiện những yêu cầu về phẩm chất, năng lực, kiến thức và kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm mà người học sẽ có được sau khi kết thúc học phần và đều góp phần hình thành các năng lực cần thiết trong 4 nhóm tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực theo yêu cầu của CĐR thể hiện ở ma trận kỹ năng [H3.03.01.07].

Các PPDH, phương pháp học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá được xây dựng dựa trên CĐR và nội dung học tập. Toàn bộ các môn học/ học phần trong CTDH đã xác định được rõ ràng tổ hợp PPDH, phương pháp học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá người học một cách phù hợp, góp phần đạt được CĐR và ma trận kỹ năng [H3.03.01.08], [H3.03.01.09]. Trong ma trận các PPDH và KTĐG, CTDH ngành SPAN sử dụng 17 phương pháp dạy học và 5 phương pháp kiểm tra đánh giá.

Mỗi môn học đều sử dụng kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học truyền thống và các phương pháp dạy học hiện đại, trong đó nhấn mạnh sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại phát huy tính tích cực của người học như: Thảo luận nhóm, tình huống, dạy học theo dự án, động não, đóng vai, thực hành trải nghiệm. Những nội dung lý thuyết sẽ sử dụng các PPDH như: thuyết trình, vấn đáp; các phương pháp học tập như: nghe giảng và ghi chép, nêu vấn đề, làm báo cáo và thuyết trình; các phương pháp kiểm tra đánh giá như trắc nghiệm với câu hỏi đúng/sai, câu hỏi ngắn. Những nội dung thực hành sẽ sử dụng các PPDH như: dạy học dự án, tình huống, đóng vai; các phương pháp học tập như: thực hành, làm tiểu luận, làm báo cáo và thuyết trình. ....Sự đa dạng phương pháp dạy học giúp tăng khả năng tiếp thu kiến thức, cải thiện về kỹ năng và hình thành mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cho SV trong quá trình học tập, qua đó SV đạt được CĐR của CTĐT. Các phương pháp học tập của người học cũng được xác định rõ ràng, các phương pháp học tập thúc đẩy sự chủ động của người học như: tự đọc và nghiên cứu tài liệu, làm báo cáo, tiểu luận, thảo luận, thực hiện dự án nghiên cứu....

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được sử dụng khá phong phú và đa dạng, không chỉ tập trung vào đánh giá kết quả cuối cùng mà bao gồm cả đánh giá trong suốt quá trình học tập của người học [H3.03.01.09]. Đánh giá quá trình học tập gồm các phương pháp kiểm tra đánh giá như: làm bài tập về nhà, thuyết trình, báo cáo, các bài trắc nghiệm với câu hỏi đúng/sai hoặc câu hỏi ngắn.

Đánh giá giữa kì và cuối kì sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá như: thi tự luận, thi tự luận kết hợp trắc nghiệm [H3.03.01.09]. Tuy nhiên, trong thực tiễn vận dụng và đặc thù tri thức môn học, hình thức đánh giá chủ yếu ở các môn chuyên ngành SPAN vẫn thiên về phương pháp tự luận. Nhìn chung các phương pháp đánh giá, kiểm tra và công cụ được sử dụng là phù hợp với CĐR, đảm bảo đánh giá được đầy đủ và chính xác về ý thức thái độ học tập trên lớp, khả năng lĩnh hội kiến thức để liên hệ và giải quyết các vấn đề trong thực tế, khả năng tự học và sáng tạo, khả năng tư duy vận dụng các vấn đề lý luận vào các tình huống thực tế, kỹ năng trình bày, thuyết trình, phản biện, kỹ năng phối hợp và làm việc nhóm của SV. Sự phối hợp nhiều hình thức đánh giá góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR của CTĐT ngành SPAN. Đồng thời, các hình thức, cách thức KTĐG như trên đòi hỏi SV phải tích cực, chủ động, tự giác trong việc chuẩn bị, chiếm lĩnh kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập hướng đến đạt CĐR.

Như vậy có thể thấy, các PPDH và kiểm tra đánh giá tương thích với CĐR của học phần và CTĐT. Điều này được thể hiện trong ma trận PPDH và phương pháp kiểm tra đánh giá [H3.03.01.08], [H3.03.01.09]. Các PPDH và kiểm tra đánh giá nhằm hình thành cho người học các phẩm chất và năng lực cần thiết như: yêu nghề, ý thức tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học ngành (hoặc liên ngành) vào thực tiễn.

Trong giai đoạn 2017-2022, để thực CTDH ngành SPAN [H3.03.01.10] đáp ứng CĐR, trong mỗi năm học, khoa Nghệ thuật đã tiến hành xây dựng kế hoạch chi tiết về thời khoá biểu và phân công giảng dạy [H3.03.01.05]. Đặc biệt, để thực hiện CTDH, đội ngũ GV của khoa với trình độ cao về chuyên môn, năng lực, phẩm chất cũng được lựa chọn dựa trên sự phù hợp chuyên môn của GV và với yêu cầu CĐR.

Không những vậy, trong quá trình xây dựng CTDH đáp ứng CĐR ngành SPAN, khoa Nghệ thuật cũng đã tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm cung cấp thêm các ý kiến đánh giá khách quan đối với CTDH. Cuộc khảo sát do khoa Nghệ thuật tiến hành vào tháng 12/2023-1/2024 trên 11 sinh viên khoá k69 ngành SPAN đã tốt nghiệp ra trường, 10 GV đang giảng dạy trong ngành SPAN và 10 nhà sử dụng lao động bao gồm các quản lý cơ sở giáo dục phổ thông hoặc quản lý tại các trung tâm giáo dục nghệ thuật. Các mẫu phiếu khảo sát được xây dựng với các tiêu chí khoa học, đảm bảo việc thu thập thông tin có tính thuyết phục và tin cậy [H3.03.01.11]:

**Bảng 3.1.1. Đánh giá của SVTN 2023 về Chương trình đào tạo**

Câu	Nội dung và cấu trúc của CTĐT	Mức độ đánh giá (%)				
		0	1	2	3	4
8	CTDH đã cung cấp một khối lượng kiến thức hợp lý	0.0	9.1	18.2	27.3	45.5

9	Cấu trúc CTDH cân đối giữa các khối học văn chung, học văn ngành và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành	9.1	0.0	9.1	36.4	45.5
10	Nội dung CTDH cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học	0.0	9.1	18.2	18.2	54.5
11	Các chuyên đề được sắp xếp hợp lý, có tính hệ thống	9.1	0.0	18.2	36.4	36.4
12	Mỗi chuyên đề đóng góp rõ ràng vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTDH	0.0	9.1	27.3	36.4	27.3
13	CTDH đảm bảo tính liên thông ngang và liên thông dọc	9.1	0.0	18.2	36.4	36.4
14	CTDH có tính mềm dẻo và thuận lợi	9.1	9.1	27.3	27.3	27.3
15	CTDH phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục phổ thông	9.1	0.0	9.1	36.4	45.5
16	CTDH chú trọng đến đào tạo năng lực nghề nghiệp và các kỹ năng mềm cho sinh viên	9.1	0.0	9.1	36.4	45.5
17	CTDH chú trọng đến rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên	0.0	9.1	27.3	36.4	27.3
18	Đề cương học phần cung cấp đủ thông tin giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra học phần	9.1	0.0	9.1	27.3	54.5

Về nội dung “Chương trình đào tạo” sinh viên tốt nghiệp năm 2023 đánh giá rất tích cực về các nội dung này (trên 81.8%). Đặc biệt với các nội dung như: “Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng”, “Triết lý giáo dục của CTĐT được thể hiện rõ”, “Chuẩn đầu ra phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường”, “Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với điều kiện thực tế của khoa/trường”, “CTĐT chú trọng đến rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cho SV”... được sinh viên đánh giá đạt trên 96%. Tuy nhiên vẫn còn một số nội dung có tỉ lệ sinh viên chưa hài lòng như: “Chương trình đào tạo có nhiều môn tự chọn, có tính mềm dẻo và thuận lợi” (18.2%). Đây chính là một trong những căn cứ quan trọng để khoa Nghệ thuật tiếp tục hoàn thiện về cấu trúc và nội dung dạy học.

**Bảng 3.1.2. Đánh giá của GV về Nội dung và cấu trúc CTĐT**

Câu	Nội dung và cấu trúc của	Mức độ đánh giá (%)
-----	--------------------------	---------------------

	CTĐT	0	1	2	3	4
8	CTDH đã cung cấp một khối lượng kiến thức hợp lý	0	0	10	50	40
9	Cấu trúc CTDH cân đối giữa các khối học vấn chung, học vấn ngành và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành	0	0	20	50	30
10	Nội dung CTDH cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học	0	10	20	40	30
11	Các chuyên đề được sắp xếp hợp lý, có tính hệ thống	10	10	20	30	30
12	Mỗi chuyên đề đóng góp rõ ràng vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTDH	0	10	20	40	30
13	CTDH đảm bảo tính liên thông ngang và liên thông dọc	10	10	20	30	30
14	CTDH có tính mềm dẻo và thuận lợi	0	10	10	50	30
15	CTDH phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục phổ thông	0	10	20	40	30
16	CTDH chú trọng đến đào tạo năng lực nghề nghiệp và các kỹ năng mềm cho sinh viên	0	0	20	40	40
17	CTDH chú trọng đến rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên	0	0	30	50	20
18	Đề cương học phần cung cấp đủ thông tin giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra học phần	0	10	20	30	40

**Nhận xét:** Về nội dung, cấu trúc của chương trình đào tạo đa số GV có nhận xét tương đối tích cực. Tuy nhiên, các nội dung được đánh giá thấp là. *Các môn học được sắp xếp hợp lý, có tính hệ thống và CTĐT đảm bảo tính liên thông ngang và liên thông dọc* với tỷ lệ không đồng thuận là 20%; (xem bảng 3.1.2). Đây là một trong những thách thức và yêu cầu được đặt ra trong việc đổi mới CTDH ngành SPAN.

Để tìm hiểu xem SVTN trường ĐHSPhN có kiến thức và năng lực nghiệp vụ ở mức độ nào, chúng tôi đã lấy ý kiến của NSDLLĐ đánh giá 16 nội dung về kiến thức và năng lực nghiệp vụ cơ bản của SVTN dưới đây theo 5 mức độ: *Hoàn toàn không hài lòng; Không hài lòng; Phân vân; Hài lòng; Rất hài lòng*. Kết quả được trình bày ở Bảng 3.1.3 dưới đây:

**Bảng 3.1.3: Đánh giá của NSDLLD về kiến thức và năng lực nghiệp vụ của SVTN trường ĐHSPhN**

TT	Kiến thức, năng lực nghiệp vụ	Mức độ đạt được (%)					ĐTB	Xếp loại
		1	2	3	4	5		
1	Kiến thức ngành/chuyên ngành được đào tạo	0	0	2	3	6	3.36	2
2	Kiến thức nền tảng xã hội liên quan	0	1	1	5	4	3.09	3
3	Khả năng người lao động giải quyết công việc tốt	0	1	3	4	3	2.82	6
4	Năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc	0	1	3	4	3	2.82	6
5	Năng lực tự học/tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng	0	1	1	5	4	3.09	3
6	Năng lực sử dụng ngoại ngữ	0	1	4	3	3	2.73	9
7	Kỹ năng sử dụng tin học	0	1	4	3	3	2.73	9
8	Kỹ năng nghiệp vụ	0	0	1	5	6	3.73	1
9	Năng lực tư duy logic	0	1	1	5	4	3.09	3
10	Kỹ năng khai thác, phân loại, xử lý dữ liệu/thông tin	0	1	3	4	3	2.82	6

**Nhận xét:** Kết quả khảo sát kiến thức và năng lực nghiệp vụ của SVTN trường ĐHSPhN qua đánh giá của NSDLLD được trình bày trong *Bảng 3.1.3* cho thấy SVTN được đánh giá mạnh nhất ở các nội dung: *Kiến thức ngành/chuyên ngành được đào tạo* và *Kỹ năng nghiệp vụ* và yếu nhất ở các nội dung: *Năng lực sử dụng ngoại ngữ* và *Kỹ năng sử dụng tin học*. Đây là một trong những thách thức và yêu cầu được đặt ra trong việc đổi mới CTDH ngành SPAN.

**Bảng 3.1.4. Đánh giá sự phù hợp của CTDH so với yêu cầu vị trí việc làm của đơn vị**

Mức độ đánh giá	Tỷ lệ đánh giá (%)
Không phù hợp	0
Ít phù hợp	10
Phù hợp	50
Rất Phù hợp	40

*Nhận xét:*

Kết quả khảo sát cho thấy NSDLLD đánh giá sự phù hợp của CTĐT so với yêu cầu công việc là rất cao với tỷ lệ đánh giá phù hợp là 97.7%

Qua đây có thể thấy, CTDH ngành SPAN đã đáp ứng tốt yêu cầu của CĐR [H3.03.01.01; H3.03.01.07].

## 2. Điểm mạnh

CTDH ngành SPAN được thiết kế dựa trên các yêu cầu về CĐR của ngành sư

phạm và đặc thù ngành SPAN có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực. Toàn bộ các học phần trong CTDH ở các khối học vấn đều đã xác định được tổ hợp nội dung của CTDH, các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với yêu cầu đặt ra, góp phần đạt được CĐR cho người học trong quá trình đào tạo.

### 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan như cơ sở giáo dục đào tạo, đơn vị tuyển dụng về CTDH chưa đa dạng, phong phú.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTDH bằng nhiều hình thức hơn.	Khoa Nghệ thuật, TTĐBCL	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa chỉ đạo các Bộ môn và GV tiếp tục rà soát và điều chỉnh để CTDH đáp ứng CĐR tốt hơn nữa	Tất cả GV của khoa Nghệ thuật	Hàng năm

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng**

#### 1. Mô tả

Tất cả các môn học/học phần trong CTDH đã có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp rõ ràng của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR. Mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra trong chương trình được thể hiện rõ qua Ma trận đóng góp của các học phần cho CĐR [H3.03.02.01]. Cụ thể như sau:

- Với nhóm tiêu chuẩn 1/ nhóm CĐR 1- Về phẩm chất với 6 tiêu chí, hầu hết các môn học có đóng góp từ mức trung bình trở lên, trong đó tiêu chí được đóng góp của nhiều môn học nhất là tiêu chí 6 (39 môn), tiêu chí 5 (19 môn) và tiêu chí 1 (15 môn), không có môn nào không có đóng góp cho nhóm CĐR 1.

- Với nhóm tiêu chuẩn 2/ nhóm CĐR 2- Về năng lực chung, với 6 tiêu chí, hầu hết các môn học có đóng góp từ mức trung bình trở lên, trong đó tiêu chí được đóng góp của nhiều môn học nhất là tiêu chí 4 (31 môn), tiêu chí 5 (21 môn) và tiêu chí 1 (11 môn), không có môn nào không có đóng góp cho nhóm CĐR 1

- Với nhóm tiêu chuẩn 3/ nhóm CĐR 3- Về năng lực sự phạm, hầu hết các môn học có đóng góp từ mức trung bình trở lên, trong đó tiêu chí được đóng góp của nhiều môn học nhất là tiêu chí 3 (34 môn), tiêu chí 4 (33 môn) và tiêu chí 5

(32 môn), không có môn nào không có đóng góp cho nhóm CDR 3.

- Với nhóm tiêu chuẩn 4/ nhóm CDR 4 - Về năng lực khoa học ngành SPAN, hầu hết các môn học có đóng góp từ mức trung bình trở lên, trong đó tiêu chí được đóng góp của nhiều môn học nhất là tiêu chí 1 (52 môn), tiêu chí 5 (52 môn) và tiêu chí 5 (32 môn), không có môn nào không có đóng góp cho nhóm CDR 4 [H3.03.02.01].

Các học phần chuyên ngành có thể chia thành các khối cơ bản sau: Thứ nhất, khối học vấn chung của ngành với các môn bắt buộc như: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh,... Thứ hai, khối học vấn chuyên ngành gồm các môn bắt buộc như: Lý thuyết âm nhạc 1, Lý thuyết âm nhạc 2, Kí xướng âm 1, Kí xướng âm 2, Kí xướng âm 3, phân tích tác phẩm, hoà âm cơ bản, Lịch sử âm nhạc Việt Nam, Lịch sử âm nhạc phương Tây,.. và có các chuyên đề tự chọn như: Hoà âm ứng dụng, tiếng Anh chuyên ngành, Kí xướng âm 4, Thanh nhạc 6, Thanh nhạc cuối khoá, Piano-keyboard 6, Piano-keyboard cuối khoá, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Thứ ba, khối học vấn bổ trợ của chuyên ngành với các học phần bắt buộc như: Thanh nhạc 1/2/3/4/5, Piano-keyboard 1/2/3/4/5, Chất liệu múa, [H3.03.02.01]. Mỗi học phần trong khối các học phần trên đều được xây dựng để chuyển tải rõ ràng về phẩm chất, năng lực trong CDR hoặc một số thành phần của CDR và đều gắn liền với việc nâng cao năng lực thực hiện các hoạt động giáo dục và dạy học môn Âm nhạc, chú trọng khả năng vận dụng thực tiễn và đạt được CDR [H3.03.02.01]. Việc xây dựng các học phần cũng như các CDR đều dựa trên việc khảo sát nhu cầu thực tế cũng như điều chỉnh định kỳ dựa trên ý kiến góp ý của các bên liên quan [H3.03.01.02]. Có thể minh hoạ sự đóng góp của học phần với CDR qua ma trận liên kết nội dung giảng dạy của 1 học phần cụ thể với CDR dưới đây:

**Bảng 3.2.1. Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần LLDH phát triển năng lực môn Âm nhạc**

Nội dung giảng dạy		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chương	Mục					
1	1.1	1	2	1	3	3
	1.2	1	2	1	3	3
	1.3	1	2	1	2	1
	1.4.	1	2	1	2	1
2	2.1	1	2	1	3	3
	2.2	1	2	1	3	3
3	3.1	1	2	1	3	3
	3.2	1	2	1	3	3
	3.3	1	2	2	3	3

4	4.1	1	2	1	3	3
	4.2	1	2	1	3	3
5	5.1	1	2	1	3	3
	5.2	1	2	1	3	3
6	6.1	1	2	1	3	3
	6.2	1	2	1	3	3

*Ba bậc đóng góp: nhiều (3), trung bình (2), ít (1) và không đóng góp: (0)*

Trong chương trình dạy học ngành SPAN, các học phần như: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh,... ... trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng nền tảng cần thiết về khoa học xã hội. Các học phần như: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học, Lí luận dạy học, Đánh giá trong giáo dục, Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Âm nhạc, Xây dựng kế hoạch dạy học Âm nhạc, Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong Nhà trường,...góp phần lớn trong việc rèn luyện các năng lực thuộc nhóm năng lực sư phạm (như năng lực chuyên ngành, năng lực định hướng phát triển của người học, năng lực dạy học và giáo dục) và các năng lực thuộc nhóm năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội.

Những học phần trong 66 TC cho khối kiến thức chuyên ngành như Lý thuyết âm nhạc 1, Lý thuyết âm nhạc 2, Kí xướng âm 1, Kí xướng âm 2, Kí xướng âm 3, phân tích tác phẩm, hoà âm cơ bản, Lịch sử âm nhạc Việt Nam, Lịch sử âm nhạc phương Tây, Hoà âm ứng dụng, tiếng Anh chuyên ngành, Kí xướng âm 4, Thanh nhạc 6, Thanh nhạc cuối khoá, Piano-keyboard 6, Piano-keyboard cuối khoá, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Thanh nhạc 1/2/3/4/5, Piano-keyboard 1/2/3/4/5, Chất liệu múa,... và các học phần tự chọn đóng góp lớn cho rèn luyện năng lực tự học, năng lực chuyên ngành, năng lực NCKH và năng lực phát triển nghề nghiệp.

Không chỉ tương thích về nội dung, tất cả các học phần trong CTĐT đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR. Mỗi học phần đều xác định các phương pháp dạy học theo hướng kết hợp giữa các phương pháp dạy học truyền thống và các phương pháp dạy học hiện đại. Tùy đặc thù mỗi môn học mà phương pháp dạy và học ưu thế ở mỗi học phần là khác nhau, nhưng nhìn chung, các phương pháp dạy học của tất cả các học phần đều được xây dựng đáp ứng phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực NCKH của người học, phù hợp với nhu cầu và năng lực của bản thân người học và phù hợp đáp ứng CDR [H3.03.02.01]. Các học phần trong CTĐT cũng xác định được các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau nhằm đạt được CDR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá khá đa dạng và phong phú, không chỉ đánh giá kết quả cuối cùng mà còn đánh giá thường xuyên quá trình học tập



của người học. Các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng tương thích với nội dung dạy học nhằm đạt được tối đa CĐR học phần. [H3.03.02.01]. Phương pháp kiểm tra đánh giá của mỗi học phần được nêu trong Bản mô tả CTĐT được thông tin tới người học vào đầu mỗi học phần [H3.03.02.03]. Bảng 3.2.2 là ví dụ minh họa cho ma trận tích hợp CĐR với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập của học phần LLDH phát triển năng lực môn Âm nhạc.

**Bảng 3.2.2. Ma trận tích hợp CĐR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập**

CĐR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Tỉ trọng (%)		
CĐR1	Đánh giá thường xuyên	100	Trao đổi, thảo luận	Nghiên cứu cá nhân
CĐR2	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống (Thuyết trình, giảng giải minh họa, thực hành luyện tập...) với các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực (nêu và giải quyết vấn đề...), tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tự nghiên cứu, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì (tự luận)	20		
Kiểm tra cuối kì (tự luận)	60			
CĐR3	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống (Thuyết trình, giảng giải minh họa, thực hành luyện tập...) với các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực (nêu và giải quyết vấn đề...), tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tự nghiên cứu, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì (tự luận)	20		
	Kiểm tra cuối kì (tự luận)	60		

CDR4	Đánh giá chuyên cần	50	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống (Thuyết trình, giảng giải minh họa, thực hành luyện tập...) với các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực (nêu và giải quyết vấn đề...), tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tự nghiên cứu, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
------	---------------------	----	---	--

Nội dung các môn học/học phần trong CTDH ngành SPAN thể hiện việc đạt được CDR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan (giảng viên tham gia giảng dạy chương trình ngành SPAN; cựu sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành SPAN; đơn vị sử dụng lao động là sinh viên đã tốt nghiệp chuyên ngành SPAN) năm 2019 về nội dung môn học do Khoa Nghệ thuật thực hiện đã thu được những phản hồi tích cực cho quá trình xây dựng CTDH và các học phần [H3.03.02.04], Cụ thể:

Về nội dung khảo sát “*Mỗi học phần đóng góp rõ ràng vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTDH*” được đánh giá nhiều nhất ở mức hoàn toàn đồng ý. Trong đó, ý kiến của giảng viên hoàn toàn đồng ý là 50 %, đồng ý là 40 %. Ý kiến của cựu SV hoàn toàn đồng ý là 45.45 %, đồng ý là 54.5 %, không đồng ý là 0%.

Trên cơ sở đó, CTDH và đề cương học phần đã được rà soát, chỉnh sửa, phù hợp với yêu cầu của CTĐT và ý kiến của các bên liên quan, được nghiệm thu và đưa vào tổ chức dạy học [H3.03.02.05], [H3.03.02.06]....

## 2. Điểm mạnh

CTDH đã thể hiện rõ sự đóng góp rõ ràng, chi tiết của mỗi học phần trong việc đạt được CDR. Phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá mỗi học phần được thiết kế phù hợp với CDR và đã được định kỳ lấy ý kiến từ các bên liên quan.

## 3. Điểm tồn tại

Nội dung các môn học/học phần trong CTDH đạt được CDR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng sự phản hồi của các bên liên quan còn chưa được thường xuyên.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
----	----------	----------	-------------------------	-------------------------------------

1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường liên hệ, đổi mới hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nội dung học phần trong CTDH.	Khoa Nghệ thuật và toàn thể giảng viên	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy đóng góp của các môn học/ học phần đáp ứng yêu cầu CDR.	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp**

**1. Mô tả**

Các học phần trong CTDH có cấu trúc, trình tự logic, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. CTDH ngành SPAN được thiết kế có cấu trúc chặt, các học phần được sắp xếp logic, đảm bảo cho SV có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Cụ thể là: các học phần được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu, chặt chẽ theo một trình tự logic. [H3.03.03.05]. Trong đó khối kiến thức chung bao gồm các môn học như: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin ½, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam .... Những môn học này cung cấp cho người học những phẩm chất và năng lực chung. Khối kiến thức chung của nhóm ngành gồm khối học vấn chung và khối học vấn ngành với các môn học như: Giáo dục học, Lí luận dạy học, Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Âm nhạc, Giao tiếp sư phạm... Những môn học này cung cấp cho người học những năng lực dạy học và giáo dục chung của ngành. Khối kiến thức chuyên ngành được chia ra thành các học phần theo khối học vấn chung của ngành, khối học vấn chuyên ngành và khối học vấn bổ trợ của chuyên ngành.

CTDH có được bố trí với hợp lý về cấu trúc, trình tự các khối học vấn. [H3.03.03.02]. Trong đó: Khối học vấn chung: 35 tín (chiếm 26%); Khối học vấn ngành SPAN: 66 tín (chiếm 48%); Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 35 tín (chiếm 26%). Tất cả các học phần đều hướng tới giúp người học đạt được CDR của ngành SPAN với 4 tiêu chuẩn và 23 tiêu chí. Khối kiến thức chung được bố trí bắt đầu từ kì 1 đến kì 3; khối học vấn nghiệp vụ sư phạm bắt đầu ở kì 3; khối học vấn ngành thì được bắt đầu với tỉ lệ nhất định ngay từ học kì 1 để sinh viên làm quen một phần; các khối học vấn cơ sở ngành SPAN thì người học được bố trí học trong kì 6 và kì 7. Thời lượng của môn học phần từ 2 đến 3 tín chỉ phụ thuộc vào sự đóng góp của học phần đó trong việc đạt được CDR.

Tổng số tín chỉ của CTDH là 136 tín chỉ (số tín chỉ bắt buộc là 113 tín chỉ/số tín chỉ tự chọn là 23). Tỷ lệ này cho thấy sự cân đối và logic trong thiết kế nhóm học phần bắt buộc và tự chọn. Các học phần bắt buộc và tự chọn trong CTĐT được phân bố hợp lý, khoa học, gắn với CDR của CTĐT phân nhiệm cho các học phần. Cơ cấu các khối kiến thức trong CTĐT hợp lý, đáp ứng triết lý trong đào tạo cử nhân GDCD, phục vụ nhu cầu xã hội ngày càng cao. Việc thiết kế các học phần trong CTĐT khá chặt chẽ và khoa học, có sự lựa chọn phù hợp trong các học phần để đáp ứng với CDR tương ứng. Về phân bố các học phần như: Các học phần bắt buộc/tự chọn, chung/cơ sở/chuyên ngành/tiên quyết được phân bố hợp lý nhằm giúp SV chủ động trong việc lựa chọn các

học phần theo kế hoạch. Các học phần trong chương trình được phân bố hợp lý và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. [H3.03.03.05].

Bên cạnh đó, CTDH thể hiện tính tích hợp, sự thay đổi trong khung chương trình và chi tiết các môn học năm 2020 thể hiện tính tích hợp cao. Sự thay đổi này một phần do sự thay đổi mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHSP Hà Nội, mục tiêu của giáo dục đại học Việt Nam, mặt khác là sự đáp ứng với thay đổi của Chương trình giáo dục phổ thông mới đối với môn học Âm nhạc ở bậc phổ thông, đòi hỏi việc đào tạo giáo viên Âm nhạc đáp ứng được các CDR về phẩm chất, năng lực chung, năng lực NVSP và năng lực khoa học ngành SPAN mới có thể đảm nhận tốt việc dạy học chương trình Âm nhạc mới ở bậc phổ thông.

CTDH được Khoa Nghệ thuật trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Nhà trường, trên cơ sở nguồn lực, đội ngũ nhân sự, và được hiện thực hoá bằng kế hoạch dạy học hàng năm [H3.03.03.02], trong đó bên cạnh các nội dung chuyên ngành, chương trình đặc biệt chú trọng nội dung rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để đảm bảo một chương trình phù hợp và hiệu quả cho người học [H3.03.03.01]. CTDH cũng được tiến hành rà soát định kỳ trên cơ sở lấy ý kiến các bên liên quan, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật công khai. Trong các năm từ 2017 - 2022, việc rà soát chương trình dạy học được Hội đồng Khoa học đào tạo khoa Nghệ thuật tiến hành thường xuyên cùng với việc rà soát đối với toàn bộ CTĐT và CTDH ngành SPAN [H3.03.02.04], [H3.03.03.07].

Trên cơ sở đó Bản mô tả CTĐT, CTDH năm 2020 đã được xây dựng với cấu trúc mới [H3.03.03.08, H3.03.03.09], tập trung hướng vào chuẩn đạt các năng lực và phẩm chất sau đây:

Về phẩm chất: Có phẩm chất chung của người giáo viên: yêu nghề và có trách nhiệm cao với nghề, có đạo đức tốt, lối sống và tác phong mẫu mực, có tinh thần học tập suốt đời. Và có phẩm chất đặc thù của người giáo viên lý luận chính trị là thấm nhuần thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, trung thành với lý tưởng của Đảng Cộng sản

Việt Nam.

Về năng lực: gồm năng lực khoa học chuyên ngành, năng lực sư phạm. Trong đó năng lực chuyên ngành được thể hiện ở: Nắm vững các kiến thức cơ bản, hiện đại về các môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin ½, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Có năng lực vận dụng kiến thức lý luận để giải quyết tốt các vấn đề của đời sống thực tiễn; Có tư duy phân tích, sáng tạo và phê phán trong nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị, bảo vệ học thuyết Mác, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và vận dụng lý luận chính trị vào thực tiễn. Năng lực sư phạm được thể hiện cụ thể như: Năng lực dạy học; Năng lực giáo dục; Năng lực định hướng sự phát triển của học sinh; Năng lực phát triển cộng đồng; Năng lực phát triển cá nhân [H3.03.03.08]. Tuy nhiên, các chỉ báo đưa ra của CTDH ngành SPAN năm 2015 chưa làm bật được những CDR trong CTDH và đề cương các học phần. Điều này đòi hỏi cần phải tiếp tục đổi mới trong xây dựng CDR của cả CTĐT và CTDH.

Từ năm 2017, thực hiện hướng dẫn của trường nhằm xây dựng CTĐT và CTDH đáp ứng CDR, Hội đồng Khoa học đào tạo tiếp tục rà soát, chỉnh sửa xây dựng CTDH và đề cương các học phần tích hợp ma trận CDR. Theo đó, toàn bộ các học phần sẽ được cấu trúc lại theo kết cấu đáp ứng CDR của chương trình, Đổi tên một số học phần; Giảm khối kiến thức chuyên ngành xuống còn 66 tín chỉ; Tăng 10 tín chỉ khối kiến thức nghiệp vụ; Xác định khối học vấn cốt lõi của ngành [H3.03.03.09].

**Bảng 3.3.1. So sánh các học phần trong CTĐT năm 2015 và năm 2020**

<b>CTĐT</b>	<b>Năm 2015</b>		<b>Năm 2020</b>	
Khối học vấn chung	20 TC: Trong đó: - Khoa học Mác – Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 TC; - Ngoại ngữ: 10 TC.	12 học phần	35 TC: Trong đó - Khối học vấn chung của trường: 25 TC - Khối học vấn chung của nhóm ngành: 10 TC	17 học phần
<i>Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm</i>	34 TC Trong đó: - Khối kiến thức cơ sở chung: 14 TC; - Kiến thức, kỹ năng và NLDH chuyên ngành: 8 TC; - Thực hành sư phạm: 12 TC.	12 học phần	35 TC	13 học phần

<i>Khối học vấn của ngành</i>	81 TC, trong đó: - Bắt buộc là 53 TC; - Tự chọn là 22 TC; - Khoá luận tốt nghiệp hoặc tương đương: 6 TC.	30 học phần	66 TC, trong đó: - Khối học vấn chung của ngành: 19 TC; - Khối học vấn chuyên ngành: 28 TC; - Khối học vấn bổ trợ của chuyên ngành: 19 TC.	23 học phầ n
<b>Tổng số TC</b>	<b>135</b>		<b>136</b>	

Đồng thời, với việc tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan [H3.03.03.07], bao gồm các giảng viên tham gia giảng dạy chương trình ngành SPAN; các cựu sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành SPAN và một số đơn vị sử dụng lao động là sinh viên đã tốt nghiệp chuyên ngành SPAN do trường Đại học Sư phạm Hà Nội thực hiện năm 2019 cho thấy, về cơ bản các bên liên quan đồng ý rằng nội dung chương trình dạy học cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học, CTDH có cấu trúc, trình tự logic, các môn học được sắp xếp hợp lý, có tính hệ thống; Các học phần trong CTDH mang tính tích hợp. [H3.03.03.07]. Kết quả này cũng chỉ cho Khoa và GV thấy được cần phải tiếp tục chỉnh sửa để các môn học trong CTDH mang tính hệ thống và logic hơn. Bản thân mỗi GV cần liên tục cập nhật và bổ sung các nội dung mới và cập nhật liên quan đến nội dung môn học mình phụ trách. Trên cơ sở đó, CTDH và đề cương các học phần ngành SPAN được tiếp tục chỉnh sửa, điều chỉnh phù hợp, được nghiệm thu và được Nhà trường ra quyết định triển khai thực hiện dạy học ngành SPAN theo Bản mô tả CTDH mới năm 2020 [H3.03.03.09]. Cấu trúc CTDH và đề cương các học phần được đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Nhà trường [H3.03.03.10] và công bố công khai vào buổi gặp gỡ giữa khoa và tân sinh viên hoặc trao đổi giữa cố vấn học tập với sinh viên. Trên cơ sở đó, bản mô tả CTĐT ngành SPAN năm đã được Nhà trường phê duyệt năm 2020. Đồng thời, bản mô tả CTDH phục vụ cho CTĐT mới đối với ngành SPAN cũng đã được Hội đồng khoa học đào tạo khoa xây dựng, công bố rõ ràng hơn những vấn đề tập trung đến CTDH ngành SPAN trong bối cảnh mới [H3.03.03.05]. Mặc dù CTDH đã được thể hiện tương đối rõ ràng trong bản mô tả CTĐT, song việc rà soát, xây dựng một bản mô tả CTDH ngành SPAN riêng giúp cho người dạy và người học có thể tập trung tốt hơn vào quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm đạt CDR đối với ngành SPAN.

Quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH ngành SPAN, khoa Nghệ thuật cũng đã tiến hành đối sánh, tham khảo các CTĐT ở các cơ sở giáo dục đào tạo ngành SPAN có uy tín trong cả nước và quốc tế. Bản mô tả CTDH ngành SPAN thể hiện rõ

ràng, đầy đủ thông tin còn ở các nội dung đối sánh và tham chiếu với bên ngoài. Hội đồng khoa học đào tạo khoa Nghệ thuật đã tiến hành cập nhật các nội dung đối sánh và tham chiếu với các chương trình đào tạo chuyên ngành SPAN của các trường đại học uy tín ở Việt Nam như Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung Ương, Đại học Đà Nẵng, ... Trên cơ sở đó, khẳng định điểm tương đồng và thế mạnh đặc trưng của CTDH của ngành SPAN, Trường ĐHSP Hà Nội.

## 2. Điểm mạnh

CTDH ngành SPAN được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng các yêu cầu đặt ra và mong muốn của các bên liên quan với việc đổi mới giảng dạy môn Âm nhạc. CTDH đáp ứng được năng lực của SV tốt nghiệp, SV có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc.

Cấu trúc CTDH và các học phần trong CTDH đáp ứng các chuẩn đầu ra, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, gắn kết lẫn nhau giữa các khối học vấn. Các cán bộ GV của khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra.

Quá trình xây dựng CTDH có tham khảo một số CTĐT của một số cơ sở giáo dục đại học khác như chương trình SPAN của trường ĐHSP Nghệ thuật Trung Ương và trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 nhằm có sự đối sánh, soi chiếu điểm mạnh và khác biệt trong cùng hệ thống các cơ sở có đào tạo ngành SPAN.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa tham khảo nhiều các chương trình dạy học trong nước trong quá trình xây dựng chương trình dạy học.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tham khảo thêm các chương trình dạy học trong nước để có những bổ sung, chỉnh sửa phù hợp.	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Cấu trúc, trình tự logic, nội dung của CTDH hợp lý, liên mạch và tham chiếu với các cơ sở giáo dục khác.	Tất cả GV của khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

CTDH trình độ Đại học ngành SPAN được xây dựng, thiết kế dựa trên CĐR, đáp ứng các yêu cầu về phẩm chất và năng lực, CĐR của ngành SPAN. Mỗi học phần trong CTDH đều đóng góp để đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH ngành SPAN có sự tương thích về nội dung và thể hiện trong sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học nhằm đạt được các CĐR, các tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra/ đánh giá cũng phù hợp và hỗ trợ tốt cho việc đạt được CĐR. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, được rà soát định kỳ và có sự điều chỉnh trên cơ sở góp ý của các bên liên quan và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học uy tín có đào tạo ngành SPAN.

Tuy nhiên, chưa tham khảo nhiều các chương trình dạy học trong nước trong quá trình xây dựng chương trình dạy học ngành SPAN.

Để khắc phục các tồn tại và phát huy điểm thế mạnh đang có về chương trình dạy học, trong thời gian tới, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa chỉ đạo các Bộ môn và GV tiếp tục rà soát và điều chỉnh để CTDH đáp ứng CĐR tốt hơn nữa, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thực tiễn đổi mới giáo dục hiện nay.

### **Đánh giá tiêu chuẩn 3**

Tiêu chuẩn 3	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 3.1					5		
Tiêu chí 3.2					5		
Tiêu chí 3.3					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.0</b>						

### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học**

#### **Mở đầu**

Phương pháp tiếp cận trong dạy học quyết định chất lượng giáo dục và cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục. Tiếp cận dạy học nội dung sẽ hướng tới yêu cầu về nội dung nên định hướng đào tạo thường nặng về lí thuyết, mang tính “hàn lâm”, đây là xu hướng tiếp cận trước đây. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học hiện nay của Trường ĐHSPhN nói chung và ngành Sư phạm Âm nhạc Khoa Nghệ thuật nói riêng là phương pháp tiếp cận theo chuẩn đầu ra là năng lực và phẩm chất. Đây là hướng tiếp cận phù hợp với yêu cầu của đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Tiếp cận Chuẩn đầu ra theo phát triển phẩm chất, năng lực sẽ quy định việc thiết kế các hoạt



động dạy học phù hợp, quy định các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

#### ***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

##### *1. Mô tả*

Nhà trường có văn bản tuyên bố chính thức về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục. Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSPHN được tuyên bố rõ ràng trong Đề án Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHSPHN trọng điểm đến năm 2015 đó là “*Xây dựng Trường ĐHSPHN thành trường đại học trọng điểm của cả nước, để đào tạo đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ đại học và sau đại học chất lượng cao, đạt chuẩn trình độ giáo dục đại học của các nước trong khu vực và trên thế giới; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, NCKH và sản xuất; thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, các nhiệm vụ ưu tiên, trọng điểm của nhà nước, đặc biệt là khoa học giáo dục, làm nòng cốt thúc đẩy sự phát triển của hệ thống sư phạm trong hệ thống giáo dục quốc dân, góp phần tích cực phát triển sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*” [H4.04.01.01]. Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030, trong đó đã xác định Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu chiến lược. Mục tiêu đào tạo của Trường được rà soát, chỉnh sửa là: “*Phát triển đồng bộ, hợp lý về quy mô và nâng cao chất lượng các hệ đào tạo, chủ yếu là đào tạo đại học và sau đại học, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng nguồn nhân lực CLC của hệ thống giáo dục quốc dân và xã hội*” [H4.04.01.02]. Năm 2019, trong Kế hoạch chiến lược của Trường ĐHSPHN giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030, Nhà trường đã điều chỉnh lại Mục tiêu chung là: “*Xây dựng Trường ĐHSPHN trở thành trường Đại học sư phạm “chuẩn mực, sáng tạo và tiên phong” trong đào tạo giáo viên, chuyên gia và lãnh đạo giáo dục, các nhà nghiên cứu CLC ở cấp quốc gia và khu vực, năng lực NCKH công nghệ (đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học cơ bản) đạt tầm khu vực và quốc tế*” [H4.04.01.03].

Triết lý giáo dục của Trường ĐHSPHN sau khi được đưa ra góp ý và chỉnh sửa thì được ban hành theo quyết định số ngày 06/05/2020 với nội dung là “*đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng hướng tới mục tiêu đào tạo những nhà giáo có lòng nhân ái, tình yêu con người, có ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc; có tư duy độc lập, có khả năng cập nhật, sáng tạo cái mới, có năng lực phân biện khoa học; sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng; hành động tích cực vì sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc và nhân loại*” [H04.04.01.05; H04.04.01.06].

Triết lý giáo dục của Trường được phổ biến tới các bên liên quan như: các cán bộ, GV của Nhà trường trong các Hội nghị của Trường, hội nghị của các khoa [H4.04.01.07]; [H4.04.01.08]; [H4.04.01.09], đăng trên trang web của Trường; phổ biến tới SV trong sổ tay SV [H4.04.01.10]; [H4.04.01.11]. Triết lý giáo dục được phổ biến cho SV học tập tại

Trường ĐHSPhN, SV được giới thiệu, cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu giáo dục cũng như CTĐT ngay từ khi nhập học. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” để giới thiệu, phổ biến cho SV về mục tiêu đào tạo cũng như các kỹ năng cần thiết cho người học hiểu rõ và thực hiện [H4.04.01.12].

Mục tiêu giáo dục trong CTĐT cử nhân Sư phạm Âm nhạc phù hợp với mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Nhà trường. Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc có các mục tiêu sau: Đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc đáp ứng đầy đủ Khung chuẩn đầu ra của Trường ĐHSPhN về phẩm chất và năng lực của người học; Đào tạo giáo viên môn Âm nhạc đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nói chung và Chương trình giáo dục phổ thông môn Âm nhạc 2018 nói riêng; Đáp ứng được vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp, bao gồm:

- Có khả năng dạy học môn Âm nhạc ở trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

- Có khả năng dạy học môn Âm nhạc ở các trường Cao đẳng, Đại học.

- Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ [H4.04.01.07].

## 2. Điểm mạnh

Trường có văn bản tuyên bố về triết lý giáo dục và triết lý giáo dục của Trường; Triết lý giáo dục được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT cử nhân Sư phạm Âm nhạc. Triết lý giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

## 3. Điểm tồn tại

Tài liệu trên mạng còn chưa được chi tiết và chưa có kế hoạch cụ thể để phổ biến các triết lý giáo dục cho các bên liên quan như các cơ sở giáo dục.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Lên kế hoạch và thực hiện phổ biến mục tiêu giáo dục tới các nhà tuyển dụng và xã hội thường xuyên.	Phòng Hành chính – Đối ngoại và các Khoa	Liên tục hàng năm

2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục duy trì việc phổ biến các triết lý và mục tiêu giáo dục đến sinh viên và giáo viên.</li> <li>- Điều chỉnh CTĐT luôn bám sát mục tiêu giáo dục của Trường</li> </ul>	Trường và tất cả các Khoa, các ngành đào tạo	Liên tục hàng năm
---	--------------------	---	--	-------------------

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra**

**1. Mô tả**

Chuẩn đầu ra là cơ sở để phát triển chương trình dạy học, vì vậy các hoạt động dạy và học được đề ra trong CTĐT cử nhân Sư phạm Âm nhạc được thiết kế phù hợp để đạt được CDR về phẩm chất, năng lực.

Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR đều được thể hiện trong các đề cương chi tiết các học phần. Cấu trúc chương trình được sắp xếp rất phù hợp để đáp ứng chuẩn đầu ra, với các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức ngành, khối kiến thức chung của nhóm ngành và khối kiến thức chuyên ngành đảm bảo SV ra trường có được những kiến thức cần thiết cho công việc giảng dạy. Mỗi học phần lại được thiết kế chi tiết, quy định rõ ràng về lịch trình giảng dạy (thời lượng lý thuyết, thực hành, thực tập, tự học...), các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nội dung chính của học phần và tài liệu tham khảo. Phương pháp giảng dạy được thiết kế đa dạng, kết hợp học lý thuyết với thực hành, kết hợp việc học trên lớp từ GV với việc tự học, tự tìm hiểu kiến thức thông qua các tài liệu, các trang website được cung cấp với các hình thức đánh giá đa dạng và hiệu quả [H4.04.02.01]

Hàng năm, Khoa Nghệ thuật đều xây dựng kế hoạch thực hành như: thực tế chuyên môn, seminar, biểu diễn nghệ thuật (Thấp sáng đam mê),... [H4.04.02.02; H4.04.02.03; H4.04.02.04]. Việc này thể hiện rõ đặc thù của ngành đào tạo Sư phạm Âm nhạc, đáp ứng mục tiêu và đạt được CDR của CTĐT. Việc tổ chức dạy học phát triển được các năng lực này cho SV, GV phải lựa chọn và sử dụng các phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp với mỗi môn học, mỗi hoạt động dạy học, hoạt động thực tế chuyên môn để mang lại hiệu quả trong dạy học, đạt được CDR của môn học, CDR của chương trình đào tạo [H4.04.02.01],[H4.04.02.02].

Nhà trường và Khoa luôn chỉ đạo việc nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực người học. Thông qua các buổi tổ chức seminar cấp Khoa về phương pháp dạy học tích cực, các hội thảo chia sẻ của chuyên gia về chương trình giáo dục phổ thông 2018, các buổi dự giờ trao đổi chuyên môn và phương pháp dạy học của các GV

trong tổ bộ môn để cùng nhau lựa chọn các phương pháp dạy học hiệu quả cho mỗi môn học [H4.04.02.09]. Các phương pháp dạy học thường được các bộ môn sử dụng trong dạy học như: dạy học trải nghiệm, dạy học tình huống, dạy học nhóm, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, thực hành luyện tập, dạy học trực quan thính giác,... Các SV trong Khoa đều được hướng dẫn các phương pháp học tập, phương pháp NCKH phù hợp, giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập, tạo ra các sản phẩm học tập như: các sản phẩm trình chiếu powerpoint, các bài thực hành, thiết kế và thực hiện các dự án học tập, thực tế chuyên môn nhằm đạt mục tiêu học tập, đáp ứng được CDR, [H4.04.02.03], [H4.04.02.04], Song song với việc đào tạo kiến thức chuyên ngành, việc đào tạo NVSP, đặc biệt là rèn luyện kỹ năng sư phạm, thực tập sư phạm là nội dung quan trọng đối với SV với số tín chỉ chiếm tỷ lệ cao trong CTĐT. Các học phần này giúp SV phát triển năng lực chuyên môn và nghề nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng [H4.04.02.08]

Bên cạnh việc học tập, việc NCKH của SV cũng là một hoạt động quan trọng nhằm đảm bảo mục tiêu của CTĐT. Theo kế hoạch của trường hàng năm Khoa thường xuyên tổ chức cho SV tham gia làm đề tài nghiên cứu khoa học, biểu diễn nghệ thuật cấp Khoa, cấp trường. Tại Hội nghị SV NCKH SV được tham dự, trao đổi, thảo luận, được nghe các GV nhận xét, góp ý cho bài NCKH của cá nhân, nhóm. Thông qua hoạt động NCKH, giúp SV rèn luyện phẩm chất của nhà khoa học, đồng thời phát triển năng lực NCKH và các năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề,... Từ hội nghị SV NCKH cấp Khoa, Hội đồng khoa học Khoa lựa chọn những báo cáo tốt gửi lên trường để tham gia hội nghị NCKH SV cấp Trường [H4.04.02.05]; [H4.04.02.06].

Khảo sát SV, GV định kỳ hàng năm là công việc được nhà trường thực hiện nhằm thu thập thông tin từ người dạy, người học về CTĐT trong đó có nội dung đánh giá về phương pháp dạy học:

- Kết quả khảo sát trên 1360 SV tốt nghiệp năm 2022 đánh giá tích cực về phương pháp giảng dạy, tất cả các nội dung đánh giá đều nhận được sự hài lòng cao (trên 95%). Nội dung được đánh giá cao nhất là “*Nhìn chung phương pháp giảng dạy của các GV đã tích cực hóa người học*”, “*Nhìn chung các GV dạy khóa học này nhiệt tình, tận tâm với người học*” (đều đạt 95.7%).

- Kết quả khảo sát 1555 SV tốt nghiệp năm 2023 đánh giá tích cực về phương pháp giảng dạy, tất cả các nội dung đánh giá đều nhận được sự hài lòng cao (trên 95%). Nội dung được đánh giá cao nhất là “*GV chú trọng giới thiệu với SV các nguồn tài liệu tham khảo, tìm kiếm thông tin phục vụ môn học*”, “*Người học được khuyến khích thảo luận*” (đều đạt 95.9%). [H4.04.02.07]

- Kết quả khảo sát trên 441 GV năm học 2020-2021 với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT cho thấy: GV đánh giá khá tích cực về phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của GV. Tuy nhiên, trong các nội dung đánh giá thì Câu 19: PPGD

đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra CTĐT có tỷ lệ 10.6% GV không đồng ý với nội dung này và câu 21: Nhìn chung GV đã thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực có tỷ lệ GV không đồng ý với nội dung này là 9.9% [H4.04.01.07]

Như vậy có thể thấy người học khá hài lòng với phương pháp giảng dạy của giáo viên trong trường nói chung và trong Khoa Nghệ thuật nói riêng.

## 2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, kế hoạch hoạt động chuyên môn, các bài giảng của giảng viên đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực, đa dạng phù hợp để đạt được CDR.

## 3. Điểm tồn tại

Còn một số sinh viên còn tiếp cận chậm với phương pháp dạy học tích cực, chưa có kỹ năng làm việc nhóm.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng câu lạc bộ sinh viên về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, trao đổi, học hỏi và phương pháp học tập và giảng dạy.	CVHT, Đoàn thanh niên	Các năm học
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức semina cho GV và SV, duy trì việc dạy mẫu và dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy	Tất cả các GV, bộ môn	Hàng năm.

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học**

#### 1. Mô tả

Trong CTĐT ngành cử nhân sư phạm Âm nhạc, 100% đề cương chi tiết các môn học/học phần trong CTĐT 2020 đều mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp, nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, đặc thù của môn học, ngành học. Tổ hợp các phương pháp dạy học trong các học phần của CTĐT được các giảng viên xây dựng và thực hiện thành thạo, đa dạng bao gồm: phương pháp dạy học trực quan (sử dụng, tranh ảnh, mô hình, sơ đồ, video, file âm thanh,...), dạy học thực hành (thực tế chuyên môn, thực hành biểu diễn, biên đạo múa,...), dạy học dự án, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác,... Các hoạt động dạy học trong CTĐT đảm bảo cho sinh viên rèn luyện được các kỹ năng như: kỹ năng tự học, tự

nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, kỹ năng giải quyết vấn đề vv. Nội dung các môn học trong CTĐT đều hình thành và phát triển cho người học các kỹ năng như: kỹ năng khai thác thông tin phục vụ cho môn học, bài học; kỹ năng giao tiếp sư phạm; kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp; kỹ năng quản lý lớp học; kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh; kỹ năng xây dựng và phát triển chương trình,...[H4.04.03.01; H4.04.03.02; H4.04.03.03; H4.04.03.06]. Các kỹ năng này không chỉ được rèn luyện thường xuyên trong các giờ học, tiết học trên lớp mà còn rèn luyện trong tuần lễ NVSP vào dịp 20/11 hàng năm do nhà trường tổ chức, ngoài ra sinh viên còn được tham gia rèn luyện các kỹ năng toàn diện thông qua các đợt thực tập sư phạm 10 tuần ở các trường phổ thông. Trong mỗi đợt thực tập, sinh viên được thực tập cả nội dung giảng dạy và thực tập nội dung giáo dục, với sự hướng dẫn của các giáo viên phổ thông và các thầy cô trong khoa. Qua đợt thực tập và tuần rèn nghiệp vụ sư phạm, sinh viên được trau dồi, phát triển toàn diện và tốt hơn các kỹ năng nghề nghiệp. [H4.04.03.04; H4.04.02.08]

Trong CTĐT, 100% các học phần đều nhấn mạnh đến hoạt động tự học, tự nghiên cứu, nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Theo qui chế đào tạo theo tín chỉ của trường Đại học sư phạm Hà Nội, để tiếp thu một tín chỉ (tương đương với 15 tiết chuẩn) thì sinh viên cần có 30 giờ tự học, tự nghiên cứu, điều này được thể hiện trong đề cương chi tiết của tất cả các học phần trong CTĐT cử nhân sư phạm Âm nhạc, với số tiết tự học của các môn học đều gấp 2 lần số tiết qui định của môn học đó. Để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, tất cả các đề cương môn học đều cung cấp giáo trình môn học, tài liệu tham khảo, trang website, đường link chính thống để sinh viên dễ dàng tìm hiểu, tra cứu phục vụ cho học tập [H4.04.03.01], [H4.04.03.06]. Trong phần nhiệm vụ học tập của sinh viên ở các học phần đều thể hiện rõ sinh viên có nhiệm vụ nghiên cứu trước bài học, hoàn thành nội dung tự học, tự nghiên cứu, sưu tầm và chuẩn bị các đồ dùng, học liệu, tài liệu phục vụ cho học tập. Trong rất nhiều học phần, sinh viên đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị nội dung học tập, báo cáo, thuyết trình trình dưới sự hướng dẫn của giảng viên, việc này thể hiện rõ năng lực tự chủ, tự học, năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên. Ngoài các hoạt động học tập, việc nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được chú trọng và quan tâm, nhằm nâng cao năng lực học tập suốt đời để có thể tiếp tục tiếp cận, khám phá những kiến thức mới, phương pháp, kỹ thuật dạy học mới, phục vụ cho công tác giảng dạy sau này đáp ứng CĐR của chương trình đào tạo [H4.04.03.01].

Kết quả khảo sát sinh viên cuối khóa định kỳ hàng năm về CTĐT, trong đó có khả năng rèn luyện các kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học cho kết quả hầu hết sinh viên hài lòng với các phương pháp dạy học trong CTĐT [H4.04.02.07].

Qua khảo sát đánh giá về chất lượng giảng dạy của giảng viên, lấy phản hồi từ sinh viên về phương pháp giảng dạy của giảng viên năm học 2022-2023. Số SV phản hồi 854 khảo sát cho 34 học phần, kết quả đánh giá với điểm trung bình 13,62 xếp mức tốt. Điều này cho thấy giảng viên đã sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp, đa dạng, phong phú, rèn luyện được các kỹ năng, năng lực cho SV trong quá trình học tập và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, [H4.04.03.05].

## 2. Điểm mạnh

Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng, phong phú, phù hợp với từng môn học. Tổ chức các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, năng lực của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

## 3. Điểm tồn tại

Ở một số môn, còn chưa thể hiện được việc sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học, giảng viên chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khắc phục việc sử dụng các phương pháp dạy học thụ động, tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực ở một số môn.	Khoa và các bộ môn	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Lựa chọn và thực hiện các phương pháp dạy học tích cực đa dạng và phong phú. Phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu phù hợp với ngành đào tạo.	Giảng viên các bộ môn	Hàng năm

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Trường ĐHSPHN có văn bản tuyên bố về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Trường; Mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT cử nhân Sư phạm Âm nhạc. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan. Tuy nhiên, việc tuyên truyền phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường chưa được thực hiện thường xuyên và rộng rãi tới các bên liên quan bên ngoài trường như các nhà tuyển dụng và với xã hội.

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các phương pháp dạy học được sử dụng

đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Ở một số môn, còn chưa thể hiện được việc sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học, GV chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan. Ngoài ra còn một số SV tiếp cận chậm với phương pháp dạy học tích cực, chưa có kỹ năng làm việc nhóm.

#### **Đánh giá tiêu chuẩn 4**

Tiêu chuẩn 4	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 4.1					5		
Tiêu chí 4.2					5		
Tiêu chí 4.3					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.0</b>						

#### **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

##### ***Mở đầu***

Trong CTĐT, đánh giá kết quả học tập của người học là một phần quan trọng, cung cấp kết quả đạt được của người học so với CĐR của CTĐT. Từ đó các bên liên quan có biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả của quá trình dạy học. Để đánh giá kết quả học tập khách quan, công bằng, Nhà trường đã xây dựng quy trình đánh giá và các quy định về khiếu nại, phúc khảo và phổ biến cho SV được biết ngay từ năm thứ nhất và dễ dàng tiếp cận. Ở Khoa Nghệ thuật, việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thông qua việc đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt khóa học nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và CĐR học phần và CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR, các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học, phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập, người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập. Với những đặc điểm của việc đánh giá kết quả học tập như vậy giúp cho người học có được sự chủ động trong học tập, từ đó kết quả học tập sẽ cao và toàn diện hơn.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.***

##### ***1. Mô tả***



Quá trình đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc đã xác định kế hoạch đánh giá kết quả học tập của người học một cách rõ ràng.

Đánh giá đầu vào được thể hiện trong thông tin tuyển sinh hàng năm. Trường ĐHSPHN xây dựng Đề án tuyển sinh và công bố công khai trên website của Trường và qua các poster, các hội thảo, hội nghị, page Facebook Khoa Nghệ thuật... Đề án quy định về các phương thức tuyển sinh và những môn thi khối năng khiếu, chỉ tiêu cho từng phương thức xét tuyển [H5.05.01.01]. Kết quả tuyển sinh được công bố công khai trên website của Trường.

Đánh giá kết quả người học đạt được CĐR được quy định cụ thể trong quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kỳ thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN và Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN [H5.05.01.02; H5.05.01.03]. Các thông tin cụ thể liên quan đến người học bao gồm: Thời gian và hình thức thi, trách nhiệm của người học trong khi thi, quy định về khiếu nại điểm, phúc khảo bài thi, các hình thức xử lý kỉ luật SV vi phạm quy chế thi. Quy định đánh giá học phần tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của các môn thay thế tốt nghiệp. Đối với từng môn học cụ thể, các quy định về kiểm tra đánh giá chuyên cần (10%) giữa kì (30%), cuối kì (60%) được quy định cụ thể và thông báo cho người học ngay từ đầu mỗi học kì ở CTĐT, trong sổ tay SV [H5.05.01.04], [H5.05.01.06].

Từ quy định về đánh giá học phần của nhà trường, các Khoa và bộ môn xây dựng các hình thức và phương pháp đánh giá chuyên cần (tỉ lệ % thời gian có mặt tương ứng với điểm số), kiểm tra giữa kì, cuối kì và các cách thức thi, tổ hợp phương pháp (viết, vấn đáp, thực hành, bài tập lớn,...), công cụ đánh giá (câu hỏi, phiếu đánh giá,...), thời gian kiểm tra cuối kì. Thời điểm kiểm tra cuối mỗi học kì đều được quy định trong kế hoạch đào tạo năm học hàng năm và thông báo tới SV từ đầu kì học [H5.05.01.05].

Về cách thức ra đề, tiêu chí chấm thi các học phần lý thuyết, thực hành, đề thi học phần thay thế tốt nghiệp phù hợp với yêu cầu của CĐR, Khoa Nghệ thuật thực hiện theo quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kỳ thi kết thúc học phần của Trường [H5.05.01.02]. Điều này thể hiện rõ trong các đề thi, bài luận, đáp án, hướng dẫn chấm các bài thi giữa kì và cuối kì của Khoa [H5.05.01.07; H5.05.01.08; H5.05.01.09; H5.05.01.10]. Việc kiểm tra đánh giá được Khoa thực hiện nghiêm túc, chủ động và đảm bảo tiến độ: cách thức ra đề thi, hình thức đề thi theo mẫu của trường, nội dung đề thi phải nằm trong khối lượng kiến thức, kĩ năng đã giảng dạy, phù hợp với nội dung đã quy định trong CTĐT, đảm bảo phân loại được kết quả học tập.

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR.

Đối với kiểm tra giữa kì, các học phần đều kết hợp các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau để đạt CĐR. Các học phần của bộ môn Lí luận và phương pháp dạy học yêu cầu SV làm bài tập lớn, tự luận, vấn đáp, thực hành,... vừa đánh giá được

mức độ đạt được CDR vừa phát triển ở SV các năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Các học phần của bộ môn Thanh nhạc - Nhạc cụ yêu cầu SV thực hành biểu diễn các tác phẩm âm nhạc. Các dạng bài này giúp SV phát triển năng lực tự học và các năng lực đặc thù của bộ môn Âm nhạc. Việc đánh giá với các hình thức và phương pháp khác nhau đáp ứng được các CDR của CTĐT [H5.05.01.07, H5.05.01.11].

Đối với kiểm tra cuối kì, hình thức chủ yếu là tự luận, vấn đáp, thực hành. Với hình thức thi thực hành, đề thi kiểm tra cả kiến thức và kĩ năng của học phần thể hiện rõ 3 mức độ biết, hiểu và vận dụng. Hình thức kiểm tra viết phù hợp với mục tiêu của học phần và có khả năng đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Đối với hình thức thi vấn đáp, Khoa tổ chức thành các phòng thi, mỗi SV sẽ được 2 GV hỏi vấn đáp. SV bốc thăm câu hỏi, có thời gian chuẩn bị nội dung và trả lời. GV có thể đặt thêm các câu hỏi phụ cho SV. Cuối buổi thi GV chấm có thể trao đổi, thống nhất và thông báo cho SV. Các câu hỏi chuẩn bị sẵn cho SV không quá dài nhưng phủ khắp chương trình, giúp SV có kế hoạch học tập tích cực ngay từ đầu. Hình thức thi vấn đáp cũng rèn luyện cho SV tự tin trong giao tiếp, có kĩ năng thuyết trình một vấn đề. Như vậy, hình thức này tương thích với các mục tiêu của học phần và đo được các chuẩn đầu ra [H5.05.01.08].

Đối với thực tập sư phạm, Trường ĐHSPHN và Khoa Nghệ thuật có các văn bản hướng dẫn, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập cụ thể. SV Khoa Nghệ thuật thực tập tại các trường Trung học cơ sở. Thời gian thực tập sư phạm của 1 khóa đào tạo là 10 tuần, chia thành 2 đợt liên tiếp nhau. Mỗi đợt thực tập có yêu cầu khác nhau về thực hiện nhiệm vụ thực tập giáo dục và giảng dạy. Kết quả thực tập của SV được đánh giá theo tiêu chí được quy định trong Quy chế thực tập sư phạm [H5.05.01.12].

Việc đánh giá kết quả của từng học phần được quy định cụ thể. Điểm chuyên cần được đánh giá theo ba mức 0,5 và 10, căn cứ vào việc tham gia đầy đủ, có tinh thần tích cực trong các buổi học trên lớp và chuẩn bị bài đầy đủ ở nhà. Đa số các học phần đều tính điểm giữa kì ở nội dung thực hành, rèn luyện kĩ năng do đó, phát triển được năng lực thực hành và vận dụng của SV.

Như vậy, hình thức, cách thức đánh giá SV khá đa dạng, linh hoạt và qua đó, GV đánh giá được SV theo CDR. Ví dụ: Học phần Lí luận và phương pháp dạy học môn Âm nhạc có các CDR tập trung vào việc trình bày, phân tích và giải thích được vị trí, quan điểm xây dựng và mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông và chương trình môn học, mối quan hệ giữa khoa học Âm nhạc và tri thức Âm nhạc trong nhà trường phổ thông, mạch nội dung Âm nhạc qua các cấp, lớp học, việc lựa chọn phương pháp dạy học và công cụ, hình thức kiểm tra, đánh giá. Do đó, đề kiểm tra cuối kì có hình thức tự luận và tiêu chí đánh giá là: Đáp án đúng, đầy đủ, rõ ràng 100% điểm câu hỏi; bài có dấu hiệu quay cóp: không được điểm.

Đối với học phần Thực hành dạy học tại trường sư phạm, CDR là SV có tình yêu

nghe, có ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời, hình thành được các năng lực sư phạm, năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn, kiến thức sư phạm vào thực tiễn và sử dụng được công nghệ thông tin để thiết kế nhiều dạng bài dạy Âm nhạc. Do đó, hình thức thi cuối kì là thực hành SV dạy trực tiếp trên lớp học giả định. Tiêu chí đánh giá: Kế hoạch dạy học rõ ràng, đúng, đầy đủ kiến thức và PPDH, bài giảng đạt mục tiêu dạy học đã đề ra, vận dụng phương pháp dạy học và sử dụng phương tiện dạy học linh hoạt, hợp lý.

Theo khảo sát của trường đối với SV tốt nghiệp năm 2023 về hoạt động kiểm tra đánh giá, SV đánh giá tích cực về nội dung này, các câu đều có trên 95% các ý kiến đánh giá tích cực. Đặc biệt với nội dung “*PP kiểm tra đánh giá KQHT của các môn học thể hiện tính đa dạng, có sự đổi mới*” được SV đánh giá cao (đạt 95.8%). Với kết quả khảo sát này Khoa Nghệ thuật được xếp mức tốt [H5.05.01.11].

## 2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện đúng quy định của Khoa và trường, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng. Các công cụ kiểm tra, đánh giá được xây dựng trên cơ sở khoa học nhằm đảm bảo đánh giá đúng CDR theo từng giai đoạn của người học.

## 3. Điểm tồn tại

Phần mô tả phương pháp kiểm tra đánh giá trong đề cương chi tiết các môn học chưa được rõ ràng về thời gian cho mỗi hình thức bài thi cuối kì.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Cụ thể thời gian cho mỗi hình thức bài thi cuối kì ở các môn học.	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức các kì kiểm tra khách quan, công bằng, nghiêm túc. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR	Khoa Nghệ thuật, các bộ môn	Liên tục các năm

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.**

### 1. Mô tả

Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường đã quy định rõ việc đánh giá học phần, tổ chức kì thi kết thúc học phần, ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần, điểm trung bình chung; cơ chế

phản hồi kết quả học tập, quy định về việc làm, chấm khóa luận tốt nghiệp, xét tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp [H5.05.01.03].

Về đánh giá học phần, yêu cầu phải nghiêm túc, khách quan, tin cậy, trung thực và công bằng. Việc đánh giá kết quả học tập phải dựa trên CDR của học phần, chú trọng đánh giá quá trình nhằm kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của SV. Cụ thể như sau:

- Tổ chức kì thi: Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần là vào cuối mỗi học kì. Thời gian học, thi được thông báo vào đầu năm học trong Kế hoạch đào tạo năm học do Hiệu trưởng phê duyệt [H5.05.01.05]. Trong thời kì học và thi online, Nhà trường đã có văn bản quy định cụ thể hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần trực tuyến trong điều kiện dịch bệnh Covid -19. Các hướng dẫn này được đăng công khai trên trang đào tạo để SV dễ dàng truy cập [H5.05.02.01].

- Điểm học phần gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra bộ phận và điểm thi kết thúc học phần. Điểm chuyên cần có 3 mức là 0, 5 hoặc 10; trọng số 0,1. Tất cả các học phần đều quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỉ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: Điểm chuyên cần: 10%, kiểm tra bộ phận (giữa kỳ): 30%, điểm thi hết học phần 60%. Điểm kiểm tra bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 -10), làm tròn đến một chữ số thập phân [H5.05.01.02]. Phương pháp, hình thức đánh giá, trọng số được quy định trong đề cương chi tiết của từng học phần và được GV phụ trách lớp thông báo cho SV khi bắt đầu học phần [H5.05.01.04].

- Cách tính điểm học phần: Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo thang điểm 4 của các học phần đã được tích lũy (đạt điểm A, B, B+, C, C+, D, D+ theo thang điểm chữ) tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kì.

Thời gian thi được Nhà trường thông báo trong các kế hoạch thi kết thúc học phần sau mỗi học kì [H5.05.02.03]. Căn cứ vào đó, Khoa lên lịch thi các môn chuyên ngành. Lịch thi được Khoa, cố vấn học tập thông báo trước cho SV trên nhóm lớp trước 07 ngày, trong thời gian này những vướng mắc về thời gian thi sẽ được Khoa giải quyết theo quy định. Lịch thi chính thức được thông báo đến SV trên nhóm lớp và tài khoản cá nhân của SV. Tuy nhiên do số lượng SV ngày càng tăng, đặc thù ngành học nhiều môn thi thực hành, vấn đề nên lịch thi nhiều lúc còn trùng về thời gian, phòng thi.

Quy trình ra đề, chấm thi đảm bảo tính bảo mật, công bằng và minh bạch. Khoa đã thực hiện nghiêm túc theo quy định của Trường về kiểm tra, đánh giá. [H5.05.01.02].

Tuần nghiệp vụ sư phạm là hoạt động thường niên mà Trường, Khoa tổ chức để tăng cường rèn luyện các kỹ năng về nghiệp vụ cho SV. Trong tuần này SV không học tất cả các môn học, chỉ tập trung học và rèn luyện về nghiệp vụ. Hoạt động này được Trường quy định rõ ràng trong Kế hoạch đào tạo năm học hàng năm. Vào cuối tháng 10, Trường có thông báo về kế hoạch tổ chức tuần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm [H5.05.02.04];

H5.05.02.05]. Khoa sẽ căn cứ vào lịch của Trường xây dựng kế hoạch tuần NVSP cụ thể cho SV theo từng khóa. Các hoạt động, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của SV được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể. [H5.05.02.06].

Các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra - thi thông báo kết quả SV đăng ký học được cập nhật tại địa chỉ: <http://daotao.hnue.edu.vn/forum/newscontent.aspx?id=1583> và phần mềm Unisoft nhằm giúp SV nắm rõ các quy định về quy trình tổ chức kiểm tra kết quả học tập [H5.05.02.01], [H5.05.02.06].

## 2. Điểm mạnh

Quy chế đào tạo và các văn bản liên quan tới kế hoạch đào tạo năm học đã được thông báo đầy đủ và rõ ràng giúp người học lĩnh hội ngay từ đầu khóa học. Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học và được đa dạng hóa bằng nhiều phương pháp đánh giá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CĐR từng học phần và CTĐT. Các quy định về kiểm tra đánh giá thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

## 3. Điểm tồn tại

Số lượng SV ngày càng tăng, đặc thù ngành học nhiều môn thi thực hành, vẫn đáp nên lịch thi nhiều lúc còn trùng về thời gian, phòng thi.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Giáo vụ kết hợp với cố vấn học tập sắp xếp và giải quyết nhanh chóng, hợp lý các môn thi còn trùng lặp thời gian và phòng thi	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các phương pháp đánh giá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CĐR từng học phần và CTĐT	Các bộ môn	Hàng năm

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.**

### 1. Mô tả

Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được xây dựng trong Đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.04]. Nhìn chung, GV sử dụng các phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học rất đa dạng, thể hiện ở tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá trong từng giai đoạn của học phần.

Về cơ bản, các môn học đều thực hiện thi kết thúc học phần theo Quyết định số 1067/QĐ- ĐHSPHN ngày 14 tháng 5 năm 2020 với các hình thức thi gồm: thi viết, vấn đáp, thực hành, viết tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án môn học, thi trên máy tính (thi trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy tính) [H5.05.01.02]. Trong CTĐT cử nhân Sư phạm Âm nhạc, các GV căn cứ vào đặc trưng của môn học, yêu cầu về CĐR và quá trình giảng dạy đã đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá.

Các học phần Lí thuyết âm nhạc, Hòa âm, Phân tích tác phẩm,... chú trọng kiểm tra nhận thức và khả năng vận dụng kiến thức của SV hình thức thi chủ yếu là thi viết, vấn đáp. Các học phần Thanh nhạc, Nhạc cụ, Kí xướng âm,... chú trọng vào kiểm tra kĩ năng nên hình thức thi là thực hành. [H5.05.01.08; [H5.05.01.09].

Các học phần thuộc khối học vấn ngành về Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc kết hợp song song cả kiểm tra nhận thức của SV đối với các nội dung lí thuyết và kĩ năng đối với các nội dung thực hành. Do đó, các bài thi tự luận vừa có câu hỏi phân tích kiến thức vừa có câu hỏi vận dụng, giải quyết tình huống. Học phần thực hành được tổ chức thi riêng và SV thực hiện giảng dạy trực tiếp 1 hoạt động, 1 nội dung trong kế hoạch bài dạy đã xây dựng trước. Phần thi thực hành được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể ở phiếu chấm [H5.05.01.08].

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Cụ thể, mỗi CĐR có các phương pháp kiểm tra đánh giá tương ứng: để đo lường CĐR về năng lực sư phạm có các phương pháp kiểm tra đánh giá như: vấn đáp, thực hành giảng dạy, bài tập, thuyết trình báo cáo,...; để đo CĐR về năng lực ngành có các phương pháp kiểm tra đánh giá như: vấn đáp, thực hành giảng dạy, dự án nghiên cứu,... [H5.05.01.04]. Đối với các môn học, đề thi tập trung vào các nội dung ôn tập và nội dung học tập trong chương trình đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu năng lực và phẩm chất được phản ánh trong đề cương học phần và bám sát mục tiêu, CĐR của học phần và CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Âm nhạc [H5.05.01.04]. Khi làm đề thi, các GV trong tổ bộ môn cùng tập trung phân tích câu hỏi thi, phân tích đề thi để đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy cho đề thi.

Các phân tích, mô tả trên cho thấy CTĐT cử nhân Sư phạm Âm nhạc có các hình thức kiểm tra đánh giá khá đa dạng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo độ tin cậy, có các tiêu chí đánh giá rõ ràng và bám sát theo CĐR của học phần do đó, đánh giá được mức độ đạt CĐR của SV.

Về tổ chức thi, quy trình được tiến hành nghiêm ngặt, đảm bảo nghiêm túc, công bằng

và tin cậy. Khoa tổ chức thi: phân công cán bộ coi thi và in, photo đề,... Sau khi thi xong, trợ lý đào tạo dồn túi đánh phách và bảo mật bài thi. Khoa chuyển bài thi cho tổ bộ môn và tổ bộ môn cử 2 GV chấm tập trung tại Khoa, không mang bài ra khỏi khu vực chấm. Công tác chấm thi phải thực hiện nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng. Cán bộ chấm thi phải chấm bài thi theo đúng thang điểm và đáp án chính thức được phê duyệt. Bài thi được đưa lại cho trợ lý đào tạo ghép phách và chuyển cho giáo vụ nhập điểm trên phần mềm. Giáo vụ in danh sách điểm, trợ lý rà soát, kiểm tra. Trợ lý, giáo vụ, ban chủ nhiệm Khoa xác nhận điểm và lưu hồ sơ. Sau khi tổng hợp, giáo vụ Khoa công bố và thông báo điểm cho SV. Nếu SV phúc khảo thì viết đơn nộp Khoa, Khoa tập hợp và chuyển cho GV chấm, GV chấm lần một không được chấm bài phúc khảo [H5.05.03.01]. Mô tả trên cho thấy quy trình tổ chức chấm thi rất chặt chẽ và mỗi khâu có người chịu trách nhiệm riêng. Việc giám sát, kiểm tra được thực hiện ở khâu cuối cùng, do đồng thời cả trợ lý, giáo vụ và ban chủ nhiệm cùng thực hiện; do đó, đảm bảo tính khách quan, công bằng.

Với CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc, dựa trên quy định của Nhà trường, đã thống nhất hình thức kiểm tra và nội dung đề thi do các bộ môn trong Khoa xây dựng phù hợp với đặc thù của từng môn học [H5.05.01.07]. Mỗi môn học khi ra đề thi hết môn đều kèm theo đáp án bài thi rõ ràng, chi tiết đến 0.5 điểm, tiêu chí chấm được xây dựng chi tiết nhằm đảm bảo độ giá trị và độ phân biệt kết quả bài thi [H5.05.01.08].

## 2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy định. Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CĐR của Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Âm nhạc. Quy trình tổ chức thi đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng.

## 3. Điểm tồn tại

Không có.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại			

2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường trao đổi giữa các bộ môn để sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng hơn, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, đảm bảo độ tin cậy, công bằng và phù hợp CĐR của CTĐT	Khoa Nghệ thuật	Hàng năm
---	--------------------	--	-----------------	----------

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập**

**1. Mô tả**

Theo Quy chế và quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPhN, việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp với quy định về kiểm tra, đánh giá của Trường ĐHSPhN [H5.05.01.02]; [H5.05.01.03]. Quy định này được công bố công khai đến từng GV và SV trong sổ tay SV, trên trang cá nhân SV, trong các giờ học đầu các học phần, qua đó giúp SV có đầy đủ thông tin và thực hiện.

Về điểm đánh giá giữa kì, GV nhập điểm đánh giá giữa kì trên phần mềm quản lý học tập của Trường muộn nhất là 07 ngày trước khi học phần kết thúc. Do đó, SV nắm được quyền đủ điều kiện dự thi/ không đủ điều kiện dự thi học kì của mình và ý kiến phản hồi để được giải quyết kịp thời [H5.05.04.01].

Về điểm các học phần, Khoa quản lý kết quả học tập của SV theo từng học kỳ. Sau mỗi kỳ thi, Khoa nhập điểm học phần vào Hệ thống quản lý kết quả học tập và công bố điểm thi kết thúc học phần muộn nhất là 02 ngày sau khi hết thời gian chấm thi học phần và gửi Bảng điểm có chữ ký của GV và BCN Khoa về TT ĐBCL và Phòng Đào tạo. Thời gian chấm thi cũng như thông báo kết quả thi cho người học (7 ngày sau mỗi kỳ thi). Với quy định này, người học kịp thời có quyết định về cải thiện tình hình học tập của mình. Điều này thể hiện rõ trong kết quả học tập của SV [H5.05.01.10, H5.05.01.11].

Về công bố điểm, kết quả thi và kiểm tra được công bố công khai trên phần mềm Unisoft [H5.05.02.06]. SV sử dụng tài khoản riêng để đăng nhập và tự tra điểm. Do đó, việc quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ người học tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng. Công thức tính điểm trung bình chung học tập được thống nhất và công bố trong Sổ tay SV để SV có thể tự kiểm tra [H5.05.01.06].

Ngoài ra do đặc thù các môn học ở Khoa Nghệ thuật mang tính thực hành kỹ năng khá nhiều, cụ thể là môn học Thanh nhạc, Nhạc cụ, Kí xướng âm, Chỉ huy hợp xướng,... trong quá trình giảng dạy SV thường nhận được phản hồi từ GV dưới nhiều hình thức khác nhau



ngay trong quá trình học tập mà không phải đợi đến cuối học phần có kết quả thi mới biết được mình cần cải thiện những yếu tố nào.

Kết quả đánh giá được công bố kịp thời, đảm bảo SV chủ động kiểm tra được kết quả. SV tùy vào nhu cầu, mong muốn sẽ tự đăng kí học cải thiện, nâng điểm. Đến dịp đăng kí tín chỉ, SV hủy kết quả của môn học đó ở lần thi trước và đăng kí học cải thiện.

Để giúp SV đăng kí tín chỉ cho học kì tiếp theo giáo vụ xuất điểm gửi CVHT để theo dõi, tư vấn cho các SV thuộc diện cảnh báo để đăng kí tín chỉ cho phù hợp. Các CVHT theo dõi việc cảnh báo kết quả học tập của SV mình phụ trách theo công văn Nhà trường gửi về hoặc trên trang đào tạo của GV [H5.05.04.02]. Các CVHT thông báo cho SV qua các nhóm zalo của GV và SV hoặc liên hệ, trao đổi trực tiếp với SV. Tuy nhiên, nhiều SV chưa nắm rõ điều kiện tiên quyết của một số môn học nên khi điểm cuối kì không đạt yêu cầu dẫn đến việc không đăng kí được các học phần tiếp theo. Việc này cũng ảnh hưởng đến tiến độ học tập của SV.

Xét tốt nghiệp, giáo vụ khoa tham gia, ghi chép và lưu giữ các biên bản các cuộc họp xét tiêu chuẩn đối với sinh viên có đủ điều kiện tốt nghiệp như: Lập danh sách các sinh viên bị cảnh báo học tập, sinh viên thôi học và báo cáo cho Ban Chủ Nhiệm khoa, từ đó Ban chủ nhiệm nắm được chính xác và cập nhật tình hình học tập của sinh viên theo học CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc qua các năm. Khoa Nghệ thuật kết hợp chặt chẽ với nhà trường để ban hành các quyết định cảnh báo kịp thời giúp sinh viên có những điều chỉnh trong quá trình học tập và rèn luyện, để đạt được mục tiêu CDR. Nhà trường và khoa Nghệ thuật đã có những kế hoạch rõ ràng từ khâu tuyển sinh đầu vào, có quy trình đánh giá theo từng học phần (bao gồm đánh giá chuyên cần, giữa kì và cuối kì) trong suốt quá trình học và xét tốt nghiệp cuối khóa cho cử nhân Sư phạm Âm nhạc [H5.05.04.03; H5.05.04.04].

## 2. Điểm mạnh

SV nhận được phản hồi từ giáo viên ngay trong quá trình học tập. Kết quả đánh giá được công bố công khai và ý kiến phản hồi cũng được tiếp nhận kịp thời nhằm giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học và có động lực để cố gắng hơn.

## 3. Điểm tồn tại

Không có.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
----	----------	----------	-------------------------	-------------------------------------

1	Khắc phục tồn tại			
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc phản hồi kịp thời việc học tập của sinh viên trong suốt quá trình.	Trường ĐHSPHN, Khoa Nghệ thuật	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập**

**1. Mô tả**

Việc khiếu nại điểm, phúc khảo điểm bài thi kết quả học tập được quy định trong Quyết định số 1067/QĐ- ĐHSPHN ngày 14 tháng 5 năm 2020. Theo đó, sau khi công bố điểm thi các học phần, đơn vị tổ chức thi công bố công khai thời gian nhận đơn phúc khảo điểm bài thi của SV trên cổng thông tin điện tử và Hệ thống quản lý kết quả học tập của Nhà trường [H5.05.05.01]. Nếu SV có khiếu nại, cần thực hiện các bước như sau:

- SV làm đơn theo mẫu [H5.05.03.01] và nộp cho Trung tâm đảm bảo chất lượng của Trường đối với môn chung và nộp tại Khoa đối với các học phần chuyên ngành.

- Đơn vị tổ chức thi và Khoa quản lý học phần phối hợp thực hiện xem xét bài thi, kết quả thi của thí sinh;

- Đơn vị tổ chức thi xây dựng lịch chấm phúc khảo, gửi đến Ban thanh tra giáo dục Trường, Khoa đào tạo quản lý học phần có trách nhiệm cử GV chấm theo lịch.

- Điểm chấm lại của bài thi được đơn vị tổ chức thi tổng hợp và kí duyệt chậm nhất sau 07 ngày từ ngày nhận đơn phúc khảo, TT ĐBCL và Khoa đào tạo phản hồi thông tin cho SV được biết kết quả giải quyết rõ ràng và cụ thể.

Quy trình này được in trong Sổ tay SV phát cho người học vào đầu khóa học. Giáo vụ và cố vấn học tập phổ biến vào tuần sinh hoạt công dân và buổi họp đầu khóa [H5.05.01.06]. Cách thức phản hồi kết quả cũng được cụ thể hóa trong từng môn học và được GV thông báo đến SV khi bắt đầu mỗi học phần. Như vậy, SV muốn khiếu nại hoặc phúc khảo đều có thể tiếp cận thông tin về thời gian, quy trình, thủ tục khiếu nại, phúc khảo kết quả bài thi trên cổng thông tin điện tử và hệ thống quản lý học tập của Nhà trường [H5.05.02.06]

Do là ngành đặc thù nên đa số các môn thi là hình thức vấn đáp, thực hành GV chấm thi sẽ thông báo kết quả thi ngay sau khi kết thúc buổi thi cho SV và nhận xét những điểm đạt được và chưa được trong bài thi của từng SV từ đó SV nhận biết những kỹ năng mình còn yếu để có kế hoạch điều chỉnh quá trình học tập giúp đạt kết quả tốt hơn cho học phần sau. Chính vì đã công khai kết quả nên từ năm 2019 đến nay Khoa không nhận được bất kỳ đơn phúc khảo hay khiếu nại về kết quả thi.

**2. Điểm mạnh**

Quy trình khiếu nại kiểm tra, đánh giá được quy định cụ thể và phổ biến công khai kịp thời đến tất cả SV.

**3. Điểm tồn tại**

Không có.

**4. Kế hoạch hành động**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại		Giảng viên các môn học	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Giáo vụ, GV bộ môn, cố vấn học tập duy trì việc phổ biến quy trình khiếu nại kết quả đánh giá tới người học một cách thường xuyên, kịp thời.	Giáo vụ, GV bộ môn, cố vấn học tập	Hàng năm

**5. Tự đánh giá: Đạt 5/7**

**Kết luận về tiêu chuẩn 5:**

Chương trình đào tạo của cử nhân ngành Sư phạm Âm nhạc được xây dựng và áp dụng dựa trên việc bám sát yêu cầu CDR cho SV. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đều được cung cấp rất chi tiết, rõ ràng và đồng thời được công bố công khai. Khoa Nghệ thuật sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá với SV ngành sư phạm Âm nhạc nhằm mục đích thu được kết quả đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy. Thông qua việc đánh giá khách quan, công tác tổ chức coi thi và chấm thi nghiêm túc đã mang lại sự công bằng và xây dựng được nề nếp dạy và học tập tích cực. SV nhận được phản hồi từ GV ngay trong quá trình học tập. Kết quả đánh giá được công bố công khai và ý kiến phản hồi cũng được tiếp nhận kịp thời nhằm giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học và có động lực để cố gắng hơn.

Tuy nhiên, các môn học chủ yếu đánh giá dựa trên đánh giá của GV, việc vào điểm bài kiểm tra giữa kì còn chậm trễ ảnh hưởng đến việc lên danh sách SV đủ điều kiện dự thi cuối kì. Số lượng SV ngày càng tăng, đặc thù ngành học nhiều môn thi thực hành, vấn đáp nên lịch thi nhiều lúc còn trùng về thời gian, phòng thi.

**Đánh giá tiêu chuẩn 5:**

Tiêu chuẩn 5	Thang đánh giá	
	Chưa đạt	Đạt

	1	2	3	4	5	6	7
<b>Tiêu chí 5.1</b>					5		
<b>Tiêu chí 5.2</b>					5		
<b>Tiêu chí 5.3</b>					5		
<b>Tiêu chí 5.4</b>					5		
<b>Tiêu chí 5.5</b>					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.0</b>						

## **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

### ***Mở đầu***

Đội ngũ cán bộ ngành Sư Phạm Âm nhạc tham gia thực hiện CTĐT bao gồm các GV, GVTH và chuyên viên. Trong Ngành không có cán bộ thuộc ngạch NCV. Các GV phải hoàn thành cùng lúc hai nhiệm vụ chính là giảng dạy và NCKH. Thực hiện chủ trương chung của Nhà trường, ngành Sư Phạm Âm nhạc luôn đặt nhiệm vụ xây dựng và phát triển đội ngũ GV lên hàng đầu. Nhà trường đã có chiến lược chung về quy hoạch và phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch cán bộ, tuyển dụng, kế hoạch phát triển năng lực của đội ngũ GV, luôn được xác định, đánh giá, thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định. Nhà trường cũng chú trọng đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ sở trong và ngoài nước cho cán bộ, đồng thời động viên cán bộ bằng nhiều hình thức khen thưởng kịp thời. Đội ngũ GV phục vụ cho CTĐT là lực lượng có trình độ cao, có năng lực chuyên môn, NVSP, ngoại ngữ, tin học và có ý thức phấn đấu, bồi dưỡng, hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu của CTĐT.

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

### ***1. Mô tả***

Ngành Sư Phạm Âm nhạc tại Khoa Nghệ Thuật có nhiệm vụ đào tạo giáo viên các bậc giáo dục phổ thông trên cơ sở CTĐT mới ở cả hệ đại học và sau đại học, xác định số đầu môn học, GV đảm nhiệm, số lượng SV, học viên, đồng thời định hướng nghiên cứu các lĩnh vực chuyên ngành mạnh. Trong giai đoạn 2019 -2024, quy mô GV của ngành xác định khoảng 18 GV với chủ trương ổn định số lượng và nâng cao chất lượng. Cho đến năm 2024, ngành Sư Phạm Âm nhạc hiện có 02 GV với học hàm, học vị PGS cụ thể là PGS. Trần Bảo Lân và PGS. Nguyễn Đỗ Hiệp cho Bộ môn Lí luận âm nhạc (chiếm 11,11%), 03 tiến sĩ (chiếm 17,64 %), 12 thạc sĩ (01/12 thạc sĩ đang học nghiên cứu sinh). Số giảng viên có học vị tiến sĩ trên tổng số giảng viên và giáo viên thực hành hiện chiếm tỉ lệ 16,66%; nhưng nếu chỉ tính riêng tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trên tổng số giảng viên thì chỉ số này đạt 17,64%.. Thực hiện Nghị

quyết của Đảng ủy Trường, Khoa đã chủ động cơ cấu sắp xếp lại bộ máy tổ chức các bộ môn trong Ngành đảm bảo tinh gọn, liên ngành và hiệu quả. Hiện tại, đội ngũ giảng viên, giáo viên thực hành của Ngành Sư phạm âm nhạc gồm 18 người trong đó có 17 giảng viên và 01 giáo viên thực hành. Đội ngũ này được quy hoạch và hoạt động chuyên môn theo 3 tổ chuyên môn: (1) Thanh nhạc – Nhạc cụ - 7 GV ;(2) Lí luận âm nhạc 7 GV ; (3) Lí luận và PPDH NT - 6 GV “ghép với ngành SP Mĩ Thuật” (Bảng 6.1.1).

**Bảng 6.1.1. Bảng thống kê số lượng GV với học hàm, học vị đạt được trong Ngành Sư Phạm Âm nhạc (tính tại tháng 3/2024)**

<b>Bộ phận trong Khoa</b>	<b>GS</b>	<b>PGS</b>	<b>TS</b>	<b>ThS</b>
Bộ môn Thanh nhạc – Nhạc cụ (7 GV)	0	0	1	6
Bộ môn Lí luận âm nhạc (7 GV)	0	2	2	3
Bộ môn Lí luận và PPDH NT (6 GV)	0	0	0	5
<b>Tổng cộng: 20</b>	0	2	3	14

Đội ngũ GV hiện tại của ngành SPAN gồm có 0 GS, 2 PGS, 03 TS, 12 Ths là kết quả của công tác quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, kế hoạch chiến lược phát triển của Trường ĐHSPHN giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030 cũng như nhu cầu về đội ngũ cán bộ trong từng vị trí công tác được xác định trong Nghị quyết thông qua đề án vị trí việc làm, bản xây dựng danh mục, báo cáo về việc xác định vị trí việc làm, [H6.06.01.01; H6.06.01.02; H6.06.01.03; H6.06.01.04; H6.06.01.05].

**Bảng 6.1.2. Quy hoạch tuyển bổ sung đội ngũ GV ngành Sư Phạm Âm nhạc**

<b>Năm học</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Bộ môn tuyển bổ sung GV</b>	<b>Kết quả</b>
2021-2022	01	Lí luận Âm nhạc	01 GV Cao Sỹ Anh Tùng
2023 – 2025	01	Thanh nhạc - Nhạc cụ	Dự kiến

Cho đến năm 2020, ngành SPAN mới chỉ có 02 GV đạt học vị TS, Khoa cũng chủ động trong việc tìm nguồn cán bộ có trình độ TS để đáp ứng công việc giảng dạy và nghiên cứu. Năm 2021 trong bối cảnh: một số cán bộ GV của ngành sắp đến tuổi nghỉ chế độ đồng thời gian khiến cho bộ môn Lí luận âm nhạc bị thiếu hụt cán bộ. Ngành SPAN cũng chủ động trong việc tìm nguồn cán bộ có trình độ TS để đáp ứng công việc giảng dạy và nghiên cứu cho bộ môn và đã đề xuất Nhà trường tuyển dụng: TS Cao Sỹ Anh Tùng tốt nghiệp từ Học Viện Âm nhạc Quốc Gia Việt Nam để bổ sung cán bộ cho tổ chuyên môn trên [H6.06.01.06]. Hàng năm, trên cơ sở nhu cầu công tác đào tạo của từng bộ môn và yêu cầu của Nhà trường, Khoa tiến hành các thủ tục theo quy định để đề xuất kéo dài thời gian làm công tác chuyên môn cho các GS, PGS đã đến tuổi được nghỉ hưu. Việc sắp xếp lại tổ chức các bộ phận trong Khoa và bố trí con người phù hợp với năng lực vị trí việc làm đã góp phần thực hiện Nghị định của Chính

phù về chính sách tinh giảm biên chế, song vẫn đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.07].

Cùng với Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, việc đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, đã có nguồn kinh phí nhất định hỗ trợ cho công tác này. Kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên được thực hiện theo Quyết định ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.01.08; H6.06.01.09; H6.06.01.10].

Trong giai đoạn 2019 - 2024, Khoa Nghệ Thuật thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại một số các cán bộ quản lý. Được sự tín nhiệm của Ban giám hiệu Nhà trường và các giảng viên, cán bộ nhân viên trong khoa, Phó trưởng khoa phụ trách khoa Nghệ thuật được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng khoa cho nhiệm kỳ 2023 - 2028. Các trưởng bộ môn, phó trưởng bộ môn được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ [H6.06.01.11; H6.06.01.12].

Thông tin về đội ngũ GV của Khoa nói chung, ngành SPAN nói riêng được công khai trên website của trường [H6.06.01.13]. Hiện nay, ngành SPAN gồm 03 Tổ chuyên môn (Bảng 6.1.1) với đội ngũ cán bộ GV năng động, có chuyên môn tốt ở các độ tuổi được thể hiện trong Bảng 6.1.3.

**Bảng 6.1.3. Độ tuổi của GV Ngành Sư Phạm Âm nhạc năm 2024**

<b>Độ tuổi</b>	<b>32-35</b>	<b>36-40</b>	<b>41-45</b>	<b>46-50</b>	<b>&gt;51</b>
<b>Số lượng</b>	0	2	6	6	4

Độ tuổi trung bình của đội ngũ giảng viên của ngành là 46,61 tuổi. Số lượng cán bộ GV giữa các lứa tuổi gần xấp xỉ bằng nhau. Hiện tại, ngành SPAN không có cán bộ GV từ 32 đến 35 tuổi, điều này cần sự kế thừa để không bị hụt hẫng cán bộ trong tương lai [H6.06.01.14].

Đội ngũ cán bộ của Ngành rất năng động, nhiệt huyết, tuy nhiên còn thiếu các cán bộ giàu kinh nghiệm để chủ trì các đề tài NCKH có tính liên ngành quy mô lớn trong lĩnh vực khoa học giáo dục cũng như khoa học cơ bản, ứng dụng [H6.06.01.15]. Nhà trường và Khoa đang tìm các chính sách để thu hút cán bộ có trình độ, đặc biệt cán bộ được đào tạo từ nước ngoài về tham gia vào đội ngũ đào tạo và nghiên cứu tại ngành SPAN. Từ năm 2023 đến nay, ngành SPAN có 02 cán bộ nghỉ hưu gồm: Ths. Trần Quốc Ninh (nghỉ hưu T4/ 2023), Ths. Ngô Văn Toán (nghỉ hưu T10/2023).

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ giảng viên cơ hữu ngành SPAN năng động, có chuyên môn cao, được đào tạo bài bản tại các cơ sở đào tạo uy tín sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ khác. Khoa đã xây dựng được kế hoạch chiến lược phát triển của đơn vị và quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên phù hợp với yêu

cầu phát triển đào tạo theo định hướng nghiên cứu của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Quy hoạch đó góp phần ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

### 3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch còn chưa chú trọng đúng mức tới sự cân đối tỷ lệ nam/nữ giảng viên trong phạm vi ngành và nhà Trường cũng như nguy cơ hẫng hụt đội ngũ GV trẻ, GV có kinh nghiệm, có học hàm PGS, GS và số lượng Tiến sĩ còn rất ít. Chưa có chính sách để thu hút đội ngũ cán bộ từ nước ngoài và Việt kiều về Khoa để mở rộng hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế có hiệu quả và chưa có chính sách đãi ngộ để tạo động lực cho các cán bộ gắn bó lâu dài.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ưu tiên tuyển dụng GV nam đúng chuyên ngành vào vị trí việc làm còn bị thiếu hụt.</li> <li>- Thông qua các Hội thảo chuyên ngành, liên ngành quảng bá vai trò, tầm ảnh hưởng của Khoa Nghệ Thuật, Ngành Sư phạm Âm nhạc nhằm thu hút các nhà khoa học, nhà sư phạm đóng góp cho sự phát triển của Khoa.</li> <li>- Các GV có học vị ThS tiếp tục phấn đấu để đạt học vị TS, chức danh GV chính.</li> </ul>	Trường, Khoa, Tổ bộ môn	05 năm (2024-2029)
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa, Giảng viên toàn khoa	05 năm (2024-2029)

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

**Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

1. Mô tả:

Căn cứ theo thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 của Bộ GD&ĐT về Quy định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên, trình độ đại học, ThS, TS, tỉ lệ GV trên SV của CTĐT ngành SPAN (khối ngành I) quy định tối đa 20 SV/1GV. Điều này được thể hiện rõ trong đề án tuyển sinh của Trường ĐHSPhN [H6.06.02.01]. Số lượng SV tuyển sinh và số lượng GV tương ứng trong các năm học từ 2019 -2020 đến 2023 -2024 được thể hiện trong bảng 6.2.1 dưới đây:

**Bảng 6.2.1. Tỷ lệ GV/SV sau quy đổi ngành CNSP Âm nhạc giai đoạn 2019-2024.**

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tổng Số Sinh viên	144	169	200	257	293
Tổng Số GV	18	18	19	19	17
Tổng số GV quy đổi	20	23	25	25	23
Tỉ lệ GV/SV	8	9,38	10,52	13,52	17,23

Qua bảng này cho thấy tỉ lệ SV trên GV dao động từ 8 đến 17,23, đảm bảo tỷ lệ theo chuẩn chung của Bộ GD&ĐT Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học của các cơ sở giáo dục. Nhà trường đã có Quyết định số 3422/QĐ-ĐHSPhN về quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSPhN[H6.06.02.02]. Tiếp đó, đến tháng 3 năm 2022, Nhà trường ban hành Quyết định 556/QĐ v/v ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc của GV Trường ĐHSPhN. Quyết định Số 556 /QĐ-ĐHSPhN ngày 11/3/2022 thay thế cho Quyết định số 3422 để phù hợp hơn với tình hình thực tế, trong đó quy định rõ định mức giờ chuẩn nghĩa vụ của GV trong một năm học (Bảng 6.2.2) [H6.06.02.02; H6.06.02.03; H6.06.02.04]. Hiện tại, với số lượng SV/ GV, mỗi khóa Ngành tổ chức các lớp học và chia các nhóm học môn thanh nhạc, Piano - E.Keyboard tối thiểu 04 sinh viên/1 nhóm [H6.06.02.05].

**Bảng 6.2.2. Định mức giờ chuẩn của các GV trong một năm**

TT	Tổng quỹ thời gian làm việc	Định mức giờ chuẩn
----	-----------------------------	--------------------



		Giảng dạy	NCKH	Phục vụ cộng đồng và chuyên môn khác	Cộng	Giảng dạy	NCKH	Phục vụ cộng đồng và chuyên môn khác	Cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	Tổng	(7)	(8)	(9)	Tổng
1	GVCC hạng I	1050	586	124	<b>1760</b>	300	190	96	<b>586</b>
2	GVC hạng II	1050	586	124	<b>1760</b>	300	170	116	<b>586</b>
3	GV -hạng III	1050	586	124	<b>1760</b>	300	150	136	<b>586</b>
4	GVTS 50%	1050	586	124	<b>1760</b>	150	0	436	<b>586</b>
5	Trợ giảng				<b>1760</b>				

Định mức quy định giờ chuẩn của GV là rõ ràng và cụ thể. Nhà trường cũng đã xây dựng phần mềm quản lý giờ GV website của Trường để từng cán bộ chủ động kê khai và kiểm soát khối lượng công việc giờ giảng, giờ NCKH và giờ các nhiệm vụ khác. Đồng thời BCN khoa cũng nắm được để phân công công việc cho từng GV một cách phù hợp trên năng lực và vị trí việc làm quy định [ H6.06.02.03, H6.06.02.05]. Nhà trường tính vượt giờ cho từng GV khi tổng số giờ tính trên đầu GV của toàn ngành theo quy định phải đạt. Giai đoạn 2019-2024, hầu hết GV ngành SPAN đều đảm bảo đủ và vượt số giờ chuẩn theo quy định của Nhà trường. Để giám sát và cải tiến chất lượng đào tạo và NCKH, Bộ môn, Khoa thường xuyên có các hoạt động nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo và NCKH. Cụ thể, bên cạnh TT ĐBCL của Trường lấy ý kiến phản hồi về giờ giảng của GV, Khoa cũng chủ động thu thập ý kiến phản hồi của SV qua các kênh cán bộ quản lý SV, CVHT, chi đoàn, chi hội. sKết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của GV thực hiện CTĐT CNSPDL theo Báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi về GV của TT ĐBCL: năm học 2020-2021 có 19/22 GV được đánh giá cao về giảng dạy, chiếm 95% tổng số GV [H6.06.02.06].

Bộ môn cũng thường xuyên tổ chức dự giờ và đánh giá rút kinh nghiệm [H6.06.02.07]. Hoạt động NCKH của GV được đánh giá qua việc đăng kí chủ trì và tham gia các đề tài NCKH cũng như số lượng và chất lượng công bố các bài báo, giáo trình, sách tham khảo (Bảng 6.2.3) [H6.06.02.08].

Cùng với việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, dựa trên kết quả thực

hiện nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ khác, hàng năm Hội đồng thi đua của Khoa đều tiến hành đánh giá trên các mặt và bình bầu thi đua cũng như đề xuất hình thức khen thưởng các cấp nhằm động viên kịp thời cho GV [H6.06.02.09; H6.06.02.10, H6.06.02.11, H6.06.02.12, H6.06.02.13, H6.06.02.14, H6.06.02.15].

**Bảng 6.2.3. Số lượng đề tài KHCN do GV Ngành SPAN chủ trì và tham gia đã được nghiệm thu, số lượng bài báo và sách xuất bản từ 2019-2024 [H6.06.02.16]**

TT	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài nghiệm thu				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Đề tài cấp NN					
2	Đề tài cấp Bộ	1	-	-	-	1
3	Đề tài cấp trường	3	1	3	1	-
4	Đề tài Hợp tác	-	-	-	-	-
	<b>Tổng</b>	4	1	3	1	1
TT	Phân loại tạp chí	Số lượng tạp chí				
		2019	2020	2021	2022	2023
1	Tạp chí KH quốc tế					
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước					
3	Tạp chí/tập san của cấp trường					
	<b>Tổng</b>					
TT	Phân loại sách	Số lượng sách				
		2019	2020	2021	2022	2023
1	Sách chuyên khảo	0	4	0	0	0
2	Sách giáo trình	0	0	0	3	0
3	Sách tham khảo	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0	0	0	0	0
	<b>Tổng:</b>		4		3	

## 2. Điểm mạnh

Tỉ lệ GV trên SV hiện đến thời điểm đánh giá đã đáp ứng được yêu cầu và đảm bảo đủ GV chất lượng cho đào tạo ngành SPAN. Khối lượng công việc của GV được đo lường và đảm bảo có sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ Bộ môn, Khoa và các đơn vị phòng ban chức năng trong Nhà trường.

## 3. Điểm tồn tại

Do số lượng SV tuyển sinh vào CTĐT những năm gần đây tăng, tỉ lệ GV trên đầu SV đang là một hạn chế, nguy cơ thiếu GV đang dần biểu hiện.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành

1	Khắc phục điểm tồn tại	Bên cạnh việc duy trì hoạt động quảng bá thu hút SV đăng kí vào ngành sư phạm Âm nhạc. Các bộ môn thực hiện việc lập kế hoạch phân công công việc cho các GV ngay từ đầu năm học để đảm bảo khối lượng giờ dạy theo quy định. Khoa cần đề xuất với nhà trường các chiến lược cụ thể hơn để bảo đảm chất lượng giảng dạy, đặc thù của ngành Sư phạm SPAN.	Ngành SPAN Khoa Nghệ Thuật và Trường ĐHSPHN;	Giai đoạn <a href="#">2024-2029</a>
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo tỉ lệ GV/SV đáp ứng quy định hiện hành. Tiếp tục thực hiện đo lường khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV và đảm bảo có sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ bộ môn, khoa và các đơn vị phòng ban chức năng trong Nhà trường.	Trường ĐHSPHN; Ngành Sư phạm Âm nhạc khoa Nghệ Thuật và các Bộ môn	Giai đoạn <a href="#">2024-2029</a>

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

***Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

***1. Mô tả***

Nhà trường ban hành văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng. Theo đó, ngoài các điều kiện chung về đạo đức, năng lực chuyên môn, sức khỏe... các ứng viên dự thi ngạch GV cần đảm bảo: có trình độ từ thạc sĩ trở lên; đối với ứng viên tạo nguồn: tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên (có thể tốt nghiệp loại khá đối với những chuyên ngành đặc thù, hoặc người có năng lực đặc biệt trong một lĩnh vực cụ thể), thời gian làm việc tại đơn vị tạo nguồn được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Căn cứ theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý một cách công khai, minh bạch của nhà trường; Khoa Nghệ thuật luôn tuân thủ chặt chẽ công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý về tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng, Phó Khoa và Trưởng/Phó Bộ môn cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (Giảng viên chính, Phó giáo sư) trong đó nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế.

**Bảng 6.3.1. Danh sách giảng viên được bổ nhiệm giai đoạn 2019 -2024**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ từ 2019 - 2023	Chức vụ được bổ nhiệm	Trình độ	Ngoại ngữ
1	Trần Thị Thu Hà	1983	Phó Trưởng khoa	Trưởng khoa	TS	Tiếng Anh
2	Vũ Hồng Anh	1975	GV	Trưởng BM TNNC	Ths	Tiếng Anh
3	Đặng Thị Hải Yến	1972	GV	Trưởng BM LLAN	Ths	Tiếng Anh
4	Trần Hương Giang	1978	GV	Phó Trưởng BM LL&PPDH NT	Ths	Tiếng Anh
5	Võ Thị Thu Hoài	1975	GV	Phó Trưởng BM TNNC	Ths	Tiếng Trung

Việc bổ nhiệm GV của Khoa vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Quy trình lựa chọn ứng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) cho các chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện CTĐT Cử nhân SPAN,SPMT được thực hiện công khai, thông báo đến toàn Khoa; xét và bầu trực tiếp ở Tổ bộ môn và trong tập thể lãnh đạo Khoa, trước khi trình lên Lãnh đạo Trường. Tuy nhiên trang Web của Khoa chưa được nâng cấp nên chưa cập nhật được các thông tin chung về tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ của Khoa.

Từ năm 2019 - 2023, Khoa Nghệ thuật chỉ có thêm 01 nhân sự mới, mặt khác năm 2019 -2013 khoa có 01 GV chuyển công tác, 05 GV nghỉ hưu. Tính đến tháng 12 năm 2023 tổng số là 32 người trong đó có 31 GV đã được tuyển dụng từ những năm trước đó đảm bảo các yêu cầu tuyển dụng của Nhà trường và lưu giữ đầy đủ các Quyết định bổ nhiệm ngạch viên chức của đội ngũ GV [H6.06.03...], [H6.06.03....] và Bản mô tả vị trí công việc của từng giảng viên trong Khoa theo các năm [H6.06.03...].

Dựa theo Công văn bổ nhiệm CDNN giảng viên chính của Bộ nội vụ và Công văn và Kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (Hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) của Bộ GD và ĐT [H6.06.03...], [H6.06.03...], trong giai đoạn 2019- 2023, Khoa Nghệ thuật có 8 GV được bổ nhiệm GVC [H6.06.03....], [H6.06.01....].

Trong những năm gần đây, do số lượng SV tuyển vào trường đang có chiều hướng tăng dẫn tới áp lực về số giờ giảng dạy cho cán bộ. Vì vậy, , Khoa Nghệ thuật, cũng như các Bộ môn một mặt không ngừng tìm kiếm để tiếp tục bổ sung nguồn nhân

lực. Mặt khác, Khoa tập trung nâng cao chất lượng cán bộ trong việc các GV phải hoàn thành đào tạo TS, thi nâng ngạch GV chính. Theo đó, số lượng cán bộ GV có học học vị tăng lên đáng kể (03 TS).

## 2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, quy trình tuyển dụng minh bạch, bổ nhiệm công khai. Đội ngũ GV tham gia giảng dạy có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

## 3. Điểm tồn tại

Các tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng GV cần được công bố rộng rãi hơn nữa.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng cơ chế để phát huy thế mạnh của từng cán bộ trong giảng dạy và trong NCKH. Công bố tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng GV rộng rãi hơn nữa trên các kênh thông tin đại chúng khác nhau.	Khoa, Trường	Giai đoạn 2025 - 2027
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện Tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, quy trình tuyển dụng minh bạch, bổ nhiệm công khai; thu hút ngày càng nhiều GV có năng lực chuyên môn sư phạm nghiên cứu để bổ sung cho đội ngũ cán bộ của Khoa.	Bộ môn, Khoa, Trường	Giai đoạn 2025-2027

## 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

### **Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.**

#### 1. Mô tả

Chất lượng của đội ngũ GV quyết định chất lượng đầu ra của chương trình đào tạo. Nhà trường có các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV bao gồm: năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực NCKH, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV dựa vào năng lực

đã được quy định trong Quy chế tuyển dụng viên chức của trường [H6.06.03.01]. Các tiêu chí xác định năng lực của GV được thể hiện rõ ràng trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với đội ngũ của Trường [H6.06.01.10]. Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của GV và chế độ ưu đãi về việc nâng cao năng lực được thể hiện trong Công văn Quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với cán bộ, GV [H6.06.04.01]. Các quy định nêu rõ tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng có trình độ từ đại học trở lên; có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; có năng lực ngoại ngữ, tin học; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực NCKH của GV. Bên cạnh đó, vị trí công việc của GV cũng được mô tả trong Đề án vị trí việc làm của trường [H6.06.01.04]

**Bảng 6.4.1. Thống kê đánh giá, phân loại GV giai đoạn 2019-2024**

Năm học	<i>Đánh giá, phân loại GV</i>			
	<i>Không hoàn thành</i>	<i>Hoàn thành</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	<i>Hoàn thành xuất sắc</i>
2019-2020	0	15%	50%	35%
2020-2021	5,5%	9,5%	45%	40%
2021-2022	0	0	50%	50%
2022-2023	0	0	45%	55%

Nhà trường có văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, thể hiện trong Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Hàng năm, Nhà trường có công văn về việc đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức, người lao động [H6.06.04.02]. Cuối mỗi năm học, dựa trên kết quả thực hiện các nhiệm vụ của GV sẽ tiến hành đánh giá năng lực, xếp hạng. Việc đánh giá năng lực GV thực hiện theo đúng quy trình từ cá nhân tự đánh giá đến đơn vị đánh giá. Ngoài ra, mỗi GV tự viết phiếu đánh giá để Bộ môn đánh giá theo bốn mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Các kết quả đánh giá năng lực hằng năm của GV được Khoa tổng hợp, đánh giá và gửi lên Trường để tiếp tục thực hiện đánh giá, phân loại [H6.06.04.03, H6.06.04.04]. Sau quá trình thực hiện, Nhà trường điều chỉnh văn bản đánh giá để phù hợp hơn với tình hình thực tiễn, Trường ban hành QĐ số 05/QĐ-ĐHSPHN ngày 04/01/2022 về việc đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường ĐHSHPN [H6.06.04.05].

***Bảng 6.4.2. Bảng thống kê số liệu đánh giá của người học đối với công tác giảng dạy của giảng viên tính đến tháng 6/2023***

Năm học	Nề nếp (%)			Thái độ (%)			Nội dung dạy học (%)			Phương pháp giảng dạy (%)			Kiểm tra đánh giá (%)				Đánh giá chung (%)			Ghi chú
	XS	Tốt	Khá	XS	Tốt	Khá	XS	Tốt	Khá	XS	Tốt	Khá	XS	Tốt	Khá	Đạt	XS	Tốt	Khá	
2019-2020 HK1	6,25	93,7		31,25	62,25	6,25	25	62,5	12,5	0	87,5	12,5	6,25	81,25	12,5	0	6,25	93,75	0	
2019-2020 HK2	6,25	87,5	6,25	18,75	81,25	0	12,5	81,25	6,25	0	87,5	12,5	12,5	81,25	6,25	0	12,5	87,5	0	
2020-2021 HK1	6,67	93,33	0	13,33	86,67	0	0	100	0	0	100	0	0	100	0	0	0	100	0	
2020-2021 HK2	20	80	0	40	60	0	20	60	20	50	40	10	20	60	10	10	20	70	10	
2021-2022 HK1	37,5	56,25	6,25	37,5	62,5	0	31,25	62,5	6,25	37,5	56,25	6,25	31,25	56,25	6,25	0	37,5	62,5	0	
2021-2022 (HK2)	50	50	0	50	50	0	50	50	0	38,9	61,1	0	44,4	55,6	0	0	50	50	0	
2022-2023 (HK1)	33,3	61,9	4,8	28,6	71,4	0	23,8	76,2	0	14,3	85,7	0	19	81	0	0	14,3	85,3	0,4	
2022-2023 (HK2)	0	100	0	10,5	89,5	0	0	100	0	5,2	94,8	0	5,2	94,8	0	0	0	100	0	

Nhà trường cũng ban hành Quy định Công tác thi đua, khen thưởng và công văn về việc bình xét danh hiệu thi đua và công tác khen thưởng cuối năm học [H6.06.04.05]. Căn cứ vào kết quả thực hiện các nhiệm vụ của GV hàng năm có đánh giá thông qua các tiêu chí xếp loại thi đua. Các tiêu chí trong phiếu đánh giá năng lực của GV được tính theo thang điểm 100 gồm các phần chính: Tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống (20 điểm); Ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc (20 điểm); Nhiệm vụ chuyên môn (60 điểm) bao gồm Đảm bảo khối lượng, chất lượng giảng dạy và thực hiện các công việc liên quan tới giảng dạy theo quy định, quy chế (30 điểm), Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (20 điểm), Kết quả thực hiện nhiệm vụ khác được giao như: công tác tuyển sinh, cố vấn học tập... (10 điểm) [H6.06.04.12 - Phiếu tự đánh giá, chấm điểm của GV].

Kết quả đánh giá được công bố trong các văn bản của Nhà trường hàng năm, kết quả bình xét các danh hiệu thi đua các năm học, kết quả bình xét đề nghị danh hiệu thi đua. Trong giai đoạn 2019 - 2024, Khoa Nghệ thuật mỗi năm có 1-2 GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, 4 - 5 GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Hàng năm, Khoa Nghệ thuật có biên bản gửi lên trường theo đúng quy định về bình xét danh hiệu thi đua. Khoa Nghệ thuật luôn là Khoa hoàn thành tốt các nhiệm vụ; tất cả các GV luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xếp loại A [H6.06.04.06].

Với Khoa Nghệ thuật, việc đánh giá đội ngũ GV dựa trên cả Quy chế làm việc của Khoa [H6.06.04.07], các bản LLKH, các văn bằng, chứng chỉ, bằng khen, giấy khen của mỗi GV hàng năm để có thể đánh giá, bình xét một cách toàn diện [H6.06.04.08].

Bên cạnh đó, chức danh nghề nghiệp và học hàm cũng là tiêu chí quan trọng thể hiện năng lực của đội ngũ. Quy trình đánh giá, xét công nhận đạt chuẩn và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, học hàm GS, PGS của các GV được thực hiện theo quy định. Trong 5 năm, danh sách các GV cơ hữu đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS của trường ĐHSPHN tăng lên, trong đó đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành Nghệ thuật gồm có 02 GV được bổ nhiệm PGS, 02 GV được bổ nhiệm Giảng viên cao cấp và 04 GV được bổ nhiệm Giảng viên chính. Khoa Nghệ thuật có đóng góp vào Danh sách các giảng viên cơ hữu đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS từ 2019 - 2024 để nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH của trường ĐHSPHN [H6.06.04.09, H6.06.01.18]

Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học đối với công tác giảng dạy của GV được thực hiện bởi Trung tâm đảm bảo chất lượng, định kỳ một học kỳ/một lần. Kết quả khảo sát cho thấy giảng viên ngành Nghệ thuật được phản hồi tương đối tốt. Đa số người học thỏa mãn với hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên Khoa [H6.06.04.10].

#### 2. Điểm mạnh:

Nhà trường có các văn bản quy định và hướng dẫn khá cụ thể về tiêu chí đánh giá năng lực của giảng viên. Phương thức, quy trình đánh giá năng lực của đội ngũ GV được triển khai một cách rõ ràng, minh bạch.

#### 3. Điểm tồn tại:

Hồ sơ lưu trữ của giảng viên, kết quả nghiên cứu khoa học chưa được cập nhật đầy đủ, thường xuyên.

#### 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cập nhật thường xuyên, định kì hồ sơ lưu trữ của giảng viên, kết quả nghiên cứu khoa học trên hệ thống quản lý của nhà trường và khoa	Trường ĐHSPHN Khoa Nghệ thuật	Bắt đầu từ năm 2024



2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV cập nhật hơn. Rà soát, chỉnh sửa các văn bản hướng dẫn cụ thể hơn nữa về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV	Trường ĐHSPHN; P.TCCB; Các phòng chức năng; Khoa Nghệ thuật và các Khoa đào tạo khác	Giai đoạn 2024-2029
---	--------------------	---	---	---------------------

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

**Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

1. Mô tả:

Xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, GV là rất cần thiết, Nhà trường thực hiện khảo sát và đánh giá nhu cầu của GV [H6.06.05.01]. GV tự viết Phiếu thông tin về quá trình đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân và đăng ký đi đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2019 -2024. Đồng thời vào đầu mỗi năm học, các Bộ môn tiến hành khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV và yêu cầu của CTĐT, Khoa tổng hợp lại và gửi Phòng Tổ chức Cán bộ tập hợp, trình Ban Giám hiệu xét duyệt kế hoạch và kinh phí bồi dưỡng đào tạo [H6.06.05.02; H6.06.05.03].

Nhà trường và ngành SPAN khoa Nghệ thuật có các kế hoạch trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV và kế hoạch được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT, phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường ĐHSPHN [H6.06.05.04]. Kế hoạch phát triển, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV được chú trọng trong Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2011-2020, 2017-2022 và tầm nhìn đến 2030 [H6.06.05.04] và được đưa vào Nghị quyết Hội nghị BCH Đảng bộ Trường ĐHSPHN [H6.06.01.02] và đồng thời được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm của Trường [H6.06.05.15], cũng như nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức hàng năm của Khoa Nghệ thuật [H6.06.05.06]. Khoa Nghệ thuật đã quyết tâm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho GV, đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Đối với các GV đã là TS cần có kế hoạch đăng ký công nhận đạt chức danh Phó giáo sư; Đối với các GV là ThS cần có kế hoạch đăng kí đi học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Tạo điều kiện để các Gv tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hoàn thành các điều kiện để đạt chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng 2). Cả Nhà trường và Khoa Nghệ thuật luôn chú

trọng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, ngoại ngữ và tin học của GV thể hiện trong Quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với cán bộ, GV và có chế độ ưu đãi về kinh phí đào tạo thể hiện qua Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H6.06.04.07].

**Bảng 6.5.1. Kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ GV giai đoạn 2019-2024**

TT	Loại đào tạo bồi dưỡng	Số lượng GV tham gia				
		2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023-2024
1	Chức danh GV chính	2	2	-	-	-
2	Trình độ Tiến sĩ	2	-	-	-	-
3	ĐT NVSP	4	-	-	-	-
4	ĐT dài hạn chuyên môn nước ngoài	-	-	-	-	-
5	ĐT ngắn hạn, trung hạn nghiệp vụ	-	-	7	-	-
6	Ngoại ngữ	-	1	-	8	-
7	Bồi dưỡng cán bộ quản lý	-	-	2	-	-
8	CNTT	-	9	-	-	-

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, Nhà trường đã quy định các GV phải bảo vệ luận án TS (ít nhất là cấp bộ môn) trước 35 tuổi và tạo điều kiện hỗ trợ tài chính cho các GV trẻ trong việc hoàn thiện chương trình học [H6.06.04.07]. Chính vì vậy, thực hiện kế hoạch đào tạo dài hạn, Nhà trường và Khoa đã tạo điều kiện và động viên các GV đi làm NCS trong nước, ngoài nước, nâng cao trình độ chuyên môn dài hạn [H6.06.05.08]. Về kế hoạch đào tạo ngắn hạn, Trường, Khoa chú trọng đến công tác bồi dưỡng về khoa học giáo dục, NVSP. Nhà trường đã có công văn về các khoá bồi dưỡng và tổ chức một số khoá bồi dưỡng cho cán bộ. Các GV được đào tạo về NVSP, ngoại ngữ và công nghệ thông tin [H6.06.05.09] để qua đó trình độ ngoại ngữ và tin học cũng được quan tâm chú trọng nhằm đảm bảo các GV sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong chuyên môn, giao tiếp và ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động giảng dạy và NCKH. Một số GV được bồi dưỡng về đánh giá giáo dục theo tiếp cận năng lực [H6.06.05.09]. Nhằm mục đích nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, Trường ĐHSPHN và Ngành SPAN luôn khuyến khích các GV trong Khoa có tham gia các chương trình trao đổi chuyên môn, các khóa tập huấn, liên kết hợp tác nghiên cứu khoa học thông qua ký kết thỏa thuận hợp tác với các đại học trong và ngoài nước [H6.06.05.10] và triển khai các dự án nghiên cứu khoa học với các trường đại học nước ngoài [H6.06.05.11]. Nhà trường cũng chú trọng bồi dưỡng đội ngũ kế cận trong công tác quản lý [H6.06.05.12]. Hàng năm, Nhà trường đều dành kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức toàn trường. Theo báo cáo của Phòng KH-TC, kinh phí dành đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong đó có đội ngũ GV trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2021 lên đến 7,58 tỷ đồng [H6.06.05.03] Tất cả các GV được

của đi bồi dưỡng đều hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng và quay trở lại vị trí công tác, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường, Khoa [H6.06.05.02] (Bảng 6.5.2).

**Bảng 6.5.2. Thống kê số lượng GV đã kết thúc các lớp bồi dưỡng, đào tạo và được cấp bằng, chứng chỉ 2019-2024**

TT	Loại đào tạo bồi dưỡng	Số lượng GV hoàn thành chương trình	
		năm 2019	năm 2024
1	Chức danh GV chính	2	5/2
2	Trình độ Tiến sĩ	2/18	3/17
3	ĐT NVSP	-	4
4	ĐT dài hạn chuyên môn nước ngoài	-	-
5	ĐT ngắn hạn, trung hạn nghiệp vụ	-	7
6	Ngoại ngữ	-	3
7	Bồi dưỡng cán bộ quản lý	-	2
8	CNTT	-	9

Nhìn chung, 100% GV đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn theo đúng tiến độ. Một số GV được bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ đạt khung B2 châu Âu sau khi được cấp bằng tiến sĩ [H6.06.05.12; H6.06.05.13; H6.06.05.14;]. Đặc biệt, các GV của Ngành SPAN đều có chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản [H6.06.05.11]; chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm [H6.06.05.11]; 02 cán bộ quản lý trong Khoa đã có chứng chỉ Bồi dưỡng cán bộ quản lý Khoa, Phòng trường Đại học, Cao đẳng [H6.06.05.07-MC1; H6.06.05.07-MC2]. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá hàng năm thông qua Báo cáo hàng năm của cá nhân, của Bộ môn và được Khoa tập hợp xem xét để từ đó có cơ sở nhắc nhở các thành viên nỗ lực hơn nữa trong việc hoàn thiện các chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường [H6.06.05.08].

## 2. Điểm mạnh:

Nhà trường có kế hoạch, khuyến khích và tạo điều kiện cho các GV nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ, năng lực ngoại ngữ và CNTT dưới các hình thức khác nhau. Các GV thực hiện CTĐT đều có tinh thần cầu thị, tích cực tham gia các hoạt động nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

## 3. Điểm tồn tại:

Tính đến tháng 03/2024, trong ngành SPAN khoa Nghệ Thuật còn nhiều GV chưa học NCS và đạt chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng 2). Hiện nay Nhà trường và Ngành chưa thực hiện khảo sát ý kiến của GV về tính phù hợp và hiệu quả của các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ ngắn hạn.

## 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện, hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian, công việc và kinh phí để GV thực hiện NCS và đạt chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng 2)</li> <li>- Bổ sung khảo sát GV về sự phù hợp và hiệu quả của các chương trình đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn</li> </ul>	Trường ĐHSPHN; Ngành SPAN Khoa Nghệ Thuật	Từ năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho các GV và khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân, đơn vị đạt thành tích cao.</li> <li>- Khuyến khích và tạo điều kiện để các cá nhân có năng lực và trình độ mở rộng hợp tác quốc tế qua đó thúc đẩy và nâng cao năng lực của các đồng nghiệp trẻ.</li> </ul>	Trường ĐHSPHN; Khoa Nghệ Thuật	Từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

1. Mô tả:

2. Nhà trường có quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV trong đánh giá căn cứ vào khối lượng công việc theo năm học: Định mức lao động của mỗi GV, khối lượng công việc GV thực hiện trong năm học bao gồm giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng. Theo quy chế trước đây, mỗi GV phải đảm bảo 270 giờ chuẩn giảng dạy (ít nhất 135 giờ đứng lớp), 150 giờ NCKH và 20 giờ cho các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng. Từ năm 2022, Nhà trường đã điều chỉnh định mức thời gian lao động theo hướng phù hợp với từng chức danh nghề nghiệp của GV. Chẳng hạn như đối với GV hạng III phải đảm bảo 310 giờ chuẩn giảng

day, 200 giờ NCKH và 77 giờ cho các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng. Hướng dẫn đánh giá đều được Nhà trường thông báo rõ ràng hàng năm. Việc đánh giá hiệu quả công việc của GV đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển đội ngũ GV trong Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi [H6.06.05.04], Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2017-2022 và tầm nhìn đến 2030 [H6.06.05.04] và trong Phương hướng công tác năm học mới của Trường [H6.06.05.15].

3. Tất cả các GV tham gia CTĐT đều có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao và đảm bảo tiến độ công việc và định mức lao động. Từ năm học 2019-2020, các cấp quản lý và GV có thể theo dõi kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, và các nhiệm vụ khác như hướng dẫn sinh viên NCKH, đào tạo sau đại học, vv. trên Hệ thống quản lý giờ giảng [H6.06.02.05]. Bên cạnh đó, cứ 6 tháng một lần, các GV cập nhật các kết quả công việc từ giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng, vv. để đánh giá theo học kì. Đồng thời, các kết quả NCKH như sách, bài báo, đề tài NCKH cũng được cập nhật theo kỳ 6 tháng, 1 năm. Các kết quả thực hiện được đối chiếu với tiêu chuẩn đặt ra cho từng nhiệm vụ và làm căn cứ để đánh giá, xếp loại theo kì và theo năm học. Từ đó làm cơ sở để các đơn vị hữu trách kịp thời khen thưởng động viên [H6.06.06.01].
4. Việc triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc và đánh giá kết quả công việc đều công khai, minh bạch. Đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ của GV, bộ môn phân công khối lượng giảng dạy cho GV đảm bảo cân đối giữa các GV [H6.06.02.02][H6.06.02.17]. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, theo quy định của Nhà trường, các GV còn thực hiện các nhiệm vụ khác như soạn bài giảng, đề cương bài giảng, viết sách, bài báo, giáo trình, hướng dẫn sinh viên NCKH, tham gia hội thảo, seminar, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, tham gia bồi dưỡng các lớp vừa học vừa làm và đàn dựng, biểu diễn cho các chương trình nghệ thuật của Nhà trường. Khoa cũng phân công các chức danh kiêm nhiệm phục vụ cộng đồng như các trợ lý, cố vấn học tập, công đoàn, đoàn thanh niên, vv. [H6.06.06.02]. Để đánh giá chất lượng giảng dạy của các GV, các bộ môn lên kế hoạch tổ chức đi dự giờ. Trong giờ dự giảng, các thành viên bộ môn nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm đối với người giảng theo qui trình: GV được dự giờ trình bày mục đích và nội dung của giờ giảng, vv. sau đó các thành viên dự giờ đóng góp ý kiến theo những tiêu chí cụ thể như trình bày trong Biên bản dự giờ giảng trên lớp và Biên bản tổng kết [H6.06.06.03].
5. Hàng năm, các Bộ môn và Khoa tiến hành đánh giá công khai, minh bạch kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn của Nhà trường để xét thi đua khen thưởng và thu nhập tăng thêm cho cán bộ GV trong khoa với các mức chính: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ,

Không hoàn thành nhiệm vụ. Hàng năm, Nhà trường đều ban hành công văn hướng dẫn công khai, rõ ràng về công tác bình xét danh hiệu thi đua [H6.06.06.04]. Tất cả những GV hoàn thành khối lượng công việc giảng dạy, NCKH, công tác của Trường, Khoa được nhận danh hiệu: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H6.06.06.01]. Dựa vào mức độ hoàn thành sẽ làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng cấp cao hơn như chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Bằng khen cấp Bộ, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương lao động [H6.06.06.05]. Việc xem xét khen thưởng cho GV là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của các cá nhân, tạo động lực cho cán bộ phát huy năng lực trong giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Một số GV đã được khen thưởng thành tích hướng dẫn NCKH của SV, khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về đạt thành tích xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục, đạt danh hiệu giảng viên tiêu biểu của Nhà trường [H6.06.06.05]. Việc đánh giá, bình xét thi đua cũng là cơ sở để xét bỏ nhiệm chức danh, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý [H6.06.06.07]. Tuy nhiên, Nhà trường và Khoa chưa đưa ra tiêu chí định lượng cụ thể làm căn cứ xếp loại thi đua hàng quý (3 tháng) để khuyến khích cán bộ hoàn thành nhiệm vụ.

**Bảng 6.6.1. Thống kê số lượng danh hiệu thi đua hàng năm Đơn vị tính: Người**

Năm học	LĐ tiên tiến	CS Thi đua cấp cơ sở	CS thi đua cấp Bộ	Bằng khen các cấp
2019 - 2020	17	01	0	0
2020 - 2021	19	03	0	0
2021 - 2022	20	04	0	0
2022 - 2023	20	06	0	02

Cùng với việc triển khai đánh giá kết quả hoạt động của GV theo đúng quy định, việc quản trị theo kết quả công việc của GV mang tính dân chủ, khách quan. Trước khi ban hành các văn bản để thực hiện, Nhà trường luôn có công văn để lấy ý kiến đóng góp của GV và được tổng hợp theo đơn vị để gửi các phòng chức năng tập hợp, sau đó Hội đồng Trường họp, thảo luận, thống nhất và ban hành sử dụng trong toàn Trường [H6.06.06.09]. Ngoài ra, ý kiến của cán bộ GV còn được đề cập và thảo luận thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động của Khoa, thông qua bản tổng hợp ý kiến góp ý cho báo cáo tổng kết và Nhà trường [H6.06.06.10]. Cho đến nay, công tác quản trị theo kết quả công việc của GV được đánh giá là tốt. Theo khảo sát trong Ngành SPAN năm 2024, phần lớn các GV hài lòng về các tiêu chí đánh giá, phân loại và về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền.

#### 6. Điểm mạnh:

Phân công công việc và quản trị kết quả công việc của GV có tiêu chí, qui trình rõ ràng, hợp lý, phù hợp với từng thành viên. Việc đánh giá kết quả công việc của GV

được thực hiện theo quy định, công khai, minh bạch và có khen thưởng, công nhận kịp thời tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng.

**7. Điểm tồn tại:**

Nhà trường và Khoa chưa đưa ra tiêu chí định lượng cụ thể làm căn cứ xếp loại thi đua hàng quý (3 tháng).

**8. Kế hoạch hành động:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường xây dựng tiêu chí xác định rõ ràng việc xếp loại thi đua hàng quý để làm căn cứ xếp loại thi đua theo kỳ, cuối năm và khuyến khích	Trường ĐHSPH; Khoa Nghệ Thuật	Từ năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục quản trị theo kết quả công việc của GV đặc biệt thông qua công tác thi đua khen thưởng khi GV hoàn thành nhiệm vụ để khuyến khích GV nâng cao năng lực và tích cực đóng góp cho sự phát triển	Trường ĐHSPH; Khoa Nghệ Thuật	Từ năm học 2024-2025

**9. Tự đánh giá: Đạt 5/7**

**Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

**1. Mô tả**

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV đã được trường Đại học sư phạm Hà Nội quy định cụ thể trong các văn bản: Quy định về hoạt động NCKH của Trường ĐHSPHN, Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSP Hà Nội [H6.06.07.01]. Ngoài ra, phòng Khoa học công nghệ cũng soạn các tài liệu hướng dẫn nghiên cứu khoa học gồm các mẫu giấy tờ, văn bản, hợp đồng, đề tài nhằm hỗ trợ GV thực hiện công tác nghiên cứu khoa học một cách thuận lợi nhất. Từ 01/07/2017, Nhà trường và Khoa đã thực hiện quy đổi giờ NCKH từ các bài báo khoa học, đề tài và các hoạt động khác cho GV để xác định đúng khối lượng công việc mà mỗi GV đảm nhận, tạo sự công bằng, tạo động lực thúc đẩy làm việc. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát. Đầu mỗi năm học, các GV tham gia họp Bộ môn, họp Khoa để triển khai các công tác trong năm học. Do quy

định của trường về số giờ chuẩn hoạt động NCKH với mỗi chức danh, học vị của GV, Khoa đề xuất phân công nhiệm vụ cho các GV trong đơn vị, từ đó bộ môn họp bàn và thống nhất phân công.

Nhà trường đã quy định số giờ chuẩn hoạt động khoa học công nghệ hằng năm đối với mỗi chức danh, học vị của GV trong Trường và số lượng giờ quy đổi ứng với từng loại hình. Cụ thể, đối với GV cao cấp, Giáo sư/Phó giáo sư, GV chính, GV có thời gian công tác trên 5 năm là 150 giờ; GV có thời gian công tác dưới 5 năm là 90 giờ, giảng viên tập sự là 75 giờ; giảng viên đang trong thời gian học Cao học, Nghiên cứu sinh trong nước là 75 giờ. Theo phân công của Khoa và Bộ môn, nhiệm vụ NCKH của mỗi GV là hoàn thành ít nhất 1 bài báo và đó là cơ sở để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cuối năm học. Đối với các GV làm đề tài, bộ môn, Khoa chủ động đôn đốc và kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của các GV. Để theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH, trên phần mềm quản lý giờ giảng của GV phải có minh chứng cụ thể hoạt động NCKH trong năm để đảm bảo quy định; hằng năm Nhà trường và khoa định kỳ thành lập các Hội đồng kiểm tra tiến độ thực hiện và hội đồng nghiệm thu đề tài các cấp [H6.06.07.06]

Các loại hình, số lượng các hoạt động NCKH của GV được đối sánh để cải tiến chất lượng. Hàng năm, Khoa đều tiến hành tổng kết công tác NCKH của Khoa theo công văn tổng kết công tác NCKH của trường [H6.06.07.04]. Số đề tài KH-CN mà GV, khoa Nghệ thuật tham gia giảng dạy ngành đào tạo cử nhân SPAN qua các năm được thống kê cụ thể [H6.06.07.03].

Cùng với việc triển khai đề tài NCKH các cấp, số lượng các bài báo của giảng viên Khoa Nghệ thuật tham gia đào tạo cử nhân ngành SPAN trong 5 năm qua tăng lên đáng kể. Song song với việc triển khai các đề tài khoa học, một số GV còn tích cực viết sách, tài liệu tham khảo và giáo trình đại học phục vụ cho giảng dạy, tuân theo các thủ tục qui định về xuất bản giáo trình. Trong đó, số lượng sách GV viết tăng dần theo các năm.

Nhìn chung trong 5 năm qua số lượng các đề tài NCKH, số lượng các công trình khoa học tăng hơn hẳn so với những năm trước. Đặc biệt có một số bài báo quốc tế. Điều đó chứng tỏ sự nỗ lực phấn đấu của các GV, sự quan tâm động viên kịp thời và sự tạo điều kiện thuận lợi của Nhà trường và của Khoa. Những thành tích NCKH của các bộ môn, thành tích về NCKH của cán bộ được Khoa, Nhà Trường ghi nhận, kịp thời động viên khuyến khích các cán bộ trong Khoa không ngừng phấn đấu, say mê trong công tác NCKH, góp phần đẩy mạnh công tác NCKH của Trường [H6.06.07.04], [H6.06.07.04].

Việc đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt



động NCKH của GV cũng là cơ sở cho việc đánh giá phân loại GV hàng năm. Các GV khoa Nghệ thuật có năng lực tốt, đáp ứng các yêu cầu về NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, đội ngũ này luôn được bình xét đánh giá, phân loại danh hiệu thi đua Lao động tiên tiến, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở [H6.06.07.05].

## 2. Điểm mạnh

Đã xác lập chi tiết, công bố công khai các loại hình, số lượng hoạt động NCKH của giảng viên.

Số lượng và chất lượng các sản phẩm NCKH có xu hướng gia tăng hàng năm.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa có cơ chế khuyến khích động viên, khen thưởng phù hợp cho những giảng viên thực hiện vượt định mức giờ NCKH.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Tổ chức rà soát, bổ sung kế hoạch nghiên cứu khoa học và xây dựng cơ chế khen thưởng các cá nhân nghiên cứu, ra ấn phẩm khoa học.	HĐKH Khoa Nghệ thuật, Phòng KHCN	Bắt đầu từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	- Tham gia nhiều loại hình nghiên cứu hơn. Tăng cường xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Tăng cường các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí quốc tế	Tất cả GV Khoa Nghệ thuật	Giai đoạn 2024-2029

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 6**

Nhìn chung, đội ngũ GV, NCV ngành sư phạm Âm nhạc có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và NCKH tốt, đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Trong những năm qua, chất lượng đội ngũ GV của khoa không ngừng được tăng lên. Điều đó xuất phát từ chiến lược quy hoạch, tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí công khai của Nhà trường. Trong giai đoạn 2019 - 2024, năng lực, các công việc của GV được quản trị và đánh giá công khai, minh bạch và khách quan đồng thời được khen thưởng dưới nhiều hình thức tạo động lực phấn đấu cho các GV. Nhà trường và Khoa cũng tích cực tiến hành các hoạt động hỗ trợ GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ kể cả ngoại ngữ, tin học. Công tác NCKH cũng được đề cao.

Tuy nhiên, việc quy hoạch theo vị trí việc làm dựa trên đầu SV và môn học đang còn nhiều bất cập. Một số cán bộ dạy môn cơ bản thừa giờ, một số cán bộ dạy môn chuyên môn hẹp có nguy cơ thiếu giờ. Đội ngũ cán bộ cũng như số lượng đề tài nghiên cứu cũng chưa đồng đều ở các bộ môn. Nhìn chung, hiện nay đội ngũ GV ngành sư phạm Âm nhạc đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, nhiệt huyết trong giảng dạy, NCKH, năng lực ngày càng nâng cao, có những đóng góp đáng kể cho việc thực hiện sứ mệnh và mục tiêu phát triển của Nhà trường nói chung và đáp ứng yêu cầu của CTĐT nói riêng.

#### **Đánh giá tiêu chuẩn 6:**

Tiêu chuẩn 6	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 6.1				4			
Tiêu chí 6.2				4			
Tiêu chí 6.3				4			
Tiêu chí 6.4				4			
Tiêu chí 6.5					5		
Tiêu chí 6.6					5		
Tiêu chí 6.7					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>4.42</b>						

#### **Tiêu chuẩn 7. *Đội ngũ nhân viên***

##### ***Mở đầu***

Chất lượng CTĐT phần lớn phụ thuộc vào đội ngũ GV, mối quan hệ tương tác giữa GV và người học. Tuy nhiên, đội ngũ GV không thể thực hiện tốt nhiệm vụ, và người học cũng khó có thể đạt kết quả học tập tốt nếu thiếu sự hỗ trợ của đội ngũ nhân viên (GVTH, chuyên viên văn phòng, giáo vụ, vv. ). Đội ngũ nhân viên này làm việc tại thư viện, văn phòng và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ nhân viên làm việc tại khoa Nghệ Thuật trực tiếp hỗ trợ CTĐT của Khoa đủ về số lượng và được đào tạo cơ bản về chuyên môn, kỹ thuật vững vàng, đủ khả năng để hỗ trợ giảng dạy cho GV và tư vấn chuyên môn cho SV. Nhà trường và Khoa Nghệ Thuật đã có những chủ trương, chính sách cũng như quá trình thực thi, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ nhằm đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất. Đó là những chiến lược về quy hoạch đội ngũ nhân viên, tiêu chuẩn và tiêu chí rõ ràng để tuyển được đội ngũ nhân viên giỏi nghề và có

phẩm chất đạo đức tốt. Có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác). Trong quá trình công tác, đội ngũ nhân viên được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ để nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ đào tạo. Thêm vào đó có đánh giá năng lực, quản trị công việc của đội ngũ nhân viên, khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học đối với đội ngũ nhân viên để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

***1. Mô tả***

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, phù hợp với chiến lược phát triển Trường ĐHSPHN giai đoạn 2011- 2020, tầm nhìn 2030 và giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Để làm tốt công tác này, Nhà trường đưa ra Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở tuyển dụng đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường [H7.07.01.02]. Nhà trường cũng ban hành quyết định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc đối với GVTH và quyết định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động [H7.07.01.03; H7.07.01.04]. Để đảm bảo số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa đáp ứng yêu cầu đào tạo, Trường đã ban hành Quy định số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa [sH7.07.01.05].

CTĐT CNSPAN được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên thư viện Trường; hỗ trợ CNTT và hệ thống mạng từ TT CNTT; hỗ trợ về cơ sở vật chất (các tòa nhà, giảng đường, PTN, thực hành, vv.) từ phòng Quản trị; hỗ trợ rèn luyện nghề cho SV sư phạm từ Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển NVSP cũng như được hỗ trợ về công tác tư vấn người học đăng ký TC, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, vv. từ Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV và Đoàn thanh niên. Đội ngũ nhân viên này của Trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp đáp ứng tốt cho công việc (Bảng 7.1.1). Tính đến tháng 3/ 2024, Trung tâm Thông tin - Thư viện (TT TT-TV) Trường ĐHSPHN có tổng số 30 người: trong đó có 12 Ths, 17 cử nhân, 01 trình độ khác. TT TT-TV Trường có vai trò thực hiện chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH, triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN và quản lý của Nhà trường thông qua việc sử dụng, khai thác các loại tài liệu có trong thư viện (tài liệu chép tay, in, sao chụp, khắc trên mọi chất liệu, tài liệu điện tử, mạng Internet, vv. ). Đội ngũ cán bộ nhân viên TT TT-TV về cơ

bản đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, mặc dù trong những năm gần đây số lượng sinh viên không ngừng tăng lên, tuy nhiên nhờ áp dụng những công nghệ mới, việc khai thác thông tin thư viện và tài liệu online trở nên dễ dàng hơn. Ngoài tài liệu sách in mượn tại thư viện, sinh viên tiếp cận ngày càng nhiều với tài liệu online, việc này cũng giảm bớt áp lực trong quá trình thu thập tài liệu và khai thác thông tin phục vụ cho học tập của các bạn sinh viên. Theo thống kê vào ngày 30/3/2024, số lượng tài liệu được số hóa của thư viện như sau: Đề tài NCKH: 247 đề tài; sách 588 tên; Tạp chí 24.025 bài; luận văn-16.959 tên; luận án 1.551 tên [H7.07.01.06. Hơn nữa, với GV ngành SPAN khi dạy các học phần chuyên môn do mình phụ trách, ngoài giáo trình đã có, GV ngành SPAN sẽ giới thiệu, đồng thời cung cấp một số tài liệu, sách tham khảo online phục vụ cho môn học đó, điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sinh viên trong quá trình học tập.

Đội ngũ nhân viên phòng đào tạo gồm 7 người: 2 TS, 5 ThS tham mưu giúp Hiệu trưởng, quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện công tác đào tạo, bao gồm kế hoạch, chương trình, học liệu, tổ chức giảng dạy và chất lượng giảng dạy theo quy chế đào tạo của Bộ và quy định của Trường đã ban hành. Phòng Hành chính – Đối ngoại gồm 15 người: 3 TS, 3 ThS, 8 cử nhân, 01 người có trình độ khác có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác quản lý hành chính và hợp tác quốc tế của Trường. Phòng Công tác SV gồm 7 người: 5 ThS, 1 TS, 1 cử nhân là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc Hiệu trưởng về công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên huấn và công tác quảng bá hình ảnh của trường, công tác học sinh, SV. Về cơ bản đội ngũ nhân viên tại các phòng ban này đang thực hiện rất tốt các nhiệm vụ được giao, đảm bảo cho công tác đào tạo diễn ra thuận lợi.

Trung tâm CNTT gồm 5 người: 2 ThS, 3 cử nhân, đây là đơn vị tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong hoạch định chiến lược và quản lý các công tác liên quan đến CNTT và truyền thông của Trường. CNTT giữ vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của giáo dục nhà trường. Đặc biệt, trong giai đoạn 2020 – đầu 2021, do ảnh hưởng của đại dịch covid, toàn bộ việc học chuyển từ trực tiếp sang trực tuyến, điều này đòi hỏi sự hỗ trợ rất tích cực từ các cán bộ trung tâm CNTT, từ khâu giảng dạy trên lớp, làm bài về nhà, tổ chức thi cuối kì, vv. Trung tâm CNTT đã làm rất tốt, tuy nhiên đôi khi công việc trở nên quá tải, việc bổ sung nhân sự về CNTT là điều rất cần thiết, khi mà chúng ta đang hướng tới một kỉ nguyên số trong giáo dục. Về cơ bản, đội ngũ nhân viên trong Trường có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ CTĐT CNSPÂN [H7.07.01.07]. Tuy nhiên, vẫn còn có sự chưa đồng đều về trình độ chuyên môn giữa các đơn vị so với toàn Trường.

**Bảng 7.1.1. Thống kê số lượng đội ngũ nhân viên Trường ĐHSPHN một số bộ phận và Ngành SPAN phục vụ CTĐT(Tính đến tháng 4/2024)**

Khoa/phòng ban	Trình độ				Giới tính	
	TS	Thạc sĩ	Đại học	Khác	Nam	Nữ
Khoa Địa lý	0	1	2	0	2	1
Thư viện	0	12	17	1	6	24
Phòng Đào tạo	2	5	0	0	3	4
Phòng Hành chính – Đối ngoại	3	3	8	1	4	11
Phòng Công tác HSSV	1	5	1	0	2	5
Trung tâm CNTT	0	2	3	0	5	0

Số liệu đội ngũ nhân viên phục vụ CTĐT từ 2019 - 2024 được thể hiện ở Bảng 7.1.2. Hiện nay, số lượng nhân viên biên chế tại Khoa Nghệ Thuật là 3 nhân viên. Tất cả các cán bộ nhân viên đều phục vụ chung cho CTĐT của toàn khoa, không phân biệt hệ CNSPÂN hay hệ CNSPMT, bởi hầu hết đội ngũ nhân viên này đều được tuyển dụng từ trước.

**Bảng 7.1.2. Thống kê đội ngũ nhân viên phục vụ CTĐT Khoa Nghệ Thuật từ 2019 – 2024**

ĐNVN Địa lý	Khoa	Trình độ				Giới tính		Tổng
		TS	Thạc sĩ	Đại học	Khác	Nam	Nữ	
Năm 2019		0	1	1	0	1	1	2
Năm 2020		0	1	1	0	1	1	2
Năm 2021		0	1	1	0	1	1	2
Năm 2022		0	1	2	0	2	1	3
Năm 2023		0	1	2	0	2	1	3
Năm 2024		0	1	2	0	2	1	3

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo hệ Cử nhân Sư phạm, các bộ môn và BCN Khoa khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cán bộ nhân viên tự nâng cao trình độ chuyên môn Do đặc thù chuyên ngành, nên số lượng đội ngũ nhân viên của khoa Nghệ Thuật thấp hơn so với khoa khác. Tuy nhiên đội ngũ nhân viên của khoa Nghệ Thuật luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Trường và Khoa giao phó.

**Bảng 7.1.3. Đối sánh thống kê đội ngũ nhân viên Khoa Nghệ thuật và một số khoa khác tại Trường ĐHSPhN năm 2024**

Khoa/phòng ban	Trình độ				Giới tính		Tổng
	TS	Thạc sĩ	Đại học	Khác	Nam	Nữ	
Khoa Nghệ Thuật	0	1	2	0	2	1	3
Khoa Giáo dục Quốc Phòng	0	0	4	0	0	4	4
Khoa Giáo dục	0	2	1	0	0	3	3

đặc biệt							
Khoa CNTT	0	2	2	0	3	1	4

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên Khoa Nghệ Thuật, Trường ĐHSPHN được thực hiện đáp ứng các nhu cầu các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào công việc và con người cụ thể, Khoa phân công đội ngũ nhân viên cũng như các GV tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như công đoàn, đoàn thanh niên, các trợ lý, do đó đã huy động được cán bộ toàn khoa cùng cộng tác hỗ trợ nhau hoàn thành tốt mọi công việc [H7.07.01.10]. Năm 2019, TT ĐBCL Trường ĐHSPHN cũng đã tiến hành khảo sát chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ hành chính các khoa. Kết quả khảo sát đối với toàn bộ 3 vấn đề đã khảo sát cho thấy có 97,8 % số cán bộ hành chính được sinh viên nhận xét đạt ở mức Tốt, Xuất sắc. Tuy nhiên vẫn còn một số ý kiến của Sinh viên đánh giá chưa tốt về chất lượng, hiệu quả và thái độ phục vụ của cán bộ hành chính các khoa, chủ yếu rơi vào nhóm 5 cán bộ hành chính có mức điểm tổng thể thấp nhất [H7.07.01. 11]. Trong năm 2019, khoa Nghệ Thuật cũng tiến hành khảo sát lấy ý kiến của người học về đội ngũ nhân viên của khoa vào năm 2019, tuy nhiên việc này không được thực hiện thường xuyên, đây cũng là hạn chế cần phải được khắc phục, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên với người học. Tháng 12/2021, Khoa được tiếp nhận một nhân viên chuyên về làm giáo vụ cùng với 1 nhân viên quản lý sinh viên và 1 giáo viên thực hành trước đó. Điều này đã hỗ trợ rất nhiều cho các hoạt động của khoa vì trước đó đội ngũ nhân lực quá mỏng.

## 2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hợp lý, phù hợp và đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và tình hình thực tế của Khoa và Nhà trường.

## 3. Điểm tồn tại

Số lượng quá ít dẫn đến việc quá tải trong công việc.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung thêm nhân lực	Khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại văn phòng, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	Khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSPhN	Giai đoạn 2024-2029
---	--------------------	---	-----------------------------------	---------------------

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

**Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai**

**1. Mô tả**

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được Trường ĐHSPhN xác định phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2011- 2020 và tầm nhìn 2030, giai đoạn 2017 - 2022 và tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Nhà trường ban hành văn bản quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng minh bạch đối với đội ngũ NV, trong đó có các tiêu chí về đạo đức, về năng lực chuyên môn, về độ tuổi, về chuyên ngành phù hợp với từng vị trí việc làm theo nhu cầu và chiến lược phát triển chung của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu thực tế của các đơn vị trong Trường [H7.07.02.01]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị trong toàn trường. Trước khi ban hành các văn bản để thực hiện, Nhà trường luôn có công văn để lấy ý kiến đóng góp của GV và được tổng hợp theo đơn vị để gửi các phòng chức năng tập hợp, sau đó Hội đồng Trường họp, thảo luận, thống nhất và ban hành sử dụng trong toàn trường, điển hình là Góp ý dự thảo Đề án vị trí việc làm của Trường [H7.07.02.02].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của CSGD. Đối với ngạch cán sự và ngạch nhân viên ngoài điều kiện chung cần có: bằng tốt nghiệp phổ thông trở lên, văn bằng chứng chỉ phù hợp với công việc tuyển dụng đạt loại Khá trở lên, tuổi đời dự tuyển không quá 35, trình độ ngoại ngữ và tin học do Hội đồng tuyển dụng quyết định với từng vị trí việc làm [H7.07.02.03; H7.07.01.02]. Công tác tuyển dụng nhân sự được thực hiện đúng theo quy định và quy trình tuyển dụng viên chức. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ rõ ràng, minh bạch: các cán bộ được bổ nhiệm bảo đảm tiêu chuẩn chung về: chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, trình độ chuyên môn, năng lực và uy tín; và thỏa mãn những tiêu chuẩn cụ thể đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý như trưởng phòng đào tạo, giám đốc trung tâm thông tin thư viện, vv. Đồng thời, các tiêu chí này thường xuyên được rà soát, điều chỉnh đảm bảo tiêu chí tuyển dụng rõ

ràng, phù hợp và đáp ứng nhu cầu của đào tạo và NCKH [H7.07.02.04].

Trong những năm gần đây, do yêu cầu về cắt giảm biên chế nên từ năm 2022, 2023, Khoa Nghệ Thuật không tuyển dụng nhân viên mới nào. Ngành Sư phạm Âm nhạc có hai cán bộ vừa nghỉ hưu vào tháng 5/2023 và tháng 9/2023. Hiện tại đội ngũ nhân viên khoa Nghệ Thuật gồm (1)Lê Hữu Điền – Quản lý sinh viên , (2) Ngô Văn Tùng – Giáo vụ Khoa và (3)Đào Thị Thu Trang – Giáo viên thực hành. Trong năm học 2021 - 2022, khoa có bổ sung nhân lực: Cao sỹ Anh Tùng (Bộ môn Lí luận Âm nhạc) và được điều động thêm một viên chức đến nhận công tác tại văn phòng khoa Nghệ Thuật [H7.07.02.06]. Mặc dù đã bổ sung hai cán bộ, nhưng do đội ngũ GV, nhân viên thiếu và mỏng, khối lượng công việc nhiều nên Khoa vẫn có nguyện vọng được tuyển dụng thêm viên chức và người lao động. Điều này cũng đặt ra thách thức cho Khoa, cần có bổ sung nhân sự, ít nhất là 01 người để đảm bảo cho công tác đào tạo diễn ra thuận lợi hơn.

## 2. Điểm mạnh

Việc tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển đã có đầy đủ tiêu chí, qui trình rõ ràng, công bố công khai.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa có nhân viên chuyên trách cho các nhiệm vụ như quản lý thư viện, kết nối cộng đồng.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung thêm vị trí nhân viên vào đề án nhân sự việc làm của Khoa	Khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	Khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSPHN	Giai đoạn 2024-2029

## 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

### Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

#### 1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ nhân viên Nhà trường được xác định. Nhà trường có quy định xếp loại cán bộ viên chức theo vị trí việc làm, trong đó có quy định rõ ràng



về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.01]. Đội ngũ chuyên viên thuộc các phòng ban chức năng của Nhà trường và chuyên viên thực hiện Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm Âm nhạc được tuyển dụng dựa theo nhu cầu công việc và các tiêu chí được xác định cụ thể. Năng lực của đội ngũ nhân viên được đảm bảo phù hợp với các nhiệm vụ được giao. Đội ngũ nhân viên làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước và đảm bảo các yêu cầu về năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công việc, đảm bảo các hoạt động hành chính của Khoa được tiến hành một cách bài bản, thuận lợi [H7.07.03.01], [H7.07.03.02].

Quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên đã được Nhà trường xây dựng và ban hành trong các văn bản: Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường ĐHSPHN [H7.07.03.01], Quy định Công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHSPHN [H7.07.03.02], Quy định nâng bậc lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc [H7.07.03.04].

Trong văn bản Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức, Nhà trường đã cụ thể hóa các yêu cầu, thời gian, nội dung, trình tự cũng như tiêu chuẩn đánh giá, phân loại viên chức và người lao động. Từ năm 2022, theo quy định mới, viên chức hành chính và người lao động được đánh giá phân loại theo tháng, trình tự đánh giá được thực hiện theo quy trình gồm 5 bước [H7.07.03.02]. Trình tự đánh giá cả năm cũng được quy định cụ thể trong văn bản này.

Hàng năm, trước khi kết thúc năm học, Nhà trường đều có công văn hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá phân loại cán bộ, viên chức và công văn hướng dẫn bình xét thi đua của năm học [H7.07.03.05; H7.07.03.07]. Nhà trường cũng có văn bản hướng dẫn về xét nâng lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc vào tháng 12 hằng năm. Khoa Nghệ thuật đã thực hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn. Theo đó, kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo trình tự: tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá. Dựa trên kế hoạch năm học và kết quả thực hiện các công việc được giao trên cơ sở phiếu đánh giá phân loại hàng tháng, nhân viên tự viết phiếu đánh giá kết quả thực hiện công việc của bản thân trong năm học, tiếp đó các Tổ, Bộ môn tổ chức đánh giá, bình xét năng lực của các nhân viên, rồi nộp biên bản cho Khoa. Trưởng Khoa, Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp để quyết định danh sách đề xuất lên Trường. Kết quả về phân loại CCVC và Kết quả thi đua của mỗi năm học sau khi được Hội đồng Thi đua Khen thưởng của Trường họp và quyết định đều được công khai trên hệ thống văn bản của trường. Theo kết quả đánh giá phân loại hàng tháng đối với nhân viên hành chính, trong các năm gần đây, các nhân viên hành chính khoa Nghệ thuật đều xếp loại A, cuối năm học đạt danh hiệu thi

đua Lao động tiên tiến. [H7.07.03.05]

Bên cạnh đó, Trung tâm đảm bảo chất lượng, Trường ĐHSPPHN cũng thực hiện đánh giá về việc thực hiện quy định về thời gian, tác phong làm việc, thái độ ứng xử, hiệu quả giải quyết công việc của các cán bộ hành chính các khoa thông qua phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên đối với cán bộ hành chính. Kết quả khảo sát năm 2019, tỉ lệ cán bộ hành chính của Nhà trường được sinh viên phản hồi đánh giá tổng thể ở mức tốt. [H7.07.03.06].

## 2. Điểm mạnh

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo quy trình dựa trên các tiêu chí cụ thể, rõ ràng, công khai, đảm bảo sự công bằng, theo đúng quy định.

## 3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ đội ngũ nhân viên của Khoa đạt các danh hiệu thi đua cấp cao còn thấp.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Động viên đội ngũ nhân viên tích cực, chủ động tham gia các hoạt động để nâng cao thành tích thi đua.	Khoa Nghệ thuật	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện đội ngũ nhân viên phát huy năng lực phù hợp với vị trí việc làm	Khoa Nghệ thuật	Giai đoạn 2024-2029

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó**

### 1. Mô tả

Hàng năm, Nhà Trường có thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc. Cụ thể, tháng 10/2011, trong Chiến lược và Kế hoạch hành động 2011-2020, Nhà trường đã xác định nhu cầu cần thiết phải bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ cán bộ bao gồm cả GV và nhân viên [H7.07.01.01]. Nhà trường đã có công văn số 174/ĐHSPPHN ngày 18/4/2017 về việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên thông qua các bản đăng ký nhu cầu bồi dưỡng cá nhân, Khoa

và Nhà trường xét duyệt, lập kế hoạch và dự toán kinh phí bồi dưỡng đào tạo phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.02; H7.07.04.03; H7.07.04.04]. Bên cạnh đó, việc khảo sát nhu cầu về bồi dưỡng đào tạo đối với đội ngũ nhân viên cũng được thực hiện qua việc khảo sát lấy ý kiến trong các cuộc họp Tổ, Bộ môn, các cá nhân có nhu cầu đi đào tạo và bồi dưỡng đề xuất ý kiến trực tiếp, ý kiến được ghi trong biên bản Bộ môn [H7.07.04.05]. Trưởng bộ môn sẽ đề xuất với Lãnh đạo Khoa và Khoa sẽ đề xuất lên Trường. Điển hình các giảng viên và GVTH có nhu cầu học TS, Văn bằng 2 có đơn gửi lên Khoa, Khoa có ý kiến trong đơn gửi lên Trường. Nhà trường và Khoa đều tạo điều kiện, khuyến khích, động viên cán bộ nhân viên đi học nâng cao trình độ. Ngoài ra, cán bộ có thể đề xuất ý kiến trong các bản góp ý cho các Báo cáo tổng kết năm học, phát biểu ý kiến trong Hội nghị Cán bộ viên chức và người lao động và trong Buổi gặp mặt của Lãnh đạo Nhà trường với đội ngũ nhân viên hành chính hàng năm. Lãnh đạo đơn vị và lãnh đạo trường luôn lắng nghe, ghi nhận và có chính sách phù hợp. Riêng với việc đi học, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong đội ngũ nhân viên, không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ tự túc kinh phí [H7.07.04.06; H7.07.04.07, H7.07.04.08]. Khoa Nghệ thuật hiện nay có 2 chuyên viên văn phòng, 1 GVTH trong đó có 2 người trình độ Đại học và 1 người có trình độ Thạc sĩ. Trong giai đoạn 2019-2024, 3 GV của Khoa Nghệ thuật đã bảo vệ thành công luận án và được cấp bằng Tiến sĩ [H7.07.04.02]. Khoa Nghệ thuật với đặc trưng có nhiều hoạt động biểu diễn, sáng tác, triển lãm thực tế.

Đối với nhu cầu bồi dưỡng về ngoại ngữ và tin học, Nhà trường thông báo về việc mở các lớp bồi dưỡng về tin học ngoại ngữ trên hệ thống văn bản điện tử, các cán bộ nhân viên có nhu cầu đăng kí theo Khoa. Trường lập danh sách và thông báo lịch học. Sau khóa học, các cán bộ, nhân viên được cấp chứng chỉ.

Trong giai đoạn 2019-2024, đội ngũ nhân viên Khoa Nghệ thuật đã tham gia hiệu quả các khoá học, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Cụ thể như sau: Trong quá trình triển khai các ứng dụng mới trong quản lý đào tạo, Giáo vụ của Khoa thường xuyên được tập huấn về Phần mềm Quản lý SV và phần mềm Quản lý giờ giảng do Phòng Đào tạo lên kế hoạch và thực hiện việc tập huấn [H7.07.04.08].

## *2. Điểm mạnh*

Đội ngũ nhân viên được tạo điều kiện khuyến khích đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ cũng như phục vụ hiệu quả cho công tác hỗ trợ đào tạo và NCKH ở Khoa và ở Trường.

## *3. Điểm tồn tại*

Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế. Việc bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong đội ngũ nhân viên, nếu không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ phải tự túc kinh phí.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
	Khắc phục tồn tại	Dành thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc.	Khoa Nghệ thuật	Giai đoạn 2024-2029
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện khuyến khích nhân viên tự học, tự bồi dưỡng trau dồi kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ.	Khoa Nghệ thuật	Giai đoạn 2024-2029

#### 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

**Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

##### 1. Mô tả

Nhà trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Cụ thể, Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên thông qua: Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GVTH của Trường ĐHSPHN ban hành ngày 6/3/2017 và Quyết định sửa đổi bổ sung ngày 13/02/2019; Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động của Trường ĐHSPHN .

Theo đó, GVTH phải đảm nhiệm đủ 270 giờ chuẩn hướng dẫn thực hành trong đó tối thiểu 135 giờ chuẩn trực tiếp đứng lớp và 170 giờ chuẩn nhiệm vụ khác bao gồm cả NCKH trong đó NCKH không quá 75 giờ chuẩn. Các GVTH tập sự được trừ 50% số giờ chuẩn định mức. Các GVTH tham gia kiêm nhiệm công tác khác được giảm trừ theo quy định. Ngoài công việc hướng dẫn thực hành theo kế hoạch năm học

và thời khóa biểu thì các GVTH cũng phải tuân thủ giờ làm việc như đội ngũ nhân viên hành chính, 117 cụ thể là: buổi sáng từ 8h00 đến 12h00; buổi chiều từ 13h00 đến 17h00. Để đảm bảo công bằng cũng như giám sát việc tuân thủ giờ giấc làm việc của đội ngũ nhân viên, Nhà trường còn thành lập Tổ kiểm tra hành chính và Công vụ theo quyết định số 3148 /QĐ-ĐHSPHN [H7.07.05.02].

Việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường ĐHSP HN. Trong đó nhấn mạnh kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Nếu kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn không đạt đủ điểm tối đa là 60 điểm thì cá nhân viên chức đó sẽ xếp loại D, ở mức độ không hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc và phân loại đội ngũ nhân viên sẽ là cơ sở để đề xuất xét Thi đua, Khen thưởng theo quy định của Nhà trường cũng như phân bổ thu nhập tăng thêm. Các nhân viên có thành tích xuất sắc còn được xem xét đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn theo Quy định. Các danh hiệu thi đua của cá nhân bao gồm: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp Bộ, cấp toàn quốc. Các hình thức khen thưởng như Kỷ niệm chương, Giấy khen, Bằng khen cấp Bộ, Bằng khen của Thủ tướng, .v.v...

Hàng năm Nhà trường đều có công văn hướng dẫn việc bình xét Thi đua, Khen thưởng. Các đơn vị theo hướng dẫn và làm đúng quy trình quy định. [H7.07.03.05; H7.07.03.06]. Kết quả phân loại cán bộ đội ngũ nhân viên của Khoa trong 3 năm thực hiện theo quy định mới về Phân loại, đánh giá cán bộ của Trường được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 7.5.1. Phân loại đánh giá đội ngũ nhân viên Khoa Nghệ thuật từ 2019-2023**

Năm học	Tổng số nhân viên	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành nhiệm vụ	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2019-2020	19	7	35	8	42	4	23	0	0
2020-2021	19	7	35	9	45	2	9,5	1	5,3
2021-2021	19	10	53	9	47	0	0	0	0
2022-2023	17	11	65	6	35	0	0	0	0

**Bảng 7.5.2. Kết quả thi đua của đội ngũ nhân viên Khoa Nghệ thuật từ 2019 – 2024**

Năm học	Tổng số nhân viên	Lao động tiên tiến		Bằng khen của Bộ trưởng		Giấy khen của Hiệu trưởng	
		Số	Tỉ lệ %	Số	Tỉ lệ %	Số	Tỉ lệ %

		<b>lượng</b>		<b>lượng</b>		<b>lượng</b>	
2019-2020	19	19	100	-	-	02	11
2020-2021	19	19	100	-	-	02	11
2021-2022	19	19	100	-	-	02	11
2022-2023	17	17	100	-	-	02	11

Theo kết quả thi đua, các năm học 2019-2023, tỉ lệ cán bộ đạt danh hiệu Lao động tiên tiến của Khoa Nghệ thuật rất cao, đều trên 90%, và nhiều năm học là 100%. Đa số cán bộ đạt tiêu chuẩn thi đua khen thưởng của Trường. [H7.07.03.10; H7.07.03.11; H7.07.03.12; H7.07.03.13]. Trong giai đoạn 2019-2023, đội ngũ nhân viên của Khoa luôn tích cực, hoàn thành tốt các công việc được giao. Sự động viên khen thưởng kịp thời của Trường thúc đẩy các cán bộ nhân viên Nhà trường luôn hăng say làm việc và cống hiến hết mình để thực hiện sứ mệnh của Nhà trường [H7.07.03.01; H7.07.03.02; H7.07.03.03]. Tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, vv. để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Theo chủ trương của Nhà trường, đầu năm học các Bộ môn, Khoa tiến hành họp để đề xuất kế hoạch hoạt động cụ thể trong năm học. Trong biên bản cuộc họp ghi rõ các nội dung phân công công việc cụ thể cho từng cán bộ nhân viên của Tổ, Bộ môn. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học, Trưởng bộ môn cũng như các cán bộ nhân viên trong Tổ, bộ môn thường xuyên giám sát lẫn nhau, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, phản hồi kịp thời trong các cuộc họp Bộ môn hàng tuần, hàng tháng vừa để đánh giá, đồng thời rút kinh nghiệm và có giải pháp kịp thời để các hoạt động đào tạo, NCKH của Bộ môn, của Khoa được thực hiện theo đúng kế hoạch, đạt hiệu quả cao [H7.07.05.04]. GVTH, ban tư vấn tuyển sinh, cố vấn học tập... có nhiệm vụ trực, giám sát và hỗ trợ kịp thời các hoạt động đào tạo, tư vấn tuyển sinh, NCKH cho SV..., giải đáp các thắc mắc của SV.

Trước khi ra quyết định ban hành Quy định về đánh giá, Nhà trường luôn xây dựng bản dự thảo, sau đó có công văn yêu cầu các công chức viên chức tại các đơn vị góp ý cho Dự thảo. Tất cả các cán bộ GV và nhân viên của Nhà trường được tham gia góp ý một cách dân chủ. Biên bản góp ý của Bộ môn được gửi lên Khoa, Khoa tập hợp gửi lên Trường. Nhà trường căn cứ vào các ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ, GV, nhân viên của Trường để điều chỉnh, sửa đổi trước khi ban hành các quyết định chính thức [H7.07.05.05, H7.07.05.06]. Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc. Trong giai đoạn 2019-2024, đội ngũ nhân viên của Khoa cũng có 1 số ý kiến đóng góp về công tác thi đua khen thưởng, đánh giá phân loại viên chức.

Nhà trường cũng thường xuyên tiếp thu các ý kiến góp ý của toàn thể cán bộ, nhân viên để tiếp tục hoàn thiện các chính sách động viên, khuyến khích kịp thời thông qua việc tăng khoản hỗ trợ thu nhập tăng thêm hàng tháng, các khoản phúc lợi

khác, cũng như kinh phí khen thưởng hàng năm, tạo động lực để đội ngũ nhân viên cố gắng phấn đấu, trau dồi kỹ năng nghiệp vụ, hỗ trợ và phục vụ ngày càng hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.03.04].

## 2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên Nhà trường được quy định rõ ràng và được triển khai một cách dân chủ, hiệu quả, góp phần thúc đẩy, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên của Khoa, của Trường thực hiện tốt vai trò phục vụ, hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn tích cực, nhiệt tình, hoàn thành tốt các công việc được giao.

## 3. Điểm tồn tại

GVTH còn bị thiếu giờ giảng dạy.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Cụ thể hóa các tiêu chí thi đua xét đến đặc thù công việc đối với đội ngũ nhân viên	Khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSP Hà Nội	Giai đoạn 2024-2029
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSP Hà Nội	Giai đoạn 2024-2029

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Kết luận về tiêu chuẩn 7**

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và của CTĐT hệ Cử nhân sư phạm Âm nhạc nói riêng đã đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Ngoài ra, việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc quản trị theo kết quả công

việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Do đặc thù của khoa nên đội ngũ nhân viên của khoa khá ít so với các khoa khác trong trường. Tuy nhiên đội ngũ nhân viên Khoa Nghệ thuật không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao phó.

**Đánh giá tiêu chuẩn 7:**

Tiêu chuẩn 7	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 7.1				4			
Tiêu chí 7.2				4			
Tiêu chí 7.3					5		
Tiêu chí 7.4				4			
Tiêu chí 7.5					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>4,4</b>						

**Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

**Mở đầu**

Chất lượng người học là một trong những yếu tố quan trọng của chương trình đào tạo (CTĐT). Nếu có chất lượng đầu vào tốt, hoạt động đào tạo sẽ có được kết quả tích cực. Vì vậy, Khoa Nghệ thuật đã nỗ lực thực hiện tốt công tác liên quan đến người học và các hoạt động hỗ trợ người học. Tuân thủ các chính sách của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN), Khoa đã xây dựng được chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển sinh công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; xây dựng môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch, đẹp trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó góp phần nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học nói riêng, chất lượng đào tạo nói chung.

**Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật**

**1. Mô tả**

Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy nhóm ngành đào tạo giáo viên của Bộ GD&ĐT năm 2017 đã đưa ra các quy định chung về việc tổ chức tuyển sinh, việc xây dựng đề án tuyển sinh của các Trường; việc chỉ đạo, thanh tra công tác tuyển sinh; điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh; các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh. Quy chế cũng quy định rõ công tác tuyển sinh tại các Trường sử dụng kết quả của kì thi THPT Quốc gia, cũng như công tác tuyển sinh tại các Trường không sử dụng kết



quả của kì thi THPT Quốc gia. Từ các căn cứ đó, Trường ĐHSPhN đã xây dựng các chính sách và quy định tuyển sinh của Trường cho các chương trình đào tạo cụ thể bao gồm: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến và tổ hợp môn xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nhận đăng ký xét tuyển cùng các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào CTĐT, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, lệ phí xét tuyển/thi tuyển, học phí, thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm [H8.08.01.01].

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc (SPAN) được tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT cũng như quy chế tuyển sinh của Nhà trường. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, minh bạch trong Đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.01]. Năm 2023, Ngành SPAN được tuyển sinh trong cả nước với ba phương thức tuyển sinh chính là PT4 [H8.08.01.05]: Thi năng khiếu (Hát và Thảm âm, tiết tấu) và điều kiện được xét dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét học bạ năm lớp 12 phải từ loại khá trở lên hoặc điểm thi năng khiếu từ 9,0 điểm trở lên (thí sinh chỉ cần tốt nghiệp THPT); PT1: Xét tuyển sử dụng điểm thi năng khiếu kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT 2023 của môn Văn hoặc môn Toán; PT5: Sử dụng kết quả thi năng khiếu kết hợp với kết quả thi đánh giá năng lực do Trường tổ chức. Theo quy định của Trường ĐHSPhN, các thí sinh phải có hạnh kiểm khá trở lên ở tất cả các kỳ học ở cấp học THPT. Chính sách tuyển sinh của Khoa cũng được cập nhật hàng năm, đặc biệt là cập nhật một số nội dung liên quan đến chỉ tiêu, đối tượng, quy trình xét tuyển, phương thức xét tuyển [H8.08.01.01].

Chính sách và quy định tuyển sinh của Trường nêu rõ phạm vi tuyển sinh trên cả nước [H8.08.01.01]. Do vậy, Nhà trường đã công bố công khai các thông tin tuyển sinh thông qua các kênh và sử dụng nhiều hình thức khác nhau. Đó là thông qua website chính thức của Trường: <https://hnue.edu.vn/> ở chuyên mục tuyển sinh, hay trên website riêng của Khoa Nghệ thuật: [k.nghethuat.hnue.edu.vn/](https://k.nghethuat.hnue.edu.vn/) ở mục tuyển sinh và trên kênh thông tin tại page facebook của Khoa Nghệ thuật tại địa chỉ: <https://web.facebook.com/khoanghethuatdhsphn> [H8.08.01.03] Đặc biệt, để việc thông báo được cụ thể và rõ ràng hơn, từ năm 2019, Nhà trường đã có xây dựng chuyên trang riêng về thông tin tuyển sinh của trường ở địa chỉ: <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/>. Ngoài ra, thông tin tuyển sinh của trường các năm cũng được công khai trên các trang thông tin tuyển sinh điện tử, báo điện tử khác để người quan tâm có thể tìm đọc [H8.08.01.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã thiết kế các Tờ rơi tuyển sinh có những thông tin tuyển sinh gửi trực tiếp đến những người quan tâm trong các buổi Tư vấn tuyển sinh hoặc gửi đến các địa phương, trường THPT trong và ngoài thành phố để các trường THPT gửi đến các phụ huynh, học sinh quan

tâm [H8.08.01.03].

Trước mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường tổ chức tư vấn, giới thiệu về chính sách tuyển sinh thông qua nhiều hình thức hoạt động, Chương trình thăm quan trường (ngày Open Day) cho học sinh các trường phổ thông, bao gồm các hoạt động: nghe giới thiệu tổng quan về Nhà trường, các ngành Đào tạo, tham quan và trải nghiệm thực tế ngành nghề của trường tại khu giảng đường, khu phòng thực hành; nghe giới thiệu chính sách tuyển sinh mà trọng tâm là các điểm nổi bật, các chính sách thu hút, học bổng, cơ hội việc làm,...[H8.08.01.03]. Năm 2019, Ngày hội tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp của Nhà trường được tổ chức ở các tỉnh thành để phụ huynh và học sinh ở các địa phương xa được tiếp cận thông tin tuyển sinh và nhận tư vấn những thắc mắc tuyển sinh hay lựa chọn ngành nghề phù hợp cho mình. Cùng với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường, Khoa cùng các khoa bộ môn khác trong toàn trường đều cử đại diện của khoa để tư vấn, thu hút người học cho CTĐT của Khoa mình. Đặc biệt, Nhà trường, Khoa đã tổ chức các chương trình tư vấn tuyển sinh trực tuyến nhằm giải đáp trực tiếp các thắc mắc về tuyển sinh cho phụ huynh và các em học sinh trên truyền thông [H8.08.01.03]. Khoa cũng giới thiệu tư vấn tuyển sinh trực tuyến, qua mạng facebook, hay trang tư vấn tuyển sinh của Trường nhằm thu hút nhiều người học vào CTĐT [H8.08.01.03].

Chính sách tuyển sinh được Trường cập nhật hàng năm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT cùng với các thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh các năm 2018, 2019 [H8.08.01.01]. Thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học, từ năm 2015, Nhà trường đã sử dụng kết quả thi THPT quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy cho CTĐT. Khi xét tuyển, các đối tượng thuộc diện ưu tiên theo khu vực theo chế độ chính sách được thụ hưởng điểm ưu tiên vào tổng điểm xét duyệt theo đúng quy định [H8.08.01.01]. Trong các năm gần đây, chính sách tuyển sinh của Trường có nhiều thay đổi, cập nhật [H8.08.01.02], đó là mở rộng đối tượng xét tuyển với 3 phương thức xét tuyển và 2 tổ hợp xét tuyển từ năm 2020. Đặc biệt trong chính sách tuyển sinh năm 2022 của Trường đã bổ sung thêm phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi của một hoặc một số môn thi đánh giá năng lực do Trường ĐHSPHN tổ chức.

Chính sách tuyển sinh của Trường được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành về lựa chọn các tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh và các yêu cầu đặc thù ngành [H8.08.01.02]. Phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực thông qua các yếu tố: Số lượng SV được tuyển hàng năm, SV nhập học, tình hình việc làm của SV đã tốt nghiệp hàng năm của Trường và của CTĐT [H8.08.01.02], [H8.08.01.04]. Theo thống kê, tỉ lệ sinh viên có việc làm trên tổng số sinh viên tốt nghiệp hàng năm của Khoa Nghệ thuật đạt tỉ lệ cao, đạt trên 80%.

## 2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; chính sách tuyển sinh của khoa mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển tốt và đánh giá được năng lực người học từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật hàng năm từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất.

## 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh của chương trình đào tạo ngành SPAN còn chưa thực sự đa dạng (chủ yếu tập trung lấy ý kiến của người học, giảng viên, còn chưa lấy được ý kiến của nhiều nhà tuyển dụng). Quá trình phân tích, dự báo nguồn nhân lực đôi khi còn chưa cụ thể hoặc chưa sát hợp với tình hình thực tiễn.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Bổ sung hoạt động lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về chương trình tuyển sinh - Cập nhật việc phân tích nguồn nhân lực từ chính sách của nhà nước, từ các nhà tuyển dụng	Toàn thể giảng viên Khoa Nghệ thuật	Bắt đầu từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Lồng ghép giữa chương trình tuyển sinh và các chương trình hỗ trợ kỹ năng sống cho học sinh các trường THPT của cán bộ giảng viên Khoa Nghệ thuật	Toàn thể giảng viên Khoa Nghệ thuật	Bắt đầu từ năm 2024

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá**

#### 1. Mô tả

Những năm gần đây, Trường đã tuyển sinh dựa trên 05 phương thức với các tiêu chí và cách xét tuyển cụ thể, rõ ràng. Quy trình, phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học ngành theo ngành SPMT được Nhà trường và Khoa Nghệ thuật xác định rõ ràng dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ giáo dục và đào tạo [H8.08.02.01], đồng thời tiếp thu sự góp ý của các bên liên quan để hoàn thiện đề án tuyển sinh và kế hoạch

tuyển sinh hàng năm.

Những năm gần đây, Trường đã tuyển sinh dựa trên 05 phương thức với các tiêu chí và cách xét tuyển cụ thể, rõ ràng. Quy trình, phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học ngành theo ngành SPAN được Nhà trường và Khoa Nghệ thuật xác định rõ ràng dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ giáo dục và đào tạo [H8.08.02.01], đồng thời tiếp thu sự góp ý của các bên liên quan để hoàn thiện đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh hàng năm.

Căn cứ vào thông báo của Bộ GD&ĐT về điểm sàn xét tuyển đối với các Trường, Trường ĐHSPHN đưa ra quyết định về điểm sàn xét tuyển. Căn cứ vào các tiêu chí tuyển chọn người học cho CTĐT đã được công khai, thí sinh sẽ đăng kí xét tuyển. Căn cứ vào chỉ tiêu, số lượng thí sinh đăng kí cũng như thí sinh đăng kí xét tuyển thẳng, Trường sẽ thông báo điểm chuẩn xét tuyển cho CTĐT [H8.08.02.02]. Điểm trúng tuyển theo các tổ hợp xét tuyển trong các năm gần đây gồm kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT Quốc gia môn toán hoặc môn văn cộng với điểm dự thi năng khiếu do trường tổ chức theo PT1; xét tuyển thẳng với học sinh đạt yêu cầu theo PT2, xét học bạ với thi năng khiếu (Hát, thâm âm tiết tấu) theo PT4; thi đánh giá năng lực (toán, văn) và điểm thi năng khiếu theo PT5. Danh sách trúng tuyển, công nhận kết quả và nhập học cho SV vào ngành CTĐT được thực hiện theo đúng quy định [H8.08.02.02], [H8.08.02.05].

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/ tuyển chọn người học được Trường, Khoa rà soát, đánh giá hàng năm sau các kỳ tuyển sinh và chuẩn bị các kỳ tuyển sinh tiếp theo [H8.08.02.02], [H8.08.02.03], [H8.08.02.04]. Trước kỳ tuyển sinh, trong các cuộc họp giao ban ở Khoa, lãnh đạo các Bộ môn, chính sách tuyển sinh cũng được bàn bạc, trao đổi và sau đó xin ý kiến của các GV để đề xuất với Nhà trường chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh phù hợp. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Khoa tổ chức cuộc họp để đánh giá các chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh hàng năm. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa tiếp thu ý kiến của các thành viên trong cuộc họp và tổng hợp, đề xuất với hội đồng tuyển sinh Nhà trường để đưa vào kế hoạch năm học, kế hoạch và quy định tuyển sinh năm sau [H8.08.01.02], [H8.08.02.04].

## *2. Điểm mạnh*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, được đánh giá khách quan, minh bạch, theo đúng các quy định chung của Bộ GD&ĐT. Thông tin phản hồi của học sinh, sinh viên và các bên liên quan về công tác tuyển sinh của Khoa và của Nhà trường được sử dụng để có sự điều chỉnh hợp lý phương pháp, chính sách tuyển sinh.

## *3. Điểm tồn tại*

Tiêu chí tuyển chọn người học vẫn chủ yếu dựa trên cơ sở kết quả thi năng khiếu và kỳ thi THPT, học bạ mà chưa có những thay đổi đột phá để tiệm cận với quan

điểm tuyển sinh theo tiếp cận năng lực thực hiện của người học.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tăng cường khảo sát các bên liên quan để xây dựng tiêu chí tuyển sinh dựa trên đánh giá năng lực người học; bổ sung tổ hợp xét tuyển để đa dạng hóa đối tượng tuyển sinh.</li><li>- Phối hợp với trung tâm công nghệ thông tin của trường để xây dựng cơ sở dữ liệu tuyển sinh một cách đầy đủ, khái quát và giúp cho việc tra cứu thuận tiện.</li><li>- Đa dạng hóa cách thức tuyển sinh theo yêu cầu đổi mới giáo dục đại học.</li></ul>	Khoa Nghệ thuật, phòng đào tạo, trung tâm công nghệ thông tin, trung tâm khảo thí và đảm bảo chất lượng của Trường ĐHSP HN	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"><li>- Duy trì và đẩy mạnh các nội dung truyền thông của ban tuyển sinh của Khoa .</li><li>- Thường xuyên cải tiến, cập nhật thông tin và cách thức tuyển sinh theo hướng phát triển năng lực của người học.</li></ul>	Ban chủ nhiệm khoa, ban tuyển sinh và giảng viên của Khoa	Từ năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học**

#### 1. Mô tả

Quá trình học tập và rèn luyện cũng như kết quả học tập và khối lượng học tập của người học thuộc CTĐT là các vấn đề được Nhà trường và Khoa Nghệ thuật quan tâm, giám sát phù hợp để đạt được hiệu quả cao nhất của CTĐT. Hệ thống giám sát được Trường phân công cho các phòng ban chức năng phụ trách là: Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Chính trị và Học sinh sinh viên (CTCT&HSSV), Đoàn thanh niên với các nhiệm vụ giám sát sự tiến bộ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học tập [H8.08.03.08]. Dựa trên các quy định của Nhà trường, Khoa đã phân công đội ngũ cố vấn HT, giáo vụ và trợ lý SV để giám sát tiến bộ học tập và rèn luyện của người học [H8.08.03.01], [H8.08.03.06]. Trong các năm gần đây, CVHT đóng vai trò quan trọng trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Do đó, Trường đã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của CVHT.

CVHT cho tất cả các lớp tại Khoa đều là GV thuộc CTĐT nên đảm bảo hiểu sâu sắc về ngành và các SV. Tất cả SV ở các lớp được CVHT tư vấn về học tập, được theo dõi kế hoạch và tiến độ học tập, được làm thủ tục đăng ký TC từng học kỳ theo đúng quy định. Ngoài ra, CVHT cũng theo sát về ý thức học tập, các hoạt động ngoại khóa... của SV. Các hoạt động trên nhằm mục đích đánh giá điểm rèn luyện từng kỳ của SV, kịp thời nhắc nhở, giúp đỡ SV trong quá trình học tập. [H8.08.03.02].

Các dữ liệu về theo dõi tiến độ học tập, rèn luyện, những quy định về học tập theo TC, khối lượng học tập của người học cùng với các quy định về xét cảnh báo học tập, thôi học, dừng học đều được thể hiện trong Sổ tay SV Trường và Quy chế đào tạo theo hệ thống TC [H8.08.03.02], [H8.08.03.07]. Khung chương trình CTĐT cũng được thông báo công khai trên trang web: <https://hnue.edu.vn/Daotao> [H8.08.03.03]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo và gửi về cho các đơn vị trong toàn trường, lấy ý kiến góp ý, sau đó ban hành cho cán bộ và toàn thể người học [H8.08.03.04]. Kế hoạch đào tạo được dán công khai ở các khu vực giảng đường hoặc tìm kiếm dễ dàng trên trang web của trường và phòng đào tạo: [daotao.hnue.edu.vn](http://daotao.hnue.edu.vn); rất tiện lợi cho GV, SV theo dõi và thực hiện. Trường đã xây dựng, phát triển phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống đào tạo TC, cung cấp tài khoản cho người học, người dạy, cán bộ văn phòng Khoa [H8.08.03.07]. Kết quả học tập của người học được Giáo vụ khoa quản lý giám sát và người học có tài khoản riêng để cập nhật tình hình học tập, đăng ký TC, cảnh báo học vụ.

Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với CTĐT tối thiểu 14 TC, trừ học kỳ cuối khóa [H8.08.03.03]. Khối lượng học tập này được thiết kế cho người học có lực học trung bình để hoàn thành chương trình đúng thời gian quy định. SV được phép đăng ký học tập với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi học kỳ nhưng không được ít hơn 10 TC. Đặc biệt, đối với SV từ học kỳ 3 nếu có điểm trung bình chung tích lũy dưới 2.0 chỉ được phép đăng ký học tối đa 16 tín, điều này đảm bảo khối lượng học phù hợp với sức học của SV. Ngoài ra, hàng năm từ tháng 6 - tháng 8, Nhà trường đều tổ chức học kỳ 3, với học kỳ này sẽ giúp cho sv có cơ hội cải thiện điểm với những học phần điểm thấp hay học lại với học phần bị trượt, giúp giảm gánh nặng học tập cho SV ở những kỳ học chính (Kỳ 1 và kỳ 2). Nội dung này cũng được thông tin rõ ràng cho SV ở Sổ tay SV từ năm 2018 [H8.08.03.02].

Trường ban hành Quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV, 2497/QĐ/ĐHSPHN-ĐT ngày 03 tháng 05 năm 2018 [H8.08.03.09]. Quy định nêu rõ phạm vi đối tượng, nguyên tắc đánh giá, nội dung đánh giá và thang điểm, phân loại để đánh giá, quy trình đánh giá kết quả rèn luyện, sử dụng kết quả rèn luyện, quyền khiếu nại, chức năng nhiệm vụ của Phòng Đào tạo và các Khoa. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện được trình bày rõ ràng trong Quy định này và được thực hiện công khai. SV tự đánh giá, CVHT chủ trì lớp và đề nghị văn bản đến BCN Khoa kèm theo biên bản họp

lớp, điểm rèn luyện của SV. BCN Khoa họp và giao cho cán bộ thông báo công khai đến SV. Cuối năm gửi kết quả điểm rèn luyện cùng kết quả học tập cho gia đình người học.

Công tác xét sự tiến bộ học tập và rèn luyện của SV thường được sự quan tâm, là nhiệm vụ có sự kết hợp giữa CVHT, giáo vụ Khoa, Liên chi đoàn và BCN Khoa. CVHT thường xuyên bám sát, hỗ trợ và giám sát SV trong học tập và rèn luyện. Kết thúc mỗi kỳ học Khoa triển khai cho Giáo vụ khoa, trợ lý SV và Liên chi đoàn tiến hành đánh giá tình hình học tập và rèn luyện của SV. Điểm rèn luyện của SV đều được đánh giá qua các mốc phân loại: Xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém. Ngoài ra số liệu kết quả thi, số lượng và tỷ lệ SV thôi học, buộc thôi học, SV cảnh báo kết quả học tập, SV đạt điểm học tập xuất sắc, giỏi, khá, trung bình, yếu và những lưu ý về SV được thống kê trong báo cáo xét lên lớp từng học kỳ của CVHT [H8.08.03.08]. Kết quả đánh giá rèn luyện và học tập sinh được Khoa gửi lên Trường. Đại diện khoa, Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV tiếp tục đưa ra kết quả đánh giá để xét các loại học bổng theo quy định cũng như các học bổng khác [H8.08.03.10]. Từ các kết quả trên CVHT thông báo, nhắc nhở đến SV qua kênh CVHT, chi đoàn, lớp. Mặc dù số lượng SV lớn, việc thông báo kết quả học tập, điểm rèn luyện đều được tiến hành theo các bước như trên với sự tham gia của CVHT, của Ban cán sự lớp, của quản lý SV và BCN Khoa. Ngoài ra, Khoa và Liên chi đoàn cũng có những phương thức phù hợp để hỗ trợ Khoa trong công tác này, như phổ biến, theo dõi SV tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm [H8.08.03.05].

Nhà trường làm báo cáo và gửi về Khoa thông tin về kết quả học tập, khối lượng học tập được thể hiện qua từng kỳ như sau: số TC tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy, điểm trung bình của kỳ, số TC tích lũy của kỳ, của từng môn học. Nhà trường ra quyết định xét cảnh báo học tập, dừng học theo học kỳ và năm học và chỉ đạo Khoa và CVHT thông báo tư vấn, hỗ trợ các SV dạng cảnh báo chú ý cải thiện tình hình học tập [H8.08.03.08]. Khoa và Nhà trường có cơ sở dữ liệu theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp theo hàng năm. Đó là các báo cáo kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện được lưu trữ tại các phòng ban chức năng như phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV và Văn phòng khoa, ngoài ra còn được lưu trực tiếp trong tài khoản cá nhân của mỗi SV, trong hệ thống quản lý trên website đăng kí môn học của trường [H8.08.03.07]; thống kê SV thôi học, tốt nghiệp (hàng năm) của Trường [H8.08.03.11].

## *2. Điểm mạnh*

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

## *3. Điểm tồn tại*

Sinh viên chưa kịp thời nêu những vướng mắc để cố vấn học tập hỗ trợ giải

quyết. Mặt khác sinh viên còn chủ quan nên cập nhật những thông tin qua phần mềm quản lý đào tạo bị chậm, muộn.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường vai trò của cố vấn học tập trong việc cảnh báo sớm những trường hợp nợ, thiếu tín chỉ - Đề xuất việc hoạt động ổn định của hệ thống UNISOFT	Khoa Nghệ thuật	Từ tháng 6/2024
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy vai trò của cố vấn học tập, tăng cường trao đổi bằng các buổi sinh hoạt, báo cáo định kỳ về tình hình học tập chung của các lớp.	BCN Khoa	Bắt đầu từ năm 2024

#### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học**

#### 1. Mô tả

Hàng năm Ban chủ nhiệm Khoa Nghệ thuật phân công cố vấn học tập cho từng lớp học [H8.08.04.02]. Các cố vấn học tập là những GV có kinh nghiệm, am hiểu nội dung, chương trình và phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nhiệt tình với công tác học sinh SV; hiểu rõ quy chế đào tạo tín chỉ, quy chế học sinh SV; quy định đánh giá kết quả rèn luyện SV. Quy định về công tác cố vấn học tập trong đào tạo hệ chính quy được nêu rất rõ trong các quy định do Nhà trường ban hành [H8.08.04.03].

Với sự chỉ đạo của Nhà trường và Ban chủ nhiệm Khoa Nghệ thuật, các cố vấn học tập và bộ phận tư vấn việc làm đã thực hiện tốt các chức năng và nhiệm vụ được giao. NH được tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập và việc làm [H8.08.04.16].

- Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch đào tạo và tình hình cụ thể của nhóm SV được phân công, các cố vấn học tập lên kế hoạch cố vấn cả năm gửi về Khoa và thông báo cho SV, cuối mỗi học kỳ gửi báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cố vấn về Khoa [H8.08.04.03]. Ban chủ nhiệm khoa, cụ thể là Phó trưởng khoa phụ trách đào tạo trực tiếp theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát và đôn đốc đội ngũ giáo viên cố vấn học tập thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao.

- Vào đầu năm học, Khoa Nghệ thuật có kế hoạch triển khai các hoạt động thực tập, thực hành, thực tế cho SV. Các hoạt động này thường diễn ra ở các cơ sở thực hành là các trường phổ thông. GV hướng dẫn SV đi thực tập, thực tế là những cán bộ



có kinh nghiệm giảng dạy, quản lý SV. Trong các kì thực hành, thực tập, SV được trực tiếp lên lớp giảng dạy hoặc làm công tác chủ nhiệm lớp. Sau mỗi đợt thực tập các em đều có những buổi trao đổi cùng GV, giáo viên cả lý thuyết và thực hành để một lần nữa nhìn lại những điều đã học và cách thức áp dụng vào thực tế sao cho hiệu quả nhất. Ngoài ra, các em cũng được các giáo viên truyền cảm hứng, bồi dưỡng lòng yêu nghề, sẵn sàng đối mặt với những khó khăn thử thách của nghề nghiệp [H8.08.04.10].

- Với đặc trưng là SV khối ngành sư phạm, SV Khoa Nghệ thuật có Chương trình rèn luyện NVSP hàng năm. Đây là chương trình chung của toàn Trường nhưng mỗi ngành học đều xây dựng các hoạt động đặc thù của chuyên ngành. Để các hoạt động rèn luyện NVSP mang tính chất xuyên suốt năm học, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của SV ngành SPAN, Khoa Nghệ thuật đã tổ chức các hoạt động như: Tập giảng dạy, đồ dùng học tập, xử lý tình huống, hùng biện... luôn thu hút sự tham gia của các em SV. Nhiều em trưởng thành về phong cách giảng dạy, về cách thức làm việc với học sinh thông qua những hoạt động này [H8.08.04.015].

SPAN là một ngành rất đặc thù, trong thực tiễn nhu cầu giáo viên âm nhạc rất cao tuy nhiên chỉ tiêu biên chế cho Giáo viên âm nhạc ở trường phổ thông không nhiều. Điều này đã ảnh hưởng phần nào đến việc làm của SV tốt nghiệp ngành SPAN. Ý thức được điều này, Khoa Nghệ thuật Trường ĐHSPHN luôn quan tâm đến việc tư vấn việc làm cho SV. Khoa đã giao cho Tổ bộ môn Lý luận và Phương pháp giảng dạy Nghệ thuật, ngoài nhiệm vụ chính là nòng cốt xây dựng chương trình thực hành, thực tập của chương trình cử nhân SPAN; Đào tạo các học phần thực hành; Xây dựng và phát triển mạng lưới cơ sở thực hành phục vụ đào tạo; Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV còn có thêm nhiệm vụ phối hợp với các tổ bộ môn, tổ chức đoàn thể trong Khoa thực hiện việc tư vấn việc làm cho SV.

Trước hết, để nắm bắt thực trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, Trường và khoa coi trọng các nghiên cứu thực tiễn về việc làm của SV sau khi ra trường. Trường đã chỉ đạo khoa khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp qua các năm [H8.08.04.06].

Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã tổ chức Ngày hội việc làm và Khoa Nghệ thuật cũng tham gia để giới thiệu với các đơn vị tuyển dụng. Các đơn vị sử dụng nhân lực đã có cơ hội tìm hiểu và xác tín niềm tin về chất lượng đào tạo của Nhà trường; đồng thời truyền thông về đơn vị cũng như các vị trí việc làm cần tuyển dụng và kết nối, phỏng vấn trực tiếp với SV của Trường [H8.08.04.17]. Nhiều gian hàng được trưng bày và hoạt động hấp dẫn được tổ chức. Đây là cơ hội tốt giúp SV, đặc biệt là SV năm cuối tiếp cận trực tiếp với nhà tuyển dụng, nắm bắt được cơ hội nghề nghiệp, đồng thời có được những hiểu biết bổ ích cho việc làm trong tương lai. Khoa Nghệ thuật tổ chức rất nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

Để hỗ trợ sinh viên có những cơ hội việc làm từ rất sớm, các thông tin tuyển dụng của các cơ sở gửi tới khoa, hoặc bằng các nguồn khác nhau mà cán bộ giảng viên trong khoa có được đều thông tin tới sinh viên trên bảng thông báo, Facebook của khoa (<https://www.facebook.com/khoanghethuat>).

Đối với những SV mới nhập học, sau một tháng học tập, Lãnh đạo Khoa chỉ đạo liên chi Đoàn, cố vấn học tập, ban cán sự lớp... tổ chức Chương trình Chào tân SV, mỗi năm sẽ có những chủ đề và cách thức tổ chức khác nhau. Đây là cuộc gặp mặt SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ GV, chương trình đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp học tập trong trường đại học và một số lưu ý trong quá trình học. Trong buổi gặp mặt với SV khóa mới, luôn có mặt đại diện BCN Khoa, giáo vụ, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, các trợ lý khác và cán bộ GV của Khoa để giải đáp và tư vấn cho SV [H8.08.04.12].

Để khuyến khích SV học tập và nghiên cứu, hàng năm Nhà trường và các tổ chức đoàn thể có các chính sách học bổng, trợ cấp xã hội và học bổng khuyến khích học tập, khen thưởng động viên kịp thời trong những dịp đặc biệt: khen thủ khoa đầu vào, khen thực tập sư phạm, khen NCKH, khen các cá nhân và tập thể, khen tốt nghiệp (thủ khoa, xuất sắc, giỏi) [H8.08.04.11], [H8.08.04.13], [H8.08.04.14].

## 2. Điểm mạnh

Khoa Nghệ thuật có quy trình/ kế hoạch và các nguồn lực triển khai tốt các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa mang tính đặc thù của ngành giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

Khoa Nghệ thuật tổ chức rất nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

## 3. Điểm tồn tại

Tăng cường hơn nữa việc thúc đẩy, khích lệ sinh viên NCKH.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khích lệ, động viên và hỗ trợ để sinh viên tham gia NCKH, có nhiều bài NCKH hơn nữa.	Khoa chỉ đạo LCD, cố vấn học tập phối hợp thực hiện	2024-2025
		- Nâng cao chất lượng hướng dẫn và tư vấn của cố vấn học tập, tư vấn hỗ trợ	Cố vấn HT của Khoa	

		việc làm cho SV.	Khoa chỉ đạo bộ phận cố vấn học tập và tư vấn việc làm.	
2	Phát huy điểm mạnh	<p>Trong công tác TTSP, NVSP phát huy vai trò của cán bộ và sinh viên của ngành đặc thù, tạo ấn tượng tốt cho các cơ sở đào tạo liên kết thực tập.</p> <p>Các sân chơi, CLB tăng cường các hình thức tham gia để thu hút nhiều sinh viên tham gia và trải nghiệm nâng cao chuyên môn, kỹ năng.</p>	Toàn thể giảng viên của Khoa	2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.**

**1. Mô tả**

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có khuôn viên thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều khu vực chức năng trên tổng diện tích lớn. Trường có nhiều hệ thống cây xanh, ghế đá, hệ thống đường đi rộng, dễ dàng di chuyển và tiếp cận các toà nhà, giảng đường và các khu vực chức năng khác đã tạo nên môi trường thoải mái, thân thiện với người học [H8.08.05.01], [H8.08.05.04]. Nhà trường và Khoa thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, hoạt động học thuật, hướng nghiệp... để tạo môi trường tâm lý thoải mái, giúp sinh viên yên tâm học tập và nghiên cứu. Nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo quy hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng quy mô đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trường có hệ thống sân bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền và nhà thi đấu đa năng tiêu chuẩn, có thể phục vụ hầu hết nhu cầu tập luyện và thi đấu của sinh viên nằm trên diện tích 3.868m<sup>2</sup>. [H8.08.05.01], [H8.08.05.03].

Hàng năm, sinh viên ngành Nghệ thuật được lấy ý kiến đánh giá về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường, Khoa theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường đối với người học. Các khảo sát này được thực hiện vào mỗi cuối năm học do TT ĐBCL của Nhà trường thực hiện thông qua các cố vấn học tập tại Khoa. Số liệu thống kê năm 2019, 2020 cho thấy 100% sinh viên Khoa Nghệ thuật hài lòng với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường và Khoa [H8.08.05.09].

Khu Kí túc xá có hệ thống phòng ốc hiện đại, thoáng mát, với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m<sup>2</sup>, gồm 237 phòng ở với sức chứa 1145 sinh viên, bình quân diện tích

8,3 m2 sử dụng/1 sinh viên; được trang bị điện sáng và nguồn nước sạch, an ninh đầy đủ. Ngoài ra, sinh viên được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giải trí [H8.08.05.01].

Công tác khám sức khỏe, quy định về quy tắc ứng xử và công tác đảm bảo an toàn cho người học được quy định rõ ràng và triển khai thường xuyên, hiệu quả. Hàng năm, sinh viên được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế [H8.08.05.10]. Sinh viên được cung cấp Cẩm nang sinh viên và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường [H8.08.05.07]. Công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được Trường, Khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả [H8.08.05.08].

## 2. Điểm mạnh

Người học được học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển đầy đủ cả về thể chất, tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

## 3. Điểm tồn tại

Dù có nhà thi đấu đa năng, sân bóng song sinh viên mới chỉ được sử dụng trong các giờ chính khóa, các giờ ngoại khóa và thứ 7 chủ nhật chưa được tiếp cận để rèn luyện và nâng cao sức khỏe.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh	Tạo điều kiện cho sinh viên có đầy đủ điều kiện cho việc tập luyện và học tập: Có nhiều không gian sinh hoạt chuyên môn, các phòng chức năng để trải nghiệm ngành nghề đặc thù.	Có vấn học tập, Liên chi đoàn	8/2024
2	Khắc phục điểm tồn tại	Một bộ phận sinh viên còn chưa tận dụng các khuôn viên của trường để tổ chức các hoạt động trải nghiệm thể thao, văn hoá văn nghệ.	Có vấn học tập, Liên chi đoàn	8/2024

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 8**

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ

GD&ĐT. Chính sách tuyển sinh của Khoa với những tiêu chí và phương pháp tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật và được công khai đã giúp cho khoa có thể tuyển được thí sinh có chất lượng và phù hợp. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Trong quá trình hỗ trợ người học, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được Khoa Nghệ thuật thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, thực hiện nhiều lần, giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học.

Ban chủ nhiệm khoa, Ban chấp hành Liên chi đoàn - Hội sinh viên, giảng viên tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường; các hình thức hoạt động ngoại khóa đa dạng và được tổ chức thường xuyên, thiết thực (tham gia câu lạc bộ, nghiên cứu khoa học, tham gia công tác tình nguyện...). Mặt khác, người học được học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

#### **Đánh giá tiêu chuẩn 8:**

Tiêu chuẩn 8	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 8.1					5		
Tiêu chí 8.2					5		
Tiêu chí 8.3					5		
Tiêu chí 8.4					5		
Tiêu chí 8.5					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.00</b>						

#### **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

##### *Mở đầu*

Để đảm bảo cho chất lượng đào tạo và nghiên cứu, học tập. Trường ĐHSPHN luôn chuẩn bị đầy đủ về cơ sở vật, trang thiết bị. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống làm việc, phòng học, phòng chức năng, hệ thống phòng thí nghiệm và thực hành, có trung tâm thư viện hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin bao phủ rộng khắp

bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến. Nhà trường cũng đầu tư hệ thống sân vận động, ký túc xá, trạm y tế nhằm chăm lo, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khoẻ, an toàn cho cán bộ, sinh viên trong toàn trường.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

***1. Mô tả***

Trường ĐHSPTN có đủ giảng đường được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp để phục vụ hoạt động học tập của sinh viên [H9.09.01.01]. Nhà trường cũng có trung tâm nghiên cứu và phát triển nghiệp vụ sư phạm để phục vụ nhu cầu thực hành của sinh viên với hệ thống phòng học tiêu chuẩn, phòng máy tính đầy đủ [H9.09.01.02]. Ngoài các phòng trên, trường ĐHSPTN có hệ thống các phòng họp/tổ chức sự kiện dành cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, có một khu riêng với diện tích rộng làm hội trường lớn, hội trường 11/10 có sức chứa 2000 ngàn sinh viên, cùng với các phòng họp khác nhỏ hơn bố trí ở các tòa nhà trong khuôn viên của trường như hội trường nhà K, hội trường nhà B cũng có sức chứa khoảng 300 sinh viên và cán bộ giảng viên trong trường [H9.09.01.01]. Nhà trường có đầy đủ các phòng thực hành như phòng thực hành máy tính, phòng thí nghiệm với những thiết bị hiện đại, phù hợp và đáp ứng được nhu cầu của sinh viên. Ngoài ra, để phục vụ các hoạt động của sinh viên trường có hệ thống nhà thi đấu, sân vận động cũng như hệ thống ký túc xá dành cho sinh viên, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của sinh viên và cán bộ nhà trường. [H9.09.01.01].

Khoa Nghệ Thuật hiện tại đang được nhà trường bố trí ở một khu riêng dành cho cán bộ và giảng viên tại tầng 6, nhà D3 gồm có 5 phòng: phòng chủ nhiệm khoa, phòng phó chủ nhiệm khoa, phòng chung cho các tổ bộ môn/phòng giảng viên, phòng hành chính/giáo vụ và phòng đa năng/phòng họp. Các phòng đều được kết nối wifi/internet riêng của khoa. Phòng hành chính, phòng chủ nhiệm khoa và phó chủ nhiệm khoa được trang bị đầy đủ các phương tiện để ban chủ nhiệm khoa làm việc và điều hành như hệ thống máy tính, bàn ghế tiếp khách, hệ thống bàn làm việc tiêu chuẩn, tủ hồ sơ. Phòng chung cho các tổ bộ môn có diện tích 20m<sup>2</sup> với đầy đủ hệ thống bàn làm việc cho các giảng viên các tổ có thể cùng làm việc một thời điểm và sử dụng để họp chuyên môn. Phòng đa năng/phòng họp có diện tích 45 m<sup>2</sup>, trang bị hệ thống bàn ghế vừa để họp Khoa và sử dụng các hoạt động sinh hoạt chuyên môn cùng các hoạt động khác, phòng này cũng được trang bị hệ thống tủ sách để làm phòng thư viện của Khoa [H9.09.01.05; H9.09.01.03]. Hàng năm, Khoa đều có những đề xuất về việc bổ sung và thay mới các trang bị và cơ sở vật chất và được duyệt theo nhu cầu.

[H9.09.01.04].

Sinh viên và giảng viên khoa Nghệ Thuật được sử dụng hệ thống các phòng học tại nhà D3, nhà V, nhà K và một số giảng đường tại các khu nhà khác trong Trường, phòng học có diện tích vừa đủ và khá tiện lợi trong công tác học tập và giảng dạy. Hầu như tất cả các phòng đều thoáng, sạch, có lắp đặt hệ thống điều hòa, quạt, hệ thống phục vụ việc học tập, để phục vụ cho chuyên ngành sư phạm Âm nhạc khoa nghệ thuật bố trí các phòng 701, 702, 703, 704, 706, 707, 708, 709, 710 được trang bị cơ sở vật chất đặc thù cho sinh viên và giảng viên ngành sư phạm Âm nhạc như; Thiết bị âm thanh loa đài, đàn piano cơ, đàn phím điện tử, bàn ghế, gương, bảng viết. Ngoài ra các phòng đều được cách âm nhằm phục vụ cho ngành sư phạm Âm nhạc [H9.09.01.02].

Qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường và về hệ thống phòng học, giảng đường lớn, hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc, được 95% người học, giảng viên đánh giá mức độ “tốt” [H9.09.01.07]; [H9.09.01.08].

## 2. Điểm mạnh

Khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học với những trang thiết bị phù hợp, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên, giảng viên và các cán bộ. Cơ sở vật chất của Khoa cũng được cung cấp và thiết kế phù hợp với môi trường làm việc của giảng viên trong khoa, được thường xuyên bổ sung, cập nhật và thay mới.

## 3. Điểm tồn tại

Một số phòng học vẫn còn có máy chiếu cũ, hình ảnh trình chiếu không rõ nét, mờ, nhòe. Do thời gian sử dụng một số trang thiết bị đã xuống cấp.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Thay thế máy chiếu tại các phòng học có máy chiếu cũ, hình ảnh trình chiếu không rõ nét, mờ, nhòe, đầu tư và sửa chữa những trang thiết bị đã xuống cấp	Phòng Quản trị	năm học 2024-2025

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học với những trang thiết bị phù hợp, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên, giảng viên và các cán bộ		
---	--------------------	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu**

**1. Mô tả**

Trường ĐHSPTN có TT-TV với đầy đủ phòng đọc, trang thiết bị, nguồn học liệu phù hợp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho sinh viên.

TT – TV là một tòa nhà độc lập 4 tầng có diện tích sử dụng khoảng 5.881m<sup>2</sup> và 1.200 chỗ ngồi với đầy đủ trang thiết bị và bàn ghế chuyên dụng, phù hợp với hoạt động của thư viện [H9.09.02.01] [H9.09.02.02]. Hiện nay, đội ngũ cán bộ chuyên môn của Trung Tâm Thông tin – Thư viện gồm 30 người (27 viên chức, 03 người lao động, nam 6 người, nữ 24 người) với cơ cấu tổ chức gồm có ban giám đốc (02 người) và 02 tổ chuyên môn (tổ nghiệp vụ tin học, tổ phục vụ bạn đọc). Về trình độ, 100% cán bộ chuyên môn có trình độ cử nhân trở lên trong đó có 13 thạc sĩ chiếm 48,1%, 17 đại học và trình độ khác [H9.09.02.01]. Những năm gần đây, Trung tâm Thông tin-Thư viện đã có nhiều cải tiến trong công tác tổ chức hoạt động, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thông tin tài liệu, học tập, giảng dạy, nghiên cứu của đông đảo cán bộ, giảng viên và sinh viên toàn trường. Ngoài ra TT-TV còn hưởng ứng tổ chức hoạt động ngày sách Việt nam khuyến khích các bạn đọc đến với Thư viện và tiếp tục khẳng định vai trò, tầm quan trọng của sách đối với việc nâng cao trí thức, giáo dục và rèn luyện nhân cách con người, khuyến khích và phát triển phong trào đọc sách trong cộng đồng, huy động mọi nguồn lực xã hội để tổ chức Ngày sách và văn hoá đọc Việt Nam theo hướng đa dạng, phong phú [H9.09.02.03].

Trung tâm có đầy đủ các các văn bản thông báo công khai thời gian phục vụ bạn đọc, nội quy, quy định cũng như các thông báo hướng dẫn tra cứu tài liệu và sử dụng thiết bị tại Trung tâm Thông tin – Thư viện hàng năm. Đặc biệt, trong nhiều năm qua, Trung tâm đã mở cửa phục vụ ngoài giờ tất cả các buổi trưa và buổi tối trong tuần [H9.09.02.04].

Trung tâm Trung tâm hiện tại có 06 phòng đọc với hơn 1200 chỗ ngồi; quản lí hơn 114.010 đầu tài liệu với gần 289.100 bản in ấn); cơ sở dữ liệu điện tử hơn 115.257 biểu ghi thư mục,



(tính đến 30/6/2023); Tài liệu số có: 15.379 luận án, luận văn, 14.746 bài tạp chí, 246 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước, 281 tên sách. Trung tâm Thông tin - Thư viện trang bị 9 máy in; 9 đầu đọc mã vạch; 5 máy quét; 3 thiết bị lưu trữ; 16 hệ thống Switch; 5 Access point; 1 máy chiếu; 32 máy điều hòa không khí; nhiều thiết bị nghe nhìn và các thiết bị khác [H9.09.02.01]. Trung tâm Thông tin - Thư viện có nội quy, yêu cầu khi mượn tài liệu tại các phòng chức năng riêng biệt [H9.09.02.04]. Đồng thời, Trung tâm Thông tin - Thư viện được trang bị phần mềm Libol 8.0 và có phân hệ tra cứu tài liệu (OPAC); ngoài ra Trung tâm hỗ trợ thêm cho bạn đọc tra cứu trên hệ thống mục lục truyền thống và thư mục thông báo sách mới [H9.09.02.01].

Hàng năm, Trung tâm Thông tin – Thư viện luôn có những thông báo công khai gửi đến các đơn vị trong toàn trường về việc bổ sung tài liệu cũng như tài liệu đã mua để cán bộ, sinh viên, học sinh trong toàn trường biết và tham khảo [H9.09.02.06]. Nhà trường cũng luôn dành một khoản kinh phí thường xuyên để đầu tư mua tài liệu bổ sung (sách, báo, tạp chí) cho Trung tâm theo đề nghị bổ sung tài liệu thực tế của các Khoa hàng năm [H9.09.02.07]. Các phòng chức năng của Trung tâm có thể dễ dàng thống kê số lượt bạn đọc và số lượt tài liệu được mượn, trả; cũng như quản lý từng tài liệu sinh viên đã mượn [H9.09.02.08].

Công tác phục vụ bạn đọc luôn được chú trọng, bên cạnh các kho đóng, Trung tâm đã tổ chức các kho phục vụ theo hình thức mở để người đọc được trực tiếp vào kho lựa chọn tài liệu, hình thức phục vụ này không những tiết kiệm được thời gian tra tìm tài liệu mà còn kích thích hứng thú của bạn đọc. Phòng đọc đa phương tiện cũng đã thu hút được một số lượng lớn bạn đọc đến sử dụng các thiết bị, các dạng tài liệu điện tử cho mục đích học tập nghiên cứu. Tổng số lượt bạn đọc đến thư viện trong 5 năm gần đây là 267.623 lượt [H9.09.02.08].

Khoa Nghệ Thuật có phòng tư liệu riêng tích hợp trong phòng họp chung để sinh viên có thể tiếp cận có thể dành cho 15 sinh viên tra cứu tài liệu cùng một thời điểm. Sinh viên và giảng viên trong khoa, ngoài nguồn tài liệu tại TT TT-TV trường còn có thể tham khảo thêm tài liệu tại phòng tư liệu khoa. Hầu hết nhu cầu về sách và tài liệu tham khảo của giảng viên và sinh viên trong Khoa đều được đáp ứng đầy đủ đặc biệt là các giáo trình, sách và tài liệu tham khảo, tài liệu bài giảng của từng môn học [H9.09.02.11]. Khoa cũng có nguồn tài liệu đặc thù về ngành Sư phạm Mỹ Thuật phong phú do có sự đóng góp rất tích cực từ mỗi giảng viên trong Khoa đây là một nguồn tài liệu vô cùng phong phú cho sinh viên có thể tra cứu những thông tin mới nhất, cập nhật nhất. Hệ thống tài liệu trong phòng tư liệu khoa đều được sắp xếp khoa học để sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận [H9.09.02.10].

Hàng năm, TT TT-TV có lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nguồn học liệu và chất lượng phục vụ của TT TT-TV. Nhìn chung, giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống thư viện của Nhà trường. [H9.09.02.09].

## 2. Điểm mạnh

Trung tâm TT-TV của Trường có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên. Giảng viên và người học có thể tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

## 3. Điểm tồn tại

Cần tăng cường bổ sung các giáo trình điện tử để thuận tiện cho việc nghiên cứu, học tập của sinh viên.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung nguồn tài liệu, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành Sư phạm Âm nhạc trên trang web của Khoa Cần tăng cường bổ sung các giáo trình điện tử để thuận tiện cho sinh viên học tập và nghiên cứu	Khoa Nghệ Thuật	2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy nguồn tài liệu sách Âm nhạc tại khoa Nghệ Thuật	Khoa Nghệ Thuật	2024-2025

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### **Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu**

#### 1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ đào tạo và nghiên cứu với cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ và hiện đại. Đối với các khoa cần phòng thí nghiệm như sinh học, hóa học, vật lý... nhà trường có riêng mỗi phòng thí nghiệm tại các khoa đó [H9.09.03.01].

Ngoài hệ thống phòng thí nghiệm, nhà trường cũng quan tâm đến việc đầu tư các phòng thực hành giảng dạy cho sinh viên tại trung tâm NC&PT Nghiệp vụ Sư phạm với các thiết bị hiện đại để phục vụ việc thực hành giảng dạy của sinh viên như hệ thống phòng học chuẩn, bàn ghế dễ tiếp cận, máy chiếu, bảng phấn, bảng viết [H9.09.03.01]. Đối với các môn đặc chuyên ngành sư phạm Âm nhạc có sử dụng máy tính nhà trường đã bố trí cho

sinh viên khoa Nghệ thuật tại các giảng đường nhà K, hay các môn có thực hành máy tính như môn Tin học chuyên ngành sư phạm Âm nhạc thì được bố trí tại tầng 5 Nhà Trường đã đầu tư đầy đủ các phòng thực hành tin học (14 phòng tại tầng 5 và tầng 8 nhà K1) và các phòng thực hành tiếng (5 phòng từ tầng 8 đến tầng 11 nhà K1). Các phòng thực hành này đều có trang thiết bị phù hợp như hệ thống máy tính có kết nối internet (435 bộ), máy chủ, hệ thống máy chiếu (18 bộ), hệ thống âm thanh-video-loa đài (đủ cho 14 phòng thực hành) và các phần mềm cơ bản phục vụ đào tạo (MS Windows 10, MS. Office 2010, Unikey) [H9.09.03.01]. [H9.09.03.03]. Đặc thù ngành Sư phạm Âm nhạc là các hoạt động thực hành biểu diễn vẽ và nghiên cứu của sinh viên được diễn ra tầng 7 nhà D3 có đầy đủ trang thiết bị để phục vụ cho ngành học Sư phạm Âm nhạc bao gồm các phòng 701, 702, 703, 704, 706, 707, 708, 709, 710 được trang bị cơ sở vật chất đặc thù cho sinh viên và giảng viên ngành sư phạm Âm nhạc như; Thiết bị âm thanh loa đài, đàn piano cơ, đàn phím điện tử, bàn ghế, gương, bảng viết. Ngoài ra các phòng đều được cách âm nhằm phục vụ cho ngành sư phạm Âm nhạc [H9.09.03.02].

Hàng năm, nhà trường đều tiến hành lấy phiếu khảo sát của người học về công tác giảng dạy của giảng viên và khảo sát về khoa ngành học để làm cơ sở cho việc đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị. Nhà trường luôn coi trọng các ý kiến đánh giá của người học và các bên liên quan [H9.09.03.05] về mức độ hài lòng đối với hệ thống PTN, PTH và các trang thiết bị phục vụ đào tạo. Theo thang đánh giá 5 bậc từ hoàn toàn không đồng ý (mức 0) đến hoàn toàn đồng ý (mức 4), trên 88% người học chọn mức 3 (đồng ý về cơ bản) và mức 4 (Hoàn toàn đồng ý) với đánh giá “Cơ sở vật chất/trang thiết bị của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học. Kết quả khảo sát lấy ý kiến của GV cho thấy trên 69% hài lòng, chọn mức 3 (đồng ý về cơ bản) và mức 4 (Hoàn toàn đồng ý) với đánh giá “Cơ sở vật chất/trang thiết bị của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học [H9.09.03.05].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

## *3. Điểm tồn tại*

Diện tích của các phòng thực hành chưa đáp ứng được thực hành nghề của sinh viên.

## *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cải tạo lại các phòng thực hành phù hợp với chuyên ngành đặc thù của ngành sư phạm Âm nhạc	Khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSPHN	Năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành được bố trí hợp lý và đáp ứng yêu cầu đào tạo của nhà trường	Trường ĐHSPHN	Năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

***1. Mô tả***

Cổng thông tin điện tử của Trường ĐHSPHN tại địa chỉ [hnu.edu.vn](http://hnu.edu.vn) hoạt động hiệu quả, nội dung phong phú; cập nhật đầy đủ các mặt hoạt động của Nhà trường. Mọi thông tin về Nhà trường như công tác tuyển sinh, năng lực đào tạo, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất đều được chia sẻ đầy đủ trên cổng thông tin này [H9.09.04.04]. Người học có thể tìm kiếm các thông tin cần thiết nhanh chóng và thuận lợi. Cũng trên cổng thông tin này, mỗi cán bộ được cấp một không gian riêng (có tài khoản và password) để cập nhật thông tin cá nhân, và chia sẻ tài liệu giảng dạy với đồng nghiệp và sinh viên Ngoài ra, Nhà trường cũng dành một server riêng truy cập nội bộ tại địa chỉ <http://10.1.1.88> cho phép sinh viên và giảng viên lưu trữ và chia sẻ dữ liệu chung. Để thuận tiện cho công tác quản lý và sử dụng trang thông tin điện tử, và hệ thống mạng, trường cũng đã có các quy định cụ thể cho các hoạt động tại trang thông tin điện tử và hệ thống mạng, dịch vụ mạng của trường [H9.09.04.05]; [H9.09.04.10].

Khoa Nghệ thuật có trang thông tin điện tử với đầy đủ nội dung và giao diện đẹp, thông tin về Cơ sở vật chất Khoa, lý lịch khoa học của cán bộ giảng viên, cơ cấu khoa, các bài viết, thông báo và nguồn tư liệu cũng như các thông tin tuyển sinh. Trang web của Khoa được thường xuyên cập nhật và giao cho một nhóm cán bộ quản [H9.09.04.03]

Nhà Trường đã đầu tư đưa vào sử dụng mạng lưới CNTT hiện đại và đồng bộ [H9.09.04.02]. Tất cả các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu, thư viện và kí túc xá đều có mạng Internet với tốc độ 2Gbps [H9.09.04.01], [H9.09.04.06]. Nhà Trường nói chung và khoa Nghệ thuật nói riêng đều có website, các cổng thông tin trên hệ thống website đã hỗ trợ phục vụ đắc lực cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các công tác khác của nhà trường [H9.09.04.03]. Không chỉ đối với người học, Nhà trường cũng đã sử dụng phần mềm để quản lý giờ dạy/giờ

nckh/các nhiệm vụ khác của giảng viên (<https://qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login>). Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao, nhà trường đã đầu tư trang thiết bị, hỗ trợ CNTT đáp ứng yêu cầu dạy và học trực tuyến như 01 phòng máy chủ đạt chuẩn Tier2 đáp ứng khoảng 20.000 người học cùng, hệ thống lưu trữ khoảng 50T, hạ tầng mạng và máy chủ phục vụ tốc độ 10Gbps nội bộ (LAN Network), hệ thống cáp quang kết nối 22 toà nhà trong trường, 01 phòng sản xuất học liệu (Studio) trường quay ảo 3D, 06 phòng học trực tuyến [H9.09.04.10]. Cũng qua hệ thống học trực tuyến này, nhà trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng cho các cán bộ các tỉnh và đào tạo trực tuyến cho sinh viên trong trường. Đồng thời với đó là tổ chức tập huấn nâng cao nghiệp vụ đào tạo trực tuyến cho các khoa và bộ môn, nhằm khuyến khích cán bộ giảng viên áp dụng CNTT trong đào tạo [H9.09.04.12].

Nhà Trường cũng đã thành lập Trung tâm CNTT để làm công việc chuyên trách quản lý CNTT cho cả trường [H9.09.04.09];[H9.09.04.08]. Để duy trì hoạt động của hệ thống trang thiết bị CNTT hiện có, Nhà Trường luôn có thông báo để khuyến nghị các đơn vị kiểm tra, rà soát và đề xuất duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng về CNTT để hỗ trợ phục vụ tốt nhất hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học [H9.09.04.10].

Để hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn, Nhà Trường đã đầu tư kinh phí mua các phần mềm có bản quyền, phần mềm bảo vệ hệ thống và đầu tư mua mới, nâng cấp hệ thống CNTT hiện có [H9.09.04.10]. Để đáp ứng và phục vụ tốt cho chương trình đào tạo nhà trường đã tổ chức đánh giá phản hồi người học, giảng viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của hệ thống CNTT [H9.09.04.11].

## 2. Điểm mạnh

Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường đồng bộ, hiện đại. Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng. Sinh viên và cán bộ giảng viên có thể dễ dàng tiếp cận mạng internet, dữ liệu trực tuyến, làm thủ tục và đăng ký tín chỉ qua mạng.

## 3. Điểm tồn tại

Tốc độ đường truyền internet đôi lúc còn chậm, có lúc chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu truy cập của người dùng trong giảng dạy và nghiên cứu.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tốc độ đường truyền internet đôi lúc còn chậm, có lúc chưa đáp ứng hoàn	Khoa Nghệ Thuật	2024-2025

		toàn nhu cầu truy cập của người dùng trong giảng dạy và nghiên cứu	Trường ĐHSPHN	
		Đa dạng hoá các phần mềm soạn thảo bài giảng và kỹ thuật giảng dạy trực tuyến	Trường ĐHSPHN	2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường đồng bộ, hiện đại...	Trường ĐHSPHN	2024-2025

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật**

**1. Mô tả**

Trường ĐHSPHN luôn chú trọng đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn cho người sử dụng cơ sở vật chất và các trang thiết bị. Việc đề xuất kế hoạch và tổ chức công tác và phân công y tế trường học nhằm chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu, đảm bảo môi trường và sức khỏe cho giảng viên, cán bộ và người học trong trường, nhà trường đã có những quy định về môi trường và sức khỏe [H9.09.05.01], [H9.09.05.02]; [H9.09.05.12]. Nhà trường cũng thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và Ban an toàn vệ sinh lao động để trực tiếp chỉ đạo thực hiện các hoạt động về phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh trong toàn trường [H9.09.05.03]; [H9.09.05.05];[H9.09.05.08]. Đồng thời, Nhà trường đã kí hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường để đảm bảo vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn trường [H9.09.05.16].

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và học viên sinh viên, Trường có Trạm Y tế riêng với đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe [H9.09.05.13]. Trạm Y tế phối hợp với các đơn vị, phòng, ban trong trường thường xuyên tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản, tham gia bảo hiểm bắt buộc cho sinh viên, cán bộ [H9.09.05.15]; [H9.09.05.14]; [H9.09.05.17].

Công tác phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ [H9.09.05.03];[H9.09.05.09]. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản [H9.09.05.08] Trường có những quy định

chung về phòng cháy chữa cháy, thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng cháy chữa cháy trong khuôn viên trường, thường xuyên cử cán bộ đi tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.05];[H9.09.05.10].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường [H9.09.05.04];[H9.09.05.06];[H9.09.05.11]. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm. Nhà trường có các qui định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng qui định và yêu cầu của Trường và đạt nhiều thành tích cao [H9.09.05.07]

Nhà trường đã có những lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật, như bố trí lối đi, thang máy tại một số các tòa nhà, KTX. Tuy nhiên, một số toà nhà xây dựng trước đây chưa có chưa có phòng vệ sinh riêng và đường dành riêng cho người khuyết tật [H9.09.05.18].

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác vệ sinh môi trường và an toàn cho thấy hầu hết đề có những ý kiến tích cực về công tác này [H9.09.05.19].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên.

## 3. Điểm tồn tại

Một số toà nhà xây dựng trước đây chưa có phòng vệ sinh riêng và đường dành riêng cho người khuyết tật.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng phòng vệ sinh riêng và dành riêng cho người khuyết tật tại các tòa nhà chưa có	Trường ĐHSPHN	Năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Cung cấp đầy đủ các hướng dẫn về vệ sinh an toàn cho sinh viên cũng như những dữ liệu về y tế	Phòng bảo vệ và Trạm y tế Trường	Năm học 2024-2025

		cho sinh viên	ĐHSPHN	
--	--	---------------	--------	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Kết luận về Tiêu chuẩn 9**

Trường ĐHSPHN khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học với những trang thiết bị phù hợp, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên, giảng viên và các cán bộ. Cơ sở vật chất của Khoa cũng được cung cấp và thiết kế phù hợp với môi trường làm việc của giảng viên trong khoa, được thường xuyên bổ sung, cập nhật và thay mới. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, đặc biệt có Trung tâm rèn luyện nghiệp vụ sư phạm hiện đại phục vụ cho hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên, hỗ trợ các hoạt động đào tạo khác và hoạt động nghiên cứu khoa học. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đều đạt yêu cầu.

**Đánh giá tiêu chuẩn 9:**

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 9.1					5		
Tiêu chí 9.2					5		
Tiêu chí 9.3					5		
Tiêu chí 9.4					5		
Tiêu chí 9.5					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.0</b>						



## **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

### ***Mở đầu***

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, chuyên gia) để thiết kế, phát triển và cải tiến chương trình dạy học (CTDH) đến việc thường xuyên rà soát để đảm bảo chất lượng quá trình dạy-học phù hợp với chuẩn đầu ra (CĐR), áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học (NCKH) để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như phòng thí nghiệm, thư viện (TV) trung tâm công nghệ thông tin (TTCNTT)..., tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

### ***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học***

#### ***1. Mô tả***

Nhà trường, ngành Sư phạm Âm nhạc - Khoa Nghệ thuật có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan (gồm các chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp). TT ĐBCL (trước đây là TT ĐBCL và khảo thí) là đơn vị phụ trách thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (cựu SV, nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động, vv... ) để làm cơ sở tham mưu cho Nhà trường, ngành Sư phạm Âm nhạc trong công tác đảm bảo chất lượng [H10.10.01.01; H10.10.01.02; H10.10.01.03; H10.10.01.04]. Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình, công cụ, pháp thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.01.05] gồm 7 bước, cụ thể như sau:

- *Bước 1: Xây dựng kế hoạch khảo sát: các đơn vị được giao nhiệm vụ lập kế hoạch khảo sát chi tiết theo kế hoạch của Nhà trường và gửi lên TT ĐBCL.*

- *Bước 2: Thu thập thông tin phản hồi: tiến hành thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan theo kế hoạch*

- Bước 3: Hoàn thành khảo sát, xử lý kết quả, thống kê dữ liệu: các đơn vị thống kê, tổng hợp dữ liệu và chuyển dữ liệu khảo sát gốc cho TT ĐBCL.

- Bước 4: Viết báo cáo tổng hợp: Xử lý dữ liệu khảo sát của các đơn vị, viết báo cáo tổng hợp.

- Bước 5: Công bố báo cáo tổng hợp: công bố báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến Hiệu trưởng; gửi dữ liệu tách riêng đến các đơn vị liên quan.

- Bước 6: Cải tiến và thực hiện cải tiến: họp thảo luận về kết quả đánh giá và lập kế hoạch cải tiến, gửi kế hoạch cải tiến cho TT ĐBCL.

- Bước 7: Lưu trữ: lưu trữ dữ liệu và minh chứng; báo cáo kết quả khảo sát; dữ liệu gốc kết quả khảo sát.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được Nhà trường, ngành Sư phạm Âm nhạc - Khoa Nghệ thuật thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển CTDH. Theo định kỳ hàng năm, TTĐBCL tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV cuối mỗi học kỳ về công tác giảng dạy các học phần (học kỳ I, II, III) nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng dạy và học; lấy ý kiến của SV khi tốt nghiệp và sau tốt nghiệp 1 năm về ngành/khóa đào tạo và CTĐT; lấy ý kiến của GV về CTĐT và mức độ hài lòng của các cơ quan, tổ chức sử dụng lao động, vv. để làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT [H10.10.01.06]. Ngành Sư phạm Âm nhạc cũng tổ chức các hội nghị chuyên môn với sự tham gia của các GV, nhà khoa học ở một số cơ sở giáo dục đại học khác để trao đổi, thảo luận, xin ý kiến góp ý về việc thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.01.07]. Sau khi hoàn thiện bản thảo CTDH đầu tiên, ngành và Khoa đã tổ chức họp xin ý kiến của GV, các nhà khoa học của Khoa, của Trường và đi đến bản thảo CTDH cuối cùng, thẩm định và ban hành CTDH. Nhà trường đã có quy định về bảo đảm chất lượng nội bộ, trong đó có quy định về hệ thống khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

Việc rà soát và điều chỉnh CĐR, CTĐT và CTDH trong CTĐT của ngành Sư phạm Âm nhạc được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, đúng qui trình hướng dẫn của Phòng Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H10.10.01.08]. Ngành Sư phạm Âm nhạc đã phối hợp với TT ĐBCL thực hiện các cuộc khảo sát để lấy ý kiến của các bên liên quan, thực hiện thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTĐT. Các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được xử lý và sử dụng làm căn cứ để rà soát, điều chỉnh và phát triển CTDH trong CTĐT theo qui định 2 năm một lần. Theo ý kiến của các bên liên quan, CTĐT

Cử nhân Sư phạm Âm nhạc và mỗi học phần trong CTDH ngành Sư phạm Âm nhạc cần gắn chặt hơn nữa với định hướng phát triển năng lực người học, đặc biệt là với việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tăng số học phần tự chọn và xây dựng thêm một số môn học mới để đáp ứng nhu cầu của thị trường, mong muốn của sinh viên và cựu sinh viên; điều chỉnh ma trận các học phần và xác định rõ hơn các phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Có thể thấy, từ năm 2020, 2022, CTDH trong CTĐT của ngành Sư phạm Âm nhạc - Khoa Nghệ thuật đã được chỉnh sửa theo CDR chung của Nhà trường và đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên Âm nhạc để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 cũng như nhu cầu học văn bằng kép của SV. Tổng số tín chỉ cho CTDH của CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc năm 2020 là 136 TC, trong đó khối học văn chung là 35 tín chỉ (chiếm tỉ lệ khoảng 26%), khối học văn chuyên ngành là 66 tín chỉ (khoảng 48%), khối học văn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm là 35 tín chỉ (khoảng 26%, thời lượng dành cho thực tập sư phạm đã tăng 01 tín chỉ so với CTĐT năm 2015). Các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức/học văn chuyên ngành được tăng cường nhiều hơn trong CTDH của CTĐT năm 2020 so với CTDH của CTĐT năm 2015 (chọn 20/45 tín chỉ) để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, mong muốn của SV và cựu người học. Có thể thấy, so với CTĐT năm 2015, CTDH trong CTĐT cử nhân Sư phạm Âm nhạc – Khoa Nghệ thuật năm 2020 VÀ 2022 đã được bổ sung thêm một số môn học mới như *Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, Thực hành dạy học Âm nhạc tại trường Sư phạm, Âm nhạc phương Tây Cận - Hiện đại, Hòa tấu 1, Hòa tấu 2, Guitar 1,2,3,4,5, Thực tế chuyên môn Âm nhạc, Phối ca khúc trên máy tính, Thanh nhạc nâng cao, Nhạc cụ nâng cao* [H10.10.01.09]. Năm 2022, 2023, ngành Sư phạm Âm nhạc đã thực hiện việc rà soát và điều chỉnh đề cương các học phần (GV giảng dạy, giáo trình và tài liệu học tập, mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần, ma trận chuẩn đầu ra học phần và nội dung giảng dạy, kiểm tra, đánh giá).

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường, Ngành Sư phạm Âm nhạc - Khoa Nghệ thuật đã sử dụng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu đa dạng (phiếu khảo sát, các hội nghị, cuộc họp và thảo luận) với sự tham gia của các bên liên quan (SV, GV, cơ quan sử dụng lao động...). Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được xử lý và sử dụng làm cơ sở để Trường, ngành Sư phạm Âm nhạc - Khoa Nghệ thuật rà soát, điều chỉnh và phát triển CTDH trong CTĐT nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo.

### 3. Điểm tồn tại

Ngành Sư phạm Âm nhạc - Khoa Nghệ thuật chưa tổ chức được nhiều cuộc hội nghị, hội thảo khoa học thảo luận về công tác thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập (các trường THCS, các cơ sở có đào tạo Sư phạm âm nhạc) để đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	<i>Khắc phục tồn tại</i>	Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của CTDH	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo và Ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2023 – 2024 và các năm học tiếp theo.
2	<i>Phát huy điểm mạnh</i>	- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV và các bên liên quan - Rà soát, chỉnh sửa CTDH hằng năm và định kỳ	TT ĐBCL, Phòng Đào tạo, Ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo.

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến**

#### 1. Mô tả

CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc - Khoa Nghệ thuật được thiết kế và phát triển theo một quy trình chặt chẽ, từ khâu thiết kế và phát triển đến khâu rà soát, đánh giá và cải tiến, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và nhiệm vụ của Nhà trường cũng như yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.01; H10.10.02.02]. Theo *Hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và chương trình Bồi dưỡng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội* ngày 21/09/2021 [H10.10.02.03], CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc của Khoa Nghệ thuật được thiết kế và phát triển theo quy trình cụ thể, gồm các bước như sau:

*- Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/ chuyên ngành đào tạo.*

*-Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của CTĐT theo qui định tại điều 4, 5, 6 của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT*

*-Bước 3: Xác định khối lượng học tập, cấu trúc và nội dung của CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra theo qui định tại điều 7, 8, 9 của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.*

*-Bước 4: Đối chiếu so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành/ chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện CTĐT.*

*-Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định.*

*-Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về CTĐT.*

*-Bước 7: Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng.*

*-Bước 8: Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên những tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.*

Thực hiện nghiêm túc quy trình trên, CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc của Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã được thiết kế và phát triển căn cứ vào mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT [H10.10.02.04] và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường [H10.10.02.05]. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc – Khoa Nghệ thuật được rà soát và đánh giá định kỳ theo hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.02.06]. Năm 2020, trong cuộc họp với các bên liên quan đã cho rằng, quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc của Trường ĐHSPh Hà Nội hoàn toàn phù hợp với thực tiễn của Nhà trường và yêu cầu của Bộ GD&ĐT, tuy nhiên, các học phần trong CTDH được xác định cần gắn chặt hơn nữa với định hướng phát triển năng lực của người học, đặc biệt là đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (trong đó có chương trình môn Âm nhạc). Ngoài ra, cần tăng cường các học phần tự chọn để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu về thị trường lao động; Xây dựng thêm một số môn học

mới. Cùng với việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, CTDH đã được thiết kế, phát triển trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc năm 2020, 2022 [H10.10.02.07]. Từ CTĐT năm 2020, 2022 ngành Sư phạm Âm nhạc đã tiến hành thiết kế và phát triển CTDH theo đúng quy trình hướng dẫn, chỉ đạo của Nhà trường. Dựa trên cơ sở về kiến phản hồi của các bên liên quan năm 2022 [H10.10.02.08], CTĐT của ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật đã xây dựng được 4 tiêu chuẩn với 23 tiêu chí cho CDR của CTĐT Cử nhân ngành Sư phạm Âm nhạc. Khung của CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc năm 2020, 2022 đã có sự điều chỉnh về thời lượng học giữa các khối kiến thức so với CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc năm 2015 (xem Bảng 10.2.1).

**Bảng 10.2.1 So sánh cấu trúc khung CTĐT Ngành Sư phạm Âm nhạc 2015, 2020, 2022**

Cấu trúc CTĐT	Khung CTĐT 2015		Khung CTĐT 2020		Khung CTĐT 2022	
	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Khối học văn chung	20	15	35	26	35	26
Khối học văn nghiệp vụ sư phạm	34	25	35	26	35	26
Khối học văn ngành	81	60	66	48	66	48
Tổng số tín chỉ	135	100	136	100	136	100

Trong các cuộc họp với ngành Sư phạm Âm nhạc, các bên liên quan đều cho rằng, quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc của Khoa Nghệ thuật, Trường ĐHSPTN được thiết lập, rà soát, đánh giá và cải tiến theo đúng hướng dẫn của Nhà trường và yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, Khoa cần rà soát các bước 2 – 5 của quy trình để điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần, ma trận chuẩn đầu ra học phần và nội dung giảng dạy, ma trận chuẩn đầu ra học phần và nội dung kiểm tra, đánh giá đối với các môn học/học phần trong CTĐT. Ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH là căn cứ và cơ sở quan trọng để ngành Sư phạm Âm nhạc -Khoa nghệ thuật tiến hành rà soát và điều chỉnh CTDH trong CTĐT của các năm tiếp theo. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT được cải tiến để phù hợp với thực tiễn của Nhà trường và sự tiến bộ mới trong lĩnh vực chuyên ngành cũng như yêu cầu của việc sử dụng lao động.

CTDH trong CTĐT năm 2020 và năm 2022 của ngành Sư phạm Âm nhạc đã được cải tiến về quy trình thiết kế và phát triển so với CTĐT năm 2015 [H10.10.02.09]. Điều này được thể hiện thông qua việc khảo sát nhu cầu nhân lực của nhà tuyển dụng, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H10.10.02.10] để xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và xác định CĐR của CTĐT (xem Bảng 10.2.2).

**Bảng 10.2.2. So sánh quy trình thiết kế và phát triển CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc năm 2015 và 2020, 2022**

Các bước	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2022
Bước 1	Đã lấy ý kiến của các bên liên quan (nhà tuyển dụng).	Đã lấy đầy đủ phản hồi của các bên liên quan	Đã lấy đầy đủ phản hồi của các bên liên quan
Bước 2	Xác định nội dung kiến thức rồi xây dựng mục tiêu.	Xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể rồi xây dựng CĐR	Xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể rồi xây dựng CĐR
Bước 3	Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo nhưng chưa so lại với CĐR.	Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR.	Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và CĐR.

### 2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT Ngành Sư phạm Âm được thiết lập, đánh giá và cải tiến theo một quy trình chặt chẽ, hợp lý và đúng quy định. Việc rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH được thực hiện dựa trên thông tin phản hồi từ các bên liên quan cùng với sự tham gia của GV và cán bộ quản lý. Vì vậy, CTĐT được cập nhật, điều chỉnh để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

### 3. Điểm tồn tại

Nhà trường, ngành Sư phạm Âm nhạc - Khoa Nghệ thuật chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi của các cơ quan/tổ chức sử dụng lao động (các Cao đẳng, Đại học, các trường Văn hóa nghệ thuật có đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc) về quy trình thiết kế và phát triển CTDH trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc
----	----------	----------	-------------------------	--------------------------

				<b>hoàn thành</b>
1	<i>Khắc phục tồn tại</i>	Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cơ quan/tổ chức sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để cải tiến CTĐT theo hướng đáp ứng nhu cầu của xã hội	TTĐBCL, Phòng Đào tạo, Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo
2	<i>Phát huy điểm mạnh</i>	- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan - Trường và Khoa thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến định kỳ quy trình thiết kế và phát triển	TTĐBCL, Phòng Đào tạo, Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra***

***1. Mô tả:***

Trong Quy chế đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, việc giám sát, đánh giá quá trình giảng dạy; giám sát việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể trong Chương 2: Quy chế quy định việc lập kế hoạch và tổ chức đào tạo; Chương 3 Quy định việc Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp [H10.10.03.01]. Quá trình giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học của ngành Sư phạm Âm nhạc - khoa Nghệ thuật đã thực hiện theo những quy định trên nên được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo thực hiện được CĐR đã công bố. Căn cứ vào Quy chế đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội quá trình dạy và học, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong Đề cương chi tiết các học phần của ngành Sư phạm âm nhạc mà GV phải thực hiện [H10.10.03.02]. Bên cạnh đó, ngành Sư phạm Âm nhạc cùng với Khoa Nghệ thuật đã ban hành Văn bản quy trình dự giờ, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học và các biểu mẫu, biên bản dự giờ để GV trong ngành thực hiện [H10.10.03.03]. Quá trình dạy - học, kiểm tra, đánh giá, quản lý kết quả trong các kỳ thi kết thúc học phần đã được Nhà trường qui định cụ thể. Theo đó, hoạt động giảng dạy của GV và học tập, rèn luyện của SV ngành Sư phạm Âm nhạc được rà soát thường xuyên thông qua quy định cụ thể với từng đối tượng: GV giảng dạy các học phần, giáo vụ, cố vấn học tập, bộ phận quản lý sinh viên. Từ đó, quá trình dạy và học của ngành Sư phạm Âm nhạc được rà soát và đánh thường xuyên



để đảm bảo được CĐR thông qua các hoạt động: dự giờ, góp ý kiến về các giờ dạy. Các bộ môn chủ động tổ chức các buổi dự giờ các học phần thuộc bộ môn quản lí. Sau những buổi dự giờ chuyên môn, các bộ môn thuộc ngành Sư phạm Âm nhạc tổ chức họp rút kinh nghiệm nhằm đóng góp ý kiến để các GV có thể điều chỉnh về nội dung bài dạy, cách thức tổ chức dạy học, phương pháp dạy học và thức kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Hoạt động này cũng giúp các bộ môn thuộc ngành Sư phạm Âm nhạc chủ động trong việc điều chỉnh CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Bên cạnh đó, Ban Thanh tra Giáo dục của Trường cũng thường xuyên kiểm tra, giám sát việc dạy và học theo thời khóa biểu của các GV ngành Sư phạm Âm nhạc, giám sát công tác tổ chức thi, phân công GV chấm thi ở tất cả các học phần.

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong Đề cương chi tiết học phần và Quyết định ban hành qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; văn bản Hướng dẫn về việc tổ chức thi kiểm tra đánh giá trong kỳ thi kết thúc học phần [H10.10.03.04], trong đó đã chỉ rõ hình thức, cách thức, thời điểm và trọng số của từng lần kiểm tra, đánh giá. Đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10%, điểm giữa kì là 30% và điểm thi kết thúc học phần là 60% tổng số điểm. Quy trình kiểm tra, đánh giá trong một học kì gồm: đánh giá thường xuyên thông qua các bài tập thực hành, bài tập nhỏ; đánh giá giữa kì thông qua bài điều kiện và đánh giá cuối kì thông qua bài thi kết thúc học phần. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hóa theo từng bối cảnh nhưng GV vẫn chủ động và đáp ứng mục tiêu học phần và đảm bảo CĐR. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR. Các dạng bài kiểm tra, đề thi các học phần chuyên ngành Sư phạm âm nhạc không chỉ đánh giá được các CĐR mà còn giúp SV phát triển năng lực tự học và các năng lực đặc thù của bộ môn Âm nhạc.

Nhà trường và giáo vụ khoa Nghệ thuật đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo TC để thường xuyên kiểm tra quá trình học tập của SV. Trường đã ban hành quyết định 5062/QĐ-ĐHSPHN, “Quy định về công tác CVHT trong đào tạo Đại học hệ chính qui”, theo đó, cho phép CVHT được quyền truy nhập vào phần mềm quản lý đào tạo liên quan đến nhóm SV phụ trách để rà soát kết quả học tập của người học thường xuyên (Điều 6) [H10.10.03.05]. Quy trình ra đề và chấm thi được thực hiện theo các

bước như sau: Giáo vụ khoa gửi đến các bộ môn danh sách những học phần thi trong học kì đó, trước khi thi 1 tuần, GV gửi đề, đáp án có chữ ký duyệt của Trường (hoặc phó) bộ môn và BCN khoa. Trưởng khoa hoặc phó khoa phụ trách đào tạo sẽ in, sao, niêm phong đề thi và giao cho giáo vụ khoa. Đến ngày thi, trước giờ thi 15 phút, giáo vụ khoa sẽ bàn giao cho cán bộ coi thi. Kết thúc mỗi kì thi, sau khi các GV chấm thi xong, giáo vụ thông kê, tổng hợp điểm số các học phần và gửi lại cho BCN khoa (Trưởng khoa), Trưởng khoa rà soát, chuyển điểm của các học phần về các Bộ môn phụ trách học phần đó để xem xét và đưa ra những định hướng thực hiện các học phần trong học kì tiếp theo. Trưởng bộ môn báo cáo lại với BCN khoa những điều chỉnh (nếu có). Dựa trên kết quả học tập hàng năm của sinh viên, căn cứ vào CĐR trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc, BCN Khoa, Hội đồng khoa học, các trợ lý, CVHT của ngành Sư phạm Âm nhạc đã họp để rà soát mức độ phù hợp của CTĐT ngành Sư phạm âm nhạc với CĐR [H10.10.03.06].

Các học phần tốt nghiệp của CTĐT Cử nhân Sư phạm Âm nhạc được thực hiện theo quy định của các môn chuyên đề tốt nghiệp. Từ CTĐT năm 2020, 2022, ngành Sư phạm Âm nhạc đã chuyển hình thức thi tốt nghiệp của SV Sư phạm Âm nhạc từ hình thức viết khóa luận tốt nghiệp sang hình thức thi kiểm tra các Học phần thay thế tốt nghiệp (có 6/66 TC), đó là các Học phần cuối khóa gồm: Kiến thức Âm nhạc tổng hợp; Thanh nhạc cuối khóa; Nhạc cụ cuối khóa [H10.10.03.07].

Thực tập sư phạm là một học phần rất quan trọng và bắt buộc đối với SV ngành Sư phạm Âm nhạc và được quy định cụ thể trong Quy chế thực tập sư phạm của Trường [H10.10.03.08]. Trong thời gian đi thực tập sư phạm, SV Sư phạm Âm nhạc sẽ được rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho công việc trong tương lai khi tốt nghiệp. Hàng năm, Trường đều cử các GV có kinh nghiệm làm công tác trưởng đoàn thực tập sư phạm [H10.10.03.09] đưa SV xuống thực tập tại các trường phổ thông. Sau mỗi đợt thực tập sư phạm, phòng Đào tạo trường đều tổ chức họp tổng kết báo cáo công tác thực tập sư phạm [H10.10.03.10] với các khoa/bộ môn thuộc trường để các khoa nắm bắt kịp thời kết quả thực tập về công tác chủ nhiệm, công tác chuyên môn của SV, từ đó chủ động điều chỉnh quá trình dạy và học.

Từ năm 2019 đến năm 2023, TT ĐBCL đã tiến hành khảo sát hiệu quả, chất lượng đào tạo đối với sinh viên vừa tốt nghiệp nhằm thu thập thông tin về thực trạng SV ra trường đáp ứng như thế nào với mục tiêu đào tạo, với CĐR, để từ đó Trường ĐHSPHN/các khoa đào tạo có cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng ngày

một tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động. Kết quả khảo sát của TTĐBCL từ năm 2019 đến năm 2023 cho thấy, SV tốt nghiệp của các Khoa trong đó có khoa Nghệ thuật và SV ngành Sư phạm Âm nhạc vừa tốt nghiệp có nhận xét tích cực về chất lượng đào tạo ngành học, về PPGD, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả môn học hiệu quả. Điểm đánh giá về các tiêu chí của sinh viên khoa Nghệ thuật nói chung trong đó có ngành Sư phạm Âm nhạc nói riêng đều ở mức “khá” và “cao” [H10.10.03.11]. Bên cạnh đó, có một số tiêu chí chưa được sinh viên đánh giá tốt như: tư vấn nghề nghiệp, cơ hội phát triển các kỹ năng mềm để ứng dụng khi dạy học môn Âm nhạc ngoài thực tế ở các trường phổ thông, vv. Những hạn chế này, ngành Sư phạm Âm nhạc và Khoa sẽ tiếp tục điều chỉnh trong quá trình dạy và học ở những năm sau.

### 2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy học được Nhà trường, Khoa Nghệ thuật và ngành Sư phạm Âm nhạc rà soát, đánh giá thường xuyên, nghiêm túc, đặc biệt là công tác lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan và người học. Bên cạnh đó, BCN Khoa, Hội đồng Khoa học và các GV ngành Sư phạm Âm nhạc, các trợ lý, cố vấn học tập cũng chú trọng rà soát, thảo luận nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT với CDR.

### 3. Điểm tồn tại

Việc phát triển các kỹ năng mềm cho SV của Ngành Sư phạm Âm nhạc chưa được chú trọng nhiều và có những giải pháp triệt để.

Việc tổ chức dự giờ, góp ý giờ giảng các học phần chuyên ngành chưa được mở rộng giữa các bộ môn thuộc ngành Sư phạm Âm nhạc. Hiện nay mới tiến hành trong phạm vi từng bộ môn.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	- Đưa ra các khuyến nghị xây dựng kế hoạch thực hiện nhằm phát triển các kỹ năng mềm cho SV ngành Sư phạm Âm nhạc -GV ngành Sư phạm	Giảng viên ngành Sư phạm Âm nhạc	Từ năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo.

		Âm nhạc tăng cường tham gia dự giờ của các đồng nghiệp không chỉ trong bộ môn mà còn dự giờ các đồng nghiệp ở bộ môn khác		
2	<i>Phát huy điểm mạnh</i>	Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ người học, các bên liên quan để cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy.	Phòng Đào tạo, TT.ĐBCL, Ngành Sư phạm Âm nhạc,	Từ năm học 2023 - 2024 và các năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng và cải tiến việc dạy và học***

***1. Mô tả:***

Nghiên cứu khoa học (NCKH) có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSP Hà Nội ngày 11/3/2022 đã quy định rõ: Tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên trong một năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác là 1.760 giờ, trong đó, GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ NCKH [H10.10.04.01]. Theo quy định này, các GV ngành Sư phạm Âm nhạc – Khoa Nghệ thuật luôn thực hiện song hành nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo gắn với hoạt động NCKH. Từ năm 2019 đến năm 2024, GV ngành Sư phạm Âm nhạc đã triển khai, thực hiện được 10 đề tài NCKH&CN các cấp, công bố 04 cuốn sách chuyên khảo, 38 bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế [H10.10.04.02].

Bên cạnh công tác giảng dạy, đào tạo, ngành Sư phạm Âm nhạc xác định hoạt động NCKH góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy. Do đó, hàng năm, các hoạt động NCKH được triển khai, thực hiện dưới nhiều hình thức gồm: SV tham gia thực hiện các đề tài NCKH về lĩnh vực khoa học giáo dục Âm nhạc dưới sự hướng dẫn của các giảng viên [H10.10.04.03; H10.10.04.04]. Bên cạnh đó, nhiều công trình NCKH của các GV ngành Âm nhạc là các đề tài NCKH&CN các cấp, sách chuyên khảo, giáo trình đã được sử dụng làm tài liệu phục vụ giảng dạy các học phần chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc trong CTĐT (xem Bảng 10.4).

**Bảng 10.4.1. Học phần trong CTĐT sử dụng công bố NCKH**

**của giảng viên ngành Sư phạm âm nhạc (từ 2019-2022)**

<b>TT</b>	<b>Năm</b>	<b>Tên đề tài</b>	<b>Học phần</b>
1	2019	<i>Dạy hát ca khúc mang chất liệu dân ca vùng Châu thổ sông Hồng. Quyết định số 9812/QĐ-ĐHSPHN ngày 11/12/2017. Mã số: SPHN17-16</i>	Thanh nhạc 3,4, 5
		<i>Tương đồng và khác biệt trong dân ca đối đáp nam nữ của người Việt ở Bắc. QĐ số: 9812/QĐ-ĐHSPHN-KHCN, ngày 11/12/2017. Mã số 17-15 (nghiem thu năm 2019)</i>	Lịch sử âm nhạc Việt Nam; Thực tế chuyên môn Âm nhạc
2	2020	<i>Dân ca đối đáp nam nữ của người Việt tiếp cận từ góc độ so sánh loại hình (sách chuyên khảo)</i>	Lịch sử âm nhạc Việt Nam; Thực tế chuyên môn Âm nhạc
		<i>Hát đúm của người Việt ở Bắc Bộ (sách chuyên khảo)</i>	Thực tế chuyên môn Âm nhạc
		<i>Bản sắc dân tộc trong các khúc mới Việt Nam (sách chuyên khảo)</i>	Sáng tác ca khúc
		<i>Đặc điểm hoà âm trong thể loại ca khúc nghệ thuật Việt Nam có phần đệm piano. Quyết định số 8658/QĐ-ĐHSPHN ngày 9/8/2019. Mã số: SPHN19-20</i>	Hòa âm ứng dụng
3	2021	<i>Khai thác tình huống dạy học âm nhạc ở tiểu học theo định hướng tích hợp. Quyết định số:2180/QĐ-ĐHSHN ngày 29/06/2020. Mã số SPHN 20 – 18</i>	Tổ chức dạy học môn Âm nhạc
		<i>Thiết kế bài giảng thường thức âm nhạc theo tiếp cận năng lực. QĐ số 10275/QĐ-ĐHSPHN ngày 27/09/2019 Mã số SPHN19-19</i>	Tổ chức dạy học môn Âm nhạc; Thực tập SP1, Thực tập SP2
		<i>Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Bắc Giang (lớp 6)</i> <i>Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Nam Định (lớp 6)</i>	Thực tế chuyên môn
4	2022	<i>Giáo trình Lý thuyết âm nhạc cơ bản</i>	Lý thuyết âm nhạc cơ bản 1; Lý thuyết âm nhạc cơ bản 2

		<i>Xây dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp dành cho sinh viên ngành sư phạm âm nhạc</i>	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp
		<i>Giáo trình Thanh nhạc cơ bản 1</i>	Thanh nhạc 1
		<i>Đổi mới phương pháp dạy học guitar cho sinh viên Sư phạm âm nhạc đáp ứng chương trình Giáo dục phổ thông mới. QĐ số 1949/QĐ-ĐHSPHN, ngày 11/6/2021; Mã số: SPHN21 - 18</i>	Guitar 1,2,3,4,5

Có thể thấy, những năm gần đây, hoạt động NCKH của GV ngành Sư phạm Âm nhạc - Khoa Nghệ thuật vừa là điều kiện, vừa là cơ hội để thực hiện gắn kết các kết quả nghiên cứu với giảng dạy. GV được tạo điều kiện tham gia vào các hoạt động NCKH thường xuyên. Bên cạnh hoạt động NCKH của GV ngành Sư phạm Âm nhạc, hàng năm, Hội nghị SV NCKH của Khoa Nghệ thuật với sự tham gia của SV ngành Sư phạm Âm nhạc được tổ chức. Những đề tài NCKH xuất sắc của SV Sư phạm Âm nhạc được đề xuất chuyển lên cấp trường và đã có một số đề tài đạt giải thưởng [H10.10.04.05]. Những NCKH của SV ngành Sư phạm Âm nhạc chủ yếu được viết, trình bày dưới dạng bài báo khoa học và được đăng trên các Kỷ yếu sinh viên NCKH của Khoa Nghệ thuật [H10.10.04.06].

Như đã đề cập ở trên, các sản phẩm NCKH thuộc lĩnh vực chuyên môn Âm nhạc, giáo dục âm nhạc của GV ngành Sư phạm Âm nhạc, ngoài việc góp phần nâng cao năng lực và trình độ NCKH cho GV còn đóng góp đáng kể vào việc điều chỉnh, cập nhật cải tiến, điều chỉnh việc dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể là: các giảng viên ngành Sư phạm Âm nhạc đã có những đề tài NCKH các cấp gắn với nội dung hoạt động dạy học, phục vụ trực tiếp cho việc dạy và học các học phần thuộc khối học vấn nghiệp vụ sư phạm và các học phần chuyên ngành gắn với dạy học môn Âm nhạc ở phổ thông như các đề tài về dạy học phân hóa môn Âm nhạc ở THPT của TS Tạ Hoàng Mai Anh, dạy học môn Âm nhạc theo phương pháp tích hợp cho học sinh tiểu học của Th.S Vũ Hồng Anh, Thiết kế bài giảng thường thức âm nhạc theo tiếp cận năng lực cho sinh phổ thông của Th.S Trần Hương Giang [H10.10.04.02].

Trong những năm gần đây, số lượng các công trình NCKH của giảng viên ngành Sư phạm Âm nhạc đã có sự gia tăng đáng kể không chỉ về số lượng mà còn cả về chất lượng thể hiện ở các giáo trình, sách chuyên khảo được xuất bản và các bài báo khoa

học của GV được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế. Hoạt động NCKH của cán bộ, GV ngành Sư phạm Âm nhạc - Khoa nghệ thuật đã gắn với việc đổi mới phương pháp dạy học các học phần chuyên ngành, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và năng lực NCKH của các GV cũng như hỗ trợ hiệu quả cho việc phát triển năng lực học tập và NCKH của SV. Nhà trường và Khoa Nghệ thuật cũng chú trọng đến việc tổ chức, tạo điều kiện và cơ hội để các giảng viên trẻ được tham gia NCKH nâng cao năng lực nghiên cứu và ứng dụng những kết quả NCKH vào cải tiến việc dạy học các học phần chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc [H10.10.04.07; H10.10.04.08].

Đối với một trường đại học lớn và có vị thế cao trong các trường Sư phạm trên cả nước như Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, NCKH luôn luôn là một trong những nhiệm vụ chính, hàng đầu. NCKH và hoạt động KH&CN không những góp phần cải tiến việc giảng dạy của GV và học tập của SV mà còn có vai trò tiên quyết trong chiến lược phát triển nhân lực, tạo vị thế và tầm ảnh hưởng của Trường trong nước và quốc tế, góp phần thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và giá trị cốt lõi của Nhà trường [H10.10.04.09; H10.10.04.10]. Ý thức được điều này, GV ngành Sư phạm Âm nhạc-Khoa Nghệ thuật đang tiếp tục phấn đấu không ngừng để có thêm nhiều hơn nữa những công trình NCKH đạt chất lượng cao, góp phần cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập.

## 2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của cán bộ, GV ngành Sư phạm Âm nhạc ngày càng được chú trọng và nâng cao chất lượng. Các kết quả nghiên cứu được sử dụng để điều chỉnh hoạt động dạy và học, đổi mới phương pháp dạy học của GV, đổi mới cách thức kiểm tra đánh giá.

## 3. Điểm tồn tại

Số lượng các công trình NCKH của các GV trẻ còn hạn chế, chủ yếu mới tập trung vào một số GV có kinh nghiệm. Số lượng sinh viên tham gia NCKH còn chưa thật đồng đều ở các khóa. Số lượng các bài báo được đăng thuộc lĩnh vực chuyên ngành Âm nhạc và khoa học giáo dục Âm nhạc trên các Tạp chí trong nước và quốc tế của GV trong ngành còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
----	----------	----------	-------------------------	-------------------------------------

1	<i>Khắc phục tồn tại</i>	- Khuyến khích SV tham gia NCKH ngay từ năm thứ 2 - Khuyến khích GV ngành Sư phạm Âm nhạc tham gia các hội thảo quốc gia, quốc tế; Tham gia thực hiện các đề tài NCKH& CN các cấp; đăng bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành, tạp quốc tế; viết giáo trình giảng dạy các học phần chuyên ngành SPAN - Tổ chức Hội thảo về phương pháp dạy học Âm nhạc phạm trên toàn quốc.	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo
2	<i>Phát huy điểm mạnh</i>	Tiếp tục nâng cao chất lượng NCKH của GV và SV ngành SPAN; Sử dụng các kết quả đạt được từ NCKH để phục vụ các hoạt động đào tạo của Khoa.	Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến***

***1. Mô tả***

Tất cả chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH. Do đó, Nhà trường luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đó là thái độ phục vụ và chất lượng phục vụ. Nhà trường luôn giám sát và đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ này.

Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan. Trong đó, có nội dung lấy ý kiến phản hồi của người học về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.01]. Quy trình cụ thể như sau:

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch khảo sát. Các khoa đào tạo lập kế hoạch khảo sát chi tiết theo kế hoạch của nhà trường và gửi lên TT ĐBCL.

- Bước 2: Tổ chức thu thập thông tin: TT ĐBCL chuẩn bị phiếu khảo sát; ban



hành công văn chỉ đạo triển khai khảo sát; phối hợp với các Khoa để triển khai điều tra các đối tượng liên quan

- Bước 3: Xử lý thông tin và phân tích kết quả (phân loại phiếu, sử dụng phần mềm SPSS để xử lý dữ liệu thu thập được; phân tích kết quả)

- Bước 4: Viết báo cáo tổng hợp từ các thông tin thu thập được

- Bước 5: Công bố báo cáo tổng hợp. TT ĐBCL công bố báo cáo và gửi kết quả đến hiệu trưởng, gửi dữ liệu đến các bên liên quan.

- Bước 6: Cải tiến và thực hiện cải tiến. Các bên liên quan họp thảo luận về kết quả đánh giá, lập kế hoạch cải tiến và gửi kế hoạch cải tiến cho TT ĐBCL.

- Bước 7: Lưu trữ dữ liệu khảo sát và minh chứng.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trong các hoạt động của nhà trường được thể hiện cụ thể như sau:

- Hoạt động của thư viện: Nhà trường có một trung tâm thư viện khá lớn cho cán bộ và SV toàn trường. Các tài liệu và học liệu trong thư viện được cập nhật và mua bổ sung hàng năm để phục vụ nhu cầu của bạn đọc [H10.10.05.02]. Căn cứ Hướng dẫn quy trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan của Nhà trường, hàng năm thư viện đã định kỳ lấy ý kiến phản hồi của GV, SV về mức độ đáp ứng tài liệu của thư viện, thư viện điện tử phục vụ công tác đào tạo và NCKH của GV, SV; Thực hiện kiểm kê, đánh giá chất lượng của thư viện [H10.10.05.01, H10.10.05.03]. Trên cơ sở lấy ý kiến đánh giá, thư viện đề xuất với BGH nhà trường về việc tiến hành mua sắm, bổ sung các thiết bị để cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, như bổ sung sách, báo, mua bán các phần mềm điện tử [H10.10.05.04; H10.10.05.05;]. Thư viện cũng bổ sung trang thiết bị, máy tính phục vụ tra cứu tài liệu bạn đọc; Hướng dẫn khai thác sử dụng tài liệu số phục vụ học tập [H10.10.05.06; H10.10.05.07]. Ngoài việc sử dụng thư viện chung của Nhà trường, tại các bộ môn trong Khoa Nghệ thuật có phòng tư liệu của bộ môn lưu trữ sách chuyên môn âm nhạc, khoá luận tốt nghiệp của SV các khóa trước cho SV có thể mượn đọc tham khảo và nghiên cứu dưới dạng bản cứng [H10.10.05.08].

- Hoạt động của hệ thống Công nghệ thông tin: Nhà trường có hệ thống mạng Internet dùng chung cho toàn trường. Hệ thống này được trang bị rộng khắp khuôn viên Trường, Thư viện và trong Kí túc xá, bao gồm cả mạng không dây (wi-fi) và mạng có dây (cable). Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lí của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Để

đảm bảo hoạt động sử dụng CNTT có mục đích và hiệu quả, việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin, Nhà trường đã xây dựng hệ thống chỉ dẫn, xây dựng và ban hành một số văn bản về quy chế, quy định và quy trình, chẳng hạn như Tài liệu Hướng dẫn khai thác thư viện số [H10.10.03.07-MC4], Thông báo hướng dẫn sử dụng thư viện số cho cán bộ giảng viên [H10.10.03.08-MC1], Thông báo hướng dẫn sử dụng thư viện số cho học viên, học sinh, sinh viên [H10.10.03.08-MC2], Quy trình quản lý tài khoản Internet dành cho sinh viên, Quy chế quản lý hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng của trường đảm bảo có sự hỗ trợ, đáp ứng tất cả nhu cầu sử dụng máy tính, mạng của các đơn vị, giảng viên và người học [H10.10.05.09], Quy chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử Trường ĐHSHPN... Bên cạnh đó, trường có ban biên tập và quản trị viên hệ thống để quảng bá hình ảnh của Trường và cung cấp thông tin cũng như tiếp nhận mọi ý kiến đóng góp và trao đổi nhằm nâng cao chất lượng phục vụ [H10.10.05.10]. Ngày 24/10/2019, Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt đề án “Nâng cao năng lực về cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin trong khuôn khổ chương trình ETEP tại Trường ĐHSHPN” với mục tiêu: Phát triển cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng CNTT. Cơ sở vật chất được chú trọng để hoàn thiện, sửa chữa, nâng cấp một cách kịp thời [H10.10.05.11, H10.10.05.12, H10.10.05.13] hệ thống thông tin phục vụ cho công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên của Trường ĐHSHPN [H10.10.05.14; H10.10.15, H10.10.16].

Hoạt động tư vấn hỗ trợ người học về công tác đào tạo, tư vấn việc làm: Cố vấn học tập của Khoa tổ chức họp lớp định kỳ; nhân viên văn phòng khoa hướng dẫn, giải quyết các vấn đề học vụ cho SV kịp thời/hiệu quả; Các thông tin liên quan quá trình học của SV được cung cấp kịp thời: lịch học/lịch thi/đăng ký học phần được công khai để SV dễ dàng sắp xếp thời gian học theo học chế tín chỉ; Cán bộ nhân viên thân thiện nhiệt tình tư vấn hỗ trợ SV về các vấn đề đào tạo...). Nhà trường cũng định kỳ tổ chức các ngày hội việc làm; có mạng lưới cựu SV tại website: [allumni.hnue.edu.vn](http://allumni.hnue.edu.vn) cung cấp thông tin việc làm...

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều tiến hành lấy ý kiến của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng ngành, khóa đào tạo, trong đó có nội dung về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các

dịch vụ hỗ trợ khác) [H10.10.05.17].

Như vậy, có thể thấy, dựa trên mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, nhà trường thường xuyên thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ.

Trong quá trình dạy học, GV ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật thường xuyên ứng dụng các phần mềm vào giảng dạy trực tuyến cho SV (hệ thống LMS của Trường được truy cập tại hai địa chỉ: (1) phần mềm [cst.hnue.edu.vn](http://cst.hnue.edu.vn) – dành cho đào tạo đại học sinh quy, sau đại học; (2) [cpd.hnue.edu.vn](http://cpd.hnue.edu.vn) – dành cho đào tạo bồi dưỡng thường xuyên; bên cạnh việc học qua LMS, GV còn tổ chức các buổi dạy, thảo luận với người học qua phần mềm dạy học trực tuyến: Zoom, Google Meet, Microsoft team...và các phần mềm có chức năng tương đương...). Các GV cũng triển khai một số đề tài nghiên cứu về việc áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, thực hiện việc theo dõi và kiểm soát thông tin cá nhân và các thông tin liên quan bằng các tài khoản hoặc Bên cạnh đó, trong quá trình giảng dạy, GV có giao cho SV làm các bài tập nghiên cứu, bài tập nhóm và yêu cầu SV sử dụng mạng Internet để tìm kiếm, thu thập thông tin phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu. Tuy nhiên, hệ thống mạng Internet đôi lúc còn chậm gây khó khăn cho việc truy cập. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau [MC các kênh nhận phản hồi]. SV ngành Sư phạm Âm nhạc có thể thực hiện ý kiến phản hồi thông qua website hoặc fanpage của Khoa(<https://www.facebook.com/khoanghethuatdhsphn>) hoặc của trường (<https://www.facebook.com/groups/daotaohnue>) về các hoạt động dạy và học [H10.10.05.09].

Với những nỗ lực không ngừng trong việc cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ như khám sức khỏe, các buổi gặp mặt, tọa đàm dành cho SV, ... [H10.10.05.18, H10.10.05.19], Trường ĐHSPhN nói chung, Ngành Sư phạm Âm nhạc - Khoa Nghệ thuật nói riêng luôn mong muốn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đạt chất lượng cao nhất cho những cán bộ, giảng viên và người học như các hoạt động tập huấn cho sinh viên đăng ký tín chỉ, khám sức khỏe cho sinh viên nhập học, tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu với sinh viên, hướng dẫn, lập các diễn đàn dành cho cựu sinh viên, tập huấn cập nhật kiến thức,... [H10.10.05.20, H10.10.05.21, H10.10.05.22].

## *2. Điểm mạnh*

Chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được chú trọng trên mọi mặt nhằm hỗ trợ

cho quá trình dạy học, đồng thời đáp ứng được những điều kiện của thực tiễn, phù hợp với sự phát triển của kinh tế xã hội và khoa học công nghệ.

### 3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được tiến hành thường xuyên trên cơ sở ý kiến đóng góp của GV và cán bộ hành chính.

### 4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	<i>Khắc phục điểm tồn tại</i>	Xây dựng kế hoạch và triển khai lấy ý kiến phản hồi của GV và cán bộ hành chính về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	Nhà trường và Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024 - 2025
2	<i>Phát huy điểm mạnh</i>	Tiếp tục và định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để kịp thời nâng cấp, cải tiến dịch vụ đáp ứng yêu cầu dạy và học.	Nhà trường (Thư viện, TTCN...) và Khoa Nghệ thuật	Hàng năm

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

#### **Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến**

##### 1. Mô tả

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan luôn được Nhà trường chú trọng. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan giúp Nhà trường đánh giá hiện trạng các hoạt động ĐBCL nội bộ; có cơ sở để nhận xét, đánh giá hiệu quả công tác quản lý và các hoạt động đào tạo để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; đáp ứng yêu cầu của công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cũng như chương trình đào tạo của Bộ GD & ĐT; xây dựng và phát triển văn hoá chất lượng Nhà trường; góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong Trường.

Công tác thu thập phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được thể hiện ở chỗ Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về công tác ĐBCL của Trường ĐHSPHN bao gồm các mục tiêu, nguyên tắc cơ bản, xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong, tự đánh giá chất lượng, công tác giám sát và trách nhiệm thi hành

[H10.10.06.01]. Trong văn bản quy định mạng lưới ĐBCL bên trong của Trường bao gồm Ban Giám hiệu, Ban ĐBCL của Trường, TT ĐBCL, bộ phận ĐBCL của các khoa, phòng/ ban/ trung tâm thuộc Trường ĐHSPHN. Như vậy là Trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Văn bản cũng quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các thành phần trong mạng lưới ĐBCL bên trong. Ban Giám hiệu cụ thể là Hiệu trưởng tổ chức xây dựng chiến lược ĐBCL trình Hội đồng Trường thông qua, lãnh đạo, chỉ đạo và đảm bảo các nguồn lực để hệ thống ĐBCL được xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến thường xuyên...; tổ chức và giám sát các hoạt động đánh giá bên trong; báo cáo Hội đồng Trường về kết quả hoạt động của hệ thống ĐBCL và nhu cầu cải tiến chất lượng. Ban ĐBCL giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động ĐBCL giáo dục của Trường; xây dựng các chính sách về ĐBCL của Trường, vv. TT ĐBCL tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc ban hành chiến lược về ĐBCL của Nhà trường; xây dựng các quy trình, kế hoạch, biểu mẫu về ĐBCL, vv. ; thống kê và báo cáo kết quả công tác ĐBCL, vv. ; chủ trì soạn thảo báo cáo về hoạt động ĐBCL, vv. ; phối hợp với các đơn vị tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan... Bộ phận ĐBCL thuộc phòng/ban/ trung tâm phối hợp với TT ĐBCL triển khai thực hiện tự đánh giá và kiểm định CSGD/CTĐT; xây dựng kế hoạch ĐBCL hằng năm của đơn vị, vv. ; xây dựng cơ sở dữ liệu, quy trình vận hành, cung cấp thông tin, minh chứng có liên quan đến hoạt động ĐBCL thuộc phạm vi phụ trách của đơn vị, vv. Bộ phận ĐBCL thuộc khoa duy trì và cập nhật thông tin liên lạc với các bên liên quan, phối hợp thực hiện việc lấy ý kiến các bên liên quan, vv. ; lập kế hoạch khảo sát, thống kê số liệu và báo cáo kết quả khảo sát cho Nhà trường qua TT ĐBCL.

Về các thành phần trong mạng lưới ĐBCL bên trong của Trường ĐHSPHN, năm 2005, Nhà trường đã thành lập TT ĐBCL và khảo thí [H10.10.06.02]. Đến năm 2018, Trung tâm được đổi tên thành TT ĐBCL [H10.10.06.03]. Theo các quyết định số 1146/QĐĐHSPHN ban hành ngày 19/4/2016 và 3056/QĐ-ĐHSPHN ban hành ngày 12/8/2020, TT ĐBCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường; đồng thời nghiên cứu, tư vấn về tổ chức tự đánh giá định kì, theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD & ĐT, của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia, khu vực. Trung tâm là đầu mối thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan

đến các hoạt động của Nhà trường [H10.10.06.04]. Ngày 23/12 / 2021, Trường đã ra quyết định thành lập mạng lưới ĐBCL giáo dục [H10.10.06.05]. Các thành viên thuộc mạng lưới ĐBCL giáo dục có nhiệm vụ triển khai các hoạt động ĐBCL nội bộ của Nhà trường theo quy định. Cũng trong năm 2021, nhằm hoàn thiện mạng lưới hoạt động ĐBCL bên trong, Trường đã ra quyết định thành lập Ban ĐBCL với nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động ĐBCL giáo dục và khảo thí, và tại các đơn vị chức năng (phòng/ ban/ trung tâm) cũng như các đơn vị đào tạo có bộ phận ĐBCL tại đơn vị để thực hiện các hoạt động ĐBCL của Trường.

Việc thu thập thông tin phản hồi được tiến hành một cách có hệ thống dựa trên các văn bản quy định. Cùng với việc ban hành văn bản quy định về công tác ĐBCL, Trường cũng ban hành quy trình xây dựng chính sách, quy định, công cụ quản lý của Trường ĐHSHPN [H10.10.06.06]. Sơ đồ quy trình bao gồm tuần tự các bước sau:

- Đơn vị đề nghị: Đề nghị xây dựng quy định, quy chế;
  - Đơn vị soạn thảo: Nộp hồ sơ đề nghị xây dựng quy định, quy chế cho phòng HCĐN;
  - Phòng HCĐN: Thẩm định đề nghị xây dựng quy định, quy chế, trình Ban Giám hiệu;
  - Ban Giám hiệu: Xem xét, thông qua đề nghị xây dựng quy định, quy chế;
  - Phòng HCĐN, Đơn vị soạn thảo: Thành lập Ban soạn thảo, Hội đồng thẩm định quy định, quy chế;
  - Ban soạn thảo quy chế: Soạn thảo quy định, quy chế;
  - Các đơn vị được giao quy định chi tiết: Lấy ý kiến dự thảo quy định, quy chế;
  - Hội đồng thẩm định quy chế: Thẩm định dự thảo quy định, quy chế;
  - Đơn vị được giao quy định chi tiết: Chính lí, hoàn thiện
- (Ban soạn thảo: Xin ý kiến các đơn vị liên quan => Hội đồng thẩm định: Thẩm tra => Ban Giám hiệu: Xem xét, cho ý kiến => Ban soạn thảo: Tiếp tục hoàn thiện kỹ thuật văn bản)
- Ban Giám hiệu: Xem xét, thông qua, kí ban hành;
  - Phòng HCĐN: Công bố, ban hành quy định, quy chế..

Như vậy là, Nhà trường đã xây dựng nội dung về khảo sát các bên liên quan trong quy định đảm bảo nội bộ. Trên cơ sở đó, TT ĐBCL ban hành các văn bản hướng

đẫn quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có chỉ rõ công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.07, H10.10.06.08]. Đối sánh văn bản hướng dẫn của năm 2021 với năm 2020, có thể thấy quy trình thực hiện khảo sát đã được điều chỉnh cho phù hợp hơn.

**Bảng 10.6.1. So sánh quy trình thực hiện khảo sát năm 2020 và 2021**

<b>Quy trình khảo sát</b>	<b>Hướng dẫn số 84b (2020)</b>	<b>Hướng dẫn số 578 (2021)</b>
Bước 1	Xây dựng kế hoạch và thiết kế phiếu khảo sát	Xây dựng kế hoạch khảo sát
Bước 2	Báo cáo kế hoạch khảo sát	Thu thập thông tin phản hồi
Bước 3	Thu thập thông tin phản hồi	Hoàn thành khảo sát, xử lý kết quả, thống kê dữ liệu
Bước 4	Hiệu chỉnh, nhập, xử lý dữ liệu và tổng hợp kết quả	Viết báo cáo tổng hợp
Bước 5	Viết báo cáo tổng hợp	Công bố báo cáo tổng hợp
Bước 6	Công bố báo cáo tổng hợp	Cải tiến và thực hiện cải tiến
Bước 7	Lưu trữ (dữ liệu, minh chứng, báo cáo)	Lưu trữ (dữ liệu, minh chứng, báo cáo)

Từ bảng thống kê trên, có thể thấy, cả hai văn bản hướng dẫn có số lượng các bước thực hiện giống nhau, nhưng công việc thực hiện không hoàn toàn giống nhau. Quy trình năm 2021 hợp lý và khoa học hơn, đồng thời có thêm bước cải tiến và thực hiện cải tiến, tức là các đơn vị họp thảo luận về kết quả đánh giá, xác định các tiêu chí cần điều chỉnh, cải tiến và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, các biện pháp, giải pháp, chính sách cần cải tiến.

TT ĐBCL phối hợp cùng với các khoa đào tạo thực hiện các nhiệm vụ khảo sát hàng năm thông qua công cụ là các phiếu khảo sát được xây dựng chủ yếu dưới dạng câu hỏi lựa chọn theo mức độ hài lòng hoặc mức độ đồng ý của người được hỏi. Phiếu khảo sát do đơn vị chuyên trách thực hiện khảo sát thiết kế, có thể được điều chỉnh, bổ sung sau mỗi học kỳ, năm học và được phê duyệt thông qua trước khi đưa vào lấy ý kiến [H10.10.06.09].

Đối tượng lấy ý kiến phản hồi bao gồm các bên liên quan trong Trường (người

học các hệ đào tạo, cán bộ viên chức, người lao động), các bên liên quan ngoài Trường (cựu người học; nhà tuyển dụng, chuyên gia, nhà khoa học). Kế hoạch khảo sát các bên liên quan được tổ chức thường xuyên hoặc định kỳ phụ thuộc vào nội dung được lấy ý kiến: lấy ý kiến phản hồi của SV về công tác giảng dạy của GV tiến hành 2 lần/năm sau khi thi kết thúc học kì I, II,III [H10.10.06.10]; khảo sát SV vừa tốt nghiệp về chất lượng ngành/ khóa đào tạo tiến hành 1 lần/năm vào tháng 6 - tháng 7 hàng năm [H10.10.06.11]; khảo sát cựu SV về tình hình việc làm sau tốt nghiệp tiến hành 1 lần/năm vào tháng 11- tháng 12 hàng năm [H10.10.06.12]; lấy ý kiến GV, cựu SV, nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo 2 năm/ lần [H10.10.06.13]. Ngoài ra, Trung tâm còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, học viên và SV đối với cán bộ, viên chức hành chính [H10.10.06.14]; lấy ý kiến của người học đối với dịch vụ giáo dục công [H10.10.06.15.]. Ngoài ra, tùy vào điều kiện cụ thể, các khoa, các đơn vị được giao trách nhiệm chủ trì áp dụng phương pháp thu thập điều tra xã hội học như: điều tra trên giấy (bằng giấy hoặc trực tuyến) hoặc phỏng vấn trực tiếp hoặc qua phần mềm lấy ý kiến. Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học. Phương pháp thu thập đa dạng, các công cụ thực hiện có độ tin cậy. Các thông tin, dữ liệu đã thu thập được tổng hợp, kiểm tra, xử lý, phân tích và lưu trữ bằng phần mềm excel hoặc phần mềm thống kê chuyên dụng SPSS. Báo cáo kết quả khảo sát là căn cứ để đơn vị thực hiện đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, các biện pháp, giải pháp, chính sách cần cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H10.10.06.16].

Hệ thống phiếu khảo sát cũng đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác hơn [H10.10.06.17]. Trước năm 2019, mẫu phiếu lấy ý kiến của người học về công tác giảng dạy có 30 câu hỏi với 4 mức đánh giá: không đồng ý, phân vân, đồng ý và hoàn toàn đồng ý; từ năm 2019 đã được thay thế bằng mẫu phiếu mới là mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với GV với 17 câu hỏi ở 5 mức độ đánh giá: cần cải thiện, đạt, khá, tốt và xuất sắc sau khi gửi lấy ý kiến của các bên liên quan [H10.10.06.18]. Bộ câu hỏi khảo sát SV vừa tốt nghiệp cũng đã được bổ sung, điều chỉnh và chuẩn hoá lại vào năm 2021, trên cơ sở tham khảo nhiều bộ phiếu khảo sát của nhiều trường đại học trong nước cũng như ngoài nước và ý kiến đóng góp của GV, cán bộ quản lý các khoa, phòng đào tạo, vv. Nhóm câu hỏi về chất lượng và hiệu quả đào tạo khóa học/ ngành học trong bộ phiếu năm 2021 gồm 74 câu hỏi (nhiều hơn 34 câu so với bộ phiếu các năm trước đó) và câu hỏi tập trung vào các nội dung



như CTĐT; công tác tổ chức thực hiện hoạt động dạy - học, phương pháp giảng dạy, kiểm tra - đánh giá; hoạt động hỗ trợ học tập; sự hài lòng của người học. Trong năm học 2021 - 2022, TT ĐBCL đã xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan và triển khai thực hiện các hoạt động cải tiến trong kế hoạch nhằm cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.19, H10.10.06.20]. Nội dung công việc cụ thể cần cải tiến và kết quả thực hiện cải tiến hoạt động khảo sát các bên liên quan chi tiết như sau: 1) Tìm kiếm công cụ thực hiện khảo sát đáp ứng tình hình thực tế do dịch bệnh COVID-19 và kết quả đã hoàn thành với sản phẩm là bảng hỏi và link khảo sát; 2) Liên hệ các đơn vị và tổ chức cung cấp phần mềm khảo sát trao đổi và hợp tác, kết quả thực hiện đã hoàn thành với sản phẩm gồm phần mềm Lime survey – Đại học Ngoại thương, hội nghị xây dựng hệ thống thông tin tổng của Trường ĐHSPHN, giới thiệu hệ thống Đại học điện tử - Đại học Công nghiệp Hà Nội; 3) Tổ chức tập huấn thực hiện khảo sát qua các công cụ trực tuyến miễn phí (google form) đã hoàn thành với sản phẩm là tập huấn qua phần mềm zoom về việc tạo đường link khảo sát lấy ý kiến người học đối với GV trên Google Form cho QLSV/ giáo vụ các khoa đào tạo; 4) Điều chỉnh các phiếu khảo sát (hệ thống hoá quy trình, mã hoá bảng hỏi, rà soát, bổ sung các nội dung phù hợp đối với từng mẫu phiếu đã hoàn thành với sản phẩm là hướng dẫn quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan số 578/HD-ĐHSPHN ngày 10/12/2021; 5) Xây dựng kế hoạch cụ thể và phương án triển khai năm học 2021-2022 đã hoàn thành với sản phẩm là báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng công tác năm học 2021-2022...; 6) Xây dựng nội dung về khảo sát các bên liên quan trong quy định đảm bảo chất lượng nội bộ đã hoàn thành với sản phẩm là quyết định về việc ban hành quy định đảm bảo chất lượng của Trường ĐHSPHN, số 5376b ngày 30/11/2021 [H10.10.06.01].

Năm học 2023 - 2024, công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các khảo sát thường xuyên và khảo sát định kỳ bước đầu được thực hiện thông qua phân hệ khảo sát E-survey trong phần mềm quản lý tổng thể PSC tại địa chỉ: <http://esurvey.hnue.edu.vn/Systems/Security/Login.aspx> [MC ảnh giao diện phần mềm H10.10.06.21]. Trong học kỳ 1, năm học 2023 - 2024, TT ĐBCL đã triển khai khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy các học phần chung được thực hiện khảo sát thí điểm qua phần mềm E – survey (đối với SV K73) [ CV số 468 ngày 21/11/2023, H10.10.06.22]. Sang học kỳ 2, TT đã triển khai khảo sát hoàn toàn trên phần mềm E-survey đối với khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy và khảo sát chất lượng

ngành/khoá đào tạo [CV số 101, ngày 26/03/2024; H10.10.06.23]. Cũng trong học kỳ 1 năm học 2023-2024, TTĐBCL đã tiến hành khảo sát, đánh giá chất lượng giảng dạy và đã thu được những kết quả sát thực về các giảng viên của Khoa Nghệ thuật thông qua nhận xét phản hồi của người học [H10.10.06.24].

Trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan, từ năm 2020, 2022, 2023, khi triển khai xây dựng CTĐT mới, Trường và Khoa Nghệ thuật đã có các điều chỉnh kịp thời CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc, điều chỉnh hoạt động dạy - học, cụ thể như sau: tăng cường thời lượng cho khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm là 35 tín chỉ (tăng 1 tín chỉ so với CTĐT năm 2015), xây dựng các học phần mới đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng như nhu cầu của xã hội như: Triển khai chương trình giáo dục phổ thông, Xây dựng kế hoạch dạy học môn Âm nhạc, Tổ chức dạy học môn Âm nhạc, Thực hành dạy học âm nhạc ở trường Sư phạm, Guitar, Hòa tấu, Phối ca khúc trên máy tính, Dàn dựng và biểu diễn hợp xướng vv... Các học phần tự chọn đã được tăng cường hơn trong CTĐT năm 2020 và 2022 nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, mong muốn của SV và cựu người học.

## 2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống, được đánh giá thường xuyên và cải tiến phù hợp với tình hình thực tế.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT gặp khó khăn và chưa đa dạng hình thức lấy ý kiến.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thời gian, cách thức, phương pháp lấy ý kiến lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng cần linh hoạt hơn	TTĐBCL, Ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật	Từ năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan cần tiếp tục được cải tiến	TTĐBCL, Ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật, P. Đào tạo	Từ năm học 2024-2025

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 10***

Có thể thấy, các kênh phản hồi được Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sử dụng đa dạng: phiếu khảo sát, hội nghị, đối thoại, email, ý kiến chuyên gia. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở góp phần giúp Trường, Ngành Sư phạm Âm nhạc và các bộ môn rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTĐT của ngành cũng như chất lượng CTDH. Ngành Sư phạm Âm nhạc đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Các GV của Ngành tiếp tục phát huy những ưu điểm về NCKH, đặc biệt là tham gia, chủ trì nhiều đề tài cấp Trường, cấp Bộ cũng như công bố các kết quả NCKH trên các tạp chí khoa học có uy tín, hỗ trợ Bộ GD&ĐT trong việc biên soạn SGK Âm nhạc, sách hướng dẫn cho chương trình giáo dục Âm nhạc phổ thông mới. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Việc đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy và học được Trường, Ngành Sư phạm Âm nhạc và Khoa rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc. Các qui định về nhân sự trong việc hỗ trợ công tác rà soát, kiểm tra quá trình dạy - học được qui định rõ ràng (Thanh tra Giáo dục, Phó Khoa phụ trách đào tạo, trợ lý giảng dạy, cố vấn học tập). Các kết quả học tập của SV được công bố công khai, minh bạch. Các đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy và học được Trường, Ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa và các bộ môn sử dụng để rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác đánh giá, cải tiến CTĐT, CTDH và các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Tuy nhiên, Ngành Sư phạm Âm nhạc - Khoa Nghệ thuật chưa tổ chức được các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập (các trường phổ thông, các cơ sở đào tạo Sư phạm Âm nhạc) để đánh giá nhu cầu thực tế của CTĐT theo CĐR; cần chủ động hơn trong việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có cả các nhà tuyển dụng, chuyên gia, biệt các chuyên gia đang giảng dạy trong Ngành Sư phạm Âm nhạc ở các nước tiên tiến và các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích cho quá trình dạy - học; việc tổ chức dự giờ vẫn bó hẹp trong phạm vi của từng bộ môn chưa có sự mở rộng, liên kết giữa các bộ môn trong Ngành; việc đăng bài báo về giáo dục Âm nhạc trên các tạp chí quốc tế của các GV ngành Sư phạm Âm nhạc còn hạn chế. Khoa cần tổ chức nhiều hơn nữa những seminar tập huấn cho GV các phương pháp dạy học tích cực; các GV đăng kí thực tập, kiến tập phương pháp dạy học mới; tổ chức họp rút kinh nghiệm và lấy ý kiến phản hồi của SV; lấy ý kiến khảo sát của các nhà tuyển dụng về CTĐT thường xuyên hơn.

## Đánh giá tiêu chuẩn 10

Tiêu chuẩn 10	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 10.1					5		
Tiêu chí 10.2					5		
Tiêu chí 10.3					5		
Tiêu chí 10.4					5		
Tiêu chí 10.5					5		
Tiêu chí 10.6					5		
Điểm tiêu chuẩn	5.0						

## Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

### *Mở đầu*

Kết quả đầu ra là tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá chất lượng của CTĐT. Nhà trường có các công cụ để giám sát kết quả đầu ra thông qua việc theo dõi, đánh giá tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp chuyên ngành được đào tạo. Căn cứ trên kết quả giám sát hàng năm, Nhà trường phối hợp cùng Khoa đưa ra các biện pháp để hỗ trợ người học và cải tiến chất lượng CTĐT.

Trong CTĐT, NCKH được xem là hoạt động song hành với hoạt động học tập của SV, tham gia NCKH giúp SV nâng cao năng lực thực hành, củng cố và vận dụng sáng tạo kiến thức lý thuyết. Nhận thức được vai trò của hoạt động này, Nhà trường và Khoa luôn có các chính sách động viên, khuyến khích SV tham gia vào hoạt động NCKH theo các cấp độ và loại hình khác nhau với mục đích nâng cao kết quả đầu ra.

Bên cạnh việc giám sát của Nhà trường thì kết quả đầu ra được đánh giá khách quan thông qua mức độ hài lòng của các bên liên quan gồm GV, SV và nhà tuyển dụng. Sự phản hồi của các bên liên quan đối với chất lượng SV tốt nghiệp là căn cứ để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động tốt nghiệp chuyên ngành cử nhân Sư phạm Âm nhạc của xã hội.

### *Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng*

#### *1. Mô tả*

Để có thể xác lập và giám sát được tỉ lệ SV thôi học và SV tốt nghiệp, nhà

trường giao nhiệm vụ cho Phòng đào tạo là bộ phận chuyên trách quản lý theo dõi quá trình học tập, tốt nghiệp, thôi học của SV toàn trường, cùng với đó là sự hỗ trợ của Giáo vụ Khoa và Cán bộ quản lý SV [H11.11.01.01; H11.11.01.02].

Giai đoạn 2019- 2023 Trường ĐHSPTHN sử dụng phần mềm Unisoft 6.0 (công đăng kí tín chỉ cho SV tại: daotao.hnue.edu.vn) từ học kì 2 năm học 2023- 2024 nhà trường sử dụng phần mềm quản lý tổng thể PSC để quản lý quá trình học tập của SV, theo dõi và cập nhật danh sách SV khi có sự biến động như: SV tốt nghiệp, SV thôi học hay bảo lưu, lịch học, lịch thi, SV đăng kí tín chỉ (công đăng kí tín chỉ trên phần mềm tại địa chỉ: tinchi.hnue.edu.vn),... [H11.11.01.03]. Bên cạnh công cụ này, các quy định chung về đào tạo cũng như quy trình xét tốt nghiệp hay thôi học đã được quy định rõ trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPTHN [H11.11.01.04].

Ngoài ra, để tăng cường cho công tác quản lí và tư vấn học tập cho SV, từ năm 2019, Nhà trường đã ban hành quyết định phân công và giao nhiệm vụ cho cán bộ làm công tác CVHT. Theo đó, chức năng và nhiệm vụ của CVHT được quy định rõ ràng, thầy cô là CVHT có trách nhiệm theo dõi quá trình học tập của SV từ khi vào Trường đến khi tốt nghiệp, qua đó có các biện pháp tư vấn, hỗ trợ kịp thời giúp SV xây dựng kế hoạch học tập hợp lí, hạn chế tình trạng thôi học và chậm tốt nghiệp [H11.11.01.05].

Về việc thôi học của SV, CVHT chủ động nắm bắt thông tin từ SV, tìm hiểu cụ thể nguyên nhân khiến SV có nguyện vọng dừng học. Dựa trên thông tin thu thập được, CVHT sẽ phối hợp cùng ban cán sự lớp, Ban chủ nhiệm Khoa để đưa ra các tư vấn phù hợp nhằm hỗ trợ, động viên và khuyến khích SV tiếp tục học tập [H11.11.01.06]. Trong trường hợp SV muốn bảo lưu kết quả học tập hay thôi học, căn cứ trên quy trình đã quy định trong quy chế đào tạo, Khoa sẽ tiếp nhận và chuyển đơn của người học lên trường, căn cứ vào đó Nhà trường sẽ ra các quyết định bảo lưu, thôi học cho từng SV [H11.11.01.07]. Dựa trên các quyết định này, các CVHT, cán bộ quản lí SV theo dõi được biến động số lượng SV từng lớp/khóa, thống kê được tỉ lệ thôi học của SV (Bảng 11.1.1) [H11.11.01.08].

***Bảng 11.1.1. Tình hình sinh viên thôi học CTĐT ngành cử nhân giai đoạn 2019 – 2024***

TT	Năm học	Tổng số SV toàn khoa (1)	Số SV thôi học toàn khóa		Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			Số lượng (2)	Tỉ lệ (%) (3)	Số lượng (4)	Tỉ lệ (%) (5)	Số lượng (6)	Tỉ lệ (%) (6)	Số lượng (7)	Tỉ lệ (%) (7)	Số lượng (8)	Tỉ lệ (%) (8)
			2019 – 2020	126	0	0	0	0	0	0	0	0
2020 – 2021	140	2	1,4	0	0	0,7	0	0,7	0	0	0	0
2021 - 2022	147	10	6,8	0	0	4	2,7	4	2,7	2	1,36	
2022- 2023	199	8	4	1	0,5	4	2	3	1,5	0	0	
Kì 1 2023- 2024	243	7	2,88	0	0	2	0,8	1	0,4	4	1,64	
<b>Trung bình</b>	<b>171</b>	<b>5,4</b>	<b>3</b>	<b>0,2</b>	<b>0,1</b>	<b>2,14</b>	<b>1,1</b>	<b>1,74</b>	<b>0,92</b>	<b>1,2</b>	<b>0,6</b>	

Số liệu thống kê cho thấy, tỉ lệ SV thôi học của ngành cử nhân Sư phạm Âm nhạc trong giai đoạn 2019 -2024 là tương đối thấp (trung bình 3 %/năm). Trong đó, tỉ lệ SV thôi học tập trung từ năm hai đến năm thứ ba, giai đoạn 2021 – 2023 tỉ lệ SV thôi học tăng lên với nguyên nhân chính là do tâm lí ngành nghề của SV chưa ổn định, SV lo lắng về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, do áp lực về định hướng nghề nghiệp của gia đình, do kết quả học tập không đạt được như mong muốn (nợ quá nhiều tín chỉ, kết quả các học phần thấp,...). Các trường hợp thôi học ở năm 2,3 thường do SV bảo lưu kết quả sau khi học xong năm thứ nhất để thi lại đại học sau đó chuyển trường.

Về tỉ lệ tốt nghiệp của SV, khi SV hoàn thành CTĐT, đủ điều kiện tốt nghiệp, SV đăng kí và viết đơn xin xét tốt nghiệp, Khoa sẽ thành lập hội đồng học và xét tốt nghiệp, gửi kết quả lên Nhà trường [H11.11.01.09]. Dựa trên kết quả xét tại Khoa, Nhà trường sẽ thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và ra quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp kèm theo danh sách SV tốt nghiệp [H11.11.01.10]. Quyết định này được công bố công khai và gửi về Khoa để lưu trữ. Hàng năm, Nhà trường tiến hành

xét tốt nghiệp theo 2 đợt, đợt 1 được tiến hành vào tháng 5 dành cho các SV đủ điều kiện tốt nghiệp sau 4 năm học tập và đợt 2 được thực hiện vào khoảng tháng 7 đến tháng 9, dành cho các SV tốt nghiệp sau hơn 4 năm khi tích lũy đủ TC của CTĐT. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức thêm 1 đợt xét tốt nghiệp vào tháng 2 (học kì 1 của năm học), dành cho các SV hoàn thành CTĐT trước hạn và các SV chưa đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 và đợt 2 năm trước đó. Dựa trên quyết định này, Khoa tiến hành lập danh sách và theo dõi tỉ lệ SV tốt nghiệp của từng khóa học (Bảng 11.1.2).

**Bảng 11.1.2 Tỉ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình CTĐT ngành sư phạm Âm nhạc giai đoạn 2019 – 2024**

TT	Năm nhập học	Tổng số SV nhập học (1)	Tổng số SV thôi học (2)	Tổng số SV tốt nghiệp		SVTN đúng hạn		SVTN năm 5		SVTN năm 6		Thời gian TN trung bình (7)
				Số lượng (3a)	Tỷ lệ (3b)	Số lượng (4a)	Tỷ lệ (4b)	Số lượng (5a)	Tỷ lệ (5b)	Số lượng (6a)	Tỷ lệ (6b)	
1	2015	26	11	15	57,7	7	26,9	5	19,2	3	11,5	4,7
2	2016	37	8	29	78,4	14	37,8	7	8,9	8	21,6	4,8
3	2017	26	0	26	100	22	84,6	2	7,7	2	7,7	4,2
4	2018	15	1	14	93,3	13	86,7	1	6,7	0	0	4,1
5	2019	33	5	11	33,3	11	33,3	-	-	-	-	-
<b>Tổng/trung bình</b>		137	25	95	72,5	67	53,9	15	10,5	13	10,2	4,5

Khoa Nghệ thuật đã tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp đối với một số ngành đào tạo cử nhân sư phạm, kết quả đối sánh được tổng hợp trong bảng 11.1.3.

**Bảng 11.1.3. Bảng đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành ngành cử nhân Sư phạm Âm nhạc với các CTĐT trong giai đoạn 2019 – 2024**

Năm học	Tỉ lệ % SV tốt nghiệp		
	CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc	CTĐT ngành Sư phạm Sinh học	CTĐT ngành Giáo dục thể chất
<b>2018-2019</b>	57,7	80	100
<b>2019-2020</b>	78,4	81,2	87,3
<b>2020-2021</b>	100	87,8	56,3

<b>2021-2022</b>	93,3	84.8	90,3
<b>2022-2023</b>	33,3	84.6	63,2

Căn cứ vào kết quả đối sánh cũng như việc trao đổi, thảo luận tìm hiểu nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của SV tại các cuộc họp, Khoa thảo luận và đề xuất các giải pháp để giảm tỉ lệ SV thôi học, tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp của ngành Sư phạm Âm nhạc. Phân tích cho thấy, bản khoản về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, dao động trong việc chọn trường, chọn nghề là những nguyên nhân chính dẫn đến việc thôi học của SV. Để giảm tỉ lệ thôi học của SV ngành Sư phạm Âm nhạc, BCN Khoa đưa ra các giải pháp như: Tăng cường vai trò của CVHT trong việc tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của SV, giúp các em ổn định tinh thần và yên tâm học tập; Liên chi đoàn cần tổ chức thêm các buổi ngoại khóa, tọa đàm về phương pháp học tập, cơ hội nghề nghiệp hay kỹ năng sống để tân SV có thể hòa đồng và nhận thêm sự giúp đỡ của các SV khóa trên. Cuộc họp cũng chỉ ra những lí do khiến SV chậm tốt nghiệp như việc lập gia đình sớm; kết quả học tập thấp nên có nhu cầu học lại để cải thiện ; học song song hai văn bằng; đăng kí tín chỉ không đúng thời gian quy định; đăng kí số tín chỉ nhiều quá khả năng, năng lực học tập; ý thức học tập chưa cao,... Một số giải pháp đã được Khoa đưa ra nhằm tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp như: CVHT tư vấn, hỗ trợ SV hiểu rõ CTĐT, lựa chọn đăng kí các môn học, tín chỉ theo quy định và phù hợp với năng lực của bản thân; xây dựng các nhóm SV cùng học tập; QLSV sát sao, cảnh báo sớm những trường hợp có nguy cơ thôi học, buộc thôi học để tư vấn về kế hoạch học tập cho SV,... [H11.11.01.11].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có công cụ và hệ thống quản lý, giám sát tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của SV một cách chặt chẽ. Số SV thôi học, tốt nghiệp được cập nhật chính xác. Mặt khác, việc phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các biện pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng hạn, giảm thiểu tỉ lệ SV thôi học cũng đã được triển khai khá hiệu quả thông qua đội ngũ CVHT.

## *3. Điểm tồn tại*

Tỉ lệ SV thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp chuyên ngành đào tạo so với số SV nhập học chưa thật sự cao và có xu hướng sinh viên tốt nghiệp không đúng hạn tăng lên.

## *4. Kế hoạch hành động*



TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Giảm tỉ lệ thôi học thông qua việc thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, ngoại khóa tìm hiểu, hướng dẫn SV các khóa mới về phương pháp học tập ở đại học, phát triển kỹ năng nghề nghiệp	Phòng CTCT-HSSV Khoa Nghệ thuật, LCD Khoa Nghệ thuật.	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường vai trò của CVHT trong hoạt động tư vấn, giám sát kế hoạch học tập của SV. Duy trì và nâng cấp chất lượng của phần mềm quản lý đào tạo.	CVHT Phòng Đào tạo	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

**Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

**1. Mô tả**

Trong quá trình học tập của SV, thông qua phần mềm quản lý đào tạo, Phòng Đào tạo phối hợp cùng Giáo vụ và CVHT của Khoa Nghệ thuật chịu trách nhiệm trong việc theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của người học [H11.11.01.01; H11.11.01.02, H11.11.01.03].

Ngay từ khi SV vào trường, Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch đào tạo trong đó xác lập được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tham gia CTĐT. Theo đó, người học ngành cử nhân Sư phạm Âm nhạc sẽ phải hoàn thành 136 tín chỉ theo chương trình đại học thường là trong 4 năm với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm [H11.11.01.04].

Trên hệ thống quản lý đào tạo Unisoft và PSC, mỗi SV được cấp một mã và mật khẩu để truy cập hệ thống và quản lý, theo dõi kết quả học tập của mình. Trên trang cá nhân này, SV sẽ biết được số tín chỉ mình đã tích lũy, điểm tích lũy được, các môn học đã hoàn thành, từ đó có thể lập kế hoạch học tập và tốt nghiệp cho bản thân [H11.11.01.03]. Ngoài Phòng Đào tạo, Giáo vụ Khoa và các CVHT cũng theo dõi

được kết quả học tập của SV mình quản lí. Việc này sẽ giúp cho Giáo vụ Khoa và các CVHT tư vấn, hỗ trợ người học, đặc biệt là các SV có thành tích học tập chưa cao thường do nợ môn hay hoàn cảnh cá nhân như kết hôn, sinh con. Dựa trên việc tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến nguy cơ chậm tốt nghiệp của người học, các CVHT sẽ tiến hành tư vấn, đưa ra các giải pháp hỗ trợ các bạn SV tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.06].

Bên cạnh đó, Nhà trường phối hợp cùng Khoa đưa ra cảnh báo học tập cho SV khi họ không hoàn thành kế hoạch học tập như chưa tích lũy đủ số tín chỉ; điểm trung bình chung tích lũy thấp. Cảnh báo học tập được thông báo trên trang cá nhân của SV, gửi tới các CVHT, cán bộ quản lí SV, Giáo vụ Khoa, từ đó các bộ phận chuyên trách nắm được thông tin và có giải pháp hỗ trợ người học kịp thời. [H11.11.01.07]

Để hỗ trợ cho các SV thuộc nhóm cảnh báo cải thiện kết quả học tập, hoàn thành CTĐT đúng hạn, Nhà trường đã tổ chức học kì 3 vào khoảng tháng 6 đến tháng 8 hàng năm, ngoài 2 học kì chính. Học kì 3 cũng là cơ hội cho các SV muốn nâng cao kết quả học tập hoặc rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Việc đăng kí các môn học trong học kì 3 được thông báo trên phần mềm quản lí đào tạo cũng như được quy định rõ trong Sổ tay SV từ năm 2019 [H11.11.02.01; H11.11.02.02]. Các môn học được bố trí trong học kì 3 thường là các môn thuộc khối kiến thức chung, chỉ có 1 số ít môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, do quy định về số lượng SV của lớp tín chỉ.

**Bảng 11.2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ngành Sư phạm Âm nhạc trong giai đoạn 2019-2024**

Khóa học	Số SV tốt nghiệp sau thời gian		Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
	4 năm	Trên 4 năm	
2015 - 2019	5	5	4,7
2016 - 2020	14	15	4,8
2017 - 2021	22	4	4,2
2018 - 2022	13	1	4,1
2019 - 2023	11	17	4,6

Thông qua việc theo dõi thời gian nhập học đối chiếu với thời gian tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm Âm nhạc được xác lập trong Bảng 11.1.2 [H11.11.01.08; H11.11.01.10]. Số liệu thu được cho thấy, giai đoạn năm 2019 - 2024, phần lớn SV tốt nghiệp đúng hạn, tỉ lệ SV tốt nghiệp chậm (sau 1 năm)

so với đúng hạn trung bình là 10,5%, dao động từ 6,7 – 19,2% (số liệu tính toán từ bảng 11.1.2). Trong đó, năm 2018 - 2022 số SV chậm tốt nghiệp thấp có nên thời gian tốt nghiệp trung bình thấp, chỉ 4,1/ năm. Trong khi năm 2016 và 2020 thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa lên tới hơn 4,8/ năm. Thời gian tốt nghiệp trung bình tăng ở thời điểm này liên quan tới việc SV cần có chứng chỉ tiếng Anh mới đủ điều kiện xét tốt nghiệp. Việc này khiến nhiều SV dù tích lũy đủ tín chỉ vẫn không thể tốt nghiệp đúng thời gian.

Đôi sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm Âm nhạc với một số ngành đào tạo khác trong Trường cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm Âm nhạc dài hơn thời gian tốt nghiệp trung bình (tính theo năm) của SV các khoa sư phạm (Bảng 11.2.2).

**Bảng 11.2.2. Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình (tính theo năm) của SV ngành Sư phạm Âm nhạc với các CTĐT khác trong giai đoạn 2019 – 2024**

CTĐT	Thời gian tốt nghiệp trung bình vào năm				
	2019	2020	2021	2022	2023
<b>SP Âm nhạc</b>	4,7	4,8	4,2	4,1	4,6
<b>SP Sinh học</b>	4,3	4,1	4,05	4,04	3,9
<b>GD Thể chất</b>	4,12	4,2	4,2	4,1	4,4

Kết quả về tỉ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp được thống kê, phân tích trong các báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa Nghệ thuật hay các cuộc họp thường kì nhằm thảo luận các giải pháp để SV tốt nghiệp đúng hạn hoặc rút ngắn thời gian tốt nghiệp của SV, đặc biệt việc thực tập sư phạm của SV được tiến hành sớm hơn tập trung vào kì 1 của năm cuối cũng giúp SV có thể rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.01.11; H11.11.02.03]. Tuy nhiên, để tốt nghiệp được sớm SV cần hoàn thành đầy đủ số lượng tín chỉ của chương trình cử nhân Sư phạm Âm nhạc theo quy định trong quy chế đào tạo, do nhiều môn học có điều kiện tiên quyết nên việc sắp xếp các môn học thường theo các kì học, môn học sau cần có điều kiện tiên quyết là môn học trước; số lượng các học phần được tổ chức học trong học kì 3 của chuyên ngành còn hạn chế. Do đó, các giải pháp được Khoa đưa ra tập trung vào việc đảm bảo SV tốt nghiệp đúng hạn như: Tư vấn để SV tăng cường và bổ sung số lượng TC cần tích lũy thông qua việc đăng kí học học kì 3; Giám sát chặt chẽ tiến trình học tập của SV đặc

biệt là SV bị cảnh báo học tập; Tạo nhóm trong lớp để hỗ trợ nhau về phương pháp học tập,...[H11.11.01.11; H11.11.02.03].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ kế hoạch học tập của SV, do đó thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Sư phạm Âm nhạc được xác lập và giám sát. Khoa có các giảng viên là CVHT sát sao và luôn sẵn sàng hỗ trợ cho SV trong việc lên kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và hoàn cảnh cá nhân giúp tăng số lượng SV tốt nghiệp đúng hạn từ đó giảm thời gian tốt nghiệp trung bình.

## 3. Điểm tồn tại

Nhiều môn học có điều kiện tiên quyết nên việc sắp xếp các môn học thường theo các kì học, môn học sau cần có điều kiện tiên quyết là môn học trước; số lượng các học phần được tổ chức học trong học kì 3 của chuyên ngành còn hạn chế, còn nhiều SV thiếu chứng chỉ ngoại ngữ để đủ điều kiện tốt nghiệp đúng hạn.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thiết kế CTĐT hợp lí, xem xét giảm bớt điều kiện tiên quyết của một số học phần chuyên ngành; tăng số lượng các môn học chuyên ngành trong học kì 3 để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Thực hiện thêm việc đối sánh về thời gian tốt nghiệp để phục vụ việc cải tiến CTĐT.	Khoa Nghệ thuật; P. Đào tạo	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát kế hoạch học tập của SV thông qua việc liên hệ chặt chẽ giữa CVHT, Giáo vụ Khoa và SV.	P. Đào tạo, Khoa Nghệ thuật	Hàng năm

## 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

### **Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### 1. Mô tả

Để có thể tính được tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, Trường ĐHSPHN đã có đơn vị chuyên trách là trung tâm Đảm bảo chất lượng thực hiện khảo sát và xác lập tỉ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp [H11.11.03.01]. Để xác lập và giám sát tỉ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp, hàng năm trung tâm ĐBCL đều có kế hoạch và kết hợp với các Khoa, phòng ban trong trường thu thập thông tin về tỉ lệ việc làm sau tốt nghiệp của SV toàn trường [H11.11.03.02]. Về phía Khoa, Khoa đã cử một chuyên viên văn phòng chuyên trách việc liên hệ chặt chẽ với SV sau khi ra trường và phối kết hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng của trường để thực hiện thống kê, lưu trữ danh sách người tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, thu nhập bình quân, đơn vị công tác. Thêm vào đó, Khoa cũng thành lập hội Cựu người học để có thể liên hệ chặt chẽ với các SV sau khi ra trường. Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng internet (đăng mẫu phiếu lên website Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng SV tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Căn cứ vào báo cáo tình trạng việc làm trong 05 năm gần đây, Khoa đã có thống kê tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, môi trường làm việc cụ thể như sau [H11.11.03.03; H11.11.03.04; H11.11.03.05].

**Bảng 11.3.1. Thống kê tình hình việc làm của SV tốt nghiệp CTĐT nghiệp CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc giai đoạn 2019 – 2024**

Năm tốt nghiệp	Tỉ lệ SV có việc làm sau 12 tháng						Tiếp tục học tập (7)
	Tỉ lệ SV có việc làm (1)	Tỉ lệ việc làm liên quan đến CTĐT (2)	Nhà nước (3)	Liên doanh (4)	Tư nhân (5)	Tự tạo việc làm (6)	
2019	100	100	5	0	10	0	0
2020	48,3	44,8	2	0	8	4	14
2021	42,4	38,5	2	0	9	1	1
2022	92,9	7,7	7	0	6	1	2
Trung bình	70,9	47,8	6	0	8,3	1,5	4,3

Các số liệu thống kê trong 5 năm trở lại đây cho thấy tỉ lệ SV có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp của Khoa dao động ở mức 42% - 100% SV có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Thêm vào đó, số lượng SV làm việc liên quan đến chuyên ngành đào

tạo chiếm tỉ lệ 100% là tỷ lệ khá cao, mặc dù có xu hướng giảm những năm gần đây. Bên cạnh đó, số SV sau khi tốt nghiệp tiếp tục học nâng cao khá cao ở năm 2020 (Bảng 11.3.2).

**Bảng 11.3.2. Bảng đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành Sư phạm Âm nhạc với các CTĐT khác trong giai đoạn 2019- 2024**

Khóa học	Tỉ lệ % người học TN có việc làm		
	CTĐT đào tạo được đánh giá	CTĐT ngành Sư phạm Sinh học	CTĐT ngành GD Thể chất
2015 -2019	100	88,3	81,8
2016 -2020	48,3	87,8	83,3
2017 -2021	42,4	89,8	77,8
2018 - 2022	92,9	90,6	89,2

Kết quả đối sánh tổng hợp ở bảng 11.3.2 cho thấy, tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành Sư phạm Âm nhạc có việc làm cao hơn ngành Sư phạm Sinh học và ngành Giáo dục thể chất ở các năm trong giai đoạn 2019, 2022. Những năm còn lại do số SV tiếp tục học, SV tốt nghiệp muộn, SV tham gia khảo sát thấp hơn so với số SV tốt nghiệp nên kết quả không cao.

Để tạo cơ hội cho SV năm cuối tìm kiếm việc làm cũng như tăng tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, hàng năm Nhà trường tiến hành tổ chức Ngày hội việc làm với sự tham gia phối hợp của nhiều phòng ban như Phòng Công tác chính trị - học sinh SV, Phòng Hành chính - Đối ngoại, Phòng Đào tạo [H11.11.03.06].

Về phía Khoa, dựa trên kết quả điều tra về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp và đối sánh với các ngành đào tạo khác, Khoa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao tỉ lệ SV có việc làm trong các cuộc họp Khoa với các CVHT và cán bộ quản lí SV [H11.11.03.07]. Kết quả tìm hiểu cho thấy nguyên nhân SV chưa tìm được việc làm thường là: SV có nhu cầu tiếp tục học nâng cao; địa phương không có đợt tuyển dụng giáo viên; không có, không biết thông tin tuyển dụng; người học đã đi dạy hợp đồng nhưng lương thấp nên nghỉ để tìm kiếm công việc khác,... [H11.11.03.03]. Dựa trên các nguyên nhân này, Khoa đã đưa ra và thực hiện một số giải pháp như: Xin ý kiến các trường phổ thông về chất lượng nhân lực được đào tạo từ Khoa để từ đó nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.03.08]; Giới thiệu đến người học các đơn vị đang có nhu cầu tuyển dụng

thông qua các kênh thông tin trực tuyến như Fanpage của Khoa, kênh thông tin của Liên chi đoàn, hay trực tiếp qua điện thoại và kênh của cựu SV. Bên cạnh đó, các CVHT và cán bộ quản lí SV được yêu cầu giữ liên lạc thường xuyên với SV tốt nghiệp nhằm tìm hiểu về tình trạng việc làm, vị trí việc làm cũng như nguyên nhân của chưa có việc làm của SV sau tốt nghiệp để có thể hỗ trợ cho người học một cách kịp thời.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp cùng Khoa liên hệ thường xuyên với người tốt nghiệp, hoạt động điều tra tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện hàng năm, với số lượng SV phản hồi đông đảo. Thông tin giới thiệu việc làm được cập nhật thường xuyên trên các nhóm zalo, facebook cựu người học, gọi điện thoại trực tiếp,....

## 3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SV có việc làm còn chưa ổn định, vẫn còn một tỉ lệ nhất định SV làm việc không liên quan đến ngành được đào tạo.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hoạt động tư vấn tìm kiếm việc làm, tập huấn các kỹ năng mềm cho SV năm cuối trong hoạt động phỏng vấn, viết đơn xin việc; đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động Ngày hội việc làm. Phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ quản lí SV và CVHT trong việc khảo sát tình hình việc làm của SV.	Phòng CTCT-HSSV CVHT	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động liên kết các nhà tuyển dụng (các trường phổ thông, viện nghiên cứu, vv. ) để đưa thông tin tuyển dụng đến SV nhanh và hiệu quả hơn. Duy trì việc kết nối với SV sau tốt nghiệp.	Khoa Nghệ thuật TT ĐBCL; P. CTCT-HSSV	Hàng năm

## 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

**Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

**1. Mô tả**

Phòng Khoa học và Công nghệ là đơn vị được giao nhiệm vụ lập kế hoạch và triển khai hoạt động SV NCKH [H11.11.04.01]. Dựa trên kế hoạch được phê duyệt, trợ lý khoa học, Đoàn Thanh niên xây dựng kế hoạch, triển khai thông báo đến các chi Đoàn để SV đăng kí các loại hình nghiên cứu khoa học theo cá nhân, nhóm. Trợ lý khoa học gửi danh sách các đề tài nghiên cứu phù hợp với các tổ bộ môn, từ đó các Bộ môn phân công giảng viên hướng dẫn, hỗ trợ SV trong quá trình nghiên cứu. [H11.11.04.02]. Trong quá trình thực hiện các giảng viên luôn chú ý đến chất lượng, thời gian thực đề tài theo đúng tiến độ [H11.11.04.03].

Thống kê ở Bảng 11.4.1 cho thấy, SV ngành CN Sư phạm Âm nhạc chủ yếu tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, hoạt động biểu diễn nghệ thuật cấp khoa, trường,...

**Bảng 11.4.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của SV CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc giai đoạn 2019 – 2024**

TT	Nội dung	SV tham gia				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Loại hoạt động NCKH và số SV tham gia					
	<i>1.1. Đề tài NCKH SV</i>	44	16	5	0	7
	<i>1.2. Biểu diễn nghệ thuật</i>	0	0	0	18	20
	<i>1.3. Khác</i>	0	0	0	0	0
2	Tổng số SV tham gia các loại hình	44	16	5	18	27
3	Tỷ lệ % SV tham gia NCKH/tổng số SV	34,9	11,4	3,4	9,0	11,1
4	Kinh phí hoạt động TB/năm	4,8	4,8	4,8	4,8	4,8

Hội nghị NCKH cấp Khoa Hội nghị SV NCKH được tổ chức thường niên nhằm tổng kết hiệu quả của hoạt động NCKH đồng thời tuyển chọn các đề tài tham gia Hội nghị cấp trường Khi tham gia Hội nghị, SV đồng thời được rèn luyện khả năng báo cáo và viết bài báo khoa học. Các báo cáo khoa học này được in trong Kỉ yếu của Hội nghị, đây cũng là động lực thúc đẩy các SV tìm tòi, nghiên cứu để hướng đến việc công bố kết quả nghiên cứu của mình [H11.11.04.04; H11.11.04.05]. Ngoài ra do khoa



đào tạo các ngành đặc thù về năng khiếu nên còn tổ chức hoạt động chuyên môn Biểu diễn nghệ thuật nhằm rèn luyện kỹ năng về thanh nhạc, nhạc cụ, kỹ năng biểu diễn, kỹ năng dàn dựng chương trình. Kinh phí dành cho hoạt động NCKH của SV được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H11.11.04.06; H11.11.04.07].

Trong 5 năm gần đây tỉ lệ SV ngành Sư phạm Âm nhạc tham gia vào hoạt động NCKH ở cấp Khoa dao động từ 3,4 % đến 34,9% (Bảng 11.4.1). Qua kết quả thống kê cho thấy tỉ lệ SV đạt giải thưởng cấp Khoa đã đánh giá đúng chất lượng trên số lượng đề tài, chương trình, tiết mục biểu diễn [H11.11.04.02; H11.11.04.04].

**Bảng 11.4.3. Thống kê tỉ lệ (%) SV ngành CNSP Âm nhạc tham gia NCKH và nhận giải thưởng NCKH các cấp giai đoạn 2019 – 2024**

Năm học	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tổng SV ngành SPAN	126	140	147	199	243
Tỉ lệ % SV tham gia NCKH cấp Khoa	35	11,4	3,4	10	13,98
Tỉ lệ % SV được giải cấp Khoa	3,9	3,5	2,0	9	4,9
Tỉ lệ % SV tham gia NCKH cấp Trường	0,8	1,4	0,7	0	0,8
Tỉ lệ % SV được giải thưởng cấp Trường	0,8	1,4	0,7	0	Chưa tổ chức

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của SV được nâng cao cả về chất lượng và số lượng, trong tầm nhìn đến năm 2030 của Trường ĐHSPHN [H11.11.04.08], Khoa Nghệ thuật phát triển nguồn học liệu số, cùng việc mở rộng cơ chế tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học như tăng kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học của SV từ nguồn kinh phí thường xuyên của Khoa.

## 2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm giáo viên hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Đặc biệt ngoài các đề tài NCKH SV còn tham gia hoạt động chuyên môn biểu diễn nghệ thuật (chương trình Thấp sáng đam mê).

### 3. Điểm tồn tại

Số lượng SV tham gia các đề tài NCKH còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đoàn Thanh niên kết hợp với Trợ lý NCKH của Khoa tổ chức các buổi tọa đàm nhằm nâng cao nhận thức của SV về vai trò NCKH trong quá trình học tập và dạy học sau này.	Khoa Nghệ thuật	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động khuyến khích SV tham gia NCKH như các Hội nghị, giải thưởng,... Triển khai sớm các kế hoạch thành lập các nhóm nghiên cứu trẻ ở Khoa để huy động được kinh phí và nhân lực cho hoạt động NCKH.	Phòng KHCN Khoa nghệ thuật GV	Hàng năm

### 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

#### **Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

##### 1. Mô tả

TT ĐBCL được Trường ĐHSPHN cho thành lập theo quyết định số 4573/QĐ-ĐHSPHN. Trung tâm có nhiệm vụ khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, cựu người học, nhà tuyển dụng [H11.11.03.01]. Đồng thời, Trung tâm Đảm bảo chất lượng cũng được giao chủ trì và làm nòng cốt trong việc xây dựng các công cụ và tổ chức thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong Nhà trường. Theo đó, Trung tâm đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.01]. Hàng năm, bằng cách sử dụng các công cụ khảo sát là phỏng vấn, bảng hỏi và phiếu khảo sát (online/offline), thông qua phần mềm khảo sát, Trung tâm đã thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi về 5 vấn đề bao gồm: Ý kiến phản hồi của

người học đối với hoạt động giảng dạy; ý kiến SV về cán bộ hành chính tại Khoa đào tạo; ý kiến của SV về chất lượng Khóa/ngành đào tạo; khảo sát tình hình việc làm của cựu SV; phản hồi của người học đối với dịch vụ giáo dục của Nhà trường. Các ý kiến sau khi thu thập sẽ được Trung tâm Đảm bảo chất lượng xử lý, phân tích kết quả, báo cáo tổng hợp và cuối cùng là phổ biến đến các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng [H11.11.05.02; H11.11.05.03; H11.11.05.04; H11.11.05.05].

Nhằm nâng cao hiệu quả của việc cải tiến chất lượng CTĐT, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động, cũng như đánh giá chính xác mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT, năm 2020, thực hiện nhiệm vụ do BGH Trường ĐHSPHN giao, TT ĐBCL đã triển khai khảo sát GV, cựu SV và Nhà tuyển dụng về chất lượng CTĐT cũng như chất lượng của người lao động là SV tốt nghiệp từ Nhà trường [H11.11.05.06]. Cuộc khảo sát được tiến hành trên 705 SV tốt nghiệp các năm 2022; 441 GV khối ngành đặc thù và 303 Nhà tuyển dụng lao động. Trong đó, Khoa Nghệ thuật có 31 SV, 13 GV và 09 nhà tuyển dụng lao động tham gia khảo sát. Cụ thể, kết quả phản hồi của SV tốt nghiệp về CTĐT với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực đặc thù cho thấy, SV có phản hồi tích cực nhất về mục tiêu và CDR của CTĐT với tỷ lệ 81%; về mức độ đạt được của phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá với tỷ lệ 84% trong đó được đánh giá cao nhất là nội dung “Nhìn chung phương pháp giảng dạy của GV đã tích cực hoá người học và GV đã thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực”. Tuy nhiên, CTĐT cũng cần chú ý về PPGD do SVTN chưa hoàn toàn đồng ý với nội dung PPGD đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra CTĐT. Kết quả tự đánh giá của SV tốt nghiệp về các năng lực cơ bản cho thấy SV yếu nhất ở năng lực ngoại ngữ và tư duy sáng tạo; năng lực mạnh nhất là làm việc độc lập và tự học.

Song song với việc lấy ý kiến của SV, Trung tâm cũng tiến hành khảo sát phản hồi của GV về CTĐT, kỹ năng và năng lực đạt được của SV sau 4 năm học. Khảo sát cho thấy, GV Khoa Nghệ thuật đánh giá chưa cao về năng lực đạt được của SV sau khi tốt nghiệp và mức độ các kỹ năng đạt được. Về phía Nhà tuyển dụng, kết quả phản hồi cho thấy, SV tốt nghiệp được đánh giá mạnh nhất ở các vấn đề như: Kiến thức ngành/chuyên ngành; kỹ năng nghiệp vụ, năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc, khả năng người lao động giải quyết công việc tốt, năng lực tự học, tự nghiên cứu,... Trong khi cần cải thiện một số kỹ năng như: năng lực sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Tin học; kỹ năng khai thác, phân loại xử lý dữ liệu/thông tin.

Ngoài việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường còn thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu, đối thoại, gặp mặt để trực tiếp lắng nghe ý kiến của người học và cán bộ, GV trong Trường. Cụ thể, hoạt động giao lưu giữa Lãnh đạo Nhà trường với đại biểu SV, học viên Sau đại học được tổ chức thường niên với những nội dung đối thoại bám sát với nhu cầu được trao đổi của người học như: công tác đào tạo, công tác NCKH, công tác học sinh-SV, cơ sở vật chất phục vụ học tập, sinh hoạt của SV,... [H11.11.05.07]. Bên cạnh đó, đầu năm học, hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức cũng được tổ chức từ cấp Khoa đến cấp Trường nhằm tổng kết các hoạt động của năm học trước, thông qua nhiệm vụ của năm học mới và lắng nghe, trao đổi nguyện vọng của cán bộ, viên chức với Lãnh đạo hướng đến việc xây dựng, phát triển Khoa và Trường [H11.11.05.08; H11.11.05.09].

Dựa trên việc khai thác, xử lý các thông tin phản hồi của các bên liên quan, thực hiện việc đối sánh thông qua các báo cáo kết quả lấy ý kiến hàng năm, Nhà trường đã nỗ lực tiến hành cải tiến chất lượng CTĐT thông qua điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình dạy học và NCKH thông qua việc đầu tư trang thiết bị máy móc, tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy và NCKH [H11.11.05.10]; Việc kiểm kê tài sản cũng được thực hiện hàng năm nhằm kịp thời bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị [H11.11.05.11].

Bên cạnh đó, Khoa đã đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, thông qua việc giao cho các Bộ môn, tổ chức Đoàn thanh niên thiết kế các nội dung tọa đàm, seminar hay một số cuộc thi liên quan đến việc nâng cao kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng ứng dụng CNTT. Ngoài ra, các kỹ năng mềm hay một số năng lực nghề nghiệp khác cũng đã được tăng cường cho SV thông qua Tuần lễ rèn luyện NVSP diễn ra thường niên vào tháng 11. Trong Tuần lễ này, nhiều nội dung đã được giới thiệu đến SV như: Kỹ năng quản lý lớp học, kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, kỹ năng tổ chức trò chơi, kỹ năng thiết kế tư liệu, phương tiện học tập [H11.11.05.12]. Các hoạt động này được xây dựng và đổi mới hàng năm dựa trên phản hồi của SV nhằm rèn luyện và ứng dụng tốt các kỹ năng nghề nghiệp trên nền tảng các kiến thức chuyên môn đã được tiếp cận trong CTĐT.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống các đơn vị chuyên trách, có quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Vì vậy mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh. Việc đầu tư trang thiết bị phục

vụ cải tiến CTĐT và NCKH được thực hiện thường niên, có cải tiến dựa trên phản hồi của SV, GV.

### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến khảo sát về mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng còn được tiến hành một cách hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Liên kết chặt chẽ với các cơ sở sử dụng lao động là các SV sau tốt nghiệp để thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo.	TT ĐBCL Khoa Nghệ thuật	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, CĐR của SV, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của SV, GV, nhà tuyển dụng về các vấn đề liên quan đến CTĐT; hoàn thiện phiếu lấy ý kiến, mở rộng hình thức lấy ý kiến.	TT ĐBCL Khoa Nghệ thuật	Hàng năm

### 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 11**

Với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý học tập cùng các CVHT, cán bộ Giáo vụ, Quản lý SV của Khoa Nghệ thuật và hoạt động giám sát chung của Nhà trường, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của SV được giám sát chặt chẽ. Sau khi tốt nghiệp, Khoa và Nhà trường vẫn giữ liên lạc thường xuyên với người học nhằm thu thập thông tin về tình hình việc làm, đồng thời có các hình thức hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV tốt nghiệp. Hoạt động NCKH của SV được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm GV hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường. Qua đó, thu hút được đông đảo SV tham gia NCKH. Song song với các hoạt động này, Nhà trường đã xác lập được hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, nhà

tuyển dụng. Thông qua các báo cáo phản hồi, Nhà trường và Khoa đưa ra các kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, tỉ lệ SV thôi học vẫn còn cao, không có SV tốt nghiệp trước hạn, tỉ lệ SV tham gia NCKH, biểu diễn nghệ thuật khá cao nhưng số lượng SV được giải thưởng cấp cao thấp do chỉ tiêu gửi bài NCKH cấp trường ngành Sư phạm Âm nhạc chỉ được 1 đề tài. Việc thu thập thông tin về tính hình việc làm cho thấy, đa số các năm điều tra, tỉ lệ SV có việc làm khá cao nhưng một bộ phận SV làm các công việc không liên quan đến chuyên ngành đào tạo và một số không phản hồi phiếu khảo sát. Ngoài ra, chất lượng SV sau tốt nghiệp đã được phản hồi và đánh giá tốt bởi các nhà tuyển dụng tuy số lượng còn hạn chế.

**Đánh giá tiêu chuẩn 11:**

Tiêu chuẩn 11	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 11.1				4			
Tiêu chí 11.2				4			
Tiêu chí 11.3				4			
Tiêu chí 11.4				4			
Tiêu chí 11.5				4			
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>4.0</b>						

### PHẦN III. KẾT LUẬN

Phần này bao gồm các nội dung: (1) Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT; (2) Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn); (3) Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT; (4) Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

#### **3.1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc**

Mục tiêu của CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPHN trong kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học và đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Âm nhạc khi xây dựng đều hướng đến sứ mạng, mục tiêu, đội ngũ và khảo sát nhu cầu của xã hội nên đã phản ánh được tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. CĐR của CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc đơn giản, dễ hiểu, đo lường được, đã bao quát được các yêu cầu chung của bậc giáo dục đại học mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và bao gồm các điểm riêng biệt dành cho SV cử nhân Sư phạm Âm nhạc. CĐR đã phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan, đã góp ý và đáp ứng tương đối tốt nhu cầu của nhà tuyển dụng được thể hiện rõ trong chương trình chi tiết đào tạo Cử nhân Sư phạm Âm nhạc và được công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa và Trường. Bản mô tả CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc có đầy đủ thông tin và cập nhật giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT. Bản đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc có mục tiêu, nội dung rõ ràng, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để SV, GV, giáo vụ khoa, phòng Đào tạo, Ban chủ nhiệm Khoa, nhà tuyển dụng, cựu SV, các nhà khoa học có thể dễ dàng tiếp cận, truy cập tìm hiểu nội dung và góp ý phản hồi. CTDH của hệ cử nhân Sư phạm Âm nhạc được thiết kế logic, khoa học, sư phạm dựa trên CĐR. Nội dung của CTDH không chỉ đáp ứng được tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm của CĐR mà việc tổ chức các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH cử nhân Sư phạm Âm nhạc đều có sự tương thích về nội dung theo yêu cầu CĐR. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở tất cả học phần đều phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Hơn nữa, CTDH được định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan và được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung 2 năm một lần nhằm phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp để đạt được CDR. Các phương pháp dạy học được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

CTĐT thể hiện việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của Nhà trường đã được xây dựng cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai tới người học. Phương pháp đánh giá kết quả học tập được sử dụng đa dạng như: Vấn đáp, tự luận, thực hành, bài tập nhỏ, bài tập lớn, vv. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập thể hiện trong CTĐT đại học Sư phạm Âm nhạc đảm bảo bao quát toàn bộ nội dung học phần cũng như toàn bộ CTĐT về kiến thức, kỹ năng đạt được. Quy trình đánh giá khách quan, công bằng, minh bạch, tổ chức thi cử nghiêm minh đã tạo ra được nề nếp dạy và học tích cực. Trường có phần mềm quản lý đào tạo, thông qua sử dụng phần mềm, người học được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá người học được sử dụng để cải thiện việc học tập. Khoa có các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học và SV được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.

Đội ngũ GV và cán bộ thực hiện CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và NCKH đáp ứng tốt yêu cầu của CTĐT. Điều đó xuất phát từ chiến lược quy hoạch, tuyển dụng cán bộ, GV theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí công khai của Nhà trường. Trong giai đoạn 2019 - 2023, năng lực, các công việc của GV và cán bộ được quản trị và đánh giá công khai, minh bạch và khách quan đồng thời được khen thưởng dưới nhiều hình thức, tạo động lực phấn đấu cho các GV và cán bộ. Nhà trường và Khoa cũng tích cực tiến hành các hoạt động hỗ trợ GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ kể cả ngoại ngữ, tin học. Hoạt động NCKH cũng được chú trọng và đề cao.

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và của CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc nói riêng đã đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên



để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Thêm vào đó, việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh rõ ràng và được công bố công khai, được cập nhật theo các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như xu thế nghề nghiệp và dựa trên kết quả tuyển sinh của các năm trước. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của CTĐT rõ ràng và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào Trường cũng như vào CTĐT. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được cập nhật, mở rộng đặc biệt với đối tượng tuyển thẳng để có thể tuyển chọn người học giỏi. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ đã thực hiện đồng bộ, rõ ràng, kịp thời và có hiệu quả cao. Người học được tiếp cận các thông tin về học tập, rèn luyện từ nhiều kênh khác nhau và theo hệ thống, dễ thực hiện và SV đã hoàn thành tốt CTĐT. Nhà trường, Khoa đã triển khai sâu rộng và hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, giúp SV nâng cao thành tích học tập, rèn luyện kỹ năng nghề và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Các hoạt động hợp tác với các trường, tình nguyện viên quốc tế mở ra nhiều cơ hội cho SV bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, năng lực chuyên môn, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Người học được học tập, NCKH và sinh hoạt trong môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thuận lợi; được đảm bảo về an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp.

Trường ĐHSPHN và Khoa Nghệ thuật có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại, phù hợp để phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Cơ sở vật chất, trang thiết bị thường xuyên được theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp kịp thời. Trung tâm Thông tin - Thư viện đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng phần mềm Lib 5.5 trong các khâu xử lý tư liệu và quản lý bạn đọc. Nguồn tài liệu đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cán bộ, GV, SV và học sinh trong toàn trường. Hằng năm, Nhà trường đều có kế hoạch, ngân sách cho nâng cấp cơ sở hạ tầng và kinh phí đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị, kinh phí sửa chữa thường xuyên. Do vậy, hệ thống hạ tầng và các trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc hoàn toàn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo giáo viên Âm nhạc theo hướng đổi mới căn bản, toàn

diện giáo dục. Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý đào tạo, kế hoạch tài chính, quản lý nhân sự, học sinh, SV, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Toàn thể cán bộ, GV và người học có thể được truy cập internet tại các giảng đường và trong khu nội trú. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Phòng bảo vệ, Ban quản lý kí túc xá, Ban quản lý giảng đường, cán bộ Trạm y tế được phân công nhiệm vụ cụ thể, luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe người dạy và người học được chăm lo tư vấn, môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp.

Các kênh phản hồi được Trường sử dụng đa dạng: phiếu khảo sát, hội nghị, đối thoại, email, ý kiến chuyên gia. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở góp phần giúp Trường, Khoa, Ngành và các bộ môn rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTĐT cũng như chất lượng CTDH. Khoa Nghệ thuật đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Các GV của ngành Sư phạm Âm nhạc đang tiếp tục phát huy thế mạnh về NCKH, tham gia chủ trì các đề tài cấp trường, cấp bộ cũng như công bố các kết quả NCKH trên các tạp chí trong nước và quốc tế uy tín, hỗ trợ Bộ GD&ĐT biên soạn SGK Âm nhạc cấp THCS và THPT, sách hướng dẫn giáo viên chương trình giáo dục Âm nhạc phổ thông mới. Kết quả NCKH của GV trong ngành Sư phạm Âm nhạc được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Việc đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy và học được Trường, Khoa Nghệ thuật và ngành Sư phạm Âm nhạc rà soát, đánh giá thường xuyên và nghiêm túc, đặc biệt là công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV. Các qui định về nhân sự trong việc hỗ trợ công tác rà soát, kiểm tra quá trình dạy - học được qui định rõ ràng (Thanh tra Giáo dục, Phó Khoa phụ trách học tập, cố vấn học tập). Các kết quả học tập của SV được công bố công khai, minh bạch. Các đánh giá kết quả học tập và quá trình dạy và học được Trường, Khoa và ngành Sư phạm Âm nhạc rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc đặc biệt là công tác đánh giá, cải tiến CTĐT, CTDH và các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý học tập cùng các cố vấn học tập, cán bộ giáo vụ, quản lý SV của ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật và hoạt động giám sát chung của Nhà trường, tỉ lệ thi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của SV Sư phạm Âm nhạc được giám sát chặt chẽ. Sau khi tốt nghiệp, Khoa và Nhà trường vẫn giữ liên lạc thường xuyên với người học nhằm thu thập thông tin về tình hình việc làm, đồng thời có các hình thức hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho SV tốt nghiệp. Hoạt động NCKH

của SV ngành Sư phạm Âm nhạc được quan tâm, giám sát và hỗ trợ cả về chuyên môn và kinh phí thực hiện từ nhiều cấp độ gồm GV hướng dẫn, Bộ môn, Khoa và Nhà trường, từ đó, thu hút được SV tham gia NCKH.

### **3.2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT**

CTĐT đại học ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cần tham khảo CTĐT đại học Sư phạm Âm nhạc của một số trường đại học trong khu vực và quốc tế khi xây dựng CTĐT. Việc rà soát và cập nhật CDR của CTĐT cần được đảm bảo hơn về mặt tiến độ. Công tác quảng bá tuyển sinh, CTĐT bằng tờ rơi cần được đầu tư hơn nữa về hình thức và cách thức triển khai.

Do sự hạn chế về thời gian nên ở một số học phần chưa áp dụng được nhiều phương pháp dạy học hiện đại như: dạy học dự án, dạy học trải nghiệm, dạy học tích cực... và chưa đi sâu vào cập nhật một số vấn đề, hiện tượng mới về âm nhạc và giáo dục âm nhạc xuất hiện gần đây. Trong hoạt động rà soát CTDH đại học Sư phạm Âm nhạc, chưa tham khảo được nhiều CTDH của các nước trên thế giới.

Việc tuyên truyền, phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường chưa được thực hiện thường xuyên và rộng rãi tới các bên liên quan bên ngoài trường như các nhà tuyển dụng và với xã hội. Chương trình còn bắt buộc SV lên lớp nhiều, các nội dung dạy học online còn hạn chế.

Việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của SV ngành Sư phạm Âm nhạc theo CDR của CTĐT đôi khi còn chưa được thực hiện một cách đồng bộ ở tất cả các học phần. Phương pháp kiểm tra đánh giá ở một vài học phần chuyên ngành chưa thật sự đa dạng. Việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về tỷ lệ hài lòng đối với việc phản hồi kịp thời kết quả đánh giá học tập chưa được thực hiện thường xuyên.

Việc quy hoạch theo vị trí việc làm của ngành dựa trên đầu SV và môn học đang còn có bất cập (một số GV dạy thừa giờ, một số GV dạy môn chuyên môn hẹp thiếu giờ). Số lượng đề tài NCKH của GV chưa đồng đều ở các bộ môn.

Sự phối hợp giữa đội ngũ nhân viên của Khoa, ngành Sư phạm Âm nhạc với các đơn vị trong Trường còn hạn chế. Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên chưa nhiều. Ngoài ra, các tiêu chí thi đua còn chưa xét đến đặc thù công việc đối với đội ngũ nhân viên nên số lượng nhân viên đạt thành tích thi đua khen thưởng còn ít.

Chưa có nhiều ý kiến của các bên liên quan và các phân tích/dự báo về nhu cầu nhân lực trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh. Sự tham gia của các bên liên quan chưa được chủ động. SV chưa chủ động trong phối hợp công tác thông báo kết quả

học tập, rèn luyện cho gia đình. Sự hợp tác của SV khi lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ việc làm còn hạn chế.

Một số ứng dụng của phần mềm còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng. Thư viện điện tử chưa kết nối chia sẻ tài liệu với các thư viện của các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và quốc tế. Kinh phí đầu tư các trang thiết bị mới còn chưa đi kèm kinh phí bảo trì cho các trang thiết bị này dẫn đến kinh phí sửa chữa thường xuyên tăng cao khi các thiết bị này sử dụng quá 5 năm. Do kinh phí đầu tư của Trường hạn hẹp nên chưa có hệ thống máy tính chuyên dụng có cấu hình cao và đồng bộ để phục vụ giảng dạy các học phần chuyên môn Âm nhạc và NCKH. Những tiện ích đặc thù cho người khuyết tật đã được chú ý nhưng còn ít.

Ngành Sư phạm Âm nhạc chưa tổ chức được nhiều các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của người học với các cơ sở thực tập để đánh giá nhu cầu thực tế của CTĐT theo CĐR. Việc tổ chức dự giờ chuyên môn của các bộ môn vẫn chưa huy động được sự tham gia của tất cả các GV trong ngành và chưa mở rộng, liên thông giữa các bộ môn. Việc đăng bài báo, đặc biệt là các bài báo về lĩnh vực giáo dục âm nhạc trên các tạp chí trong nước và quốc tế của các GV trong ngành Sư phạm Âm nhạc còn hạn chế.

Hiện nay, vẫn còn tình trạng SV bỏ học, bỏ thi, nợ các TC học phần, đặc biệt là các học phần chuyên ngành như Thanh nhạc, Nhạc cụ, do đó, SV tốt nghiệp đúng hạn và trước hạn có tỉ lệ thấp. Tỉ lệ SV tham gia NCKH và đạt giải thưởng KH&CN cấp Khoa, cấp Trường còn thấp. Việc thu thập thông tin về tình hình việc làm cho thấy tỉ lệ SV Sư phạm Âm nhạc có việc làm sau khi tốt nghiệp là khá cao nhưng SV tốt nghiệp thường ít phản hồi về thu nhập cá nhân, việc thu thập ý kiến bởi các nhà tuyển dụng mới được tiến hành trong những năm gần đây.

### **3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT**

Trong những năm tiếp theo, ngành Sư phạm Âm nhạc, Khoa Nghệ thuật sẽ thực hiện những kế hoạch sau đây nhằm cải tiến chất lượng CTĐT:

+ Tham khảo các CTĐT đại học Sư phạm Âm nhạc trong khu vực và quốc tế đảm bảo tính hiện đại và hội nhập quốc tế của CTĐT. Đảm bảo hơn nữa về mặt tiến độ khi rà soát, điều chỉnh CTĐT, có sự tham khảo, đối sánh CTĐT của ngành với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước có đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc khi xây dựng CTĐT mới. Định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung Mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. CĐR cần được diễn đạt bằng các động từ dựa trên thang bậc nhận thức của Bloom để dễ quan sát, đánh giá. Đánh giá, rà soát và đề xuất

điều chỉnh CĐR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật, tiếp cận quốc tế. Thiết kế tờ rơi, quảng bá về CTĐT, môn học theo nhiều giao diện mới qua các hoạt động thi quảng bá của SV về Trường và Khoa.

+ Tăng cường và đổi mới hệ thống bài tập thực hành các học phần môn học chuyên ngành Âm nhạc, áp dụng nhiều phương pháp dạy học hiện đại trong dạy học. rà soát CTDH dựa trên cơ sở tham khảo các CTDH đại học Sư phạm Âm nhạc của các trường đại học trong nước thế giới.

+ Tăng cường tuyên truyền phổ biến rộng rãi mục tiêu giáo dục của Trường tới các bên liên quan bên ngoài trường như các nhà tuyển dụng và với xã hội.

+ Thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của SV theo CĐR đồng bộ ở tất cả các học phần. Đa dạng hoá phương pháp kiểm tra đánh giá ở các học phần, đồng thời tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của SV kết quả đánh giá học tập một cách thường xuyên hơn.

+ Điều chỉnh quy hoạch vị trí việc làm của GV dựa trên đầu SV và môn học nhằm đảm bảo sự đồng đều trong phân công giờ dạy đối với GV trong ngành Sư phạm Âm nhạc. Đảm bảo sự đồng đều về số lượng đề tài NCKH giữa các bộ môn.

+ Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan và có các phân tích/dự báo về nhu cầu nhân lực trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh. Tăng cường việc giúp SV chủ động trong phối hợp công tác thông báo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình. Thường xuyên lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ việc làm.

+ Tiếp tục đề nghị Nhà trường ưu tiên đầu tư các nguồn ngân sách phục vụ cho công tác đào tạo và thực hành chuyên môn Âm nhạc như hệ thống trang thiết bị âm thanh, loa, máy, nhạc cụ...

+ Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập sư phạm của SV ngành Sư phạm Âm nhạc với các cơ sở thực tập để đánh giá nhu cầu thực tế của CTĐT theo CĐR; chủ động hơn nữa trong việc lấy thông tin phản hồi từ các bên liên quan, trong đó có cả các nhà tuyển dụng, chuyên gia (đặc biệt các chuyên gia đang giảng dạy ngành Sư phạm Âm nhạc ở các nước tiên tiến) và các GV về cả CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích cho quá trình dạy-học; khuyến khích các GV trong ngành tổ chức dự giờ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của GV; tổ chức tọa đàm, seminar với các chuyên gia về việc công bố các nghiên cứu về phương pháp dạy học Âm nhạc/giáo dục Âm nhạc trên tạp chí trong nước, quốc tế; tổ chức seminar tập huấn cho GV các phương pháp dạy học tích cực; các GV đăng kí thực tập, kiến tập phương pháp dạy học mới; tổ chức họp rút kinh nghiệm và lấy ý kiến phản hồi của SV; thường xuyên

lấy ý kiến khảo sát của các nhà tuyển dụng về CTĐT.

+ Xác lập hệ thống các quy trình, công cụ và phương pháp tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan gồm GV, SV, nhà tuyển dụng về CTĐT một cách khoa học. Thông qua các báo cáo phản hồi, đưa ra các kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng đào tạo.

+ Tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát kế hoạch học tập của SV thông qua việc liên hệ chặt chẽ giữa cố vấn học tập, giáo vụ Khoa và SV. Thiết kế CTĐT hợp lí; tăng số lượng các học phần chuyên ngành trong học kì 3 để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Thực hiện việc đối sánh về thời gian tốt nghiệp để phục vụ việc cải tiến CTĐT. Tổ chức hoạt động tư vấn tìm kiếm việc làm, tập huấn các kỹ năng mềm cho SV Sư phạm Âm nhạc năm cuối trong hoạt động phỏng vấn, viết đơn xin việc; đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động Ngày hội việc làm. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động liên kết với các nhà tuyển dụng (các trường phổ thông, các cơ sở đào tạo Sư phạm Âm nhạc, vv. .) để đưa thông tin tuyển dụng đến SV nhanh và hiệu quả hơn. Thường xuyên duy trì việc kết nối với SV sau tốt nghiệp.

### 3.4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

#### Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội Mã: SPH

Tên CTĐT: Sư phạm Âm nhạc

Mã CTĐT: 7.14.02.21

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt %
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<b>Tiêu chuẩn 1</b>								5,00	3	100,0
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								5,00	3	100,0
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					

Tiêu chí 2.3				5					
<b>Tiêu chuẩn 3</b>									
Tiêu chí 3.1				5			5,00	3	100,0
Tiêu chí 3.2				5					
Tiêu chí 3.3				5					
<b>Tiêu chuẩn 4</b>									
Tiêu chí 4.1				5			5,00	3	100,0
Tiêu chí 4.2				5					
Tiêu chí 4.3				5					
<b>Tiêu chuẩn 5</b>									
Tiêu chí 5.1				5			5,00	5	100,0
Tiêu chí 5.2				5					
Tiêu chí 5.3				5					
Tiêu chí 5.4				5					
Tiêu chí 5.5				5					
<b>Tiêu chuẩn 6</b>									
Tiêu chí 6.1				5			5,00	7	100,0
Tiêu chí 6.2				5					
Tiêu chí 6.3				5					
Tiêu chí 6.4				5					
Tiêu chí 6.5				5					
Tiêu chí 6.6				5					
Tiêu chí 6.7				5					
<b>Tiêu chuẩn 7</b>									
Tiêu chí 7.1				4			4,6	5	100,0
Tiêu chí 7.2				4					
Tiêu chí 7.3				5					
Tiêu chí 7.4				5					
Tiêu chí 7.5				5					
<b>Tiêu chuẩn 8</b>									
Tiêu chí 8.1				5					100,0
Tiêu chí 8.2				5					

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/06/202

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Tiếng Anh: Hanoi National University of Education.

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHSPTN.

Tiếng Anh: HNUE.

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Sư phạm Cao cấp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội  
1, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Địa chỉ: Số 136, Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 024 - 37547823.

E-mail: p.hcdn@hnue.edu.vn. Website: <http://www.hnue.edu.vn>.

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1951

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1951

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1955

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Ko

#### II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

1. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa

Tiếng Anh: Faculty of

2. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

3. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

4. Mã CTĐT:.

5. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....

6. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng , Nhà , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.



7. Số điện thoại liên hệ: 024 - ; Email: @hnue.edu.vn; Website:
8. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT):
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT):

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

1. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, vv. quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

2. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

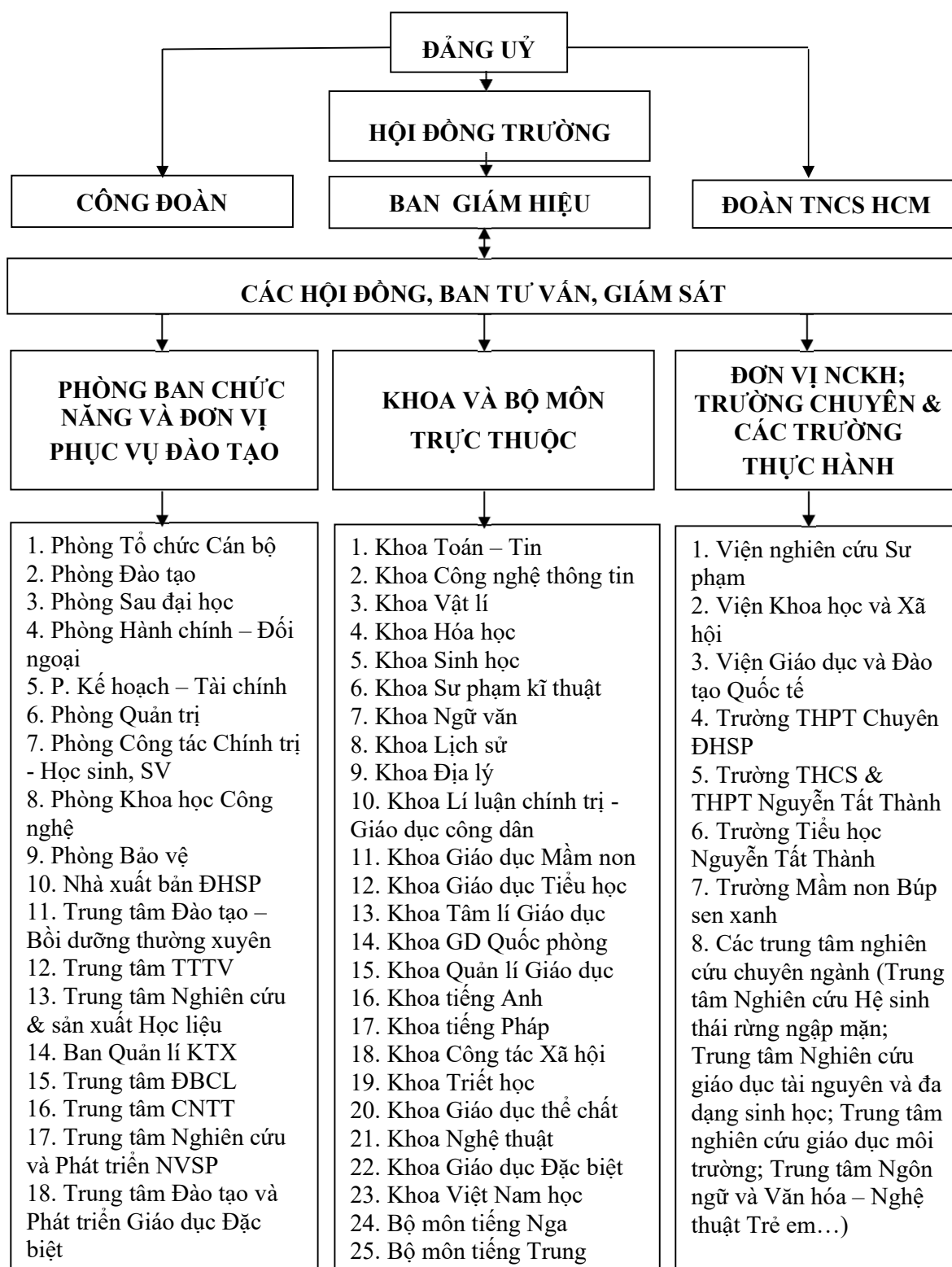
a) Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục

Trường ĐHSPhN chính thức được thành lập ngày 11/10/1951 tại Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ GD & ĐT). Trải qua 70 năm xây dựng và phát triển, qua nhiều lần đổi tên từ Trường Sư phạm Cao cấp, Trường ĐHSPhN 1, Trường ĐHSPhN - ĐHQG Hà Nội đến Trường ĐHSPhN, Nhà trường vẫn luôn giữ vững vị trí là Trường ĐHSPhN đầu ngành, trọng điểm, là cái nôi của ngành sư phạm cả nước.

Về cơ cấu tổ chức, tính đến nay, Trường ĐHSPhN có 23 khoa đào tạo (Toán - Tin, CNTT, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Sư phạm Kỹ thuật, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Việt Nam học, Lí luận Chính trị - Giáo dục Công dân, Tâm lí - Giáo dục, Quản lí Giáo dục, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Đặc biệt, Nghệ thuật, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Triết học, Công tác Xã hội); 02 Bộ môn (Tiếng Nga và Tiếng Trung Quốc); 01 Phân hiệu tại Hà Nam; 02 trường phổ thông (Trường THPT Chuyên ĐHSPhN, Trường THCS & THPT Nguyễn Tất Thành, Trường Tiểu học thực hành Nguyễn Tất Thành); 01 trường Mầm non thực hành (Trường Mầm non Búp Sen Xanh); 02 viện nghiên cứu (Viện Nghiên cứu Sư phạm và Viện Khoa học Xã hội); 01 Viện GD & ĐT Quốc tế; hơn 20 trung tâm nghiên cứu và chuyển giao KHCN và và khoa học giáo dục trực thuộc.

Về đội ngũ cán bộ, tính đến 31/12/2021, toàn Trường có 1077 cán bộ và viên chức. Trong đó, xét về chức danh khoa học và trình độ đào tạo, Trường có 16 GS (1,5%), 132 PGS (12,3%), 275 TS (25,5%), 437 ThS (40,6%), 182 cử nhân (16,9%), 35 trình độ khác (3,2%). Xét về chức danh nghề nghiệp, Trường có 671 GV (62,3%), 73 giáo viên THPT (6,8%), 4 giáo viên THCS (0,4%), 13 giáo viên tiểu học (1,2%), 48 GVTH

(4,5%), 8 nghiên cứu viên (0,7%), 260 chuyên viên và các chức danh khác (24,1%). Với đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu chất lượng cao, Trường ĐHSPHN là đơn vị chủ chốt xây dựng các chương trình khung cho toàn ngành sư phạm; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, phát triển các chương trình đào tạo, biên soạn chương trình, giáo trình, SGK cho các bậc học, tư vấn cho các cấp quản lý xây dựng chính sách giáo dục.



*Sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính của Trường ĐHSPHN*

Về CTĐT, Trường ĐHSPHN hiện có 43 CTĐT Tiến sĩ, 57 CTĐT Thạc sĩ (với hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng), 47 CTĐT đại học chính qui (31 CTĐT giáo viên, 9 CTĐT ngoài Sư phạm, 7 CTĐT bằng tiếng Anh bao gồm 5 CTĐT giáo viên dạy

Toán, Lí, Hóa, Tin học, Sinh học bằng tiếng Anh và 2 CTĐT ngành kép Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh và Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh), 48 CTĐT đại học không chính qui (24 CTĐT hệ từ xa và 24 CTĐT hệ vừa làm vừa học) cùng với hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học và ngoại ngữ, các chuyên đề bồi dưỡng cho giáo viên toàn quốc về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các CTĐT đều được xây dựng theo các qui định hiện hành của Bộ GD &ĐT và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường cũng như nhiệm vụ được giao. Các CTĐT cũng được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo yêu cầu thực tế và theo định kì (năm 2018 Trường đã thực hiện cập nhật đổi mới CTĐT thạc sĩ. Năm 2019, Trường đã hoàn thành việc xây dựng và triển khai thực hiện mô hình đào tạo, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo mới).

Về hoạt động NCKH, công tác NCKH luôn là một thế mạnh của Trường. Trong 5 năm qua, Trường luôn nằm trong tốp đầu những trường đại học ở Việt Nam có số công bố quốc tế chất lượng. Số lượng bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI và SCOPUS là 154 bài (năm 2017), 125 bài (năm 2018), 147 bài (năm 2019), 159 bài (năm 2020), 103 bài (năm 2021). Trường ĐHSPHN là đơn vị có thế mạnh trong hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ. Chỉ tính từ năm 2017 đến nay, cán bộ của Trường đã thực hiện 01 nhiệm vụ nghiên cứu quốc tế, 02 nhiệm vụ nghiên cứu cấp nhà nước thuộc quỹ FIRST, 15 đề tài độc lập - đề tài thuộc chương trình cấp Nhà nước, 49 đề tài NAFOSTED, 75 đề tài/ nhiệm vụ cấp Bộ, 19 nhiệm vụ môi trường, 4 nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của Viện Nghiên cứu Sư phạm, 8 đề tài thuộc các Sở KH&CN, 09 nhiệm vụ cấp Trường, 8 đề tài trọng điểm cấp Trường, 90 đề tài cấp Trường, vv.

Về hợp tác quốc tế: Trường ĐHSPHN đã tạo được mối quan hệ quốc tế rộng lớn và sâu sắc trong trao đổi cán bộ, SV; NCKH; đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và tăng cường đội ngũ cho Nhà trường và các đơn vị bạn kể cả trong và ngoài nước. Đến nay, Trường có quan hệ hợp tác với hơn 140 cơ sở đại học và các tổ chức giáo dục thuộc 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó có nhiều trường nổi tiếng của Nga, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Đức, Australia, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Bỉ, Anh, vv. Trường có các chương trình liên kết đào tạo quốc tế từ cử nhân đến thạc sĩ, tiến sĩ và trực tiếp tham gia nhiều dự án giáo dục quốc tế như UNDP, UNESCO, do WB, ADB tài trợ. Trong những năm gần đây, hàng ngàn lượt cán bộ của Trường đã đi trao đổi đào tạo, NCKH ở nước ngoài và hàng nghìn lượt các nhà khoa học, các chuyên gia, học sinh, SV các nước đến công tác và học tập tại trường. Trường đã tham gia tổ chức thành công nhiều hoạt động quốc tế lớn như Đại hội Thể dục Thể thao SV Đông Nam Á lần thứ 13 (2006), Olympic Vật lý quốc tế lần thứ 39 (2008), Olympic Hoá học

quốc tế lần thứ 46 (2014); Olympic Sinh học quốc tế lần thứ 27 (2016), Olympic Hoá học quốc tế (2020, 2021), Olympic Vật lí Quốc tế (IphO 2021).

Với những thành tích to lớn đóng góp cho phát triển giáo dục và đào tạo cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Trường ĐHSPhN đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng Ba (1961); Huân chương Lao động hạng Nhì (1962); Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1972); Huân chương Lao động hạng Nhất (1981, lần thứ nhất); Huân chương Độc lập hạng Nhì (1986); Huân chương Độc lập hạng Nhất (1996); Huân chương Hồ Chí Minh (2001, lần thứ nhất); Danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lao động thời kì đổi mới (2004); Huân chương Hồ Chí Minh (2011, lần thứ hai); Huân chương Độc lập hạng Nhất (2016, lần thứ hai); Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT (2018); Huân chương Lao động hạng Nhất (2021, lần thứ hai). Bên cạnh đó, Trường ĐHSPhN còn được tặng Huân chương Tự do (Ixara) hạng Nhất (1987) và Huân chương Lao động hạng Nhất (2001) của Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, vv.

Hiện nay, Trường ĐHSPhN thuộc top 10 trong bảng xếp hạng QS Châu Á 2021, top 12 trong bảng xếp hạng URAP 2020 của các trường đại học ở Việt Nam.

b) Cơ cấu tổ chức hành chính của đơn vị thực hiện CTĐT

3. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

*(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).*

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ			Điện thoại	Email
<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>								
<b>1. Hội đồng trường</b>								
1		Đỗ Việt Hùng	1966	GS	TS	Chủ tịch HĐ Trường	09129 22288	hungdv@hnue.edu.vn
<b>2. Ban Giám hiệu</b>								
2		Nguyễn Văn Minh	1963	GS	TS	Hiệu trưởng	09062 94414	minhvn@hnue.edu.vn

3		Nguyễn Đức Sơn	1970	PGS	TS	Phó hiệu trưởng	09133 03387	nguyenducson@hnue.edu.vn
4		Nguyễn Văn Trào	1973	PGS	TS	Phó hiệu trưởng	09837 55469	traonv@hnue.edu.vn
5		Nguyễn Văn Hiền	1975	PGS	TS	Phó hiệu trưởng	09133 63623	hiennv@hnue.edu.vn
<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>								
<b>1. Ban chủ nhiệm Khoa</b>								
6								
7								
8								
<b>2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>								
<b>2.1. Đảng uỷ</b>								
9								
10								
11								
<b>2.2. Công đoàn</b>								
12								
13								
14								




(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

4. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

5. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ:

6. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ:

7. Số lượng ngành đào tạo đại học:

8. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng:

9. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

10. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

11. Tổng số các ngành đào tạo: 09

#### IV. Cán bộ quản lý, GV, nhân viên thực hiện chương trình đào tạo

12. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Đội ngũ cơ hữu<sup>1</sup>, Trong đó:</b>			
I.1	Đội ngũ trong biên chế			
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn			

<sup>1</sup> Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, GV, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.



II	<b>Các đối tượng khác</b>			
	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng <sup>2</sup> )			
	<b>Tổng số</b>			

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

### 13. Thông kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư		0	0		0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ					0	0
5	Thạc sĩ					0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng số</b>					<b>0</b>	<b>0</b>

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 24 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 92,3%.

14. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

<sup>2</sup>GV thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>3</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.





	(người )			)		tuyển	nhập học (người)
							0
							0
							0
							0
							0
							0

18. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây cách hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí		2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
1. Nghiên cứu sinh						
2. Học viên cao học						
3. Sinh viên đại học						
Trong đó:	Hệ chính quy					
	Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng,		0	0	0	0	0
Trong đó:	Hệ chính quy	0	0	0	0	0
	Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN,		0	0	0	0	0
Trong đó:	Hệ chính quy	0	0	0	0	0
	Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác ...		0	0	0	0	0

19. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

20. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )					
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)					

21. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

Đơn vị: người

	Năm học				
	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên					

22. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
1. NCS bảo vệ thành công luận án TS					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:	Hệ chính quy				
	Hệ không chính quy				
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0

Các tiêu chí		Năm tốt nghiệp				
		2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022
Trong đó:	Hệ chính quy	0	0	0	0	0
	Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp		0	0	0	0	0
Trong đó:	Hệ chính quy	0	0	0	0	0
	Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...		0	0	0	0	0

(*Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng*)

23. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017 -2018	2018 -2019	2019 -2020	2020 -2021	2021 -2022
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).					
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).					
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:	B	B	B	B	B
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên	B	B	B	B	A

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017 -2018	2018 -2019	2019 -2020	2020 -2021	2021 -2022
sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu đồng/người/tháng).					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:	A	B	A	A	A
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	-		-	-	-
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	-		-	-	-
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	-	0	-	-	-

*Ghi chú:*

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

#### VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

24. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN							
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*							
3	Đề tài cấp trường							
	Tổng							

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 7

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,29

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VND)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VND/ người)
1	2017	0	-	-
2	2018		-	-
3	2019		-	-
4	2020		-	-
5	2021		-	-



47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia				

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo							
2	Sách giáo trình							
3	Sách tham khảo							
4	Sách hướng dẫn							
	Tổng							

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 82

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,25

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách				
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia				

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế							
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước							
3	Tạp chí / tập san của cấp trường							
	<b>Tổng</b>							

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 124,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,98

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus, ...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo			
Từ 6 đến 10 bài báo			
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>			

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Hội thảo quốc tế							
2	Hội thảo trong nước							

3	Hội thảo cấp trường							
	Tổng							

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,04

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo			
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia			

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				

Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia				

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(*Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố*)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0		
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0		

### VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 7900 m<sup>2</sup>

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 7900 m<sup>2</sup>

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

Nơi làm việc: 1700 m<sup>2</sup> Nơi học: 3700 m<sup>2</sup> Nơi vui chơi giải trí: 2500 m<sup>2</sup>

59. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 2200 m<sup>2</sup>

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,23

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại TT TTTV: 118

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 01

- Dùng cho người học học tập: máy tính tự trang bị

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 100%

### VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

12. GV:

Tổng số GV cơ hữu (người): 24

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 92,3

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 83,3

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 16,7

13. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 1788

Tỷ số người học chính quy trên GV: 74,5

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 97,5

14. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): -

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): -

15. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 58,3

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 23,6

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5,2

16. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): -

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): -

17. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: -

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: -

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,14

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5,18

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,04

18. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 100%

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,23

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 6,12

*(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).*

## **2. Các tư liệu, tài liệu liên quan:**

